

làng văn

13
THÁNG 9.85



Trung-Thu Ất Sửu

Làng Văn Đầy Tuổi



lang van

1346 Bloor St. West
Toronto, Ont. Canada
M6H 1P2—Tel. (416) 534-4857

LANG VAN, Vietnamese monthly magazine, published 12 times a year

Volume 2, Number 13 — September, 1985

Tin Văn.....	2
Mỹ Chuẩn-Bị Tiếp-Nhận 10.000 Tù Chính-Trị VNCH	3
Tin Việt-Nam.....	3
Trong Làng.....	4
Nguyễn Chí Thiện Đoạt Giải Thi-Ca Thế-Giới.....	6
Ngoài Ngõ.....	7
Xúc Tiến Vụ Kiện Nhân-Quyền.....	8
Điều Bông Huyền Thoại, Lê Tam Ca.....	9
Hợp Bản Hướng-Đạo Thế-Giới, Hươu Nhanh.....	10
Đường Dây Việt-Nam, Nguyễn Tường Quý.....	12
TRUNG THU & SINH-NHẬT :	
Chiếc Đèn Kéo Quân, Trùng Dương.....	14
Thơ Bắc Phong.....	17
Mùa Thu Ngắm Trăng Quê Người, Cung Vũ.....	18
Mùa Thu Đọc Thơ Lý Bạch, Văn Vũ.....	19
Câu Chuyện Khoa-Học Về Cung Trăng, Hoài Châu.....	21
Nhìn Lại Một Chặng Đường, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	22
Em Bé Quảng Khẩn Đỏ, thơ Cung Vũ.....	83
Xóm Măng : Sự Tích Tết Trung-Thu, Vi-Vi & Cung Vũ.....	85
Kể Chuyện "Ông Giăng Ông Giăng", Xuân Huy.....	86
Đêm Trung Thu, nhạc Lương Phương.....	86
BIÊN-KHẢO & VĂN-NGHỆ :	
Nội-Tán Đẹp Yên, Thái Văn Kiểm.....	24
Thành-Công Trên Văn Đàn Sô-viết, Bắc Phong.....	26
Về Sáu Bài Thơ Hoa Đào, Lê Hữu Mục.....	28
Chàng Gàn, Bùi Vĩnh Phúc.....	31
Thơ Bắc Phong.....	32
Thơ Hà Huyền Chi.....	33
Đêm Bão Tới, Ngô Nguyên Dũng.....	36
Thơ Lưu Nguyễn.....	38
Thơ Kiệt Tấn.....	39
Độc-Giả Thắc-Mắc.....	62
Nước Đục, Nguyễn Ngọc Ngạn.....	64
Thơ Phan Tấn Hải.....	67
Thơ Hoàng Xuân Sơn.....	68
Giờ Bóng Đưa Trăng, Huyền Châu.....	69
Thơ Nguyễn Văn Tao.....	72
Phấn Bướm, Hồ Trường An.....	73
Thơ Huỳnh Liễu Ngạn.....	75
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh.....	76
Trang Văn-Nghệ Trẻ :	
- Trở Về Nguyễn Việt.....	78
- Gửi Người Ở Lại, Đông Vi.....	80
Thơ Lê Ngọc Hồ.....	79
Thạch Kiếm, Tự Tĩnh.....	81
Dưới Ống Kính Làng Văn, Trần Thế Lũy.....	84
Nguyễn Ngọc Trọng, Lời Tình-Tự Cõi Ngoài.....	87
- Chuyện Điều, Đà Cầu.....	88
- Nguồn Gốc Văn-Hoá Việt-Nam, Cao Thế Dung.....	89
- Thơ Luân Hoán.....	90
- Từ Vi Của Bạn, Thiên Phúc.....	93
- Từ Thành Đến Tỉnh.....	94
- Cười Chết Bỏ, Tim Bạn, Nhân Tin.....	95
- Thư Đi Tin Lại, Nguyễn Hương.....	96

GIÁ BÁN LẺ :

Tại Toronto : 1,50 Gia-kim—Canada : 2 Gia-kim
Các nước khác : 2 Mỹ-kim (hoặc tương-đương)

Chủ-nhiệm : Nguyễn Hương

Chủ-bút : Nguyễn Hữu Nghĩa

Biên-tập chủ-lực :

Bắc Phong—Bạch Thái Hà—Bút Chi

Chữ Bá Anh—Cung Vũ—Đà Cầu

Đào Hữu Dương—Đỗ Quý Toàn—Giao Chỉ

Hà Huyền Chi—Hà Thúc Sinh—Hạ Hồng Kỳ

Hạc-Lý Đoàn Châu Mậu—Hạ Quyền

Hoài Châu—Hoàng Xuân Giang

Hoàng Xuân Sơn—Hồ Trường An

Huyền Châu—Kiệt Tấn—Lâm Hảo Dũng

Lê Đình Điều—Luân Hoán—Lưu Nguyễn

Nguyễn Ngọc Ngạn—Nguyễn Thị Vinh

Nguyễn Tấn Nhiên—Nguyễn Văn Sâm

Nguyễn Viết Quang—Nguyễn Mộng Giác

Phan Ni Tấn—Phan Tấn Hải—Song Anh

Tạ Tỵ—Trần Cao Linh—Trần Quang Hải

Thái Ni Phấn—Trần Nhã Nguyên

Trần Hoài Thư—Trọng Kim—Tự Nguyên

Tự Tĩnh—Tường Năng Tiến—Vi Khuê

Võ Kỳ Điền—Võ Đình—Võ Phiến—Vũ Kiện

Với sự cộng-tác thường-xuyên của :

Bình Minh—Bùi Vĩnh Phúc—Cao Tấn

Cao Thế Dung—Cao Tiểu—Chu Vương Miện

Giang Hữu Tuyên—Hồng Liên Lê Xuân Giáo

Chi Điền Hoàng Duy Từ—Hoàng Ngọc An

Huỳnh Liễu Ngạn—Lăng Nhân—Lê Hữu Mục

Lê Thị Huệ—Ngô Nguyên Dũng

Nguyễn Đình Hoà—Nguyễn Hy-Vọng

Nguyễn Hùng Cường—Nguyễn Hữu Bào

Nhất Hạnh—Nhật Tiến—Phạm Quốc Bảo

Tăng Xuân An—Thiên Phúc—Thái Tú Hạp

Thái Văn Kiểm—Trần Diệu Hằng

Trương Anh Thụy—Túy Hồng—Tử Vi Lang

Tỵ Tân

(Quá cố : Thanh Nam)

Minh-họa, trang-trí :

Nguyễn Nhật Tân

Sắp chữ, trình-bày :

Nhà in và Xuất-bản Việt Publication

Góp tranh :

La Toàn Vinh—Lê Tài Điển—Nguyễn Đồng

Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý

Phạm Mai Châu—Phạm Thế Trung—Vi Vi

Võ Đình

Nhiếp-ảnh :

Bá Dũng—Nguyễn Đức Cung

Trần Cao Linh—Trần Thế Lũy

Trương Trọng Trác

Các văn-phòng đại-diện :

Montréal : Trần Nhã Nguyên

6520 Darlington—ĐT: 341-1740

Pháp : Bạch Thái Hà

7B-1 rue de Rethondes

Rés. les Jardins, 05100 Argenteuil

ĐT : 410-2646

Ưc-đại-lợi : Long Quân Hồ Công Lộ

P.O. Box 1046 Richmond 3121

tranh bìa : Chị Em
của Nguyễn Thị Hợp

TAI-NẠN MÁY BAY TẠI NHẬT : 520 CHẾT, 4 SỐNG-SÓT

Chiếc Boeing khổng-lồ 747 thuộc hãng Japanese Air Lines trên một đường bay quốc-nội từ Đông-kinh tới Osaka đã đụng vào núi, rơi xuống miền Trung nước Nhật hôm 12.8, khiến 520 người, gồm hành-khách và phi-hành đoàn chết thảm, chỉ có 4 người sống sót.

Theo các chuyên-gia hàng-không, nguyên-nhân gây ra tai-nạn có lẽ do một cánh cửa phía gần đuôi bật tung ra, đập vào đuôi đối hướng của chiếc phản-lực khiến phi-công không kiểm-soát được đường đi của chiếc máy bay. Chuyến bay cất cánh đang hướng mũi về phía Tây Nam, bất thành-linh chuyển sang Đông Bắc, bay quanh-co một lúc rồi va vào đỉnh núi thứ nhất, nảy lên từ ngọn núi thứ nhì và đụng dữ-dội vào sườn núi thứ ba ở dãy Ogura, bị xé toang từng mảnh trên trời, rơi từ hơn hai ngàn thước xuống thung-lũng.

Đây là tai-nạn máy bay thê-thảm nhất trên thế-giới từ khi loài người sáng-chế phi-cơ.

TEXAS : MÁY BAY RÚT, 122 CHẾT

Một phản-lực cơ hành-khách của hãng Delta đã phát nổ và cháy tiêu trọng lúc chuẩn-bị đáp xuống phi-trường Dallas, Texas, Hoa-kỳ lúc 6 giờ chiều 2.8.85 khiến 122 người tử-nạn, 30 thoát chết. Những người thoát chết đều ngồi ở phần đuôi phi-cơ.

MỘT BỘ-TRƯỞNG THÁI TỰ-TỬ

Ông Tanlang, Phó Chủ-tịch đảng Dân-chủ Thái, Bộ-trưởng Bộ năng-lượng và Kỹ-thuật vừa tự-sát ngay trên đường tới dinh Thủ-tướng để họp hôm 29.7 mới đây. Theo phu-nhân của ông bộ-trưởng chán



Tin Vắn

đời này, ông bị mất tinh-thần trước tình-trạng ngân-sách của Bộ bị cắt giảm quá nhiều, và chương-trình phát-triển ngũ niên của ông đề ra đã bị bác bỏ.

BEIRUT CHÌM NGẬP TRONG CƠN ÁC-MỘNG KHỦNG-BỐ

Beirut (19.8).—Thành-phố thủ-đô Li-băng tiếp-tục sống trong cơn ác-mộng khủng-bo. Các vụ nổ bom phá-hoại, khủng-bố diễn ra hầu như hàng ngày. Hôm 19.8, lại xảy ra hai vụ, giết chết ít nhất 29 người, 82 người bị thương.

Tuần-lễ trước đó đã có 70 người chết trong các vụ nổ bom.

Quán cà-phê lề đường, rạp hát, kho hàng, bến xe, phi-trường, bất-cứ chỗ nào có đông người lui tới là có bom nổ. Hai bên Hồi-giáo và Dân-chủ Thiên chúa giáo tiếp-tục kết án nhau là thủ-phạm. (HHK)

NHẬT SẮP HOÀN-THÀNH ĐƯỜNG HẦM DÀI NHẤT THẾ-GIỚI

Chính-phủ Đông-kinh loan-báo, đường hầm dài nhất dẫn từ đảo Honshu sang Hokkaido, gồm 23 cây số xuyên qua đáy biển, cùng 30 cây số xuyên qua núi, với phí-tồn 5 tỉ mỹ-kim, và 12 triệu nhân-công (1/10 dân-số) thay nhau làm ròng-rã 24 năm, đang tiến vào giai-đoạn chót.

Đường hầm mang tên Sekan, đã được

khởi công từ 1964, đường kính 12 mét, đi sâu dưới đáy biển 100 mét (cộng thêm 14 thước nước bên trên). Nhờ đường hầm này, một chuyến xe lửa tốc-hành từ Đông-kinh xuống nhà ga Sattora bên kia biển chỉ mất 6 giờ, thay vì 14 giờ như hiện nay. (Chủ Bá Anh)

NGA : KHÔNG HỀ HỨA TẶNG-VIỆN CHO HÀ-NỘI

Hoa-thịnh-đốn (TTV).—Sau chuyến công-du của Lê Duẩn sang Nga để cầu-viện, Hà-nội đã đơn-phương ra thông-cáo, loan tin "Nga-sô hứa gia-tăng gấp đôi viện-trợ cho Việt-nam so với kế-hoạch 5 năm 81-85 trước đây."

Ngày mấy hôm sau, Giám-đốc Đông Nam Á Sự-vụ Nga là Anatoliy Zaytsev đã cải-chính tin trên. Zaytsev tuyên-bố tại Vọng-các rằng "không hề có vụ Nga tặng-viện gấp đôi cho Việt-nam." Khi được chính-phủ Thái đưa bản công-bố chính-thức của hà-nội ra chất-vấn, Zaytsev cười nhẹ, nói "sở-sĩ Việt-nam có nhận-định như vậy là vì cách tính-toán của Hà-nội khác với cách tính-toán của Liên-sô."

TUY-NI-DI TRỰC XUẤT NGƯỜI LI-BI

Chính-phủ Tunisia -ã hạ-lệnh trực-xuất khỏi nước họ 253 người Libya hôm 20.8, gồm cả nhân-viên ngoại-giao, về tội gián-điệp. Trong vài tuần tới, có thể nước này sẽ trực-xuất thêm 20.000 người Libya nữa, về tội gián-điệp, phá-hoại và khủng-bố.

DU-KÍCH POLISARIO LÀM MẠNH TẠI MA-RỐC

Tin Algiers hôm 20.8 cho biết, du-kích Polisario đã chạm súng với quân-đội Ma-rốc tại tây-vực sa-mạc Sahara, hạ-sát 270 lính Ma-rốc.

PHÁP NHƯỢNG-BỘ TẠI TÂN CALEDONIA

Quốc-hội Pháp đã chịu để cho người bản-xứ (Malanesian) nắm đũa-số tại Quốc-hội Tân Caledonia, mặc dù dân-số họ ít hơn.

Quần-đảo Tân Caledonia (Tân Thế-giới) là một quần-đảo thuộc Pháp ở Uc-châu, hiện có rất nhiều phu đồn-diễn Việt-nam cư-trú. (20.8)

Tham-Khảo Ý-Kiến Bạn Đọc

Nhân sinh-nhật năm nay, để tìm hiểu nhu-cầu và mức-độ hưởng-ứng của độc-giả hầu có thêm yếu-tố để đặt kế-hoạch cải-tiến thêm một bước nữa, Làng Văn tổ-chức một cuộc tham-khảo rộng-rãi ý-kiến bạn đọc, gọi là Góp Ý Dụng Làng. Để cuộc tham-khảo có thể mang lại kết-quả tốt đẹp và trung-thực nhất, tòa-soạn kính mời quý vị và các bạn tham-gia đông-đảo. Tất cả quý vị tham-dự (kể cả độc-giả dài hạn hay mua lẻ) đều được tặng một kỳ báo (số 16, Giáng-sinh) và một món quà văn-ngệ nhỏ. Ngoài ra, còn có nhiều phần thưởng đáng giá cho quý vị đoán đúng, hoặc gần đúng số người tham-dự cuộc Góp Ý Dụng Làng.

Bản câu hỏi Góp Ý Dụng Làng đăng ở trang 48 và 49 trong ba kỳ liên-tiếp, kết-quả sẽ đăng vào số 16, ra tháng 12.1985.

Kính mời quý độc-giả và thân-hữu gửi bản trả lời về tòa-soạn ngay ngày hôm nay, để góp mặt trong một công-tác vừa thú-vị, vừa lợi-ích.

Đa tạ

Mỹ Ráo-Riết Chuẩn-Bị Đón 10.000 Tù Chính-Trị VNCH

** Hoa-kỳ tháo-khoán trả cho Hà-nội 100 triệu đô-la*

Theo một nguồn tin thân-cận rất đáng tin-cậy từ Bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ, chính-phủ Hà-nội sẽ thả 10.000 cải-tạo viên thuộc quân-nhân và công-chức cao-cấp Việt-nam Cộng-hòa sang Mỹ. Chính-phủ Hoa-kỳ đã cử một nhân-viên ngoại-giao cao-cấp, ông Lavey Wright sang Vọng-các, Thái-lan, nghiên-cứu việc thành-lập các bộ-phận tiếp-nhận tù cải-tạo.

Công-tác tiếp-nhận hết sức rườm-rà, gồm các thủ-tục giấy tờ, phỏng-vấn, phối-kiểm lý-lịch để ngăn-chặn việc VC có thể cho cải gián-điệp vào thành-phần cải-tạo được nhận sang Mỹ, xét hoàn-cảnh gia-đình, khám sức-khoẻ, điều-trị cấp-thời và bao nhiêu thủ-tục khác nữa do luật-lệ Mỹ đòi-hỏi, chưa kể những phiền-toái sẽ phải đương đầu trong khi thi-hành nhiệm-vụ, tùy theo thái-độ và phản-ứng của viên chức, chính-trị viên VC và cán-bộ phụ-trách công-tác giao người.

Đây là một dịch-vụ đòi hỏi rất nhiều nhân-lực, nên chính-phủ Mỹ đang chuẩn-bị gửi sang Thái tới 400 nhân-viên ưu-tú để phục-vụ trong chương-trình này. Ngay như nếu VC chỉ thả 10.000 trong đợt đầu, cộng với thân-nhân của mỗi người, trung-bình 4 người nữa, thì tổng số chung cũng đã lên tới 50.000 người, phải mất ít nhất hai năm trời mới hoàn-tất.

Tuy-nhiên, Bộ Ngoại-giao Mỹ ước-lượng, ít nhất cũng còn 50.000 tù cải-tạo nữa, ngoài con số 10.000 do Hà-nội đưa ra. Các quan-sát viên quốc-tế cho rằng, nếu mặc cả được giá, VC cũng sẽ thả dần hết, để vừa được tiếng nhân-đạo với quốc-tế (để cầu ngoại-viện), vừa đỡ phải nuôi cõm, vừa giảm bớt những mầm mống cách-mạng trong nước. Nếu những dự-đoán này thành sự thật, trong vòng 10 năm tới sẽ có thêm ít nhất 300.000 người Việt nữa sang Mỹ định-cư, chưa kể một số khác phân-tán vào các nước đồng-minh.

Việc định-cư các gia-đình cải-tạo này là cả một vấn-đề phức-tạp và tế-nhị. Các chuyên-viên định-cư lưu-ý, những người này không dễ thích-hợp với đời sống mới như những người sang Mỹ năm 1975, vì các chủ gia-đình đã bị tù-đày trong suốt mười năm dài, đã mất hết sức-khoẻ, năng-lực và tinh-thần, cần phải có một thời-gian dài để tịnh dưỡng và hồi-phục. Vì thế,

chính-phủ Mỹ quan-niệm rằng các hội-đoàn người Việt có thể đặc-lực hơn các cơ-quan thiện-nguyên Hoa-kỳ trong việc giúp các gia-đình cải-tạo chóng lấy lại thăng-bằng và tìm thấy sự thoải-mái trong đời sống mới.

Biết được ý-nghĩ đó của chính-phủ Mỹ, và sợ mất một ngân-khoản to-tát, các cơ-quan thiện-nguyên Hoa-kỳ bắt đầu xôn-xao chống-đối việc giao di-dân cải-tạo cho các hội-đoàn Việt tị-nạn, và chia mũi dùi vào đại-sứ lưu-động Eugene Douglad, đặc-trách vấn-đề di-cư tại Bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ, đòi TT Reagan phải cách-chức ông này về tội "làm hại chính-sách di-cư của chính-phủ."

Bộ Ngoại-giao vẫn giữ ý-định giao các công-tác hướng-dẫn di-dân cải-tạo cho các hội đoàn người Việt, và ráo riết lựa chọn các tổ-chức nhiều kinh-nghiệm nhất để giao việc.

MỸ THÁO KHOÁN 100 TRIỆU ĐÔ-LA CỦA VNCH ĐỂ TRẢ CHO VC

Chính-phủ Mỹ mới đây đã quyết-định trả VC 100 triệu mỹ-kim, trong các trương-mục của VNCH hiện đang vẫn bị phong-tỏa tại các ngân-hàng Hoa-kỳ từ khi Sài gòn thất-thủ năm 1975. Nguồn tin cho biết, sở-dĩ Mỹ quyết-định như trên, không phải vì có cảm-tình với Hà-nội, mà để "cứu vớt" tình-trạng kinh-tế kiệt-quệ của VC hiện nay, trong khi các nước Cộng-sản "anh em" đang lơ-là. Hoa-kỳ cho rằng nên nắm lấy cơ-hội này, tỏ ra tử-tế với Hà-nội, để họ đang ra xa khỏi tầm tay của Nga, và "tỏ ra có trách-nhiệm hơn."

Khi Sài-gòn mất, VNCH còn ký-thác trong các ngân-hàng Mỹ khoảng 300 triệu mỹ-kim. Số tiền này, và một số tiền nhỏ khác ở các nước khác, vẫn bị các chính-phủ liên-hệ phong-tỏa từ tháng 4.75 cho đến nay.

Ngoài số tiền trên, tòa đại-sứ VNCH tại đại lộ Massachusetts ở Hoa-thịnh đồn vốn bị niêm-phong 10 năm nay, cũng sẽ được sửa sang, bán đi lấy tiền hoàn lại cho đại-diện của Việt-nam tại Hoa-thịnh-đồn. Tòa nhà này nằm trong khu sang-trọng, trị giá mấy triệu mỹ-kim.

VN: 10 THÁNG LƯƠNG MUA ĐƯỢC MỘT CON TEM THU

Đúng là chuyện khó tin, nhưng có thật dưới chế-độ xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam ! Gần đây, Hà-nội đã cho tăng cước-phí bưu-điện lên một cách khủng-khiếp : từ 35 lên 157 đồng tiền Hồ (tương-đương một tháng lương công-nhân hạng thấp). Mới đây, VC lại tăng giá một lần nữa. Một lá thư mỏng từ Sài-gòn gửi ra ngày 9.6.1985 đã phải trả tới 1.584 đồng tiền cước (tăng gấp mười—đúng lời "bác" dạy khi xưa : *(hằng giặc Mỹ, ta sẽ tăng gấp mười lần hơn xưa !)* Các gia-đình có người thân ở ngoại-quốc, từ nay mỗi năm may ra mới gửi nổi một lá thư ra ngoài là cùng. Theo nhà báo Chủ Bá Anh, Cộng-sản đang áp-dụng chính-sách kinh-tế vào ngay cả việc gửi thư, hầu ngăn chặn việc liên-lạc giữa người trong nước với đồng-bào hải-ngoại.



VC TUNG RA BIỆT-ĐỘI GIÁN-ĐIỆP "ĐỒNG-TỬ QUÂN"

Theo nguồn tin từ Úc-châu, Hà-nội đang chuẩn-bị tung sang các nước tự-do có đông người Việt tị-nạn một thành-phần gọi là *Đồng Tử Quân*, các nhóm này gồm bác-sĩ, kỹ-sư, chuyên-gia được huấn-luyện tại Thái-nguyên, Tiệp và Nga, nhằm xâm-nhập và tìm cách lãnh-đạo các tổ-chức đấu-tranh tại hải-ngoại để lung-đoạn và phá-hoại, nhằm tiêu-diệt các mầm mống nguy-cơ cho chế-độ đang lớn mạnh ở nước ngoài.

CÔNG-AN CÙNG CHỦ-TRƯỞNG "SAY ĐỂ QUÊN ĐỜI"

Tệ-nạn say-sưa của nhân-viên công-an Việt Cộng đã trầm-trọng đến nỗi Bộ Nội-vụ Hà-nội đã phải ra thông-cáo cấm tất cả nhân-viên công-an uống rượu. Thông-cáo nói : *rượu có hại cho sức-khoẻ cũng như đời sống văn-minh (sic !)* của chúng ta. Theo tinh-thần thông-cáo, "cán-bộ, chiến-sĩ và nhân-viên an-ninh không được uống rượu, đặc-biệt là rượu bia, trong giờ làm việc, ở tiệm và quán ăn. Thông-cáo cũng nói rõ, trong các trường-hợp khác (đám tiệc, liên-hoan), có thể uống, nhưng cấm không được say. Lệnh cấm hiệu-lực từ ngày 1.8.85 (Hoài Châu)

**VIỆT-CỘNG THÚ-NHẬN :
BĂNG VÀ SÁCH PHẢN-ĐỘNG
TRẦN NGẬP THUẬN-HẢI**

Đài Hà-nội trong bản tin ngày 12.7.85 tiết-lộ rằng, băng nhạc, sách-báo thuộc các hoạt-động chiến-tranh chính-trị của "địch" đã xuất-hiện hàng loạt tại Thuận-hải. Công-an và cán-bộ Thông-tin Văn-hóa phối-hợp lục-soát căn-quét trong nhà dân-chúng, bắt được 2.500 cuốn băng và rất nhiều sách báo "phản-động". Nguồn tin không nói rõ xuất-xứ của mấy ngàn cuốn băng này làm cách nào lọt được vào tỉnh duyên-hải này.

HẢI-TẶC TIẾP-TỤC HOÀNH-HÀNH

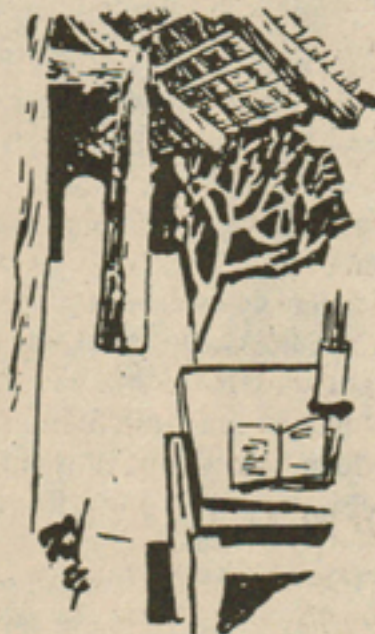
Phủ Cao-uỷ Tị-nạn LHQ tại Genève vừa báo-động về nạn hải-tặc gia-tăng trên vịnh Thái-lan trong thời-gian gần đây.

Ngày 18.2, một chiếc thuyền nhỏ chở 22 người bị cướp hai lần và bị hải-tặc dùng thuyền đập gãy đôi. Hai phụ-nữ bị bắt dẫn đi, hành-hạ nhiều ngày rồi vất vào bờ. Hai người đàn ông bám được một mảnh ván được vớt sau đó, còn lại đều chết mất xác.

Ngày 18.3, hải-tặc tấn-công mẩu thuyền chở 87 người, bắt 5 phụ-nữ. Ngày 30.3, hải-tặc kéo một chiếc thuyền tị-nạn chở 17 người, đánh đắm và bắt phụ-nữ, xô các người khác xuống biển. Một bà mẹ bế con đã bị hải-tặc xô xuống biển, hai đứa con

khác mới 8 và 10 tuổi nhảy theo cứu mẹ, nhưng không kịp. Hai em bé được dân chài cứu và đưa vào bờ. Ngày 6.4, 17 thuyền-nhân khác bị cướp gần bờ Mã-lai, chỉ có 10 người sống sót. Ngày 23.4, một thuyền nhỏ chở 12 người bị cướp, 4 chết, một mất-tích.

Trên đây chỉ là những trường-hợp điển-hình, còn có người sống-sót và báo với Cao-uỷ Tị-nạn. (*Bạch Thái Hà*)



**Trong
Làng**

**TRẦN CAO-LĨNH TRIỂN-LÃM
ẢNH TẠI ÂU-CHÂU**

Nhiếp-ảnh gia Trần Cao Linh vừa trở lại San Jose sau hai tháng triển-lãm tại 6 quốc-gia châu Âu trong mùa hè vừa qua,

gồm Đan-mạch, Na-uy, Pháp, Bỉ và Hòa-lan.

Ngoài ra, theo nhà nhiếp-ảnh, cuốn *Việt-nam Quê-Hương Muôn Thuở* của ông, in bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp với 100 bức ảnh màu, sẽ ra mắt đồng-bào vào đầu năm 1986. (*Thủy Việt*)

**PHẠM THẾ TRUNG TRIỂN-LÃM
TRANH TẠI ĐẠI-HỌC TORONTO**

Họa-sĩ Phạm Thế Trung cho hay, anh sẽ bày tranh tại phòng triển-lãm Harthouse, thuộc Đại-học Toronto trong tháng 11 này, là lần triển-lãm cá-nhân thứ sáu của anh, gồm cả sơn dầu, chì than và tượng. (*CV*)

DIỄN-ĐÀN TỰ-DO TỤC-BẢN

Sau một thời-gian ngắn đóng cửa sắp-xếp công việc, bán nguyệt san *Diễn-Đàn Tự-Do* của Ngô Vương Toại và Trần Phùng Linh Duyên đã ra mắt trở lại tại Alexandria, Virginia (vùng thủ-đô Hoa-thịnh-đốn). (*NHN*)

**NGUYỄN KHẮC NGŨ VÀ
NGUỒN-GỐC DÂN-TỘC**

GS Nguyễn Khắc Ngữ vừa cho ra mắt tác-phẩm biên-khảo thứ-tư của ông tại hải-ngoại, cuốn *Nguồn Gốc Dân-Tộc*. Đây là một công-trình công-phu và lớn-lao, chẳng những cần-thiết cho giới khảo-cứu mà còn ích-dụng cho mọi người Việt.

Kính mời đồng-bào, quý độc-giả và thân-hữu đến dự chương-trình sinh-hoạt

ĐÊM PHẠM DUY
Thông-Điện Mùa Xuân

do tạp-chí *Lãng Văn* tổ-chức nhân dịp kỷ-niệm một năm góp mặt trong *lãng báo*.

Chương-trình có sự góp mặt của nhạc-sĩ Phạm Duy từ Hoa-kỳ sang, với chủ-đề chính : Hoàng Cầm Ca Lá Diêu Bông, hay Thông-Điện Mùa Xuân, loạt sáng-tác mới nhất làm chấn-động năm châu của ông.

Đóng góp trong đêm Phạm Duy, còn có Phong-trào Hưng-ca Việt-nam, Gia-đình Văn-ngệ Cờ Lau, Phan Ni Tân, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyễn Ngọc Trọng, Hoàng Lê Huy, Như Hoa, Tổ Hương, Văn Khanh và các thân-hữu.

Ngày : CHỦ-NHẬT, 1.9.1985

Giờ : 7 GIỜ CHIỀU

Địa-điểm : NHÀ THỜ St. PETER

832 BATHURST ST.

(góc Bloor—Bathurst,
đối-diện subway Bathurst)

(đóng góp chi-phí tổ-chức : 2\$)

Sách dày 170 trang, đóng chỉ và hồ chắt-chấn, giá 8 mỹ-kim.

Quý vị muốn mua sách, xin liên-lạc Nguyễn Khắc Trung, P.O. Box 177 La Cité, Montréal, PQ H2W 2M9, Canada. (Cao Thế Dung)

THÁI THANH ĐÃ TỚI MỸ

Nữ ca-sĩ Thái-Thanh, tiếng hát vượt thời-gian, giọng ca châu-báu của dân-tộc Việt đã cùng cô con gái nhỏ sang tới California đoàn-tụ gia-đình chiều thứ sáu, 15.8.1985 vừa qua.

Thái Thanh là giọng chính của ban Thăng-Long từ thời còn đài Pháp Á, là người lấy nghệ-thuật ca hát làm lẽ sống và sinh-kế, đã quyết-tâm bỏ hát từ sau tháng 4.1975 vì không chấp-nhận chế-độ. Sau hơn mười năm thôi hát, bây giờ liệu bà sẽ hát lại được hay không, chưa ai dám quyết-đoán, nhưng dù hát hay không hát, điều đó không quan-trọng bằng việc chúng ta đã có lại Thái Thanh. Nội sự có mặt của bà tại hải-ngoại cũng đủ cho giới làm nghệ-thuật rung-động. (NHN)

PHẠM DUY VÀ CHUYẾN DU-CA ÂU-CHÂU

Nhạc-sĩ Phạm Duy vừa trở lại Hoa-kỳ sau chuyến du-ca ba nước Âu-châu, mang theo thông-điệp mùa xuân *Lá Diêu Bông*.

Trạm đầu ông hát ở đài BBC, Luân-đôn, để nhờ làn sóng điện truyền-đạt thông-điệp về cho sáu mươi triệu đồng-bào tại quê nhà.

Từ Luân-đôn, ông bay sang Paris, hát hai lần tại quán Trúc, và tại buổi họp vận-động tài-trợ con tàu Jean Charcot.

Rời Pháp, tác-giả Hoàng Cầm Ca sang Tây Đức hát tại Stuttgart và Munchen. Đặc-biệt, hứng khởi trong những lần sinh-hoạt trong chuyến du-ca, ông đã hoàn tất tổ-khúc *Bầy Chim Bỏ Xứ*, vốn đã được thai-nghén từ đầu năm 1975 đến giờ.

PHẠM DUY HÁT TẠI MONTREAL VÀ TORONTO

Như *Làng Vãn* loan tin trong số trước, nhạc-sĩ Phạm Duy đã sang Gia-nã-đại để trình-bày loạt ca-khúc mới của ông trong cuốn *Lá Diêu Bông, Thông-Điệp Mùa Xuân*.

Tối Thứ Bảy 31.8.1985, ông hát tại Montréal, do Hội Phụ-Nữ Việt-Nam vùng Montréal tổ-chức.

Ngay đêm hôm sau, Phạm Duy sẽ có mặt tại một chương-trình sinh-hoạt khác tại Toronto, do tạp-chí *Làng Vãn* tổ-chức, nhân dịp kỷ-niệm một năm *Làng Vãn*.

Đêm *Phạm Duy, Thông-Điệp Mùa Xuân* tại Toronto sẽ bắt đầu lúc 7 giờ tối Chủ-nhật 1.9.1985 tại thính-đường nhà thờ St. Peter, 382 Bathurst St., ngay ngã

tur Bloor-Bathurst (đối-diện trạm subway Bathurst). Góp mặt trong đêm còn có Phong-trào Hưng-Ca Việt-nam tại Toronto, Gia-đình Văn-nghệ Cờ Lau, các nhạc-sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa, Phan Ni Tấn, Nguyễn Ngọc Trọng, nhà văn kiêm ca-sĩ Nguyễn Ngọc Ngạn, tiếng hát Hoàng Lê Huy, Như Hoa, Tố Hương, giọng ngâm Vân Khanh và với sự đóng-góp của nhiều bằng-hữu văn-nghệ khác. Kính mời đồng-bào, độc-giả và thân-hữu trong vùng đến tham-dự đông-đảo.

TRẦN QUANG HẢI, BẠCH-YẾN HÁT TẠI BẮC MỸ

Cây bút gạo cội, chuyên về các bài khảo-cứu dân-ca dân nhạc Việt-Nam—Trần Quang Hải—vừa cùng nội-tướng tức ca-sĩ Bạch Yến trình-diễn một vòng tại Hoa-kỳ và Gia-nã-đại. Hôm 17.8 vừa rồi, đôi song-ca này vừa trình-diễn tại Montréal, và được tán thưởng nhiệt-liệt.

ĐẠI HỘI HUNG CA KỶ II

Phong-Trào Hưng Ca Việt-Nam đã lo-liệu xong-xuôi để hoàn-thành Đại Hội Văn-Nghệ Đấu Tranh Kỳ II, sẽ khai-diễn đêm Thứ Bảy, 7.9.1985 tại một hội-trường 3.000 chỗ ngồi tại thành-phố San Jose, California, Hoa-kỳ.

Ban tổ-chức Đại-hội do Hội Ai-Hữu Không-Quân Bắc California đảm-trách, với sự đóng góp của Phong-Trào Hướng-Đạo Việt-Nam tại Santa Clara và tuần báo *Thăng Mỏ*.

Góp mặt trong chương trình, có tất cả 10 nhạc-sĩ đấu-tranh, gồm : Phạm Duy, Nguyệt Ánh, Khúc Lan, Hà Thúc Sinh, Phan Ni Tấn, Việt Dzũng, Châu Đình An, Huỳnh Công Ánh, Trần Lăng Minh và Nguyễn Hữu Nghĩa. Ngoại trừ Nguyễn Hữu Nghĩa và Phan Ni Tấn từ Gia-nã-đại sang, tất cả các nhạc-sĩ khác đều cư-ngụ tại Hoa-kỳ. Đây là lần đầu-tiên, một đại-hội văn-nghệ đấu-tranh tập-hợp được một lực-lượng hùng-hậu như vậy. Trước đó, Đại-hội kỳ I tại Houston, Texas, chỉ có 9 nhạc-sĩ tham-gia.

Đại-hội kỳ III sẽ được tổ-chức tại Toronto vào cuối mùa thu 1985, trước khi nối-tiếp tổ-chức tại các nước Âu, Úc và Á-châu.

THANH PHƯƠNG, PHẠM ĐÌNH TÍN TỚI PARIS

Theo tin Chủ Bá Anh từ Hoa-thịnh-đốn, nhà văn nữ Thanh Phương, nguyên phóng-viên đài VOA, ký-giả cộng-tác với Chu Tử trước kia, đã cùng chồng là họa-sĩ Phạm Đình Tín sang Pháp đoàn-tụ gia-đình. Thanh Phương là tác-giả các cuốn *Đường Về Ô-Môn, Lệ Thủy, Những Tâm-Hồn Cô-Đơn...*

MỘT THIẾU-PHỤ TỊ-NẠN VN TRỞ THÀNH NỮ HỌA-SĨ ESKIMO

Thượng-nghị-viện Hoa-kỳ vừa cho bày tranh 50 hoạ-phẩm của bà Hương, do hai nghị-sĩ Hoa-kỳ tại Alaska bảo-trợ, tại cao-ốc Russel hôm 12.7.85.

Nữ nghệ-sĩ tài-hoa này tên thật là Nguyễn thị Thanh Hương, con gái nhà văn Lê Huy Linh Vũ. Điểm đặc-biệt là bà Hương chưa từng học qua lớp dạy vẽ nào,



chỉ vì sống Alaska băng giá, buồn chán đã tiêu-khiển bằng cách tập vẽ, lấy bối-cảnh, nhân-vật địa-phương. Lúc đầu tranh của bà đã được người Eskimo yêu chuộng, và đón đường đặt mua với giá 20 mỹ-kim một bức, vào mỗi buổi sáng khi bà mang giá vẽ lên núi. Chiều về, họ chờ bà về phát cho mỗi người đã đặt mua một bức, bức nào cũng được. Ngày nay, tranh trưng-bày của bà đã có bức bán tới 20.000 mỹ-kim. Bà đã có xưởng in tranh và văn-phòng đại-diện thương-mại riêng, và có tranh treo tại tất cả các ngân-hàng tại Alaska. (theo CBA)

NGUYỄN ĐỒNG, NGUYỄN THỊ HỢP VÀ NGUYỄN KHAI TRIỂN-LÃM

Đôi uyên-trương Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp vừa chính-thức rời Tây Đức sang Hoa-kỳ tái định-cư lần thứ hai, đã bày tranh cùng với Nguyễn Khai tại Orange Coast College từ 27.7 tới 9.8.85 vừa qua., do nhật-báo *Người Việt* bảo-trợ.

Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp đều là những họa-sĩ thân-hữu của *Làng Vãn*, và bà Hợp đã có tranh in trên bìa *Làng Vãn* hai lần, vào số 9 và số này. (NHN)

Nhà Thơ

Nguyễn Chí Thiện

Được Giải

Thi-Ca Quốc-Tế

Luân-đôn (8.85).—Tin từ Trung-Tâm Văn Bút Quốc-tế, tập thơ *Hoa Địa-Ngục* (tức *Bản Chúc-Thư Của Một Người Việt-Nam* hay *Tiếng Vọng Từ Đáy Vực*), đã được giải thưởng danh-dự Thi-ca Quốc-tế năm 1985, trị giá 10.000 đồng Đan-mạch. Đây là lần phát giải thứ bảy; tác-giả tập là một người Việt đang bị giam-cầm trong ngục-tù Cộng-sản.

Cộng-đồng Việt-nam ở hải-ngoại đã nói nhiều về Nguyễn Chí Thiện, kẻ sĩ của thời-đại, Trần Bình Trọng của làng thơ, sức bật mãnh-liệt chống lại sự đả-nán của tập-đoàn cai-trị. Tiếng thơ Nguyễn Chí Thiện đã là ngọn lửa nóng hun-đúc tinh-thần quật-khởi của thanh-niên trong và ngoài nước. Am vang Nguyễn Chí Thiện không còn là một *tiếng vọng từ đáy vực*, mà nổ vang như tiếng sét giữa lưng trời, thức-tỉnh lương-tâm nhân-loại, chấn-động chính-giới và báo-giới Tây-phương.

Tờ báo uy-tín nhất nước Mỹ, *New York Times* hôm 12.6 cũng đã đăng một bài dài về Nguyễn Chí Thiện, dưới tựa đề *A Sound of Sobbing from Vietnam*, ký tên Colin Campbell. Tờ N.Y.T. cho biết, Nguyễn Chí Thiện là em út trong một gia-đình 5 anh em tại Hà-nội. Phụ-thân của nhà thơ thuộc giới trí-thức (kỹ-sư làm việc với Pháp), và nghèo. Năm 1954, cả nhà di-cư vô nam, nhưng tới Hải-phòng thì bị kẹt lại. Theo lời ông Trần Như, bạn đồng-chí và đồng tù của Nguyễn, nhà thơ tác-giả *Hoa Địa-Ngục* tính nhút-nhát, cả thẹn và, chân-tình, đồng-thời có một trí nhớ sung-mãn.

Năm 1958, Nguyễn và một số cây bút trẻ khác ở Hải-phòng quyết-định ra một tạp-chí văn-nghệ. Gặp lúc bạo-quyền hà-nội bắt chước Trung Cộng cho phát-động phong trào *Trăm Hoa Đua Nở, Trăm Nhà Đua Tiếng*, nói lỏng sinh-hoạt văn-nghệ đôi chút, Nguyễn Chí Thiện bèn xin

phép xuất-bản tờ *Vi Dân*. Cán-bộ văn-hóa không bác đơn ông, cũng không chấp-thuận, chỉ lạnh-lùng ra lệnh ông "chờ quyết-định của Đảng."

Ngay ngày hôm sau, công-an ập vào nhà bắt ông, lục tung nhà cửa, tịch-thu tất cả



các bài thơ—hầu hết là thơ tình—của ông. Chính những bài thơ tình này đã được dùng làm bằng-chứng để bạo-quyền qui cho ông tội "xuyên-tạc chủ-nghĩa Cộng-sản" và "hỗ-hào tư-tưởng tiểu tư-sản." Nhà thơ bị kêu án hai năm khổ-sai tại Yên-bái. Trại cải-tạo này, cũng như các trại khác ở khắp miền bắc, đã được mô-tả lại trong thơ Nguyễn Chí Thiện, như một thứ địa-ngục trên trần-gian.

Được phóng-thích năm 1961, ông tham-gia một nhóm hoạt-động tài-tử mệnh-danh là *Đoàn-kết*, có khuynh-hướng phản-kháng chế-độ. Tới tháng-11 năm 1961, Nguyễn bị bắt lại, ghép vào "thành-phần chậm tiến". Ông lại bị đưa đi khổ-sai tầy nã, tới tháng 9.1964 mới được thả, rồi lại bị bắt lần thứ ba trong vòng một tháng sau đó. Lần này, ông bị giam luôn một thời 13 năm.

Năm 1979, được thả, ông quyết-định

dùng thời-gian tự-do ngắn ngủi đó để hành-động quyết-liệt, tìm cách truyền-đạt những tiếng kêu-thương trầm-thống của dân-tộc ra khỏi bức màn sắt. Nguyễn rời Hải-phòng, âm-thầm lên Hà-nội, cùng Trần Như cố bắt liên-lạc với nhân-viên tòa đại-sứ Anh, hoặc Pháp.

Hôm 2.4.1979, ông một mình chạy băng vào tận hàng rào tòa đại sứ Anh quốc, trao một nhân-viên tòa đại-sứ một tập bản thảo và một bức thư viết bằng tiếng Pháp, qua đó yêu-cầu thế-giới in lại tập thơ ở nước ngoài, "*nhân-danh hàng triệu người, nạn-nhân vô-tội của bọn độc-tài, những người đã ngã xuống hoặc đang chết dần chết mòn một cách đau-đớn trong các nhà tù Cộng-sản.*"

May-mắn thay, tập bản-thảo và lá thư được tiếp-nhận trước khi công-an nhào tới lôi tuột ông ra xe, giải đi biệt-tích cả 6 năm nay.

Nhà ngoại-giao Anh trao tập thơ cho học-giả Patrick J. Honey tại Đại-học Luân-đôn, nhờ sự chuyển-dịch của nhân-viên ban Việt-ngữ đài phát-thanh BBC. Học-giả Honey công-nhận giá-trị đấu-tranh của tập thơ, và từ đó, thơ Nguyễn Chí Thiện bắt đầu được truyền-bá tại Âu Mỹ. Tạp-chí *Văn-Nghệ Tiền Phong*, nhà thơ Nguyễn Hữu Hiệu đã in thành sách. Các vị giáo-sư người Việt như Nguyễn Ngọc Bích, Huỳnh Sanh Thông đã dịch sang tiếng Anh, và cũng đã cho in. Nhạc-sĩ Phạm Duy soạn thành tập *Ngục Ca*, gồm 20 bài thơ phổ-nhạc tuyệt kỹ, cũng đã in thành sách (lời hát lại được Nguyễn Ngọc Bích và Phương Anh dịch ra Anh và Pháp-văn), ra băng và in thành tập nhạc (*Quê Mẹ*, Paris). Nhạc-sĩ Phạm Duy đã tổ-chức các chuyến du-ca để trình-bày tập thơ phổ nhạc Nguyễn Chí Thiện tại khắp Hoa-kỳ, Gia-nã-đại và Âu-châu, tới đâu cũng được tiếp đón nồng-nhiệt. Đặc-biệt tại Pháp, Pierre Emmanuel thuộc Hàn-lâm-viện quốc-gia và các nhà văn, nhà thơ tiếng-tâm của nước này không ngớt lời tuyên-dương tập thơ. Thi-hào Léopold S. Senghor và cũng là nguyên tổng-thống xứ Sénégal đã viết thư cho Phạm Văn Đồng, Thủ-tướng CSVN hồi tháng 11.1984 mới đây để yêu-cầu ân-xá cho Nguyễn Chí Thiện. Tuy-nhiên, Đồng không trả lời thư ông Senghor, chỉ giải Nguyễn từ nhà giam Hải-phòng lên Hỏa lò Hà-nội.

Sự đoạt giải về-vang của Nguyễn Chí Thiện vừa gây cho cộng-đồng người Việt ở hải-ngoại một niềm hân-hiện lớn-lao, vừa làm đồng-bào trong nước (qua đài VOA, BBC...) thêm phấn-khởi, đồng-thời khiến Hà-nội càng chùn tay, không dám thủ-tiêu nhà thơ họ Nguyễn, kẻ sĩ của thời-đại.

Ngòai Ngõ



LẠI "VN : TELEVISION HISTORY" !

Theo tin tổ-chức Thông-Tin Chính-xác (AIM), vào mùa thu năm nay, các đài truyền-hình công-cộng Mỹ sẽ cho chiếu lại loạt phim đồ *Vietnam : A Television History* trên toàn Mỹ-quốc và nhiều nước Âu-châu. Theo nguồn tin này, cuốn phim sẽ vẫn giữ nguyên như cũ, không hề sửa đổi, mặc dù bị cộng-đồng Việt-nam ở hải-ngoại và báo-chí quốc-tế chỉ-trích là bóp méo lịch-sử Việt-nam, tuyên-truyền không công (hay có lấy thù-lao mà mọi người không biết ?) và bôi bẩn vào cuộc chiến-đấu chính-nghĩa của Việt-nam Cộng-hòa.

Đứng trước sự thách-đố ngạo-nghễ của hệ-thống PBS, chúng ta liệu phải hành-động như thế nào ?

Trung-Tâm Trao Đổi Văn-Hóa, một tổ-chức của cộng-đồng người Việt tại New Orleans đã đưa ra 9 điểm gợi ý như sau :

1.—Tranh-đấu kiên-trì : phải làm hàng loạt, và lập đi lập lại cho đến kỳ thắng mới thôi.

2.—Làm thật đông : vận-động toàn-thể đồng-bào tham-gia một cách mạnh-mẽ.

3.—Lôi kéo người Mỹ tham-gia: nhất là báo-chí và cựu chiến-binh từng tham-chiến tại Việt-nam.

4.—Cung-cấp hồ-sơ, tài-liệu cho báo-chí Mỹ tại địa-phương.

5.—Triển-lãm lưu-động hình-ảnh, tài-liệu chiến-đấu của VNCH và tội ác của CSVN.

6.—Điện-thoại phản-đối: thường mỗi khi chiếu một loạt phim lớn (loạt *Vietnam : A Television History* thuộc loại này), các đài tổ-chức gây quỹ (fund raising) bằng cách mở nhiều đường dây điện-thoại để mọi người gọi đến ủng-hộ tài-chánh cho đài. Các đài PBS không phải là đài thương-mại, nên rất cần tiền quyên góp, chúng ta hãy khai-thác kẻ hở đó, thay phiên nhau gọi tới để chất-vấn, sẽ gây ảnh-hưởng cho các đường dây (luôn luôn bận) và khán-

giả Mỹ.

7.—Viết thư phản-đối các nhà bảo-trợ thực-hiện cuốn phim về việc hệ-thống PBS đã dùng các khoản tiền bảo-trợ đó để tuyên-truyền cho Cộng-sân (danh-sách, địa-chỉ các tổ-chức giúp tiền cho đài PBS thực-hiện cuốn phim, và thư phản-đối in sẵn, để phổ biến theo yêu cầu, quý độc giả chỉ cần ký tên vào và gửi đi).

8.—Chiếu phim *Vietnam : the Real Story* do tổ-chức Thông-tin Chính-xác thực-hiện, để chống lại phim tuyên-truyền *Vietnam : A Television History*.

9.—Tổ-chức tranh-luận (debate). Tài-liệu tham-khảo, chúng ta có thể dùng :

- phim *Vietnam : the Real Story*, dài 1 giờ.

- Tài-liệu giấy tờ : kháng-thư, khẩu-hiệu, thơ, nhạc...

- Cuốn *Losers Are Pirates* của James Banerian (5 mỹ-kim).

- Cuốn *Violations of Human Rights in the Socialist Republic of Vietnam* của Ginetta Sagan và Stephen Denney (2 mỹ-kim)

- Hồ-sơ vụ kiện Hà-nội vi-phạm nhân-quyền, tài-liệu *Vietnam Today* của Võ Văn Ái.

- Phim ảnh biểu-tình, sinh-hoạt đấu-tranh của đồng-bào ta tại địa-phương.

Các tổ-chức người Việt khắp nơi, xin tùy tình-hình địa-phương phát-động đồng loạt các hoạt-động chống lại cuốn phim. Cần tài-liệu, có thể liên-lạc với tòa-soạn *Làng Văn, Quê Mẹ, Bản Tin Hoa-Thịnh-Đon* (CBA) hoặc Trung Tâm Trao Đổi Văn Hoá để hỏi.

HOA-THỊNH-ĐỐN : BẾ GIẢNG LỚP VIỆT-NGŨ HÈ 85

Hội Giáo-Dục Trẻ Em do nhà giáo Chủ Bá Anh làm chủ-tịch vừa làm lễ bế-giảng lớp học tiếng Việt hè 85 vào tối thứ bảy 27.7 tại hội-trường Kenmore, Arlington. Có hơn 600 người, gồm học-sinh, phụ-huynh, ân-nhân bảo-trợ, hội-viên và đồng-bào đến dự.

Dịp này, Hội đã ghi-công 7 vị đã đóng góp công-tác, và yểm-trợ đặc-lực nhất cho công cuộc giáo-dục trẻ em trong cộng-đồng suốt 8 năm qua, là các ông bà Nguyễn Huy Sâm, Trần Văn Triết, Phạm Rì Đạt, BS Trần Đình Đệ, BS Trần Đoàn, GS Lê Tống Mộng Hoa và GS Hoàng Mỹ Hiền.

Phần văn-nghệ có sự đóng-góp đặc-biệt của nhóm Hồng Lạc, với Tôn Nữ Lệ Ba, Hương Bình, Võ Châu, Trọng Nghĩa, v.v... từ Montréal, Gia-nã-đại sang. Hầu hết ca-viên của ban Hồng Lạc đều là cựu đoàn-viên của đoàn văn-nghệ Tiên Rồng do nhà

văn Doãn Quốc Sỹ và nhạc-sĩ Nghiêm Phú Phát sáng-lập tại Sài-gòn ngày trước, và Lệ Ba là cánh chim đầu đàn với giọng ngâm điều-luyện và truyền-cảm nhất.

Ngoài ra còn có sự đóng góp của ban vũ sinh-viên các trường đại-học trong vùng, đã giúp cho chương-trình văn-nghệ hết sức phong-phú và giá-trị. (TV)

GIẢI HỘI-HỌA DÀNH CHO TRẺ EM

Hội Giáo Dục Trẻ Em tại Hoa-thịnh-đốn cũng vừa tổ-chức xong một kỳ thi hội-họa dành cho trẻ em, với 200 họa-sĩ tí-hon tham-dự, hôm 20.7 tại Barcroft View, Arlington. Giải nhất về em Nguyễn Long, 6 tuổi; giải nhì em Lê Đỗ Linh Giang, 8 tuổi. Em Lâm Văn Hoa, 8 tuổi chiếm giải ba. Ngoài ra còn các giải cho các em thuộc các cấp tuổi lớn hơn. (CBA)

10 TRONG SỐ 520 NGƯỜI ĐƯỢC TÀU CHARCOT VỚT ĐÃ TỚI PHÁP

Mười thuyền-nhân Việt-nam đầu-tiên trong số 520 người được tàu Charcot vớt ngoài biển Đông đã tới định-cư tại Pháp hôm 31.7 vừa qua.

Charcot là chiếc tàu thứ tư ra khơi vớt người tị-nạn. Chiếc đầu-tiên là tàu Ánh-Sáng (*Ile de Lumière*). Tàu thứ hai tên Akuna, hoạt-động hai tháng, năm 1981, vớt được 100 người. Tàu thứ ba là Goclo, hoạt-động 6 tháng, vớt 819 người. Chiếc tàu hiện đang vớt người hiện nay là Jean Charcot (không phải "Ánh Sáng" như nhiều người tưởng nhầm). (CBA)

THÁNH-THẮT CAO-ĐÀI TẠI MONTREAL

Thánh-thất Cao-đài tại Montréal sẽ được khánh-thành vào ngày 31.8.1985, tại số 5371, Avenue Bourret, vào lúc 11 giờ sáng. Chương-trình lễ khánh-thành bắt đầu từ 11 giờ sáng tới 18 giờ 30 chiều, quý đạo-hữu ở các nơi xa về dự lễ, xin liên-lạc trước để Thánh-thất sắp-xếp nơi cư-trú. Liên-lạc điện-thoại (514) 737-2346. (LCV)

NGƯỜI VIỆT CỨU THUYỀN-NHÂN

Chiến-dịch *Người Việt Cứu Thuyền-Nhân và Tình Thương Dưới Ánh Mặt Trời* của cộng-đồng người Việt vùng San Jose, do các báo *Kinh Doanh, Đông Phương, Thành Mô* và đài Truyền Hình Việt-Nam chủ-xướng, đã thành-công rực-rỡ sau 2 tháng phát-động.

Tổng số tiền thu được, gồm cả rửa xe, xuống đường quyên góp, trình-diễn văn-nghệ v.v..., thu được 22.450.96 mỹ-kim, đã được gửi giúp tàu vớt người Jean Charcot đang hoạt-động tại biển Đông.

Cũng nên nói thêm, trong số các Mạnh Thường Quân, riêng bánh mì Ba Lệ đã giúp 1.000 mỹ-kim. (CBA-Nguyễn Quốc).

Làng Văn 7



Xúc-Tiến Vụ Kiện Nhân-Quyền

một bước bước rẽ sắp tới của lịch-sử. Sự tiếp tay của đồng- sẽ giúp lịch-sử xoay chuyển nhanh hơn, và theo chiều hướng mong muốn. Hãy xếp bớt mọi việc khác, lưu-tâm hơn nữa vào vấn-đề để khai-phá một lối về quê cũ.

Bản cáo-trạng của nhà thơ Thi Vũ Võ Văn Ái kiện hà-nội vi-phạm nhân-quyền tại Việt-nam đã được Liên-hiệp-quốc chính-thức thu-nhận. Báo-chí thế-giới đã theo-dõi, chính-khách các nước lưu-tâm về vụ kiện. Riêng cộng-đồng Việt-nam ở hải-ngoại, chúng ta cần phải làm gì để giúp đồng-bào Thi Vũ thắng kiện, và khai-thác kết-quả vụ kiện để tấn-công vào ngân-sách cầu-viện của VC, đồng-thời giải-cứu nửa triệu đồng-bào đang bị giam-cầm, đầy-ai trong các trại cải-tạo ?

Sau khi bản lược đồ các trại cải-tạo được đăng-tải trên *Làng Văn* số trước, rất nhiều đồng-bào, và nhất là các anh em cựu "cải-tạo viên" đã đáp lời kêu gọi, nồng-nhiệt gửi thư về khuyến-khích và bổ-túc tên gọi và địa-điểm các trại bị sót tên, hoặc tân-lập. Đây cũng là một hành-động có tính-cách đóng góp tích-cực và cụ-thể, hết sức cần-thiết. Mong quý bạn đọc theo dõi và tiếp-tục góp sức cập nhật hóa.

Ngoài ra, theo yêu-cầu của Thi Vũ, *Làng Văn* xin phổ-biến các phiếu ủng-hộ vụ kiện nhân-quyền (để quý vị không phải cắt mất trang báo, chúng tôi xin in vào trang 43—phần quảng-cáo—trong nhiều kỳ liên-tiếp).

Quý vị còn có thể ủng-hộ tài-chính bằng cách mua giúp các bưu-thiếp *Cải-Tạo Giết Người* của họa-sĩ Raymond Moretti vẽ, *Quê Mẹ* ấn-hành như phóng ảnh trong trang này để gửi cho bạn bè, thân-nhân và người ngoại-quốc, giá mỗi tấm bưu-thiếp chỉ có 25 xu Mỹ, hoặc 35 xu Gia-nã-đại.

Về các tài-liệu tố-giác VC vi-phạm nhân-quyền, *Quê Mẹ* đã ấn-hành tập *Việt-Nam Ngày Nay* bằng hai thứ tiếng Anh, Pháp, giá mỗi tập 5 mỹ-kim.

Tất cả những sự giúp-đỡ nêu trên đều có giá-trị góp sức trực-tiếp chống trả Hà-nội, đánh tháo cho đồng-bào và thân-nhân đang bị giam-cầm, xin mời quý vị hăng hái tham-gia và cổ-võ sâu rộng hơn nữa.

Các tổ-chức đấu-tranh của người Việt có thể giúp các mặt thông-tin, vận-động quần-chúng, chính-quyền và dân bản-xứ nơi mình ở để hỗ-trợ vụ kiện. Đồng-bào và độc-giả có thể thu-thập tài-liệu về vấn-đề cải-tạo và nhân-quyền, gửi về *Quê Mẹ*, để cơ-quan này đúc-kết, tổng-hợp thành một tài-liệu chung ngày càng phong-phú, phát-hành trở ra ngoài. Việc tổ-chức các

buổi nói chuyện, chiếu phim cũng cần-thiết và có thể làm được.

Tình-hình Việt-nam trong thời-gian đây đã có những chuyển-dịch tuy nhỏ, tuy chậm nhưng hết sức quan-trọng, báo-hiệu

Hãy góp sức đánh Cộng-sản, dù bằng một bức thư, một phiếu ủng-hộ, một sự góp mặt trong đoàn biểu-tình, trên diễn-đàn hay sân-khấu. Hãy đánh vào tử-huyệt nhân-quyền và viện-trợ của kẻ thù chung.



Reeducation kills • Cải tạo giết người • la Rééducation tue

Nắng trong vắt ngoài sân cỏ. Trời Nam Cali xanh rượi tít trên nhiều lớp gió. Người đàn ông tóc trắng phau, ngồi đó—nắng, gió và trời xanh ở phía sau.

Ông vung tay nói rộn ràng:

- Chẳng có anh tổng thống, thủ tướng nào đại diện cho một dân tộc được. Chỉ có thi sĩ làm được việc đó. Có những thi sĩ đại diện cho một dân tộc một thời —một thời để yêu, một thời để chết hay một thời để làm chiến tranh... Có thi sĩ mọi thời. Hoàng Cầm là thi sĩ đó. Vì thế mà có "Lá Diêu Bông".

Người đó là Phạm Duy. Điều ông nói là nhạc. Nếu nghe giọng sôi nổi của ông, nhìn tay ông vung múa, không ai tin là Phạm Duy đã 64 tuổi (sinh nhật ông nhằm ngày 5 tháng 10). Nhưng cũng ít ai tưởng tượng nổi chỉ mới 64 tuổi mà ông đã cống hiến cho dân tộc và loài người một lượng tác phẩm chất ngất và lóng lánh đến như thế: hàng ngàn ca khúc đã được hát, được nghe bởi ba bốn thế hệ liên tiếp. Ông nói về Hoàng Cầm, nhưng cũng chính là nói về ông. Ông không kiêu ngạo vô lối. Cả ông và Hoàng Cầm đều đã "khóc cười theo mệnh nước nổi trôi". Hoàng Cầm là thi sĩ của dân tộc. Ông xưng tụng Hoàng Cầm như thế. Phạm Duy là nhạc sĩ của dân tộc. Các nhà phê bình văn học nghệ thuật đã xưng tụng ông như thế.

Và, như thế, Phạm Duy phổ thơ Hoàng Cầm, dựng hẳn một nền "Hoàng Cầm ca" mang một thông điệp của mùa xuân. Ông dùng kỹ thuật của thời đại điện tử để ghi lại và gửi đi muôn phương bức thông điệp đó, đặt tên cho nó là "Lá Diêu Bông".

Giới thiệu cuốn băng nhạc "Lá Diêu Bông", Phạm Duy nói: "Đừng tìm hiểu nghĩa hai chữ *Diêu Bông*. Diêu Bông có thật hay không, không quan trọng. Hãy coi "diêu bông" là biểu tượng của một tình tự quê hương đã có từ lâu đời và sẽ còn mãi mãi".

Tính từ 1975, tiến trình hình thành của giai đoạn "lưu xú" trong nhạc Phạm Duy chứa đựng tâm thức của lớp người vong quốc, cả ngoài nước lẫn trong nước. Khởi đi từ những mê sảng trong cơn lốc đổi đời, nhạc Phạm Duy run rẩy với những "ảo ảnh quê hương". Đến "Ngục Ca" thì nước mắt hận thù còn làm cho ảo ảnh đó nhoè nhoẹt thêm. Giữa thập niên 80, Phạm Duy giật mình, tự hỏi: "Văn nghệ là thể lương như thế sao?" Và ông tự trả lời: "Văn nghệ phải tươi mát".

Vâng, quả thực qui luật của sống còn là cái tươi mới, cái vươn lên. Trên tro tàn của quá khứ phải đâm chồi mầm lá tương lai —lá "diêu bông" trong ngữ vựng Phạm Duy.

Người nhạc sĩ 64 tuổi, tóc trắng phau

Diêu Bông Huyền-Thoại

Lê Tam Ca

mà lòng còn xanh mướt đó lại vừa ôm đàn đi viễn du để trồng cây "diêu-bông-tinh-tự-quê-hương" nơi đất Tây Âu.

Ông đang bệnh (dường như là cao huyết áp), ông cũng cứ đi. Nhờ đi, ông hết bệnh, Kỳ diệu, không phải vì đổi đất, đổi gió đâu. Vì ông thành công trong chuyến đi: ở Anh, ở Pháp, ở Ý, ông đều được bạn bè và cả những người không-quen-nhưng-rất-biết đón tiếp rộn ràng.

Ông lên đài BBC gửi "lá diêu bông" về tận Việt nam. Thơ Hoàng Cầm từ trong nước "chui" ra, được Phạm Duy chấp cánh cho "bay" về. Hoàng Cầm và hàng triệu người của thời-đại-Hoàng-Cầm sẽ được nghe "tiếng vọng từ đỉnh trời" như đã từng được nghe "tiếng vọng từ đáy vực".

Ở Paris, ông hát trong quán Trúc để gặp những người "cùng một lứa bèn trời lận đận" cỡ Phạm Tăng, Lê Mộng Nguyên, Đoàn Đức Nhân, Võ văn Ái... và cả những người ra đời sau ông một hai thế hệ (mà vẫn tìm thấy ở ông những rung động cùng một tần số). Ông cứ nhắc đi nhắc lại chi tiết "nhiều anh chị em trẻ tìm đến" với ông và nghe ông hát.

Ông mang theo một số băng "lá diêu bông". Có người thắc mắc sao cái đĩa băng quá đơn sơ. Ông bảo "những hạt âm thanh nặng trĩu giòng băng nhựa là đủ rồi, mình đâu có nghe nhạc bằng đĩa?" Và người ta đã mua hết số băng ông mang theo, có người mua một lúc năm cuốn!

Cũng ở Paris, ông còn hát cho chương trình ủng hộ con tàu Jean Charcot đi vớt thuyền nhân vùng biển Đông. Tàu Charcot đã vớt hơn 500 người vượt biển hồi tháng 5 vừa qua. Nếu có thêm nhiều Phạm Duy thì Jean Charcot lại có thể ra khơi nhiều lần nữa.

Phạm Duy vẫn bảo "tôi không bao giờ hát chùa". Nhưng trong những chiến dịch cứu người cần cứu, ông "chùa" hết mình. Với phần đóng góp của ông, những nỗ lực của các tổ chức văn hoá Việt nam và quốc tế đạt được những thành quả đáng kể: kéo được Hoàng Cầm ra khỏi nhà tù, đem về cho Nguyễn Chí Thiện giải thi ca quốc tế 1985.



Phạm Duy, thông-điệp mùa xuân

Từ Paris, Phạm Duy đi Stuttgart (Đức) để hát "Hoàng Cầm Ca" tại trung tâm Độc Lập, rồi đi xuống Munchen, hát nữa. Đồng bào Việt tị nạn ở Âu châu sống rải rác chứ không có những tụ điểm lớn như quận Cam, như Houston.v.v. nên người "du ca" họ Phạm phải làm đúng nghĩa chữ "du ca", nghĩa là phải đi nhiều nơi, làm nhiều buổi "trình diễn bỏ túi" cho nhiều người được nghe.

Trước khi về lại Mỹ, Phạm Duy còn ghé qua Salzburg (Áo quốc) thăm nơi chôn rau cắt rốn của Mozart, và tới Ý để nhìn lại Roma, Pisa, Venice, so sánh hai khoảng trời xanh, hai màu nắng vàng của Nam Âu và Nam Cali.

Về tới Nam Cali ít ngày ông lại nhức tim (nhưng không đau, may quá) với cái tin chờ rất lâu mà đến thật bất ngờ. Thái Thanh đã đến Thái Lan và chỉ mười ngày nữa sang tới Mỹ.

Ông khoan khoái thấy một tập bản thảo 15 ca khúc mới soạn xong lên bàn, nói:

- Tổ khúc "Bầy chim bỏ xứ", nhạc Phạm Duy. Lời dân ca Việt nam. Và tiếng hát Thái Thanh. "Musique allégorique" (nhạc bóng gió) đấy.

"L'oiseau renaît de ses cendres"- chim tái sinh từ đám tro tàn!

Hướng-Đạo Việt-Nam

Họp Bạn Thế-Giới

phóng-sự bằng hình của

Hương Nhanh

Paris (Pháp). Gần 400 hướng đạo sinh Việt nam hiện định cư tại 11 quốc gia trên khắp thế giới (Mỹ, Canadan, Pháp, Anh, Ý, Bỉ, Tây Đức, Hoà Lan, Thụy Sĩ, Na Uy, Úc) đã đến Pháp tham dự trại họp bạn thế giới kỳ I "Thăng Tiến" của Hướng đạo Việt nam từ 26 đến 31.7.1985. Đất trại họp bạn là trại trường huấn luyện quốc gia của hội Hướng đạo Công giáo Pháp (Scout de France) tại Jambville, cách Paris khoảng 60 cây số.

Mặt khác, trong dịp trại họp bạn "Thăng Tiến", các đại biểu đại diện HDS Việt nam trên khắp thế giới đã tham dự đại hội của Hội đồng Trung ương Hướng đạo Việt nam họp trong hai ngày 27 và 28.7.85. Sau 30.4.85, hội Hướng đạo Việt nam tạm ngưng hoạt động, các đơn vị Hướng đạo Việt nam hiện rải rác khắp nơi trên thế giới và đều ghi danh sinh hoạt với các hội Hướng đạo địa phương nơi cư trú theo đúng khuyến cáo của văn phòng Hướng đạo Thế giới (trừ các đơn vị HĐVN trong các trại tị nạn liên lạc trực tiếp với HDTU/HĐVN).

Trong suốt 5 ngày trại, các hướng đạo sinh Việt nam đã tham dự những sinh hoạt trại thuần túy hướng đạo như thi đua kỹ thuật, trò chơi, lửa trại, trao đổi huy hiệu... Các tráng sinh và trưởng trẻ đã tham dự các buổi hội luận "Truyền thống Việt nam" dành cho giới trẻ ở hải ngoại với sự tham dự của nhiều hội đoàn thanh niên khác ở Pháp. Các trại sinh cũng được hướng dẫn đi thăm các thắng cảnh tại thủ đô Paris và vùng phụ cận.

Nhiều huynh trưởng lãnh đạo Hướng đạo Thế giới đã gửi thư đến HDTU/HĐVN để chúc mừng trại họp bạn thành công trong đó có Bác sĩ Samang Pvangbootr (Chủ tịch hội đồng HĐ Á châu/Thái bình dương của HĐ thế giới), bà Odile Bonte (Phó Chủ tịch Nữ HĐ Thế giới), ông Bruce H. Garnsey (Chủ tịch HĐ Úc, nguyên Chủ tịch hội đồng HĐ Thế giới), bà Marie Edith Remilly (Tổng ủy viên Nữ HĐ Pháp), ông James Sand (nguyên Ủy viên Quốc tế HĐ Hoa kỳ)...

Rất nhiều cựu nam nữ HDS Việt nam, các HDS ngoại quốc và thân hữu đã viếng



Tân ban thường-vụ Hội-đồng Trung-ương HĐVN (từ trái sang phải): các trưởng Trương Trọng Trác, Mai Liệu, Nghiêm Văn Thạch, Mai Xuân Tý, Trần Văn Khắc, Nguyễn Văn Thơ và Nguyễn Trung Thoại.

thăm trại họp bạn. Đặc biệt nhất là những huynh trưởng sáng lập phong trào HĐVN cách đây năm 55 năm như Vũ Ngọc Tân, Lê thị Lựu... cũng như các cựu Hội trưởng hội HĐVN trước đây: ông Nguyễn Thành Cung, Luật sư Phan Thành Hy, Bà Nguyễn văn Thơ (hội nữ HĐVN) đều ở trại suốt ba ngày đầu tiên.

Hội-nghị Hội-đồng Tr/U. Hướng-đạo Việt-nam đã thảo-luận nhiều vấn-đề liên-quan tới cơ cấu và các nhu cầu cấp bách của các đơn vị HĐVN ở hải ngoại, đặc biệt chú trọng vào việc huấn luyện trưởng, phát huy và bảo tồn văn hoá, truyền thống dân tộc cũng như truyền thống HĐVN.

Cựu Trần văn Khắc, 84 tuổi, người sáng lập phong trào HĐVN, Chủ tịch HDTU/HĐVN đã xin từ nhiệm vì lý do tuổi tác và đã được hội nghị đồng thanh mời đảm nhận chức vụ chủ tịch sáng lập phong trào HĐVN. Bác sĩ Nguyễn văn Thơ, nguyên Hội trưởng HĐVN trước đây và là phó chủ tịch HDTU/HĐVN đã được bầu làm Chủ tịch HDTU/HĐVN thay cựu Khắc. Thành phần mới của ban Thường vụ HDTU/HĐVN gồm:

- Chủ tịch: Bác sĩ Nguyễn văn Thơ (Hoa kỳ).

- Phó chủ tịch kiêm trưởng ban Chương trình và truyền thống: Nghiêm văn Thạch (Pháp).

- Tổng thư ký: Ông Nguyễn Trung Thoại (Canada)

- Phó TTK kiêm trưởng ban Thông tin-Báo chí: Ông Trương Trọng Trác (Hoa kỳ)

- Trưởng ban đặc trách nữ HĐ: Bà Trần Bạch Bích (Hoa kỳ)

- Trưởng ban Nghiên cứu-Huấn luyện: Ông Mai Liệu, cựu trại trưởng HĐVN (Hoa kỳ).

- Thủ quỹ: Ông Mai Xuân Tý (Canada).

Hội nghị HDTU/HĐVN cũng biểu quyết để kỷ họp bạn HĐVN kỳ II tại hải ngoại sẽ tổ chức tại Canada vào năm 1989.

Cần nhắc lại, trước trại họp bạn Thăng Tiến, cuối tháng 6.1985, trại họp bạn Đồng Tâm HĐVN toàn quốc Canada đã được tổ chức tại Obasateeka, cách Toronto 100 km vào đầu tháng 7.1985; trại họp bạn "Về Nguồn" của HĐVN tại Hoa kỳ đã tổ chức tại Rancho Los Flores, California. Trong trại Về Nguồn, "Hội đồng Huynh trưởng HĐVN tại Hoa kỳ" đã được thành lập.



Quang-cảnh chuẩn-bị làm lễ khai-mạc trại. Sân cỏ trung-ương với bốn trụ quốc-kỳ Pháp, VNCH, cờ Hướng đạo Quốc tế Hướng-đạo VN. Góc phải là khán-đài với lá đại-kỳ màu vàng ba sọc đỏ, mang hàng chữ "Tổ-Quốc Trên Hết."



Tiểu-trại Hòa-lan. Trại sinh và "quan khách" từ các tiểu trại khác tới. Tất cả quây-quần chung quanh một cái bếp treo, khói thơm (chè ?) bốc lên nghi-ngút. Từng ấy miệng ăn, từng ấy thân thể mệt nhoài, đôi ngầu vì nhảy múa, ca hát, làm sao chia cho đủ đây ?



Mặc cho đêm khuya củ khuya, các tráng-sinh từ Tây Đức về vẫn cặm-cui làm thủ-công trại. Thói quen Hướng-đạo, chỉ dùng gỗ, dây, dựa vào thiên-nhiên : gốc cây, hốc đá. Các anh trong ảnh trên có lẽ đang kiến-thiết một cái bàn ăn ngay sau lều. gay-go !



Hai đêm lửa trại là những giờ vui-nhộn nhất của trại Hợp Bạn. Sói con từ Tây Đức tới đang biểu-diễn vũ-khúc dân-tộc : múa đuă, sau lưng các em là đồng lửa trại sáng ăm.

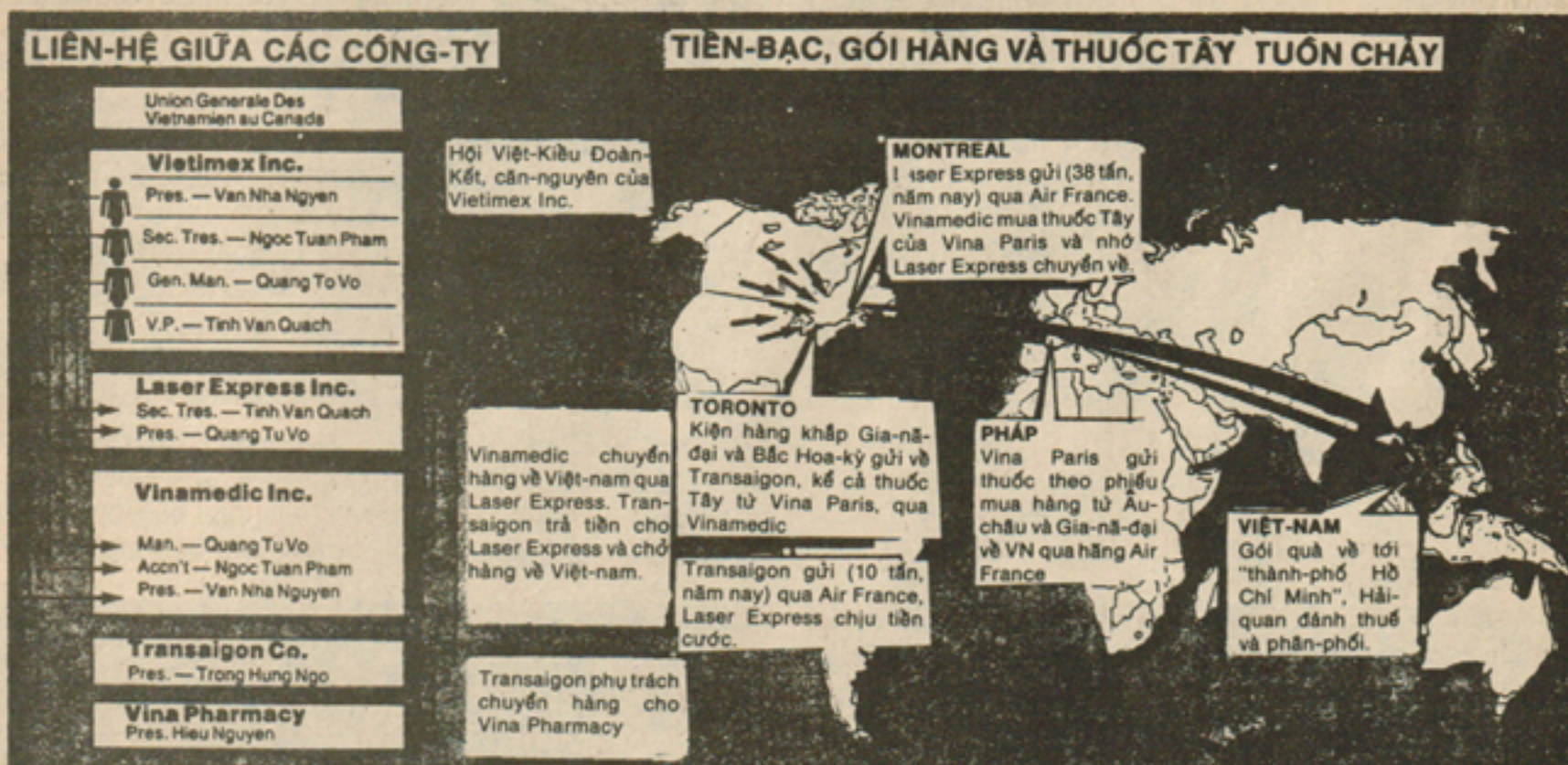


Cũng vẫn tre và dây. Cổng tiểu-trại Na-uy trông thật bắt mắt. Rõ người "Bắc Âu" có khác, việc nào cũng cố-gắng vượt bực, cần-cù và đầy sáng-tạo. Sân trại lại rộng thế kia thì tha-hồ mà bày trò chơi thể vận đấy nhĩ.



Nào, bây giờ là ngày thám-du, mà lại thám-du kinh-đô ánh-sáng mới thích-thú dường nào. Các trại sinh đang có mặt tại nhà thờ Notre Dame de Paris. Tha-hồ quan-sát, ngắm-nghía và ghi-chép. (ảnh TR3, chủ thích của Hươu Nhanh và Gấu Hay Hát)

Đường Giây Việt-Nam



Những chặng đường của một gói quà gửi về Việt-nam (họa-đồ và chú thích của The Hamilton Spectator)

Tờ The Hamilton Spectator số ra ngày 13.7.1985 đã dành gần trọn trang nhất (tin-tức, thời-sự) và trang kinh-tế để phanh-phui hệ-thống tổ-chức qui-mô vận-chuyển tiền bạc hàng hóa về Việt-nam, do ký giả Wayne MacPhail thực-hiện.

Theo tờ báo, hàng năm có khoảng 25.000 người Việt gửi tới 140 triệu đô-la tiền mặt, hàng-hóa và thuốc tây về Việt-nam qua ngã Montréal. Riêng người Việt tại Gia-nã-đại đã gửi tới 30 triệu đô. Sự chuyển-vận do một đại công-ty tại Montréal bao thầu. Công-ty này có liên-hệ đến chế-độ Cộng-sản hiện-tại tại Việt-nam, một chế-độ đã khiến nhiều người phải liêu chết bỏ nước ra đi. Điều uất-ức là chính những người ra đi này lại phải thỏa-hiệp với các công-ty chuyển-vận mà họ biết chắc là do cái chính-phủ đã bức-bách họ phải rời bỏ xứ-sở, chủ động.

Đáng lý ra, người Việt tị-nạn có thể gửi qua bưu-điện, ngân-hàng hay các hãng máy bay, tiền bạc, phẩm-vật trợ giúp người nhà còn kẹt lại, nhưng Việt Cộng đã tìm đủ mọi cách gây trở ngại phiền phức cho người nhận, cũng như hệ-thống bưu-điện, ngân-hàng, các hãng chuyển-vận quốc-tế (bằng hàng rào quan thuế, ăn cắp, tịch-thu, v.v...) để cuối-cùng, chỉ còn một lối thoát duy nhất là người Việt tị-nạn phải gửi qua hệ-thống của họ.

Một người Việt sinh sống tại vùng đồi

* bài của **Wayne MacPhail**

* lược thuật : **Nguyễn Tường Quý**

núi vùng British Columbia than-thở : *Chúng tôi biết các nơi chuyển hàng có ăn thông với Cộng-sản. Chúng tôi không ưa gì họ, nhưng cũng phải nhắm mắt mà gửi, vì chỉ còn có cách đó để cứu giúp thân-nhân chúng tôi tại Việt-nam.*

Một công-ty thuốc tây thuộc hệ-thống này cũng đã bán hơn 3,5 triệu đô thuốc men hàng năm để người mua gửi về Việt-nam.

Tuy-nhiên, các hãng nói trên đều phủ-nhận mọi sự liên-hệ hay ủng-hộ CSVN. Họ vẫn nói họ không thuộc thành-phần thân Cộng, và công việc làm ăn của họ hoàn-toàn hợp pháp, có giấy phép của chính-phủ Gia-nã-đại cấp cho.

Riêng tại Hoa-kỳ, để ngăn chặn không cho đồng mỹ-kim thất-thoát bằng cách chui lòn về Việt-nam, Quốc-hội Mỹ đã thông-qua một dự-luật liên-quan vấn-đề chuyển tiền về Việt-nam, sau khi ngân-kho quốc-gia báo-động "219 triệu mỹ-kim đã tan-biến về Việt-nam mỗi năm."

Thống-kê ghi-nhận, riêng năm 1983, 108 triệu mỹ-kim hàng-hóa, hiện kim; cùng với hàng triệu gia-kim đã đi về Việt-nam qua ngã Montréal.

Điều-tra viên William Cassidy, chỉ-huy trưởng-toán điều-tra thuộc sở Ngân-kho Hoa-kỳ trong chiến-dịch Victor đã cho phái-viên tờ The Hamilton Spectator biết, các công-ty thương-mại của Việt Cộng tại Montréal, cửa ngõ kinh-tài của CSVN tại Bắc Mỹ. Việt-Cộng đã vạch một kế-hoạch kinh-tài thật tinh-vi, thu-góp tiền bạc của người Việt ở Mỹ và Gia-nã-đại. Thắng-lợi lớn của chiến-dịch làm tiền của VC đủ để giúp CSVN trang-trải một phần nợ chiến-tranh cho Nga, nuôi-dưỡng các mặt trận quân-sự tại Đông-dương, cũng như tu sửa vũ-khí.

Sau ba tháng điều-tra kỹ-càng, phái-viên tờ The Hamilton Spectator đã đưa ra những nhận-xét sau đây :

- Hoạt-động của các công-ty ở đường Beaudry, Montréal nhằm thu-hút tiền-tệ Gia-nã-đại.

- Cộng-sản dành độc-quyền cho hãng Laser Express để giải-quyết các vấn-đề thuộc phạm-vi thuế-vụ với nhà nước Việt-nam.

- Vinamedic, một công-ty khác tại Montréal, là cơ-sở duy-nhất của CSVN tại Gia-nã-đại.

- Các hãng, tiệm và công-ty nói trên đều liên-hệ nhau theo hệ- thống, và nhất-thiết chịu sự chi-phối của Hội Việt-kiều Đoàn-kết tại Gia-nã-đại.

- Một giáo-sư môn Khoa-học Chính-trị tại Đại-học Carleton nói, các công-ty này hoạt-động rất ăn nhịp với nhau như một tòa đại-sứ không chính-thức của CSVN tại Gia-nã-đại. Tòa đại-sứ của VN tại Ottawa đã đóng cửa từ 1981.

- Công-ty Transaigon tại Toronto, do một thành-viên của Hội Việt-kiều Đoàn-kết làm chủ, gửi hàng về VN qua ngã Laser Express. Công-ty này có chi-nhánh nhiều nơi, Edmonton, Windsor và nhiều vùng khác tại Gia-nã-đại. Chủ-nhân công-ty phủ-nhận việc ông ta có liên-hệ với chính-phủ Việt-nam.

- Bốn tháng trước đây (tức vào tháng 3.85, cơ-sở Nghiệp-dụng và Di-trú liên-bang Gia-nã-đại vừa cấp cho Hội Việt-kiều Đoàn-kết một ngân-khoản 20.000 gia-kim (!)

- Cơ-sở Ngoại-giao tỉnh Quebec, cũng như Ngành Bảo-chế Quebec không hề biết gì về các hoạt-động của các công-ty cho đến khi được phái-viên tờ *The Hamilton Spectator* liên-lạc.

- Trị giá hàng hóa và tiền mặt "xuất-cảng" sang VN qua ngã Montréal nhiều gấp trăm lần mức phỏng chừng của của Sở Thống-kê Canada.

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CỦA MỘT GÓI QUÀ GỬI VỀ VIỆT-NAM

Beaudry là một phố nhỏ nằm trong khu nhà rẻ tiền thuộc thành-phố Montréal. Nơi đây, một dãy những hãng buôn nằm chen-chúc nhau, tuy xập-xệ, nhưng lại là trọng-tâm của đường dây chuyển-vận hàng-hóa trị giá hàng triệu đô-la về Việt-nam.

Các công-ty trên núp dưới sự che-chở của Hội Việt-kiều Đoàn-kết tại Gia-nã-đại. Hội này cho xuất-bản tờ báo thân Cộng *Đất Việt*. Nhân viên điều hành Hội tuyên-bố, mục-tiêu của hội này là giúp người Việt hội-nhập vào đời sống Gia-nã-đại và hướng dẫn họ cách gửi quà về cho thân-nhân tại Việt-nam.

Ảnh Hồ Chí Minh được treo ngay trên vách hội-trường cạnh những lá cờ đỏ sao vàng.

Hoạt-động dưới sự bao che của Hội gồm có cả một công-ty chuyển-vận hàng-hóa, một đại-lý thực-phẩm, Vietimex, đại-lý thuốc men Vinamedic và nhiều chi-nhánh khắp nơi.

Hồ-sơ của tỉnh ghi-nhận, Võ Tử Quang, vừa là giám-đốc của hãng Laser Express, vừa là tổng-quản Vinamedic, kiêm tổng-quản Vietimex. Ông này từng làm việc tại

tòa đại-sứ CSVN tại Ottawa trước đây.

Hiện nay, Gia-nã-đại vẫn liên-lạc ngoại-giao với CSVN, mặc dù tòa đại-sứ VC đã đóng cửa từ tháng 4.1981 "vì lý-do kinh-tế." Nhân-viên tại các công-ty ở đường Beaudry nói rằng không hề có sự liên-hệ nào giữa các công-ty đó với nhau; cũng như phủ-nhận về sự giúp-đỡ của chính-phủ CSVN.

Ông Võ tuyên-bố đại-ý rằng ông ta chỉ làm thương-mại, không dính vào chính-trị. không ủng-hộ cả cộng-sản lẫn tư-bản. "Tôi giao-thương với Việt-nam, dù cho họ là Cộng-sản hay Tư-bản, tôi bất cần, vấn-đề là lợi-nhuận."

Ông này còn lý-luận quanh-co thêm : "Gia-nã-đại buôn bán với Nga, điều đó đâu có nghĩa là Gia-nã-đại ủng-hộ Liên-bang Xô-viết ?"

Như trên đã nói, Laser Express là tổ-chức lộ diện nhất tại khu Beaudry, là công-ty duy-nhất Hải-quan CSVN hợp-đồng giao-dịch.

Laser Express nhận hàng từ các công-ty khác chuyển về, quan-trọng nhất là từ Transaigon ở Toronto. John Ngô, chủ hãng, hội-viên VKĐK, vẫn phủ-nhận không liên-quan chính-phủ CSVN. Hồ-sơ của hãng hàng-không Pháp ghi rõ các hóa-đơn gửi hàng của Ngô đều do Laser Express thanh-toán, và ông này trả cho Montréal.

Cho tới nay, Laser Express đã gửi 38 tấn hàng-hóa về Việt-nam qua Air France ở Montréal, và 10 tấn từ Transaigon, Toronto.

Vinamedic, đại-lý thuốc tây trong năm 1984 bán được 3,5 triệu gia-kim thuốc tây trong khi một được phòng ở Quebec trung-bình chỉ bán được 600.000 mỗi năm kể cả mỹ-phẩm và sản-phẩm trợ y.

Thuốc do Vinamedic bán ra (nhiều thứ trụ-sinh, không có toa bác-sĩ), được gửi qua Laser Express. Vinamedic không có, mà cũng không cần dược-sĩ đứng bán thuốc. Khách hàng đều là người tị-nạn Việt-nam bị buộc phải trả tiền Mỹ, hoặc tiền Gia-nã-đại tương-đương, theo hối-suất do cửa hàng đặt ra.

Vẫn theo GS Nguyễn văn Chi (Carleton), Laser Express và Vinamedic là bộ phận kinh tài của một tòa đại sứ VN không chính thức. Còn hội Việt kiều Đoàn Kết là bộ phận chính trị và xã hội.

"Các công-ty này được điều-hành giống như một công-xã. Nó còn (mạnh) hơn cả một tòa đại-sứ, vì tòa đại-sứ đâu có kiểm-ra tiền; nhưng nó yếu hơn tòa đại-sứ vì không có thẩm-quyền để nói chuyện với chính-phủ (Gia-nã-đại). Trường-hợp này rất nhập-nhằng khó hiểu đối với người phương Tây. Thực tế mà nói, Laser Express và Hội VKĐK là một bộ-phận của chế-độ CSVN. Bất cứ người Việt-nam nào muốn về nước thăm nhà đều phải có phép của Hội."

Rất nhiều hội-viên VKĐK, cũng là nhân-viên Laser Express và Vinamedic. Các công-ty này không phải là tòa đại-sứ, không phải tòa lãnh-sự, không phải một sở thương-vụ. Mà nó là tất cả mọi thứ đó, hơn cả một tòa đại-sứ và (dù) kém hơn một tòa đại-sứ."

Vietnamese Canadians send over \$30 million in money, goods and drugs to needy relatives in Vietnam. The Communist regime in Vietnam, which the refugees risked their lives to escape, has a thirst for foreign currency. To quench it the Socialist Republic of Vietnam has orchestrated a systematic international currency collection program. In Canada a cluster of companies in Montreal — invisible to the Canadian government — act as a multi-million dollar funnel to the east. Some of the aid sent to Vietnam stays in Vietnamese government coffers. Hamilton Spectator reporter Wayne MacPhail takes you on a journey through the funnel. The names of the Vietnamese immigrants have been changed to protect their families in Vietnam. The names of members of the Union Generale and a Carleton professor are real.

The Hamilton Spectator

Chiếc Đèn Kéo Quân

Trùng Dương



Hai năm sau khi Cộng sản cưỡng chiếm miền Nam, mẹ tôi mất trong nỗi ưu phiền khi nhìn bảy con cháu nheo nhóc kẹt lại và nỗi nhớ thương dành cho bảy con cháu đã ra đi, bỏ lại cha tôi lúc đó gần bảy chục tuổi, kết thúc một cuộc hôn nhân thiếu vắng hạnh phúc nhưng thật dài, dài đến nửa thế kỷ.

Tôi không biết rõ lắm nguyên nhân nào đã khiến cho cuộc hôn nhân nửa thế kỷ của cha mẹ tôi không có hạnh phúc, dù trước sau họ đã cho ra đời gần tá con, mười anh chị em chúng tôi, cộng với một đứa em trai cùng cha khác mẹ mà mẹ tôi đã đem về nuôi với thâm ý cắt đứt liên lạc giữa cha tôi và người tình của ông hồi tôi mới lên bốn hay năm tuổi gì đó. Và mẹ tôi đã thành công, nhưng bù vào đó là mối liên hệ vợ chồng ngày một thêm lạnh lùng đến tê tái.

Cuộc hôn nhân đã được hai bên gia đình sắp xếp, như trăm ngàn những cuộc hôn nhân khác trong xã hội cổ Việt nam, và mẹ tôi đã về nhà chồng với một bóng hình khác trong tim, dường như vậy, vì mẹ tôi dĩ nhiên chả bao giờ đề cập chi tiết đến việc bà thương một ông thầy giáo cùng làng mà về sau này tôi vẫn gặp và kêu bằng chú. Chỉ có một chuyện duy nhất thường được bà lặp đi lặp lại những lúc vui miệng, đó là việc bà muốn đi tu và trở thành một tông đồ của Chúa Giê-su, nhưng bị bà mẹ bề trên từ chối nhận vào dòng vì mẹ tôi quá đẹp và mẹ bề trên e bà sẽ bỏ dở việc tu hành vì những cám dỗ thế gian. Thất vọng, mẹ tôi trở về nhà và nhận lời lấy cha tôi, con trai cầu tự trong đám năm người con của bà nội tôi và thuộc một gia đình điền

chủ, ít chữ nghĩa. Mặc dù mẹ tôi ít học, nhưng vì bà thuộc một gia đình tuy không nhiều ruộng đất của cải như gia đình bên nội tôi, nhưng thuộc giòng giới nho gia, mặc dù rằng thời đó, theo như lời thi sĩ Tú Xương than, thì “cái học nhà nho đã hỏng rồi, mười người đi học chín người thôi”, nói lên sự băng hoại của nho học trước sự phát triển mạnh của tây học vào hồi cuối thế kỷ mười chín đầu thế kỷ hai mươi; dù thế, cái kênh kiệu của một cô gái xuất thân từ một nho gia, lại đẹp, vẫn là dấu vết khó tẩy xóa nơi mẹ tôi. Lâu lâu mẹ tôi vẫn nhắc lại dư luận trong làng về việc mẹ tôi nhận lời lấy cha tôi, nào là “cái cô đẹp như thế lại lấy cái cậu xấu như thế thật uổng cả một đời”, nào là “chắc cái nhà cô Thước mê cái gia tài thừa tự của cậu con cầu tự Lục đó thôi, chứ gì”, và có người đi xa hơn, mượn câu ca dao về cuộc hôn nhân của công chúa Huyền Trân đời nhà Trần với vua Chiêm Thành Chế Mân tiếc dùm cho mẹ tôi. v.v. Và tôi ngỡ đây là một trong những lý do khiến cha mẹ tôi sống với nhau không có hạnh phúc, từ đó đẩy cha tôi tới chỗ đan díu với một người đàn bà khác sau khi họ đã có với nhau cả thấy tám mặt con, khi cả hai cha và mẹ tôi bước vào tuổi bốn mươi.

Tôi có một ký ức khá mờ nhạt về tuổi ấu thời của mình, có lẽ vì tuổi thơ của tôi không có chi nhiều điều gọi là vui và đẹp nên bản chất thực tế của tôi đã đẩy những kỷ niệm thiếu màu sắc ấy vào một góc xa xôi nhất của trí nhớ. Một trong những kỷ niệm ít đẹp của thời thơ ấu mà tôi bắt gặp mình hay nghĩ về nó nhất, đó là ngày tôi đi ghi tên xin học lớp mẫu giáo ở Hải phòng.

Tôi không hiểu và cũng không nhớ được tại sao, vào cái ngày trọng đại đối với một đứa trẻ là đi ghi danh học lần đầu trong đời, cha hoặc mẹ tôi lại đã không đích thân hoặc sai một trong các anh chị lớn của tôi đưa tôi đi mà lại giao việc đó cho một ông bác có tiếng là lẩn thẩn ở nhà quê ra tỉnh chơi, đường xá dĩ nhiên là không thông thạo. Kết quả là hai bác cháu đi lạc, loay quanh mãi rồi cuối cùng phải hỏi thăm đường đến vườn hoa Con Cóc mà đối diện với nó là ngôi trường nữ tiểu học do các soeurs đảm trách, trường Sainte Dominique, nơi tôi đã trải qua gần hết bậc tiểu học sau đó.

Từ năm tôi lên ba tuổi cho tới năm tôi lên chín tuổi, gia đình tôi sống ở Hải phòng. Đó là những năm cuối 40 đầu 50, thời gian mà trận chiến Việt-Pháp đạt tới cao điểm để rồi kết thúc bằng hiệp định Geneve 1954. Tôi biết đến cuộc chiến tranh đó bằng những xung đột giữa cha tôi và người anh lớn nhất, hồi đó hai mươi hay hai mươi hai gì đó, song trên tất cả là bằng những lần một trong những chuyến xe chở hành khách do cha tôi làm chủ bị trúng mìn lật khiến nhiều người bị chết và bị thương. Một buổi chiều nào đó, một trong những người làm công cho hãng xe chuyên chở hành khách “Đông Bình” của cha tôi hốt hải chạy về nhà trong bộ đồ xốc lệch và cái mặt đầy vết dầu xe, thông báo không kịp thở: “Ông ơi, xe bị mìn lật...” Câu nói như có hiệu lực của cây đuũa thần của bà tiên trong truyện Công chúa Ngủ Trong Rừng, mọi người và có lẽ không gian đều lặng đứng. Cha tôi chết lặng. Mẹ tôi ứa nước mắt. Các anh chị tôi ngơ ngác

sững sờ. Bọn nhỏ tội tôi tự biết đã tới lúc nên lặn kiếm một chỗ nào đó xa người lớn chừng nào hay chừng đó để không làm rầy tới họ. Không khí đầy tang tóc như thế chính trong gia đình tôi có người chết. Cách lặn xa người lớn của tôi thường là chui vào một góc kẹt nào đó, trong bếp hay trên gác xếp hoặc ngoài sân thượng nơi phơi đồ, và vùi đầu vào những cuốn truyện thần thoại cổ tích được dịch Việt ngữ của Christian Hans Andersen.

Đời sống tại miền Nam sau khi gia đình tôi di cư theo đoàn người lánh nạn Cộng sản sau Hiệp định Geneve 1954 cũng không khá hơn, nếu không nói là ngày một tồi tệ. Cha tôi không tính di cư, nhưng bị mẹ tôi làm áp lực vì bà nghe những tin tức về việc “cấm đạo như thời Tư Đức” do Cộng sản chủ trương tại những vùng do họ đã tiếp thu được nên bà một hai đòi di cư vào Nam. Việc ông bà bán tổng bán tháo xe cộ cửa nhà vào phút chót đã đẩy ông bà tới chỗ phá sản gần như hoàn toàn: phần vàng ông bà nhận thay vì tiền Đông dương đạo đó thật ra chỉ là một mớ vàng giả mà chỉ tới khi ông bà vào tới trong Nam mới khám phá ra. Từ đó gia đình tôi lún ngày một sâu vào sự nghèo túng. Cha tôi xoay ra nghề lái xe tắc-xi. Cũng chỉ đủ ăn. Một dạo ông đi rừng làm gỗ và khá được một thời gian thì cuộc chiến tranh du kích bắt đầu và rừng trở thành nơi thiếu an ninh. Cha tôi lại khăn gói về Sài Gòn và theo chân bạn bè, ông hành nghề thầu cung cấp vật liệu xây cất cho chính phủ, song vì ít vốn nên việc làm ăn cũng chỉ có tính cách cầm chừng. Và có lẽ cũng vì ít vốn nên cha tôi đã mơ mộng viễn vông, tưởng có thể đánh bạc mà nên vốn liếng. Kết quả là hai lần ông sạt nghiệp.

Cha tôi càng thất bại bao nhiêu, mẹ tôi càng trở nên cay đắng và... ngoan đạo bấy nhiêu. Dường như cha mẹ tôi chẳng bao giờ thẳng thắn đối thoại để tìm hiểu nhau, mà ngược lại, họ dùng chúng tôi để trút ra những ý nghĩ và than phiền về nhau. Cha tôi trách mẹ tôi vụng về, thiếu dịu dàng, chẳng biết buôn bán làm ăn gì hết; trong khi mẹ tôi nói cha tôi khinh thường bà - có lẽ vết thương nơi bà về việc cha tôi ngoại tình dạo nào vẫn còn tiếp tục âm ỉ rỉ máu. Hồi còn sống với cha mẹ tôi, tôi rất khổ tâm vì điều này và có lúc tôi đã đề nghị cha mẹ tôi ngồi lại với nhau lấy một lần, nhưng chẳng bao giờ thành công.

Cha tôi bận rộn, không có thì giờ ngó ngàng gì chúng tôi đã đành. Còn với mẹ tôi, điều quan tâm duy nhất của bà, ngoài việc lo cho chúng tôi có ngày hai bữa ăn, không phải là việc chúng tôi học hành ra sao, bầu bạn với những ai, có biết cách cư

xử với những người xung quanh hay không, mà là chúng tôi có siêng năng đi nhà thờ, có nhớ cầu kinh sớm tối và có năng xưng tội rước lễ hay không. Trong cái thứ đạo Thiên Chúa mà mẹ tôi hấp thụ được, người ta dạy rằng cha mẹ phải có bốn phận thúc dục con cái giữ đạo, nếu không chính họ cũng mất phần thưởng ở nước Chúa - cái gì chứ cái đó mẹ tôi sợ lắm và nó trở thành một ám ảnh đối với bà. Bây giờ càng nghĩ lại, tôi càng ngạc nhiên về nền giáo dục nặng-phần-hồn vô cùng thiếu sót mà tôi nhận được từ gia đình. Cũng may mà những năm tiểu học rồi trung học, tôi được giáo huấn bởi những thầy cô tận tâm, còn coi việc giáo dục là một sứ mệnh cao cả đáng quý và đáng kính nên sự thiếu sót của gia đình đầu sao cũng đã được bù đắp phần lớn trong việc sửa soạn cho sự trưởng thành của tôi.

Dù vậy, trong những năm tháng tuổi thơ sâu thẳm đó, tính lại tôi vẫn còn một kỷ niệm đẹp và duy nhất đáng nhớ về một mùa trung thu năm tôi lên mười một tuổi.

Không đứa nào trong lũ anh chị em sáu đứa tội tôi tin tai mình khi nghe cha tôi nói ông sẽ làm cho chúng tôi một cái đèn kéo quân cho mùa trung thu năm ấy.

Chúng tôi đã quá quen với hình ảnh một người cha bận rộn, nghiêm khắc, lầm lì, ít nói cười - trừ vào những dịp Tết Nguyên Đán khi mà mọi người còn tin là nếu không tươi cười, cởi mở vào ngày đầu năm thì sẽ “đông” cả năm và do đó làm ăn khó khăn, đó là những lúc duy nhất cha tôi và chúng tôi có dịp trò chuyện cởi mở với nhau chút đỉnh. Bởi đó khi nghe cha tôi nói sẽ giúp chúng tôi làm một cái đèn kéo quân, tôi vừa ngạc nhiên vừa sung sướng - sung sướng vì thái độ cởi mở khác thường của cha tôi và ngạc nhiên vì biết cha tôi cũng biết làm đèn, mà lại làm tới cái đèn kéo quân lận, một cái đèn vốn khó làm và ngoài tiệm bày bán ra đất và chưa có một trung thu nào tôi còn nhớ được mà anh chị em chúng tôi lại dám mơ tưởng sẽ được sở hữu một cái. Và để thỏa mãn nỗi thèm khát đó, chúng tôi thường la cà nơi những tiệm bán bánh nướng bánh dẻo và đèn trung thu cùng các con giống đủ màu sắc khác, để ngắm những cái đèn kéo quân mà chúng tôi cho là rất tài tình vì không hiểu được do đâu mà những hình người và thú nối đuôi nhau chạy quanh ngọn đèn được như vậy. Người anh hơn tôi hai tuổi, Sáu, cho rằng chắc phải có máy ở bên trong và tôi đã để ý nhiều lần để xem cái máy gắn ở chỗ nào trong đèn, nhưng không thấy. Không có người lớn nào quanh chúng tôi có thì giờ và đủ quan tâm để giải thích cho chúng tôi nghe về cái luật vật lý nằm trong việc tạo nên sự chuyển

động của các hình nhân dán trên những vòng tròn trong đèn; cũng như đã không có ai quanh chúng tôi đủ quan tâm để giải thích cho chúng tôi nghe những sự kiện khác liên quan đến cuộc sống và chúng tôi lại không có thói quen đặt câu hỏi vì có lẽ chúng tôi đã được huấn luyện từ bé là không được làm rầy người lớn. Cũng chính vì thế mà một lần, cùng với Sáu, tội tôi chơi trò nấu cơm bằng... xăng. Nghĩ lại mà tôi còn rùng mình với hình ảnh tôi lên sáu tuổi, tay cầm lon xăng đứng sau ông anh tay cầm cái muỗng múc xăng đổ vào bếp lửa đang cháy. Lửa dĩ nhiên bắt vào cái muỗng chỉ trong nháy mắt và Sáu trong cơn hoảng hốt, thấy cái muỗng đầu không thấy lại nhè thấy vào tôi. Tôi nhảy lên, buông lon xăng đổ nhào ngay dưới chân, và trước khi kịp chạy theo Sáu, lửa đã bắt vào quần áo tôi và cả người tôi hoá thành cây đuốc. Nghe kêu la ồm ồm dưới bếp, cô tôi chạy xuống bếp thấy cây-đuốc-tôi, cô vớ ngay cái mền trên chiếc phản gỗ nơi mấy chị người làm vẫn ngủ, và chụp lên người tôi rồi lôi vội ra sân và cứ thế đội không biết bao nhiêu nước lên người tôi. Chân trái tôi bị phỏng nặng bên cạnh những vết phỏng khác. Hôm ấy nếu không có người cô ở quê ra tỉnh chơi nhà tôi trong lúc mọi người đi vắng cả, có lẽ tôi đã hoá ra người thiên cổ. Tôi sợ lửa và xăng đến tận bây giờ. Một lần khác, hồi tôi lên năm tuổi, bị con chó của một người hàng xóm cắn vào bụng chân hai vết răng chó lõm sâu tới cả phần. Chủ nhân của con chó vừa dọa vừa dỗ để tôi khỏi mách với nhà. Tôi sợ bị nhà la nên dấu nhem chuyện bị chó cắn. Đạo đó vào mùa hè nên nạn chó dại cũng đáng ngại như bệnh dịch tả. Cũng may mà con chó cắn tôi không phải là chó dại; nếu không, giờ này chắc tôi không đang ngồi đây. Lại một lần khác, tôi sang chơi nhà ông anh họ ở trên lầu, lúc trở xuống chân vướng quần sao đó, tôi mất thăng bằng lăn xuống một mạch mười bậc thang và trán cắm ngay vào đầu nhọn của một thanh sắt, máu tuối xối xả. Tai nạn này xảy ra ngay trước khi tôi suýt bị chết cháy. Tôi còn nhớ anh Cả bỗng tôi trên tay chạy về nhà trong khi mẹ tôi le te chạy theo sau, miệng nói: “Con có làm gì lỗi đâu mà xin lỗi rồi rít, Bầy...” vì quả thực khi thấy mọi người lảng xăng tíu tít vì tôi, tôi cho rằng mình đang làm phiền người lớn nên không ngớt miệng xin lỗi, hay tay chấp vào nhau lạy như tế sao. Tôi có thêm cái sợ, sợ chiều cao, từ đó.

Chúng tôi đã lớn lên như một bầy thú hoang, thiếu sự gần gũi bảo ban của người lớn, thiếu đối thoại, trò chuyện. Nếu có gia đình nào trong đó cha mẹ, con cái ít hiểu biết về nhau nhất, thì trong số đó, gia đình

tôi là một. Có lẽ vì sự kính chống lẫn nhau giữa hai bên gia đình cha và mẹ tôi, nên rút cục chúng tôi cũng ít có dịp biết về họ hàng của cả hai bên; và càng ít biết về chính cha mẹ tôi hơn.

Thế nên phát giác về việc cha tôi biết làm đèn kéo quân có lẽ là một ngạc nhiên lớn lao nhất đối với tôi. Sự ngạc nhiên pha lẫn một hạnh phúc tuyệt vời khi cha tôi đề nghị sẽ giúp chúng tôi làm cái đèn kéo quân cho Tết Trung thu năm ấy, một cái Tết mà chúng tôi cảm bằng giỗ lắm có được vài cái đèn xếp rế tiền, ít ỏi, na, chuối và vài ba khoai bánh nướng, bánh dẻo do họ hàng hay người quen biếu cha mẹ tôi và được giữ lại thay vì đem biếu cho những người quen biết khác vì chúng thuộc loại rế tiền, ít ngon.

Tôi chạy vào bếp tìm mẹ tôi và khoe việc cha tôi sẽ làm cho chúng tôi một cây đèn kéo quân. Lẽ ra chia vui với chúng tôi về cái dịp hoà hoãn mới xảy ra này, mẹ tôi thản nhiên nói lớn đủ cho cha tôi ở nhà ngoài nghe tiếng:

- Ủ, xưa ông ấy vẫn hay làm đèn, hồi còn ở nhà quê và mấy anh chị lớn của mày còn nhỏ kia. Chẳng Cả học được cách thức làm đèn và đèn của nó đẹp, khéo hơn nhiều.

Tôi không để ý đến thái độ khích bác cha tôi của mẹ tôi. Sau Chúa Giê-su, anh Cả và thằng Mười, em trai út tôi, là hai cục cưng của mẹ tôi và điều đó hiển nhiên tới mức độ chả đứa nào trong chúng tôi bận tâm. Thiệt thòi nhất vẫn là em út Một, em gái út của tôi, vì mặc dù là út mà rút cục không được cưng như thằng Mười. Dường như phần lớn tình thương yêu và kỳ vọng của bà đổ dồn vào ba nhân vật này. Lũ còn lại tụi tôi, kể cả con út Một, là những kẻ đứng giữa, giữa người bà ghét nhất là cha tôi và những người bà thương nhất là Chúa, anh Cả và thằng Mười.

Dù sao, như đã nói, đây không phải là điều làm tôi bận tâm, đặc biệt đang lúc hào hứng đến tột đỉnh với dự định về cây đèn kéo quân của cha tôi. Tôi trở ra chỗ cha tôi để kịp nghe một tiếng chép miệng vừa dứt của ông. Bình thường ông đã cự lại những giọng điệu khích bác của mẹ tôi, và mẹ tôi hoặc cãi lại, hoặc phản đối bằng thái độ khinh khỉnh đến lạnh lùng. Nhưng hôm ấy cha tôi chỉ chép miệng, nén cả thở dài — cái giọng thở dài mà tôi đã quen thuộc trong suốt thời gian sống dưới mái gia đình, đặc biệt về ban đêm, và có lẽ trong đời tôi chưa gặp ai thở dài nào nuốt đến như cha tôi. Có lẽ vì nhìn thấy sự náo nức của anh chị em chúng tôi nên ông không muốn hủy hoại nó, sự náo nức đầu tiên và sau đó kể như duy nhất mà ông đã đem đến cho bảy con sinh sau đẻ muộn là Sáu,

tôi, Tám, Chín, Mười và út Một. Các anh chị lớn của tôi có cái may mắn ra đời khi đời sống của cha mẹ tôi chưa có những xáo trộn lớn lao, trong có chiến cuộc Việt Pháp tới giai đoạn gay gắt là một, và cuộc di cư vào Nam đã đưa đến sự phá sản của gia đình tôi là hai, chưa kể vụ cha tôi ngoại tình để từ đó, liên hệ vợ chồng giữa cha mẹ tôi trở thành thiêu thối...

- Trước hết, thằng Sáu đi kiếm tre nứa, giấy bóng trắng mờ, chỉ và giấy thép....

Cha tôi phản công.

- Thế còn cái máy thì sao hả cậu ?

Tôi hỏi, nhớ đến lời Sáu.

- Máy gì ?

- Cái máy để làm cho hình nhân quay đó mà. Anh Sáu nói phải có máy mới chạy được.

- Tao nói bao giờ ? Tao chỉ đoán thôi chứ bộ. Sáu cãi.

- Đâu cần máy. Cha tôi nói.

- Vậy làm sao hình nhân quay ? Tôi thắc mắc.

Cha tôi không phải loại người nói mà là loại người làm. Hoặc ông muốn dành cho chúng tôi một khám phá thú vị, hoặc có lẽ chính ông cũng chẳng biết giải thích làm sao cho chúng tôi hiểu cái ngón làm đèn kéo quân mà ông đã học được có lẽ từ thời niên thiếu ở nhà quê ngoài Bắc.

- Từ từ rồi tụi bay sẽ thấy. Hình nhân sẽ quay như con đong, cái mới tài tình! Giờ lo đi kiếm tre, giấy và các thứ vật liệu này khác... Đứa nào chạy vào hỏi mợ mày xem mợ tre chẻ lạt gói bánh chưng cho Tết rồi để đâu, đem ra đây. Còn thằng Sáu lo chạy đi mua giấy bóng trắng mờ...

- Tại sao không phải là loại giấy bóng kính đỏ, hả cậu ? Tôi rụt rè hỏi, chỉ sợ cha tôi bực mình.

- Con này ngu quá. Dùng giấy bóng kính thì làm sao hình nhân in bóng lên được. Với lại tao chưa thấy có cái đèn kéo quân nào làm bằng giấy bóng kính hết. Hồi xưa, người ta dùng giấy bản.

Tám vác mớ tre dùng để chẻ lạt gói bánh chưng năm rồi còn dư ra cho cha tôi. Cha tôi bắt đầu chẻ tre ra từng cây que dài độ tám chục phân, rộng và dày độ nửa phân. Ông dùng chỉ cột những thanh tre lại thành bốn hình vuông, xong cột những hình vuông này lại thành một khối vuông vức. Trong khi chờ Sáu mang giấy bóng về, ông với ống thuốc lạo, vẽ những sợi thuốc lạo lại thành một viên tròn bỏ vào nỏ, xong ông kê một đầu xe điều vào một cái lỗ nhỏ nằm bên miệng nỏ, đầu kia ông ngậm nơi miệng. Dùng cái đóm châm lửa từ ngọn đèn hoa kỳ luôn cháy ngọn li ti và đốt viên thuốc lạo nằm gọn trong nỏ, rồi cứ thế, ông rít từng hơi dài trong khi ngọn lửa nhảy bập bùng như đùa nghịch trên nỏ

và nước trong nỏ reo lên sòng sọc. Tôi thường thích ngắm cha, và cả mẹ tôi nữa, hút thuốc lạo (mặc dù thỉnh thoảng mẹ tôi say thuốc lạo làm tôi sợ muốn khóc), cho nên mặc dù đang mãi ngắm cái khung đèn hình khối vuông và tự hỏi tại sao lại là hình khối vuông mà không phải là hình ống như những cây đèn kéo quân mà tôi đã từng trông thấy, tôi cũng bỏ dở để theo dõi "nghỉ thức" hút thuốc lạo của cha tôi cái đã. Sau khi ánh chừng cụm thuốc lạo đã cháy thành tro cả rồi, cha tôi ngưng không rít nữa và ngửa cổ phun ra một tràng khói nghi ngút như khói từ một cái đầu tàu xe lửa chạy bằng than. Ông có vẻ khoan khoái lắm, như thể trên đời chẳng có điều gì đánh cho ông bận tâm sau khi ông làm một hơi thuốc lạo. Đặt chiếc xe điều xuống — cái xe điều làm bằng trúc dài độ ba chục phân, cứng ngắc, đôi khi biến thành roi đòn những khi cha mẹ tôi nổi nóng mà xung quanh không có món gì khả dĩ có thể dùng làm que đánh đòn tụi tôi, vì vậy mà chúng tôi có từ ngữ "ăn xe điều" có nghĩa là ăn đòn — cha tôi đứng dậy đi rót một ly nước trà tươi Blao và súc miệng sùng sục xong nuốt chửng. Cũng vừa vặn Sáu mang giấy bóng về tới. Cha tôi trở lại chỗ làm đèn với đám khán giả nôn nóng gồm sáu anh chị em tôi.

- Tại sao cái đèn lại có hình khối vuông hả cậu ? — Tôi rụt rè lên tiếng hỏi — Con tưởng phải hình ống mới đúng chứ.

- Tại khối vuông dễ làm. Cha tôi đáp gọn lỏn trong khi cất giấy bóng ra làm bốn miếng hình vuông rồi như chợt nhận ra đứa nào vừa lên tiếng hỏi câu hỏi trên, ông nói: — Ơ, sao cái Bảy còn ngồi đây ? Sao không lo vẽ hình để làm hình nhân đi ? Mày vẽ được thì vẽ đi chứ còn chờ gì nữa ?

- Tại con không nghe cậu bảo gì cả. Con sẽ đi lấy giấy bút vẽ liền.

Tôi đáp với hai cánh mũi phồng to vì mới hãnh diện được cha tôi giao phó cho một công việc quan trọng bậc nhì trong việc làm đèn. Phải, không quan trọng sao được bởi vì cái đèn đầu còn có thể gọi là đèn kéo quân nếu thiếu những hình nhân. Và cha tôi giao cho tôi cái công việc tạo cho cây đèn một sự sống động vì ông chỉ biết có tôi là ham vẽ và có hoa tay (tôi thường tần mẩn tìm trên mười đầu ngón tay xem cái gọi là "hoa tay" ấy ở đâu mà chả thấy đâu cả). Tôi ham vẽ ngay từ khi biết cầm bút viết và thường phóng tác những chuyện đã đọc hoặc những phim đã xem. Độc giả của những truyện bằng tranh của tôi là đám bạn học cùng lớp. Vì ít khi có giấy trắng đủ để vẽ, tôi xoay ra cho các bạn tôi "mượn" truyện bằng cách thay vì trả tiền để được đọc truyện của tôi, chúng phải nạp giấy trắng xé từ vở bài làm

của chúng ra. Có vài đứa bạn bỏ tiền ra để mua đứt một cuốn truyện bằng tranh nào đó của tôi, và tôi dùng tiền bán truyện đó để mua giấy vẽ truyện nữa. Tôi có đam mê về truyện nên chẳng hề quan tâm về việc bán đứt một tập truyện, miễn là tôi có tiền mua giấy vẽ và viết nữa. Cha tôi không bao giờ nói ra niềm hãnh diện của ông về tài năng của tôi, hoặc có lẽ ông cũng chẳng buồn lưu ý tôi cho đến khi có một hai người bạn của ông đến chơi thấy tôi ngồi vẽ truyện, đã xem và khuyên ông nên cho tôi theo học vẽ. Tôi được cha tôi cho tiền theo học đầu được một hai khóa vẽ; nhưng khi tôi thi xong cái tú tài II và thi đậu vào trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia định thì chính ông lại là người ngăn cản không cho tôi theo học để trở thành họa sĩ là giấc mộng đầu đời của tôi. Với ông, họa sĩ là một nghề chết đói và nhất là không thích hợp với đàn bà con gái. Sự ngăn cản ấy, trên một khía cạnh nào đó, không hẳn là một điều dở. Sau khi ôm mối bất đắc chí lang thang qua các phân khoa Văn, Luật, rồi Kiến trúc, tôi kết thúc chuyện ra trường theo chiều ngang (danh từ "sortie latérale" của các sinh viên Kiến trúc hồi đó dành cho những sinh viên bỏ ngang việc học thay vì học cho đến khi thành tài) bằng nghề viết văn và làm báo.

Tôi tiếc rẻ vì không được theo dõi tiếp cuộc làm đèn. Tôi đi kiếm bút chì và bìa, ngồi vào bàn và bắt đầu suy nghĩ xem nên vẽ gì. Tôi suy nghĩ lung lăm. Từ ít lâu nay tôi có khuynh hướng say mê sáng tác truyện đường rừng, song nếu đưa các nhân vật đường rừng của tôi vào đèn kéo quân xem ra không ổn vì các em tôi tôi còn nhỏ, không thưởng thức nổi và tôi sẽ phải mất công giải thích, mất hay. Hay là tôi nên vẽ lại lịch sử Việt nam với Hai Bà

Trung, Bà Triệu, huyền thoại bà Âu Cơ và Lạc Long Quân, Phù Đổng Thiên Vương, Lê Lợi người anh hùng áo vải, Trần Hưng Đạo với lời thề trên sông Bạch Đằng v.v. ? Các em tôi, nhất là Út Một sắp sửa vào lớp một, chắc sẽ chưa thưởng thức nổi. Cuối cùng, tôi đi đến quyết định vẽ lại các nhân vật cổ tích thần thoại như cô bé Lọ Lem, Công Chúa Ngủ Trong Rừng, Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn theo lối hoạt họa của Walt Disney, như vậy, các em nhỏ của tôi dễ dàng nhận ra các nhân vật này. Và thế là tôi phóng bút vẽ.

Chẳng bao lâu tôi đã vẽ đầy mấy trang bìa. Tôi cắt những hình cao không đến một tấc và đem đến cho cha tôi đang làm đèn.

Lúc này cha tôi đã hoàn tất phần dán giấy xung quanh cái khung đèn và ông đang làm đến phần chính của đèn, đó là cái trụ đèn. Ông khoan tròn hai khúc giấy kẽm thành hai vòng tròn đường kính khoảng hai chục phân, xong ông đặt hai vòng tròn đó cách khoảng nhau độ mười lăm phân và khéo léo cột chúng xung quanh một trục bằng kẽm cao bằng chiều cao của khung đèn. Trục này được đặt trên một đĩa đèn làm bằng một nắp hộp bằng kẽm, dính trục giao tiếp với hai cây que bắt chéo trên đỉnh đèn. Trục này có thể được gỡ ra khỏi đèn khi cần.

Trước khi trao cho tôi phần vụ dán các hình nhân xung quanh hai vòng tròn bằng giấy kẽm, cha tôi trải nghiệm cái công trình của ông bằng cách đốt một cây nến và đặt nơi đĩa đèn được cột nơi hai cây que bắt chéo nhau nơi đáy đèn. Hơi nóng từ cây nến bốc lên làm không khí bị giam trong đèn chuyển động, từ từ hai vòng tròn bằng giấy kẽm chuyển động quanh trục. Cha tôi có vẻ hài lòng.

- Rồi đó. Giờ chỉ còn việc dán các hình nhân lên hai vòng tròn. —Nói rồi, cha tôi thối tất cây nến, gỡ trục đèn ra khỏi đèn và giao cho Sáu— Thăng Sáu cầm trục thẳng đứng cho em may dán hình nhân lên. Đừng dán nhiều quá, trục nặng quay không nổi.

Trong khi cha tôi tự thưởng cho mình thêm một liều thuốc lão và một ly nước trà tươi nữa, chúng tôi loay hoay chọn lựa xem nhân vật thần thoại nào sẽ được đưa vào đèn, nhân vật nào sẽ bị loại, và tôi làm cái công tác dán các hình nhân đã được chọn lựa lên hai vòng tròn với tất cả sự cẩn thận và quan trọng.

Cuối cùng, cây đèn hoàn tất không giống bất cứ cây đèn kéo quân nào khác, nhưng độc đáo và là công trình của cha con chúng tôi. Cây nến được thắp lên, hai vòng tròn dán đầy hình nhân từ từ chuyển động quanh trục đèn, không nhanh nhưng vừa đủ để người xem nhận diện từng nhân vật hoạt họa của Walt Disney hoặc nhân vật thần thoại của Christian Hans Andersen khi ánh sáng từ cây nến hắt bóng các hình nhân lên bốn mặt phủ giấy bóng trắng mờ của cây đèn. Này đây cô bé Lọ Lem đuổi theo cỗ xe, bỏ lại chiếc giày bằng thủy tinh mà vị hoàng tử đang cúi xuống nhặt; này đây cỗ xe đuổi theo vị hoàng tử cưới ngựa tiến về phía chiếc giường nơi công chúa Bình Minh đang ngủ giấc ngủ trăm năm; này đây cô công chúa Thủy Cung nửa người nửa cá ngồi hát trên mỏm đá, mái tóc dài lượn cuộn với sóng biển, mắt nàng hướng về phía con tàu trên đó có người mà nàng yêu.v.v. và v.v.. Cả một thế giới thần thoại được dựng lên sống động, và anh chị em chúng tôi ngồi ngắm đèn quên cả ăn.

Chiếc đèn được treo trên lầu, ngay trên bàn học đối diện với hai khung cửa sổ lớn chiếm nguyên chiều ngang khoảng ba thước của một ngôi nhà gỗ ọp ẹp đầy mối, rệp và chuột. Từ dưới con hẻm rộng không đến hai thước trước nhà ngó lên, người ta có thể ngó thấy cái đèn kéo quân của anh chị em chúng tôi. Giá cái đèn có hình ống thì thật toàn hảo —nhưng, tôi tự nhủ khi ngắm cây đèn, thôi vậy cũng tốt chán, cũng đẹn chán. Từ đầu hẻm đến cuối hẻm đã có bọn trẻ nhà ai có được cái diễm phúc như tụi tôi là được cha chúng cất công ngồi chẻ tre, cắt giấy, khoan giấy kẽm làm cho cái đèn kéo quân đầy mà hồng, mà dầu cho có làm được cây đèn đi nữa thì chúng cũng khó mà có người vẽ cho những hình nhân để dán bên trong và tạo cho cây đèn sự sống động cần thiết để xứng đáng với tên gọi đèn kéo quân.

Tết Trung thu năm đó, chúng tôi có một cỗ trông giăng cũng như mọi năm, cũng

về một chỗ quen

Bầu trời này em che riêng một góc
Này vào đây nhấm nháp chút cà phê
Tâm hồn người ta phải đang giải thoát
nên có ai mang về mặt ngóng về

Em là tay mở quán ngang xinh xắn
Bọn chúng ta lúc nhúc ngồi quanh
Câu chuyện đời tan theo khói thuốc
Uống đắng càng nghe thấm thía tâm tình

Là những mảnh đời chạy xuôi chạy ngược
Ta tìm gặp nhau lúc nắng lúc mưa
Mắt em tròn to đen lóng lánh
Ta vào đây tự ý hẹn hò

Vâng xin một thìa đường thôi nhè
và hé môi nghiêng ngửa nụ cười tròn
Đóa em bồng đông ong với bướm
dù ngậm ngùi trong nỗi ảo cảm

Chúng ta thêm gặp nhau kỳ dị
Đã mọc bao nhiêu cái quán đời
Nước nhỏ đầy ly nhìn hoài quyến rũ
Nhấp ngậm đầy cho đỡ nhạt ngày trôi

Đời đã chao đảo trong cách mạng
Ôi Sài Gòn hấp hối thật rung rung
Đành đưa chân đời là ta đó
nghe đau thương cứ đập mãi vô cùng

Rồi thì cũng dong thuyền ra biển lớn
Mấy chiếc lều xưa nhớ rồi quên
Nhưng đêm nay chúng hiện về rõ rệt
Ta mơ hồ nghe em gọi nhỏ tên

Vào đây uống dùm em một tách
và đọc thơ tụng nhan sắc héo hon
Cà phê em nấu trong tủi nhục
Hãy uống đi cho đắng đậm buồn.

bắc phong

na, chuối, ổi, bánh nướng, bánh dẻo...v.v. nhưng cái phần độc đáo hơn cả, đáng ghi nhớ hơn cả, là cây đèn kéo quân chẳng-giống-của-ai của anh em chúng tôi. Chúng tôi ngã cổ sớm để còn kịp tham dự buổi rước đèn với bầy trẻ cùng xóm. Rất tiếc chúng tôi đã không thể đem theo cây đèn kéo quân vì loại đèn này để trưng chứ không phải để rước. Trước khi rời khỏi con hẻm nhà tôi, tôi còn ngoái nhìn cái đèn kéo quân treo trên lầu và hài lòng khi thấy các nhân vật thần thoại của tôi vẫn tiếp tục đuổi nhau. Khởi nói tụi nhỏ hàng xóm đã tỏ sự ngưỡng mộ lẫn hơn ghen như thế nào trước công trình độc đáo đó. Lẽ ra phải tắt nến của cái đèn kéo quân đi, nhưng chúng tôi tiếc rẻ. Chúng tôi muốn tiếp tục khoe với mọi người đi ngang qua con hẻm về cái công trình chung của cha con chúng tôi.

Sau khi rước đèn chán chê, chúng tôi trở về nhà. Một cảnh nhộn nhịp khác thường đang diễn ra trong nhà tôi: mẹ tôi và chị người làm chạy lên chạy xuống láng xăng như gà mắc đề, tay bẻ từng thau nước đầy lên lầu rồi thau không khi trở xuống. Chúng tôi ngơ ngác không hiểu có chuyện gì đang xảy ra.

- Đứa nào để đèn cháy trên lầu ?

Mẹ tôi tru tréo khi vừa thấy mặt tụi tôi.

- Đâu có ai để đèn cháy. Tụi con tắt hết đèn rồi mà. Mợ dặn phải tắt hết đèn mỗi khi xuống nhà cho khỏi tốn điện và tụi con đã làm như lời mợ dặn... Chỉ để chừa có mỗi cái đèn kéo quân...

- Chỉ để chừa có mỗi cái đèn kéo quân ! Mẹ tôi trợn ngược đôi mắt làm tôi nhớ tới những lần bà say thuốc lào. Bà vừa nói vừa ôm ngực thở, mặt xanh như tàu lá. — Con cái nhà ăn gì mà sao ngu quá thế không biết! Không có chị Tý ở nhà và tao không về kịp để tiếp tay thì tối nay cả xóm có nước ra đường ngủ, không có đến cái khố mà thay chứ đừng nói chuyện! Đèn với lại chả đóm! Cái thằng bố mày, đúng là thứ đầu têu, chả được cái tích sự gì!

- Cái đèn kéo quân!

Tôi la lên rồi ba chân bốn cẳng chạy bay lên lầu. Nó chỉ còn là cái khung méo mó, xô lệch và đen ngòm. Giấy dán xung quanh và các hình nhân thấy đều đã cháy ra tro. Chị Tý đang gom tất cả vụn cháy và

khung đèn vào một cái thùng dầu hôi bằng thiếc được dùng làm thùng rác. Chưa hết, cái va-li con em tôi và tôi chung nhau đựng quần áo đặt trên sàn gác ngay dưới cái đèn cũng bị cháy xém mất một góc. Chính mùi vải cháy đã khiến chị Tý lúc đó đang ở dưới nhà ngủ thấy, chạy lên lầu xem xét và do đó phát giác ra vụ cháy đến suýt nữa thì trở thành một vụ hỏa hoạn.

- May mà tôi bỏ ý định đi thăm cậu em tối nay và ở nhà nên mới kịp phát giác ra cây đèn bị cháy; nếu không mặt vận cả lũ rồi chứ không phải đùa!

Chị Tý lau bầu, mặt vẫn còn đầy vẻ thất thần, vành tóc trần xụp xuống tới ngang trán bết những mồ hôi.

Tôi chưa kịp tiếc cây đèn và có lẽ đã không bao giờ dám tiếc. Hai chữ "cháy nhà" làm tôi lạnh cả người, trống ngực đánh thình thịch như trống trận. Tôi còn chưa quên lần chết cháy hụt hồi lên sáu tuổi khi chơi trò nấu bếp bằng xăng với Sáu.

Đó là cây đèn kéo quân đầu tiên và cuối cùng trong đời tôi. Đó cũng là kỷ niệm duy nhất về sự gần gũi giữa cha con chúng tôi. Tôi không còn nhớ rõ phản ứng của cha tôi ra sao sau khi nghe kể về vụ hỏa hoạn hụt do cái đèn kéo quân độc đáo của cha con chúng tôi gây ra. Tôi chỉ còn nhớ một điều là những năm tháng sau đó, cha tôi lại trở về với con người lầm lữ ít nói cười và chỉ cời mở vào mỗi ngày đầu năm vì truyền thống sợ "đông", mặc dù cha tôi vẫn tiếp tục "đông" hết tháng này qua tháng khác, hết năm này qua năm khác. Sự lầm lữ liên tiếp thất bại — hay vì chính máu mề cơ bạc — ? đã đẩy ông tới chỗ cơ bạc ngày một đậm, hy vọng một cách hoài công một dịp hên chả bao giờ đến. Năm tôi đang sửa soạn cho kỳ thi tú tài phần I, gia đình tôi bán căn nhà gỗ ọp ẹp, dột tũn tung để sang ở một căn nhà gạch tương đối cao ráo, sáng sủa, không bị dột, nhưng cũng chẳng được dăm ba năm thì mẹ tôi phải đứng ra bán lại căn nhà đó để lấy tiền trả nợ cơ bạc cho cha tôi trong khi cha tôi phải lên tá túc ở nhà chị Năm tôi trên Lâm Đồng để tránh bị con nợ đến hỏi thăm, đe dọa. Và từ đó chúng tôi tiếp tục trên đà tuột dốc. Mẹ tôi ngày một trở nên cay đắng đến lạnh lùng, ghét cha tôi hơn, thường lo cho chúng tôi một cách vừa phải, thương Chúa một cách đậm đà nồng thắm. Và chúng tôi ngày một lớn, một rời xa gia đình và đi tìm những cảm thông đối thoại nơi khác, với rất nhiều lần lỡ lầm để phiền muộn từ đó trở thành già dặn trước tuổi.

Bây giờ mẹ tôi đã nằm xuống, niềm mơ ước buồn bã của bà cuối cùng đã được toại nguyện: bà về đoàn tụ với Chúa. Bà đi

mà không ai biết là bà đi. Một buổi sáng, bà xách xô đi mua cháo về ăn sáng. Ăn xong, bà kêu mệt, lên giường ngủ trong căn nhà tôi bỏ lại khi đem các con tôi ra đi. Khi Mười vào đánh thức bà dậy thì bà chỉ còn là một thân xác lạnh với nét mặt thanh thản, kết thúc trên sáu mươi năm làm đấng cay nhiều hơn ngọt bùi, bỏ lại người chồng mà bà chẳng bao giờ tha thứ cho tội phản bội, không cần tìm hiểu và có lẽ không hiểu được vì sao mà cha tôi đã dễ sa ngã vào vòng tay một người đàn bà khác dù chỉ trong một thời gian ngắn ngủi; mặc dù sau khi chiêu hồi được cha tôi về với gia đình, mẹ tôi đã sản xuất thêm được em Mười và Út Một của tôi để chứng tỏ một điều gì đó với bà con họ hàng mà mẹ tôi không bao giờ nói ra, tuy nhiên điều đó cũng không hàn gắn nổi vết thương lòng của bà. Cha tôi hiện ở chung với Mười nhưng cơm nước giặt giũ dường như ông phải lo lấy vì vợ của em tôi bận rộn với bầy con và có lẽ phải tiếp tay với chồng nó lo kiếm ăn trong cuộc sống ngày một ngặt nghèo ở Sài Gòn bấy giờ.

Năm ngoái, Út Một ở Pháp lo xong giấy tờ cho cha tôi xuất ngoại đoàn tụ với con gái. Cha tôi viết thư bảo với tụi tôi nếu về máy bay có mắc quá thì thôi, để ông ở lại cũng được. Tôi hiểu cha tôi không tha thiết lắm với việc đi có lẽ một phần vì khi Út Một khởi sự lo giấy tờ thì mẹ tôi còn sống và bà háo hức với ý tưởng được đoàn tụ với con cháu. Giờ, giấy tờ xong thì mẹ tôi đã ra người thiên cổ. Hơn nữa, cha tôi năm nay đã bảy mươi tuổi và tại Sài Gòn tuy đã đổi tên, đổi chủ, đổi cả cuộc đời, cha tôi vẫn còn đôi ba người bạn già để lui tới tâm sự dù chỉ để thở than về thời thế; và tôi không hình dung nổi cảnh cha tôi sống lầm lũi trên đất khách, nơi mà ngay những người trẻ như tụi tôi cũng cần cả một thời gian dài để thích nghi và làm quen và dù vậy, không bao giờ có thể quên được dĩ vãng tại Việt Nam. Tuy thế, tụi tôi cũng tom góp lại để lo tiền máy bay cho cha tôi. Đến phút chót, chính phủ Pháp từ chối không cấp giấy nhập cảnh cho ông vì chèn ông già. Vợ chồng Út Một đang xin với Hồng Thập Tự quốc tế can thiệp về vụ xin đoàn tụ với cha tôi. Chả biết ông có sống đến ngày đó ?

Từ ngày mẹ tôi mất, tôi không biết cha tôi đã có những cảm nghĩ gì. Ông chẳng bao giờ thổ lộ với ai tâm sự của mình. Bà chị dâu lớn của tôi viết thư nói ông xem chừng buồn lắm. Tôi thường nghĩ tới cha mẹ tôi như cặp vai chính Gelosomina và Zampano trong phim La Strada của Ý, mà một nhà phê bình đã viết: "Đó là một tuần trăng mật buồn thảm mà lời yêu đương chỉ được ngỏ khi từ biệt."

trung-thu ngắm trăng thành-phố quê người

Treo một mảnh
Đầu ngọn cây
Trăng rớt đầy tay
Trơ hàng cột điện
cung vũ



Mùa Thu Độc Thơ Lý Bạch

Văn Vũ

Lý Bạch là một trong những nhà thơ nổi tiếng nhất trong văn-học sử Trung-hoa. Ông ra đời và sống trong thời thịnh Đường, người huyện Châu Cầm, Tứ Xuyên. Tương-truyền khi thụ-thai, mẹ ông mơ thấy sao Trường-canh sa vào bụng, nên sinh ông ra đặt tên chữ là Thái-bạch.

Sinh năm 701, mới 15 tuổi ông đã rong chơi khắp Trung-nguyên như một thi-sĩ lưu-động. Trong 10 năm liền, bước chân Lý hầu như đã dẫm khắp phân nửa lãnh-thổ Trung-hoa, mặc dù phương-tiện di-chuyển thời xưa hết sức thô-sơ và thiếu-thốn.

Danh lam, thắng-tích, cảnh trời nước mênh-mông hùng vĩ, ruộng đồng khoáng-đạt xanh tươi và những cuộc hành-du dài đã giúp chàng thiếu-niên họ Lý chứng-kiến nhiều cảnh đời khác nhau, khiến tim chàng thêm nhạy cảm, ý chí thêm trong sáng, đồng-thời hun-đúc tính-khí can-đảm và bền chặt. Thi ca Lý Bạch đều thấm nhuần phong-cách hiểu đời một cách sâu rộng như thế ấy.

Thuở nhỏ, Lý theo học ở núi Hoa sơn, nhưng tính-tình phóng-đật, thích ngao-du, học đâu quên đó, lại không chịu ép mình vào khuôn-khổ nên đâm ra buồn chán, nửa chừng bỏ về.

Đọc đường, Lý gặp một bà cụ ngồi bên vệ đường mài một cái chày sắt, hỏi ra mới biết bà định mài thành một cây kim may. Lý Bạch thở dài, bảo :

— Cái chày to quá, bà mài đến bao giờ mới thành cây kim được ?

Bà cụ mỉm cười, xong chính sắc đáp :

— Bữa nay không xong thì ngày mai, năm này không xong thì qua năm tới. Ta cứ mài hoài, một ngày kia rồi cái chày to-tướng này cũng tới lúc phải thành cây kim, chỉ sợ không kiên-trì, chịu cực khổ mà thôi !

Lý Bạch nghe xong lạnh toát người, tỉnh ngộ bèn quảy gói trở lên núi học tiếp, từ đó gia-tâm dùi mài kinh-sách, nhờ vậy văn-tài lừng lẫy suốt một dải Tây-đô Trường-an qua Đông đô Lạc-dương.

Dù văn-tài xuất-chúng, Lý xuống kinh ứng-thí vẫn bị quan-trưởng là Thái-sư Dương Quốc Trung và Thái-úy Cao Lực-Sĩ đánh rớt vì không có của đút. Dương trở tay vào mặt Lý, miệt-thị : “tài người chỉ

đáng mài mực hầu người.” Cao còn a-dua, nói theo : “hoặc chỉ đáng tháo giày, xỏ vớ cho người !” Lý uất-ức bỏ về trọ nhà bạn, suốt ngày uống rượu ngâm thơ, không màng tới công-danh nữa.

Danh-họa, và cũng là thi-bá đương thời là Hạ Tri Chương (695-744) đọc thơ Lý Bạch, phê-bình rằng : “Chính Lý Bạch mới là thi-bá” và nhất-định cho rằng Lý không phải người, mà là trich-tiên (tiên mắc nợ, bị đày xuống trần), và tâu với Đường Minh Hoàng (Huyền Tông), gặp lúc trong triều đang gặp khó về việc ngoại-giao, vua cho triệu Lý vào đem tài học ra đối-đáp với sứ-thần ngoại-quốc.

Huyền-tông đẹp dạ, sai Lý thảo chiếu trả lời sứ ấy. Lý tâu xin cho Dương thái-sư mài mực và Cao thái-úy cởi giày cho ông, cho sứ kiêng oai. Vua chuẩn tấu. Dương Quốc Trung và Cao Lực Sĩ mặt khi đỏ bừng như chu-sa, lúc xanh như chàm đổ, vừa giận, vừa sợ, tay chân run lẩy-bẩy khò lưng mài mực và tháo giày cho ông theo lệnh vua ban.

Chiếu thảo xong, vua xem qua cả đẹp, truyền cho kiêng ẩn gửi đi, rồi phong Lý làm Hàn-lâm Học-sĩ.

Từ đó, Lý đem văn-tài ra phục-vụ cho nhà vua.

Phải công-nhận rằng cách Huyền-tông tiếp Lý thật khác thường và càng làm danh-vị nhà thơ thêm lừng-lẫy. Khi Lý đến chơi, Hoàng-đế thân ngự xuống khỏi ngai nghênh đón, đãi Lý như một quốc-khách. Vua vẫn mời Lý ăn chung mâm và tự tay tiếp thức ăn cho nhà thơ. Hai người ngoài đạo vua tôi còn phát-triển một thứ tình bằng-hữu. Lý phụ-trách soạn chiếu (còn gọi là *sắc*) cho vua, giải-quyết các vấn-đề cơ-mật của quốc-gia, tháp-tùng Hoàng-đế tuần du, kinh-lý. Càng ngày, Lý càng chứng-tỏ ngoài tài thi-văn, còn có một sức học uyên-bác về chính-trị.

Vua Đường cho xếp Lý vào hàng hoàng-tộc, và tất cả đình-thần, thân vương đều muốn làm thân với Lý, dù thực-tâm mến yêu trọng vọng, hay ganh ghét, khó chịu.

Tại Trường-an, Lý kết bạn với Hạ Tri Chương, Thôi Tông Chi, Vương Tiến, Tô Tấn, Trương Húc, Tiêu Toại, Lý Thích Chi, họp thành bọn Cửu Trung Bát Tiên (tám ông tiên sống trong rượu), Lý lại là



LÝ-BẠCH UỐNG RƯỢU DƯỚI TRĂNG

Tranh của Hứa Hi Tông, trích trong cuốn *La Poésie Chinoise* của Patricia Guillenot, Seghers, Paris, 1967

người trọi hẳn lên, về tài, cũng như về ngông.

Có lần Lý đang say, vua sai viết nháp tờ xuất-sư chiếu, Lý cầm bút viết một thôi, không phải bản nháp, mà là chính bản, chữ viết như rồng bay, văn-chương chắc nịch.

Khi ở Hàn-lâm, Lý thường say sưa, vua muốn sai soạn nhạc từ, phải lấy nước phun vào mặt ông cho tỉnh. Lý giật mình, ngồi dậy vẩy bút viết luôn mười chương.

Lý và Huyền Tông thường đối-ẩm, khi say khướt, nhà thơ gác cả chân lên bụng vua mà ngủ. Huyền Tông trọng tài, mến người, cứ để yên cho Lý gác.

Có lần Lý lên thăm Hoàng-sơn, đọc đường ghé vào một quán nhỏ, uống say túy-lúy, con lừa chở ông xông thẳng vào huyện-đường sớ tại. Huyện quan nổi trận lôi-đỉnh, cho rằng bị gã say xúc-phạm, thét tá tước nhà thơ lại, xong quát hỏi :

— Mày là thằng nào mà ngang-ngược càn rỡ như thế ?

Lý không thêm đáp, đòi cởi trói. Thấy phong-tư Lý khác thường, quan Huyện hơi chột dạ, tạm tha tội trói cho Lý. Bấy giờ Lý chẳng thèm nói thêm nửa lời, lấy bút phẩy mấy chữ :

— Ta là “thằng” gác chân lên bụng vua mà ngủ, khi viết có Dương thái-sư mài mực, ngủ có Cao thái-úy cởi giày, ta được phép cưỡi ngựa rong chơi trong cung cấm, sao lại chẳng dám ngồi lừa trong cái huyện-đường nhỏ xíu này ?

Huyện quan hiểu ngay là mình vừa phạm tội bay đầu như chơi, run lập-cập quì xuống dập-bấp xin tha. Lý cười ha hả,

giục lừa đi tuốt.

Thế rồi nhà thơ ngông cũng tới kỳ vận hạn. Một hôm, thời Khai Nguyên, nhân hoa nở đẹp, vua Đường cùng Dương quý-phi thưởng hoa, sai nhạc đội ca hát. Minh Hoàng muốn làm vui lòng Quý-phi, cho vời Lý Bạch vào làm viết lời mới cho nhạc điệu. Lý Bạch một phần tỉnh chín phần say, viết một lúc ba lời cho bài *Thanh Bình Điệu*. Huyền Tông và Quý-phi nghe xong rất cao hứng.

Cao Lực-Sĩ vẫn để tâm thù Lý Bạch mượn oai vua sai hấn cỡi giầy, bèn đem hai câu trong bài *Thanh Bình Điệu* ra đem với Dương Quý-phi, rằng Lý Bạch muốn ví Dương với Triệu Phi-Yến, một cung-nhân thất sủng ngày xưa. Quý-phi cả giận, lưu-tâm đim Lý Bạch, mấy lần vua muốn thăng quan chức cho Lý đều bị Quý-phi ngăn cản. Ngoài triều, Lý còn bị Trương Kỳ mưu hại.

Thấy Huyền Tông đối với mình có khi tỏ ra hờ hững, Lý buồn tình xin về quê, được vua ban rất nhiều vàng bạc. Lúc đó Lý 45 tuổi, lại lên đường ngao-du bốn phương, qua Triệu, Ngụy, Tề, Tần tới Bân, Kỳ, Thương, U, lạc-dương, xuống nam chơi sông Hoài, sông Tứ, lại vào Cối-kê. Nhân gia-đình tại đất Lỗ, Lý thường đi lại miền Tề, Lỗ, rồi Lương, Tống, giao-kết với Đỗ Phủ, Sầm Tham, Ngụy Hạo.

Năm 756, Túc Tông lên ngôi, phong cho em là Lân, con thứ 16 của Đường Minh Hoàng làm Tiết-độ-sứ cai quản Sơn-đông, Lĩnh-nam, Giang-nam. Lúc ấy Lý đang ở Lư-sơn, đã 56 tuổi, được Lâm vời ra giúp. Loạn An-lộc-sơn bức vua phải bỏ kinh-đô lánh vào đất Thục, Lân thừa cơ tạo phản, Lý cũng bị lôi-cuốn theo dòng. Năm sau, Túc tông phản-công, đánh tan quân Lân, Lý Bạch bị bắt trong đám loạn quân. Thôi Chi Hoán và Tống Nhược Tư liệu chết nài-nỉ xin tha cho Lý. Nhược Tư còn liệu mạng đem quân tới chỗ giam Lý ở Hà-nam để giải-cứu, và phong làm Tham-mưu, dùng trong trướng và dân số tiến-cử lên Túc tông, nhưng vua không trả lời, vẫn khép Lý vào án tử hình. May nhờ Quách Tử Nghi xin trả hết quan chức của mình để xin chuộc tội cho Lý, vua mới giảm án tử thành án lưu-đày, phát vãng Lý Bạch đi Dạ-lang, Động-đỉnh rồi Tam giáp. Năm 59 tuổi, Lý được tha, bèn đi xuống Hán-dương, rồi An-huy, Kim-lăng, Tuyên-thành, Lịch-dương sống những ngày phóng-đãng.

Năm 762, Đại-tông lên thay Túc tông, cho vời Lý Bạch về triều, phong chức Thập di. Nhưng sau 15 năm bị lưu đày, Lý như kiệt-lực, ngã bệnh chết vào tháng 11 năm đó, thọ 62 tuổi, để lại bốn vợ, bốn con.

Về cái chết của Lý Bạch, theo Đỗ Phủ, Vương Định Bảo và Hồng Dong Trai, nói rõ là chết đuối, không phải chết bệnh. Trên đường về kinh nhậm chức, Lý rong thuyền trên sông Thái-thạch, huyện Đang-đồ, say rượu nhảy xuống nước vỗ lấy ánh trăng mà chết.

Sau khi Lý Bạch qua đời, Lý Dương Đăng chỉ thu-thập được 2.000 bài, trong số 20.000 bài thơ của nhà th. 7 ngông này.

Xét trong số gần hai ngàn bài thơ của Lý Bạch còn lưu-truyền đến nay, người ta nhận thấy có tới một phần ba cảm hứng về trăng, cho nên có gọi Lý Bạch là nhà thơ của trăng thu cũng không ngoa.

Nhân tiết trung-thu, khí trời trong sáng, trăng xanh ngát, bàng-bạc lưng trời, ta hãy cùng nhau xem lại một vài vần thơ trăng của Lý, tưởng cũng là thú vui tao-nhã lắm vậy...

TÌNH DẠ TU

*Sàng tiền khán nguyệt quang
Nghị thị địa thượng sương
Cử đầu vọng minh nguyệt
Đề đầu tư cố hương*

Lý Bạch

SỰ TƯỜNG NGHĨ TRONG ĐÊM VẮNG

*Trước giường trông trăng sáng
Cử ngõ ánh sương sa
Ngẩng đầu nhìn trăng sáng
Cúi đầu nhớ quê nhà*

Trần Trọng San dịch

TÌNH-CẢM MỘT ĐÊM TỊCH-MỊCH

*Giọt trăng ràn-rụa giường nằm
Quần trông ngở đất tràn đầm sương mai
Ngước đầu rõ nguyệt mới hay
Cúi đầu thốn-thức trông ngày về quê*

Song Anh dịch

ĐÊM KHUYA TƯỜNG NHỚ

*Trước giường thấy ánh sáng trăng
Tường đầu sương phủ mênh-mông
ngập trời*

*Ngẩng trông vầng nguyệt sáng soi
Cúi đầu lại chạnh thương vơi cố hương.*

Tự Tình dịch

NGUYỆT HẠ ĐỘC CHƯỚC

*Hoa gian nhất hồ tửu
Độc chước vô tương thân
Cử bôi yêu minh nguyệt
Đối ảnh thành tam nhân
Nguyệt ký bất giải ẩm
Anh đồ tùy ngã thân
Tạm bạn nguyệt tương ảnh*

*Hành lạc tu cập xuân
Ngã ca nguyệt bồi-hồi
Ngã vũ ảnh linh-loạn
Tinh thời đồng giao-hoan
Túy hậu các phân tán
Vĩnh kết vô tình du
Tương kỳ mạc Vân Hán*

Lý Bạch

DUỚI TRĂNG UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

*Trong hoa một bầu rượu
Mình ta túy lúy say
Cất chén mời trăng sáng
Vội bóng thành ba người
Trăng không hay thủ rượu
Bóng theo thân ta hoài
Tạm cùng trăng với bóng
Xuân đến cứ vui tươi
Ta ca : trăng bồi-hồi
Ta múa : bóng linh-loạn
Lúc tỉnh cùng xum vui
Say rồi đều phân tán
Vô-tình kết bạn chơi
Hẹn gặp nơi Vân Hán
Trần Trọng San dịch*

Vân hán : thiên-hà, nơi cao xa trên trời

TỬ DẠ THU CA

*Trường An nhất phiến nguyệt
Vạn hộ đảo y thanh
thu phong xuy bất tận
Tống thị Ngọc quan tình
Hà nhật bình Hồ lỗ
Lương nhân bãi viễn chinh ?
Lý Bạch*

BÀI CA MÙA THU CỦA NÀNG TỬ DẠ

*Trường-an trăng một mảnh
Tiếng chày vang muôn nhà
Gió thu thổi không dứt
Ngọc quan tình bao-la
Ngày nào yên giấc Bắc
Chàng khởi chiến chinh xa ?
Trần Trọng San dịch*

QUAN SAN NGUYỆT

*Mình nguyệt xuất Thiên sơn
Thương mang vân hải gian
Trường phong kỷ vạn lý
Xuy độ Ngọc môn quan
Hán hà Bạch-đăng-đạo
Hồ khuya Thanh-hải loan
Do lai chinh-chiến-địa
Bất kiến hữu nhân hoàn
Thủ khách vọng biên sắc
Tư quy đa khổ nham
Cao-lâu đang thủ dạ
Thán tức vị ung nhân
Lý Bạch*

Trăng sáng ló Thiên san
 Biển mây rộng mênh mang
 Gió lan muôn vạn dặm
 Thổi tới Ngọc môn quan
 Bạch đằng quân Hán xuống
 Thanh hải giặc Hồ tràn
 Xưa nay nơi chiến địa
 Không thấy ai về làng
 Linh thú trông biên giới
 Nhớ quê khổ muôn vàn
 Trên lầu cao đêm tối
 Khách không nguôi thở than.
 Trần Trọng San dịch.

THANH BÌNH ĐIẾU

Vân tường y thường hoa tường dung
 Xuân phong phát hạm lộ hoa nung.
 Nhược phi Quân Ngọc sơn đầu kiến
 Hội hướng Dao Đài nguyệt hạ phùng.

Nhất chi hồng diễm lộ ngưng hương,
 Vân vũ Vu sơn uống đoạn trường.
 Tả vấn Hán cung thủy đặc tự?
 Khả liên Phi Yến ý tân trang.

Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan
 Trường đặc quân vương đối tiểu khan
 Giải thích xuân phong vô hạn hận,
 Trầm Hương đình bắc ý lan can.

Quần Ngọc: tên ngọn núi, nơi Tây Vương Mẫu ở.

Dao Đài: nơi tiên ở.

Vu sơn: Vua Sở Tương Vương đi chơi đến đất Cao Đường, nằm mộng thấy một thiếu phụ nói rằng: "Thiếp là thần nữ ở Vu sơn, sớm là mây, tối làm mưa tại Dương Đài".

Phi Yến: Nàng Triệu Phi Yến là cung nữ của vua Hán Thành Đế, lúc trước được vua yêu, về sau thất sủng.



THANH BÌNH ĐIẾU

Mặt tươi hoa thắm, áo vờn mây,
 Gió lộng hiên xuân, sương đầm say.
 Quần Ngọc nếu không từng gặp gỡ,
 Dao Đài trăng sáng đã quen ai.

Một cảnh hồng thắm đọng mùi hương
 Vu hiệp mây mưa luống đoạn trường.
 Cung Hán hỏi ai người giống được?
 Thương thay Phi Yến uống tân trang.

Này đây sắc nước với hoa trời,
 Vui mắt quân vương một nụ cười.
 Tan mối sầu xuân cơn gió thổi,
 Đình trầm nường triện, dáng xinh tươi.

Nguyễn Bình Khiêm, Một Kỳ-Hoa của Lịch-Sử và Văn-Học

Song Anh

(tiếp theo)

Khi nghiên-cứu ảnh-hưởng của Lão và Khổng-giáo tác-động trên một cá-nhân, người ta thấy rằng con người, trong một cuộc đời, có thể có lúc chịu ảnh-hưởng của Khổng, có lúc chịu ảnh-hưởng của Lão.

Cuộc đời của đa-số quan lại ở Việt-nam thời xưa đã chứng-minh cho nhận-xét này. Nhưng cần phải nhấn mạnh, một con người trong một giai-đoạn, khó thể cùng một lúc xuất-xử theo hai khuynh-hướng ảnh-hưởng.

Chương 19 Đạo Đức Kinh viết:

Tuyệt thánh khí trí, dân lộc bách bội.
 Tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ.
 Tuyệt xảo khí lợi, đạo-tặc vô hữu. Thủ tam dã dĩ vi văn bất-túc, cổ linh hữu sở chúc. Hiển-tổ báo phác, thiếu tư quả dục.

Nghĩa là:

Dứt thánh bỏ khôn, dân được lợi trăm lần. Dứt nhân bỏ nghĩa, dân trở lại thảo lành. Dứt khéo bỏ lợi, không có trộm giặc. Ba thứ ấy lấy làm văn không đủ, cho nên phải có để chuyên-chú vào: "Làm hiện rõ các trong sách, ôm giữ cái mộc-mạc, giảm lòng ham muốn riêng tây."

Dứt thánh khôn, sao mà hợp với Nguyễn Bình Khiêm cách lạ.

Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ

Người khôn người tới chốn lao-xao

Thơ nôm, Thú Thanh Nhàn

Người xảo thì ta vụng

Ấy vụng thế mà hay

Ta vụng thì người xảo

Ấy xảo thế mà gay.

Thơ Hán, Trung-Tâm Ngự Hứng

Bình-luận về tư-tưởng trên, Joseph Needham nói, ông đã tìm được một thí-dụ tương-tự về quan-niệm "dứt thánh bỏ khôn"; "đại", "khôn" đối nghịch trong thời Trung Cổ ở Âu-châu.

Một sử-gia về khoa-học, ông W. Pagel đã chứng-minh rằng ở thế-kỷ XVIII, các nhà thần-học của giáo-hội Công-giáo cũng chia làm hai phe: một phe chủ-trương thuần-lý, một phe chủ-trương siêu-hình. Họ tranh-cãi kịch-liệt về những sự tiến-bộ mới của khoa-học sẽ có thể có, bắt nguồn từ những phát-kiến của Galilée.

Xin nhắc lại là các nhà thần-học thuần-lý từ khước nhìn vào viễn vọng kính của Galilée (để trông thiên-văn và thấy trái đất tròn). Họ bảo, tất cả những gì mà con người thấy đã được Aristote diễn-tả, vậy còn nhìn vào viễn vọng kính để làm gì? Nếu quả có thấy những gì mà Aristote chưa đề-cập, thì cái đó không thể có thật được.

Tựu-trung, theo Needham, đó là thái-độ của các môn-đệ Khổng-tử.

Galilée trái lại, gần với đạo-sĩ, nghĩa là gần với Nguyễn Bình Khiêm. Hạng sau này cùng có một thái-độ khiêm cung khi đối-diện với thiên-nhiên, và mối quan-tâm của họ là quan-sát thiên-nhiên mà không có định-kiến:

Khôn ngoan mới biết thặng thời giáng

Dại-dốt nào hay tiểu có dài

Đã khuất bao nhiêu thời lại đuổi

Đạo trời lồng lộng chẳng hề sai

Thơ nôm, Bài 2

Hoa nhật nguyệt đưa thắm-thoát

Ang phồn hoa khá nhạt phai

Hoa càng khoe nở hoa thêm vữa

Nước chứa cho đầy nước ắt vơi

Thơ Hán, Trung Tân Ngự Hứng

Và ngược với phe thuần-lý, phe siêu-hình tìm về với khoa-học vì họ tin rằng trong thiên-nhiên còn rất nhiều việc có thể hiểu được, nếu con người chịu tìm-tòi. Nói khác đi, khi bảo rằng các nhà siêu-hình là thoái-bộ vì họ tin vào quyền lực của quỷ-thuật là sai; vì chính qua những động-tác gọi là "quỷ-thuật" đó, họ rất tin-tưởng vào khoa-học. Bởi vì trong giai-đoạn đầu, quỷ-thuật và khoa-học liên-hệ mật-thiết với nhau.

(54).—J. Needham, La Science Chinoise et l'Occident (Le Grand Tétrage, Paris, 1973, trang 109.

ĐỌC VÀ CỐ-ĐỘNG
 LÀNG VĂN

Làng Văn 21

Cứ mỗi lần cuối năm, người ta có thói quen ngồi lại kiểm-điểm kết-quả mười hai tháng hoạt-động, rút kinh-nghiệm và phác một kế-hoạch cho những ngày sắp tới. Anh chị em ta bắt đầu dựng làng vào mùa trăng thu năm trước, tính đến nay cũng vừa tròn mười hai tháng, có nên tạm gác bớt công việc qua một bên, quây-quần nhau dưới ánh trăng đêm rằm tháng tám, thăm-thì ôn cố tri tân, chuẩn-bị mở đường cho một giai-đoạn kế-tục.

Bên ngoài trời đã chớm thu—trong khi quê nhà đã sắp hết mùa trăng, không-gian cách-biệt, nhưng thời-gian vẫn gắn chặt lòng người với kỷ-niệm cũ xưa. Trời đã bớt oi, gió bắt đầu gây lạnh, trên gương mặt mọi người đã thoáng hiện những dấu-hiệu tiếc nuối những ngày nắng đẹp, bán-khoản nghỉ-ngơi về mớ áo quần nặng-nề sắp sửa phải trùm phủ lên người cho hết những ngày tuyết giá sắp tới.

Ngồi xuống đây đi em, đi anh, đi chị. Hãy lặng yên nghe mùa thu đến, đón ánh trăng thành-phố len-lén đáp xuống thịt da, mơn-man ngọn cỏ đầu cành. Hãy để lòng chùng xuống, lắng dịu trong hơi thở bắt đầu hòa nhịp đập của những trái tim nồng-nhiệt tụ về đây trong tình thân của những kẻ dựng làng.

Mười hai tháng, quay-cuồng trong guồng máy thành-thị, trả nợ áo cơm, chiều về lăn xả vào việc làng, vun-trồng những cây non văn-hóa, theo dõi từng chiếc chồi nụ mới nhu nhú xanh non. Hãy ngồi xuống đây, đếm những nếp nhăn trên trán của nhau, những nếp nhăn tuổi-tác, nếp-nhăn tình-tự, nếp lao-lực cho gia-đình, con cái, nếp lao-tâm cho chữ-nghĩa cội nguồn, cho mầm cách-mạng vươn lên, cho sức sống mới kết-hợp thành những bước tiến về phương xa, nơi có quê-hương, bè bạn, ruột-rà chờ đợi.

Ngồi xuống đây đi em, như chú sói con trong phút tĩnh-tâm, như chú điểu bắt đầu thiên-tọa. Hãy nghe ai đó nói về một kỷ-niệm thời thơ-ấu quê nhà, một dòng sông con suối ngọn đồi bãi cát bờ dâu cầu tre lá mạ. Hãy nghe ai đó hát bài con sáo sang sông, một thương tóc bỏ ngang vai, chim quyền ăn trái nhãn lồng. Khi tất cả đã hòa nhịp, đã cảm-thông, đã chung phận như thể sống bằng một dòng máu chung, chulưu trên từng ấy cơ-thể, ta hãy gỡ lại từng trang báo cũ, nào là chỗ bắt đầu, nào là chỗ đổi thay, những hơi thở mới kết hợp, những người xưa cũ trở về cầm bút, những góp mặt âm-thầm, những ưu-tư, khát-vọng tương-lai. Giờ này, ở khắp các nơi xa, Paris, Na-uy, Tây Đức, Anh-quốc, Úc, Hoa-kỳ, miền tây, miền Đông, Trung-thổ Gia-nã-đại, chưa có cơ-hội về

Nhìn Lại Một Chặng Đường

Nguyễn Hữu Nghĩa

làng lần nào, nhưng công-la) bồi-đắp thật nhọc-nhân, thật chăm-chút, liên-tục và chan-chứa thương-yêu. Đêm nay, đêm rằm tháng tám, *Làng Văn* tròn một tuổi, bước khỏi vành nôi và chập-chững tiến tới trong kỳ-vọng to lớn của mọi người...

Mùa hè năm trước, *Làng Văn* bắt đầu những bước xây dựng đầu tiên.

Trước hết phải làm một tờ báo văn-học, và tự nó phải sống được, không dựa vào bất cứ một tổ-chức, cá-nhân, hay cơ-sở thương-mại nào. Trong bài *Dựng Làng*, tôi đã “tâm-sự” rằng :

Thực tình mà nói, người Việt—nhất là người Việt ở hải-ngoại—chả mấy khi đọc báo, lại càng hiếm khi chịu khó đọc nhiều báo khác nhau. Báo nào may-mắn lọt vào mắt... nâu của đồng-bào ta, ắt phải là một tờ báo hợp ý, đúng tiêu-chuẩn.

Báo muốn tự nó sống được, tức sống nhờ độc-giả, nhờ tiền bán báo, nhờ số phát-hành cao, không sống dựa vào tiền quảng-cáo “ăn xin”, phải là một tờ báo “đúng tiêu-chuẩn”.

Một tờ báo được gọi là đúng tiêu-chuẩn phải có mỗi thư một tí: tin-tức, thời-sự, văn-ngệ, kinh-tế, chính-trị, giải-trí và các vấn-đề phổ-thông trong đời sống hàng ngày. Bên này thì giờ rất hiếm, quý. Buông công việc ra, ai cũng cần phải nghỉ-ngơi, giải-trí, mà phương-tiện giải-trí thì ê-hề ra đó, vừa tiện, vừa rẻ. Hóa ra cho nên việc mua đọc một tờ báo Việt-ngữ trở thành một trò chơi xa-xỉ, vừa tốn tiền, vừa tốn thì giờ...

Nhưng liệu làm sao để một tờ báo “tiêu-chuẩn” lại là một tờ báo “văn-ngệ.” Báo văn-ngệ sống tầm gởi trong khung “tiêu-chuẩn”, hay báo “tiêu-chuẩn” sống tầm gởi trong khung văn-ngệ. Và bao nhiêu phần trăm văn-ngệ, bao nhiêu phần trăm “tiêu-chuẩn”? Bao nhiêu cho mình và bao nhiêu cho người? Đó là việc làng, của bộ biên-tập, của tòa-soạn. Làm sao cho độc-giả cầm tờ báo lên là thấy “mát tay” (GS Cao Thế Dung), ham đọc và “có cái để đọc” (Nguyễn Hương) là tốt. Cứ hãy ngồi vào mâm, mỗi người đều có một món để gắp là vui rồi.

Phát-triển theo lối đó, thật cũng khó mà giữ cho khỏi loạn-phát. “*Làng Văn như*

trăm mũi tên bắn về trăm hướng” (Duyên Anh), có lời khen, thì cũng có lời lấy làm tiếc, dĩ-nhiên. Nhưng làm sao được, khi báo không đúng tiêu-chuẩn thì phải có vựa thóc lớn sau lưng, không thì có đường “hai năm mươi” sớm. Anh em ta nghèo, nhưng bảnh, không muốn ngửa tay nhận tiền của ai hết nên phải tính kế tự túc tự cường. Muốn tự-túc tự cường, phải “hợp tiêu-chuẩn” quần-chúng. Muốn hợp tiêu-chuẩn thì không thể (hay chưa thể) chuyên biệt, nghĩa là không tính chuyện thuần-tuý văn-học được. Báo Văn-Học mà không thuần-tuý văn-học thì tội quá...

Cho nên cái tên “Văn-Học” vẫn mãi mãi còn là cái tên của thuở ban đầu lưu-luẩn, mặc dù anh em xa gần đều thích tên này. Đàn anh Võ Phiến bên Cali tức-tức thư qua, tặng luôn tên Văn-Học Nghệ Thuật (lúc đó chưa tục-bản). Giả như lúc ấy anh em tòa-soạn tuân lời anh ngay, không biết bây giờ cần tục-bản, anh xoay-sở làm sao! Nhà văn, nhà báo quá-cổ Thanh Nam lúc ấy đề nghị lấy tên *Thời Văn* (thời thế, văn chương—thời-sự, văn-ngệ). Người làng bỏ phiếu ủng-hộ ngay, nhưng *Làng Văn* đã đăng vào sổ Quốc-gia Danh-bộ “nhà nước” Gia-nã-đại rồi, không tiện thay đổi. Thôi thì, *Làng Văn* cũng được.

Làng Văn! Nghe qua đã thấy nặng phần văn-ngệ rồi, khỏi phải làm mặng-xết khoe là báo văn-ngệ. Làng văn cũng có thể bàn chuyện... võ, nghĩa là cũng chờ được tin-tức, thời-sự, chính-trị, phổ-thông, giải-trí v.v... Vậy là hợp tiêu-chuẩn, mà hợp tiêu-chuẩn là sống (sót). Sống, là có thể làm văn-ngệ dài dài...

Nhìn lại thành-phần ban biên-tập từ số 1, lấy làm an-ủi vì càng ngày càng rủ-rẻ được nhiều người nhập-cuộc. Có những bạn bè hăng-hái tham-gia từ đầu. “Ông làm báo nào, tui theo báo đó, ông làm hay làm dở gì đó thầy kệ, miễn là ông cần là tôi giúp” (Song Anh). Số 1 chưa ra mắt, hình-thức, nội-dung chưa tỏ-tướng, nhiều anh chị đã tin-cậy, “cũng liều nhắm mắt đưa... bài”. Thời ấy có các anh chị Lê Đình Diểu, Trùng Dương (bây giờ hóa thành Nguyễn thị Tiêu Dao), Đỗ Quý Toàn, Hà Huyền Chi, Song Anh, Vũ Kiện, Hoài Châu, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Ngọc Ngạn, Đoàn Châu Mậu, Bắc Phong, Nguyễn Mộng Giác,

Tường Năng Tiến, Lâm Hảo Dũng, Từ Nguyên, Nhật Tiến, GS Tăng Xuân An, Trọng Kim, Đà Cầu. "Chủ lực địa-phương" ngoài vợ chồng Nguyễn Hương—Nguyễn Hữu Nghĩa, còn cụ Tự Tĩnh, Nguyễn Nhật Tân, Bút Chì, Mồ Làng Văn, Cung Vũ, ...

Báo số 1 chưa ra, anh Lê Đình Diểu—khi ấy còn ở bên Pháp—khích : *ráng vượt lv, vượt được lv là vượt được chính mình*. Anh nói vậy, vì thấy trong ba năm trước, công sức tôi đổ vào lv nhiều quá, e bây giờ không còn "phát-huy sáng-kiến" gì được nữa cho báo nhà. Báo số 1 ra, anh khuyến-khích : *Được lắm, ráng nữa lên ! Số 2 ra, anh cổ vũ : Số 2 hơn số 1, ráng nữa lên. Số 3 ra, anh reo hò : Số 3 vượt số 2. Số 4 ra, anh vỗ tay : Số 4 trội hơn số 3. Số 5, số 6, số 7, ... kế tiếp nhau, dường như anh cho rằng máy đã chạy đều, cứ thế mà tiến, không cần phải "ra roi" nữa, nên thôi, không đốc-thúc nữa. Trong khi các anh Đà Cầu và Bùi Vĩnh Phúc ở Hoa-kỳ viết hai cái thư cách nhau 1 năm, nội-dung giống hệt như chép lại : "Không lẽ anh em cứ khen nhau hoài, kỳ thấy mồi, nhưng không khen, không chịu được !"*

Anh Nguyễn Mộng Giác, một người làm 9 tờ báo một tháng hiện nay ở nam Cali vừa khuyến-khích, vừa bày tỏ sự âu lo của mọi người quanh anh (Võ Phiến, Nhật Tiến, Quyền Di, Phạm Quốc Bảo...) : *liệu sống nổi không ?*

Liệu sống nổi không ? Thực tình, khi sắp-xếp xong chương-trình làm việc ba

giai-đoạn, ba năm xây-dựng, câu hỏi ấy bao giờ cũng được đặt ra đầu-tiên, tiên-quyết cho mọi vấn-đề : làm thế này, liệu sống nổi không ? làm thế kia, liệu sống nổi không ? Các anh chị đã, hoặc đang làm báo, nhất là làm báo hải-ngoại, tất hiểu rõ những nỗi nhiều-khê của chuyện làm báo, mặc dù mỗi hoàn-cảnh, mỗi địa-phương đều có những trở-ngại đa-dạng khác nhau, nhưng tựu trung những vết hằn, chỗ vướng vẩn na-ná giống nhau.

Năm thứ nhất, giai-đoạn khởi-sự xem như đã hoàn-tất. Báo ra đều, và bắt đầu sinh ra lợi nhuận để tiến sang giai-đoạn phát-triển của năm thứ hai, giai-đoạn khó-khăn nhất. Vấn-đề nhân-sự trở nên quan-trọng. Công việc điều-hành và thực-hiện đã vượt quá sức hai người làm "part-time". Tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện kết nạp một bạn trẻ thiện-chí yêu-thích văn-nghe, muốn vừa trực-tiếp đóng góp công-tác, vừa có cơ-hội trau-dồi khả-năng cá-nhân. Tôi đã nghĩ tới việc mời một vài bạn văn làm tổng thư-ký và thư-ký tòa-soạn, và tìm một người quản-lý chịu khó, linh-hoạt. Tuy-nhiên, điều-kiện tài-chánh trong giai-đoạn này chưa nuôi nổi hai người làm việc, làm sao dàn-trải rộng hơn một cách công-bằng ! Vấn-đề nhân-sự tắc-tị, và mối băn-khoăn vẫn còn nguyên đó.

Trong khi đó, đàn anh, bạn bè tiếp tay nhau đưa *Làng Văn* bao khắp mặt địa-cầu. Hải Triều, rồi Phạm Xuân Lâm, Nguyễn Tường Quý lo vùng cực Tây Gia-nã-đại, sâu xuống các tiểu-bang Hoa-thịnh-đốn,

Oregon; bắt tay anh Giao Chỉ ở San Jose, Nguyễn Mộng Giác Los Angeles, Santa Ana, San Diego. Miền Trung và Đông Nam Hoa-kỳ có Hoàng Ngọc Ẩn, Việt Dzũng, miền Đông Bắc có Trần Phùng Linh Duyên. Trở lên Gia-nã-đại, miền Trung có Lâm Hảo Dũng bao sân, miền Đông có Trần Nhã Nguyên thủ thành. Cực nhọc nhất, phải ghi công hai cô cháu nhỏ bé thương-yêu của tôi là Bạch Thái Hảo và Bạch Thái Trâm, với sự góp sức của chị Lê Tài Diễm đã phát-hành cho cả châu Âu, trong khi anh Bạch Thái Hà vừa đi làm, vừa săn tin, vừa làm... tài-xế cho hai cô con gái. Hồ Trường An trước trấn đóng ở Troyes, phát hành luận tại địa-phương, bây giờ vừa dọn về kinh-đô ánh-sáng Paris, nhưng vẫn giữ mối liên-lạc với các đại-lý tỉnh lẻ.

Tại Úc-châu, anh Nguyễn Tư phát-hành hộ tại NSW, trong khi chờ một thân-hữu khác trong nghề sắp-đặt để tung ra ấn-bản *Làng Văn* Úc-châu, bảo-đảm in còn đẹp hơn ấn-bản quốc-tế.

Công-tác phát-hành nhíp-nhang như vậy, rất ăn nhíp với "dân-số" *Làng Văn* càng ngày càng tăng, từ người mua đọc dài hạn, cho tới người viết. Tính cho tới sinh-nhật này, đã có thêm Kiệt Tấn, Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Lưu Nguyễn, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Văn Sâm, Phan Tấn Hải, Trần Quang Hải, Vi Khuê, Võ Đình, Võ Phiến, Bùi Vĩnh Phúc, Cao Tiêu, Chu Vương Miện, Huỳnh Liễu Ngạn.

Lăng-Nhân, Lê Hữu Mục, Lê Thị Huệ, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Đình Hoà, Nguyễn Hy Vọng, Thái Văn Kiêm, Thái Tú Hạp, Trần Diệu Hằng, Phan thị Trọng Tuyền, Nguyễn Việt An, ... chưa kể một vài bạn văn cũ mới đã hứa lời tiếp tay và đang chuẩn-bị đưa quân tới giúp.

Đêm nay, sắp sáng, chỉ còn vài giờ nữa là đưa báo đi in, tự nhìn những ngón tay của mình nhảy múa trên máy điện-toán xếp chữ, viết nốt đoạn văn này, tôi chăm-chút gõ từng cái tên quen-thuộc, như khua-động những mối tình-cảm thâm-thiết người làng, đang từ khắp các nơi xa, gửi từng



phần tâm-tư, cuộc đời, và lòng thương mến về làng, nối-kết nhau dựng thành mười ba số báo cực-nhọc vừa qua. Điều đó đã trở thành niềm an-ủi, sức tác-động vô-biên, cột Nguyễn Hương và tôi vào bàn việc hầu như thâu đêm suốt sáng.

Nguyễn Hương—nội, ngoại tướng của tôi—người mà Nguyễn Ngọc Ngạn lúc dọn tới Toronto gọi là “người đàn bà đàn ông”—vừa đi làm bên ngoài để trang-trải tiền nhà, tiền ăn, tiền tiêu cho tôi và hai nhóc tí, vừa trả góp tiền nợ-nần máy-móc cho tờ báo; chiều về lo cơm nước, giải-quyết công-việc quản-trị của tờ báo, sắp-xếp bài vở, xếp chữ, giúp tôi cắt dán và sửa lỗi ấn-loát. Sự cố-gắng tột cùng của Nguyễn Hương đôi khi chẳng những không làm tôi phần-chấn, mà còn thối chí ngã lòng. Vì đâu mà người bạn đời của tôi phải cực-kỳ vất-vả như vậy. Đếm lại tuổi đời còn sót lại bao nhiêu, mà ngày xanh mang vùi cả vào những trang giấy má nhiều lúc tưởng chừng như vô-nghĩa, vô-duyên. Tháng 9 tới rồi, hè sắp hết, từ đầu năm tới giờ, chúng tôi đưa con cái ra ngoài trời, vui với thiên-nhiên, được mấy ngày? Những đứa con tội-nghiệp len-lét nhìn trộm bố mẹ quay trong công việc, áp-úng nửa giờ, đôi khi cả mấy ngày, mới dám xin-xỏ việc này việc nọ. Những đứa con tuổi vui chơi, mỗi khi báo mới về, xông vào phụ giúp sắp-xếp, đóng kim, mực in lấm láp, mồ hôi nhễ-nhại.

Công việc trong nhà, trong làng trăm mối nhiều khê, không phải chỉ đổ dồn vào hai chúng tôi, mà ngay cả những người thân chung quanh cũng không khỏi bị thu-hút vào. Nhạc-phụ tôi, cụ Tự Tĩnh, vừa dịch vừa vẽ, nhạc-mẫu tôi phụ đóng, gói báo, bằng-hữu tôi ở các nơi xa gò lưng thức đêm dịch, viết, vẽ, làm thơ gửi về; đàn anh, các bậc trưởng bối từ cụ Phùng Tất Đắc 85 tuổi hạc, các cụ Thái văn Kiêm, Nguyễn Hy-Vọng, Tử Vi Lang đều là những lão-tướng trong ngành biên-khảo, vẫn không nề hà công việc nhọc-nhân, vì làng mà lao-khổ không ít. Các cây bút trẻ hơn, nhưng vẫn thuộc hàng trưởng-bối của tôi như Tạ Tỵ, Trần Cao-Lĩnh, Võ Phiến..., cũng nhọc-nhân không ít. Có người vừa lo bài-vở, tin-tức, vừa lo phát-hành như các anh Bạch Thái Hà, Giao Chỉ, Nguyễn Mộng Giác, Lâm Hảo Dũng, Hồ Trường An...

Tất cả những cố-gắng đó đổ dồn về làng, với bao nhiêu tâm-lực, để đổi lấy lợi-nhuận gì?

Có chăng, là giữ vững được niềm tin trong quần-chúng về một ngày mai quang-phục tổ-quốc, và điều đó trên tất cả, vượt thắng tất cả, đánh đổi được tất cả. ●

Nếu ngày xưa bên Trung hoa có một Bao Công thì bên Việt nam ta cũng có một Nội tán mà chính danh là Nguyễn Khoa Đăng, có biệt tài về môn điều tra và xử kiện.

Sở dĩ ngày xưa ba công việc: điều tra, buộc tội và tuyên án đều tập trung vào quyền hành một người, khác với thời nay là vì thuở xưa tổ tiên ta áp dụng chế độ nhân trị, lấy đạo đức con người làm căn bản, đặt tất cả tin tưởng vào lòng nhân nghĩa, thành tín của bốn người trọng yếu trong cuộc là: người đôi, người chối, người chứng và người xử.

Hồi đó chưa có luật sư biện hộ. Có chăng là những thầy cung, thầy cò không ra mặt, cậm cụi viết đơn cho khách hàng và chỉ dẫn cho họ những đường đi nước bước để kiếm ít tiền trà nước đó thôi.

Từ khi tiếp xúc với tây phương, chúng ta đã tiêm nhiễm tinh thần pháp lý (esprit des lois) và quan niệm phân quyền (séparation des pouvoirs), ruồng bỏ chế độ nhân trị (régime éthique) để áp dụng chế độ pháp trị (régime légiste), chỉ căn cứ trên pháp luật và bằng chứng cụ thể mà phán xét.

Tuy nhiên, ngay trong nền pháp lý Tây phương, chúng ta có thể nhận thấy những điểm dị đồng giữa quan niệm La mã mà tiêu biểu nhất là nền pháp lý của nước Lang S, và quan niệm “Anglo-Saxon”, mà tiêu biểu nhất là nền pháp lý của nước Anh cát lợi. Nói một cách khác, luật sư biện hộ của nước Lang Sa cố tìm những sơ hở của pháp luật để chứng minh sự vô tội của người có tội (démontrer l’innocence d’un coupable) hoặc sự có tội của một người vô tội (la culpabilité d’un innocent); trái lại luật sư biện hộ của nước Anh cát lợi, đứng với nền tập quán pháp luật (droit coutumier) và lương tâm của mình không mấy khi chịu biện hộ cho một kẻ giết người có chủ mưu (meurtre avec préméditation) như ta đã trông thấy trong vụ án điển hình đã đưa lên màn ảnh dưới danh đề “Témoin à charge” (Người Chứng Buộc tội) mà tài tử Charles Laughton đã diễn xuất một cách siêu đẳng.

Trở về nước ta và lui lại 240 năm, vào đầu thế kỷ thứ 18, chúng ta tìm gặp ông Nguyễn Khoa Đăng, con thứ hai của ông Nguyễn Khoa Chiêm. Vì thuộc dòng danh gia thế phiệt nên ông được bổ vào Văn Chức Viên, đời chúa Hiếu Minh Nguyễn Phúc Chu (1691-1725. Năm Canh Ty (1720, chúa Nguyễn phái ông vào Quảng Nam, Phú Yên, dinh điền lập ấp. Năm Nhâm Dần (1722), ông được thăng chức nội tán kiêm Án sát sứ, Tổng tri Quân quốc Trọng sự, thân định điều lệ.



Ông đã tỏ ra có biệt tài trong bốn việc chính yếu của nền cai trị thời xưa là:

Kiều (cầu cống)
Lương (lương thực)
Đạo (đạo tặc)
Lộ (đường sá)

Chúng ta sẽ lần lượt nhắc lại những kỳ công của Nội tán Nguyễn Khoa Đăng trong các lãnh vực nói trên.

Việc trước tiên là *bình định* vùng Hồ Xá, tức truông nhà Hồ thuộc phủ Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị bây giờ. Ngày xưa, ai đi ngang qua truông này cũng bị giặc cướp đón đường bóc lột. Ông bèn lập kế như sau: Ông cho đóng 20 cái rương (hòm), cho 20 người lính có khí giới vào nằm trong rương, rồi cho 40 người lính khác giả dạng lái buôn khiêng đi qua truông. Bọn cướp thấy vậy mừng rỡ, xông ra đón chặn lừa về sào huyệt. Khi về tới nơi, bọn cướp định khai hòm để chia của thì thỉnh lính quân lính của Nội tán xông vào bao vây bắt trọn ổ.

Sau đó, ông Nội tán ra lệnh cho dân chúng các vùng lân cận đến truông nhà Hồ chặt cây phát bụi cho khoảng khoát, còn những khác bộ hành khi vào đầu truông thì có trạm kiểm soát bên kia; cứ như vậy kẻ qua người lại trong một thời gian ngắn đã giúp chính quyền bình định một vùng

Nội-Tán Dẹp Yên

Thái Văn Kiểm

nổi tiếng đầu trộm đuôi cướp, âu cũng là một lối phát triển cộng đồng mà tiền nhân đã khéo léo áp dụng để đem lại trật tự và ấm no cho dân chúng.

Việc thứ nhì mà ông Nội tán đã làm là *trị thủy* như ông Hạ Vũ ngày xưa. Ở phía bắc Thừa Thiên có một xứ gọi là Bàu Ngược thông thương với phá Tam Giang, có những con sóng thần nguy hiểm. Tuy nói là Bàu Ngược nhưng nước lại chảy xuôi, cho nên mới có câu ca dao:

*Sóng Bàu Ngược nước chảy xuôi
Bến Kim Đôi thuyền về chiếc (1)*

Đây là vùng Kế Môn, Đại Lược, thuộc huyện Phong Điền mà ta thường nghe trong một bài dân ca quen thuộc:

*Thuyền về Đại Lược
Duyên ngược Kim Long
Tới nơi đây là chỗ rẽ của lòng,
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào!*

Và nếu trên bờ, đường về Đại Lược nhỏ cát dễ đi, thì dưới sông Bàu Ngược, giữa phá Tam giang, lại bị sóng gió bập bùng, làm cho thuyền bè bao phen chìm đắm. Nội tán Nguyễn Khoa Đăng bèn huy động đại đội thủy binh và trọng pháo bắn vào ba con sóng thần: sóng ông, sóng bà và sóng con, làm cho chúng thất điên bát đảo, công nhau chạy trốn từ Bàu Ngược đến bến đò Ca Cút.

Xong rồi, Nội tán mới huy động đại đội công binh đào vét lòng sông cho sâu và ngay thẳng để thuyền ghe đi lại dễ dàng. Để ghi ơn ông Nội tán, người đương thời mới đặt ra mấy câu hò rất tình tứ là:

*- Nhớ em anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, ngại phá Tam Giang.
- Phá Tam giang ngày nay đã lặng,
Truông nhà Hồ Nội tán dẹp yên!*

Dù dẹp yên hay không dẹp yên, ngày xưa cũng như ngày nay, vẫn có người liều lĩnh xông pha nơi đèo cao rừng rậm để tìm giai nhân muôn thuở, như thi sĩ Tân Đà chẳng hạn:

*Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

Yêu nhau anh cứ anh vô.

*Kệ truông nhà Hồ, mặc phá Tam Giang
Chơi Huế*

Nói như vậy tức là Tân Đà đã gián tiếp tưởng nhớ Nội tán Nguyễn Khoa Đăng, là người công minh chính trực, đã cùng cha là ông Nguyễn Khoa Chiêm, chấp chính tại triều đình, đặt ra luật lệ nghiêm nhặt, xử xét mọi việc rất phân minh, trong đó có những việc điển hình xin kể lại sau đây: Có một người trồng dưa hấu, ban đêm bị kẻ gian cắt trộm, chủ vườn đã nhiều phen rình rập mà không bắt được, mới đi kiện ông Nội tán. Ông bèn trưng tập tất cả những cái liềm cắt cỏ trong ấp, rồi bảo chủ dưa liềm thử, chủ dưa nhận thấy một cái có mùi đắng. Ông Nội tán bèn cất ván người cắt cỏ có cái liềm đó thì quả thật tên này đã cắt trộm dưa.

Một lần khác, có một người bán dầu bị mất trộm tiền, nghi cho một người mù ăn xin, thường lẩn quẩn bên hàng dầu, bèn đem việc kiện tới ông Nguyễn Khoa Đăng. Ông cho gọi người ăn xin đem tiền ra xem, rồi ông bỏ tiền vào chậu nước, thì quả nhiên thấy có màng dầu nổi lên mặt nước. Khi ấy người ăn cắp tiền hết đường chối cãi.

Một lần khác nữa, có kẻ trộm ở Hồ Xá (làng họ Hồ) lấy trộm giấy của một thương nhân, họ không biết đầu truy tầm, bèn đi thưa tới ông Đăng. Ông lờ đi một thời gian để thiên hạ quên việc ấy rồi ông mới thông sức cho dân sở tại phải là làm tờ khai gia đình, để tổ chức liên gia tương trợ. Thiên hạ rủ nhau ra chợ mua giấy, giấy liền lên giá theo luật cung cầu. Tên ăn trộm giấy lật đật đem giấy ra bán và đồng thời cũng nộp mạng luôn cho ông Nội tán.

Để tiêu trừ đạo tặc, ông Nội Tán có khi phải dùng đến uy lực của thần thánh. Cũng trong vùng này, có một bọn trộm mà ông biết rõ tính danh, nhưng ông chưa bắt được quả tang. Ông bèn làm bộ như không hay biết gì cả. Ông cho đào một cái hầm, rồi cho một điều tra viên xuống ngồi dưới hầm, còn trên miệng hầm, ông cho khuôn một tảng đá lớn đặt lên. Tảng đá nay nguyên đã được dân chúng trong vùng

thờ phụng như một vị thần. Nay ông Nội Tán rước về, làm lễ bái yết rồi ông mới dân chúng đến dự lễ rất đông. Ông mới hỏi thần Đá cho biết tính danh các tên ăn trộm trong vùng. Tức thì trong lòng tảng đá lớn vọng ra một giọng nói uy nghi, kê khai tất cả những tên đạo tặc có thành tích bất hảo. Bọn này sợ "trời đánh thánh vật", bèn thú nhận tất cả.

Ông Nguyễn Khoa Đăng tính cương trực, không kiêng nể hoàng thân quốc thích. Các người này ý thể bà con với Chúa, thường vay mượn tiền của kho, tiêu xài phung phí rồi cũng không chịu trả. Ông bèn tâu với Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu rằng "Pháp bất vị thân", hành pháp bắt đầu từ người thân thuộc trước để làm gương, thì phép nước mới được dân chúng nghe theo, Chúa Thượng chuẩn y.

Hồi đó, có một bà Trưởng công chúa mượn tiền của kho rất nhiều. Người giữ kho không dám đòi, đến trình với ông Nội tán. Ông bèn thuê bọn nữ tỳ rình khi bà ngồi kiệu đi ra thì đến gần đòi hỏi ráo riết! Bà Chúa Nhất giận lắm, bèn vào cung kêu khóc với Chúa Thượng rằng "Chúa Thượng không bảo lãnh hộ cho một người chị hay sao, lại để Nội Tán dám làm như vậy!"

Chúa Thượng phủ ủy rằng: "Hành pháp phải từ người thân cận làm trước. Nội tán là người phụng pháp, giờ nói sao được!" Chúa Thượng bèn cho một số tiền bảo bà phải đem trả vào ngân khố. Từ đó, những kẻ mượn tiền đều phải đem trả hết, không dám trì hoãn.

Về phương diện kinh tế, ông Đăng hạn chế việc hạ trâu bò để bán thịt, mục đích khuyến khích nghề nông. Những nhà giàu sang ưa ăn thịt rất lấy làm bức tức. Có ông Quốc Thúc Công nghĩ kế mời ông Đăng dùng cơm với muối trắng. Ông Đăng không ăn bỏ ra về. Ông Quốc Thúc Công mới nói móc một câu: "Ông không ăn được cơm muối, sao ông lại cấm người ta ăn thịt?" Ông Đăng bình tĩnh trả lời: "Thịt không ăn mà muối cũng không ăn!".

Mùa hạ năm Ất Tị (1725), Chúa Hiếu Minh Tộ Quốc Công băng, Chương binh Nguyễn Cửu Thế, thường ngày đã thù ghét ông Đăng, bèn thừa cơ mạo di chiếu triệu ông Đăng về để dự lễ quốc táng. Khi đi nửa đường, ông bị họ mai phục và giết chết, hưởng dương 35 tuổi.

Như thế là kết liễu cuộc đời của một danh thần có tài kinh bang tế thế mà sử sách còn lưu truyền và dân gian còn ca tụng.

Paris, Chiều Anh Các, Ất Sửu 1985

1. Kim Đôi xưa kia tên là Cầu Đôi, sau đổi ra Cầu Hai, sau cùng là Cầu Hai, gần Truồi và đèo Hải Vân.

Thành-Công Trên Văn-Đàn Sô-Viết

Bắc Phong

Ở Tây phương, thành công tự động được đi theo bởi những khuôn tính đầy quyền phép của danh vọng và của cải. Chúng là hai bàn tay vỗ lên sự tán thưởng và là những yếu tố không thể tách rời của sự gặt hái trong cái huyền thoại văn hoá đồng tính thương mại của xã hội bây giờ. Chúng cuốn lấy nhau trong cái vòng lẩn quẩn đôi khi đến mức vô lý. Trên văn đàn Sô viết, danh vọng và của cải chẳng bao giờ là hai đứa trẻ song sinh. Chỉ có ý thức hệ chính trị mới nâng cá nhân đến một địa vị khả quan nào đó. Nói cách khác người đó bị tai tiếng nhiều hơn là nổi tiếng. Danh giá chân thực trong xã hội văn chương Sô viết thường ra chẳng mang lại những gì ngoài những phiền nhiễu. Vì vậy, một thành công văn học luôn luôn tạo ra loại cảm giác đồng lõa — hoặc chống đối giai tầng lãnh đạo thư lại hay là đi theo nó — Nếu chúng ta có thể so sánh thành công với sự tán thưởng, tôi có thể nói thành công kiểu Sô viết là loại tán thưởng vỗ bằng một bàn tay.

Tôi chắc sẽ chẳng có hại gì ở đây nếu tôi đề cập đến một vài tác giả thuộc loại khá trong mục đích phơi bày cái nguy hiểm của danh vọng trong xã hội văn chương Sô viết.

Andrei Platonov, ngưỡng mộ bởi những nhà phê bình như một nhà văn thiên tài đã bắt gặp chính mình khoảng đầu thập niên ba mươi gần như hoàn toàn đứng ngoài khu vườn đang nở rộ hoa của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Tôi nói “gần như hoàn toàn đứng ngoài” vì Platonov đã làm việc như một gác-đan trong nhiều năm cho tòa nhà văn bút Nga. Ông ta sống qua ngày cũng là nhờ ở đó.

Nhà văn châm biếm khá trội Mikhail Bulgakov cũng là một trường hợp thành công tương tự. Từ đầu những năm ba mươi, ông ta đã phải cố an phận thủ thường để tránh chịu chung số phận với nhà thơ Osip Mandelstam và hai nhà văn Boris Pilnyak và Isaac Babel, những người bị thủ tiêu bởi mặt vụ của Stalin. Tác phẩm *Margarita và Ông Chủ* xuất bản 25 năm sau cái chết của Bulgakov lại được đón nhận như một khám phá. Yevgeny Zamyatin, cùng thời với Bulgakov là một tài năng kỳ lạ khác. Tác phẩm *Chúng Ta* của ông chính là nguồn cảm hứng cho George Orwell. Để tránh được thành công kiểu Sô viết, ông ta đã chọn xuất cảnh và

rơi vào quên lãng ở trời tây.

Cũng những năm đầu thập niên ba mươi, Boris Pasternak một cách kỳ cục đã được chính thức công nhận. Lãnh tụ Bôn-sơ-vích Nikolai Bukharin đã gọi ông là nhà thơ hay nhất còn sống của nước Nga, bất kể những văn cú khó hiểu và sự vắng mặt hoàn toàn của trò đơn đả với một quốc gia Sô viết mới. Đây là một thí dụ độc đáo về sự hoàn hảo của Đảng với loại văn chương tân kỳ. Nhưng rồi cũng chẳng lâu sau khi Bukharin biến mất trong cuộc thanh trừng đẫm máu của Stalin, Pasternak cũng bị thất sủng và rơi vào quên lãng cả hơn hai chục năm. Vụ xi-căng-đan *Bác Sĩ Zhivago* có là cái gì khác hơn là một sự đụng độ trong quan niệm giữa Tây phương và Sô viết về một thành quả văn học. Hàng triệu cuốn sách đã được tung ra trên thị trường Tây phương và sau đó Pasternak được trao giải văn chương Nobel. Trong khi đó những con trâu nước ý thức hệ Sô viết lại dựng lên cả một chiến dịch quỷ quái nhằm mạ lỵ ông ta.

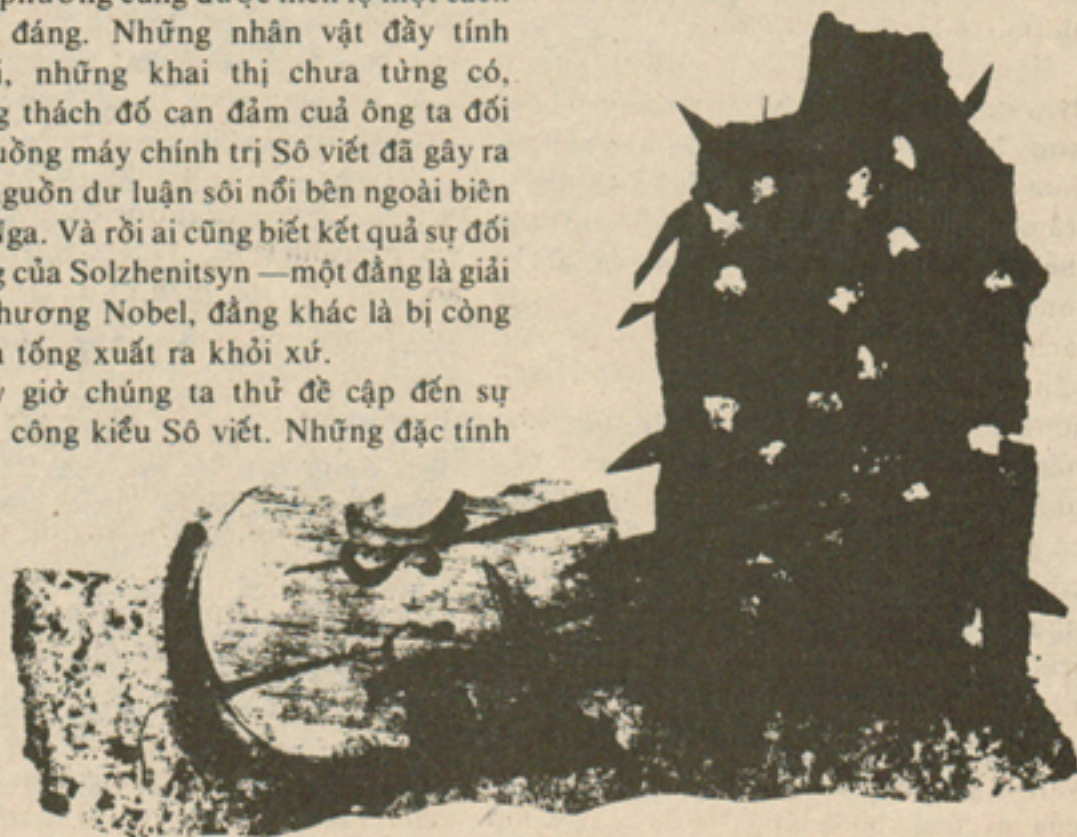
Những bước đầu của Alexander Solzhenitsyn trên văn đàn Nga cũng thật huy hoàng. Tác giả thời danh Konstantin Simonov, viết trên tờ báo chính thức của Đảng Pravda, đón chào ông như “một Tolstoi mới” mặc dầu ai cũng biết chỗ ngồi của Tolstoi đã bị chiếm ngự bởi Mikhail Sholokhov. Solzhenitsyn còn được đề cử cho giải Lenin, giải văn chương cao nhất của cả xứ. Tiếng tăm và tài sản của ông ta ở tây phương cũng được hiển lộ một cách xứng đáng. Những nhân vật đầy tính người, những khai thị chưa từng có, những thách đố can đảm của ông ta đối với guồng máy chính trị Sô viết đã gây ra một nguồn dư luận sôi nổi bên ngoài biên giới Nga. Và rồi ai cũng biết kết quả sự đối kháng của Solzhenitsyn — một đảng là giải văn chương Nobel, đảng khác là bị công tay và tống xuất ra khỏi xứ.

Bây giờ chúng ta thử đề cập đến sự thành công kiểu Sô viết. Những đặc tính

nó đòi hỏi. Nó bật lên như thế nào và làm sao người ta có thể duy trì nó. Càng về sau này tôi càng đi đến một quan niệm là ý thức hệ chính trị Sô viết chẳng dính dáng gì đến phẩm chất của văn chương cả. Nó sẽ ưa chuộng cái phẩm chất văn chương với một điều kiện duy nhất — sự phục tùng. Khổ nỗi hai điều này lại ít chịu đi với nhau. Thành ra chỉ có những kẻ bất tài và tầm thường là được chính thức chia cổ trên cái chiếu văn chương Sô viết. Tuy nhiên, luật tắc nào mà không có ngoại lệ. Đôi khi, cũng có những cây bút vừa được lòng người đọc vừa được lòng Đảng. Có hai thí dụ mà tôi muốn nêu ra ở đây.

Thật khó ai có thể cưỡng lại lối văn kể chuyện tài tình của Aleksei Tolstoi; ông ta có khả năng bắt lại một khoảnh khắc trôi lướt, hiển dâng cho độc giả cái mùi hương của quá khứ và miêu tả những cử động của con người cũng như những con ngựa. Tolstoi đúng là một nhà văn chân tài nhưng đồng thời ông ta cũng “đỏ” có tiếng. Chẳng thế mà ông ta có cả một dinh thự ở trung tâm thành phố Mốt-cu, ngay trên con đường được vinh dự mang tên mình. Hơn nữa, ông ta còn thu góp đủ loại giải thưởng và văn chương Sô viết. Mà có gì quá đáng bị đòi hỏi trao đổi ở ông ta đâu. Trong cuốn tiểu thuyết chính của ông ta, *Con Đường Thống Khổ*, ông ta chỉ việc chuyển hướng niềm cảm thông của mình với những sĩ quan Bạch quân sang đám ủy viên cách mạng Đỏ là đủ. Rồi một cái vận vẹo khác không đáng kể cũng đã được yêu cầu trong cuốn tiểu thuyết lịch sử *Peter Ngôi Đầu* của ông ta sao cho những sự kiện sánh đôi giữa Peter vĩ đại và Stalin trở nên hiện hữu để biện minh và vinh danh chế độ độc tài chuyên chính.

Một yêu cầu khác nhẹ nhàng hơn cũng đã được chuyển đến Valentin Kataev. Ông



ta chẳng hề bị ép uống phải bóp nặn từ cú gì cả. Đâu có gì đáng phàn nàn trong văn chương của ông ta. Và chuyện công nhận những sáng tác của ông là đương nhiên. Kataev chỉ phải đi đây đó để diễn thuyết tán tụng “Đảng yêu dấu của chúng ta” hay thỉnh thoảng mắng mỏ vài anh láng giềng của mình ở Pererdelkino là đã trượt vào vũng lầy của bọn trưởng giả. Nhưng mặc dù đáng trách, Kataev đã luôn luôn phô diễn một tài năng không lằm vào đâu được và một sự tận tụy với nền văn chương Xô viết qua lối văn đầy say đắm của ông ta. Cả hai tác giả — Aleksei Tolstoi và Valentin Kataev — hơn thế, nhiều khi còn dám bày tỏ sự soi mói hoan hỉ với chính những kẻ đỡ đầu họ nữa.

Câu chuyện của Mikhail Sholokhov leo lên chức tiên chỉ trên cái chiếu văn chương Xô viết mới thực là một trò hề cực độ. Thập niên này sang thập niên khác, ngôi bút của ông ta chẳng viết lên điều gì đáng đọc cả. Trong khi đó thì miệng lưỡi ông ta lại toàn thốt ra những lời tuyên truyền rẻ tiền. Câu hỏi đặt ra ở đây là làm sao ông ta có thể giữ mãi ngôi vị con gấu mẹ cao cả của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Câu trả lời chính là cuốn tiểu thuyết *Sông Don Lặng Chảy* của ông ta, cuốn sách đã thu hút sự chú ý và ái mộ của độc giả trong hơn năm chục năm. Điều này cho thấy danh giá trên văn đàn Xô viết ít ra cũng phải tùy thuộc phần nào vào sự thừa nhận và ngưỡng vọng của độc giả. Một sự kiện mà ai chẳng hằng háo hức tìm kiếm. Như thế niềm khao khát danh vọng chỉ có thể được thỏa mãn như trong các trường hợp tôi đã nêu ra ở trên. Đời sống văn học Xô viết bình thường có thể tạo ra hàng chục hàng trăm tài danh giả tạo và phóng đại tên tuổi của những tác giả mà trong thực tế chỉ là những kẻ tối ám ngu đần.

Hầu hết những tác giả loại này là những ủy viên văn bút hoặc ở bộ phận trung ương hay ở những cơ cấu địa phương. Cái đám được trọng vọng này gồm khoảng ba trăm mạng. Họ ăn trên ngồi chốc và trong thế giới của họ thành công không hề tùy thuộc vào khả năng hay nghệ thuật viết lách gì cả. Quyền lợi của những ủy viên văn bút đảm bảo cho họ một tiêu chuẩn sống mà những hội viên tầm thường khó mà dám mơ tưởng. Những cốt cán này nhận lãnh những khoản trợ cấp đặc biệt và có gì quan trọng hơn là những cơ hội hiếm có liên quan đến việc xuất bản. Họ chiếm ngụ các phòng ốc đẹp đẽ trong những kiến trúc mới mà không phải trả một khoản tiền thuê mướn nào cả. Ngoài ra họ còn có những nhà mát ở đồng quê bảo trì bởi “quĩ văn học”, một cái quỹ riêng biệt. Lịch sử của nó cũng khá lạ lùng. Nó được thiết lập

với mục đích từ thiện cách đây 150 năm ở St. Petersburg. Tiền bạc của nó được đựng trong một cái hộp thiếc không bao giờ khóa ghi những chữ “cho những tác giả say sưa và túng bấn”. Ngày nay nó có ngân sách bạc triệu và mục đích của nó bây giờ lại là giúp đỡ những kẻ vốn đã giàu có và nổi tiếng thăng tiến hơn nữa.

Một chức vụ ủy viên văn bút như thế có nghĩa là một trình độ nghệ thuật và ý thức hệ không thể bàn cãi. Do đó một điều luật bất thành văn đã được khai sinh: Không có cuốn sách nào của một ủy viên văn bút có thể nhận những lời phê bình xấu cả. Dưới nhiều cách, sách của họ là những mẫu mực ý thức hệ áp đặt lên trên người đọc. Giới thiệu chúng là bổn phận của thư viện cả nước.

Guồng máy chính trị Đảng lại luôn luôn đàn áp tất cả những hình thức thành công tự nhiên. Danh vọng và của cải không thể nào đi với nhau khi mà tất cả những cơ sở xuất bản và buôn bán sách đều nằm trong tay nhà nước. Nói cách khác, Đảng kiểm soát tư tưởng chính trị khắp cả. Nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của thập niên sáu mươi đã phải sống rất nghèo. Bạn bè tôi trong những bộ môn nghệ thuật khác cũng luôn luôn sống mấp mé vực đói. Nhiều lần, những người bạn ký giả Mỹ đã đóng khung tôi như một tác giả có nhiều sách bán chạy nhất nước Nga. Với họ, sách bán chạy đồng nghĩa với thành công văn học và chuyện giàu có là tất nhiên. Tôi chắc là nhiều người đồng hương với tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng thực sự là tôi đã chẳng nhớ là mình đã để dành được một ngàn đồng rúp nào trong nhà băng cả, hay ngay cả chuyện có được một trương mục. Tiền ứng trước hay nợ nần tôi lại thấy dễ nhớ hơn. Mà thực, lợi tức của một nhà văn Xô viết đâu có tùy thuộc vào chuyện ông ta được lòng người đọc hay có sách bán chạy. Nó chính ra dựa vào loại hợp đồng mà ông ta kiếm được. Điều này lại tùy vào quyết định của giới chức có thẩm quyền, nghĩa là tùy vào tư tưởng chính trị của tác giả. Nếu anh là một tác giả thời thượng ồn ào, anh khó mà giàu được. Muốn giàu, anh phải chọn một con đường tư tưởng chính trị phù hợp và đợi đến một lúc nào đó, một câu nói quyền phép được phán ra từ phía trên: “Hãy dọn đường cho người của chúng ta”. Mặt khác, nếu anh cư xử một cách không thích đáng thì anh sẽ gặp muôn nghìn khó khăn. Chẳng hạn như cả năm tri hoãn trước khi sách được in, sáng tác bị từ chối đăng trên những tạp chí hay chính anh có thể trở thành nhân vật của giờ nghỉ sáng tạo không chừng.

Trong suốt khoảng thời gian 12 năm, từ năm 1968 đến năm 1980, năm tôi xuất

cánh, tôi đã chẳng thể xuất bản một cuốn sách nào chỉ vì các nhà xuất bản đã cứ lững lờ trong việc trả lời đồng ý hay không. Các tạp chí cũng chẳng buồn đăng những sáng tác đặc ý của tôi. Để chạy gạo cho gia đình, tôi đã phải làm những công việc vụn vặt như phiên dịch hay nói đúng ra là viết lại sách từ những ngôn ngữ của các Cộng hoà làm nên Liên bang Xô viết, hay sửa văn những bản thảo rườm rà cho các phòng làm phim. Viết chuyện trẻ con cũng là một cách kiếm sống khác của tôi.

Chân dung của các tác giả ồn ào phiên phức tất phải dần dần nhạt nhòa trên văn đàn Xô viết và được thay thế bởi những kẻ viết tẻ nhưng chăm chỉ. Điều này hiển nhiên là mục tiêu của “họ”. Người ta đồn là tôi đã chẳng còn gì để viết và đã bị loại bỏ. Trong khi đó tôi lại sáng tác mạnh. Các học tử bàn giấy của tôi chứa đầy rẫy những bản thảo bị từ chối. Một điều cũng khá éo le là khi càng ở vị thế tuyệt vọng, tôi lại càng viết liều. Tôi có cảm tưởng là mình đang tiến dần ra bức cửa, giống như mặt trăng tôi đã cứ khuyết dần.

Nhưng tôi cũng xin thừa ngay ở đây là mặc dù tôi chán ghét những mẫu mực thành công kiểu Xô viết, tôi cũng không thể nào vinh danh gì phía Tây phương được. Ai mà chẳng mơ được thành công và có ai chịu ngừng hy vọng. Cũng chẳng có ai bỏ rơi niềm ao ước được nổi tiếng và giàu có. Nỗi khao khát đó chính là ưu điểm hào hứng và là cái quyến rũ của nghề nghiệp viết văn chúng tôi. Tôi chẳng thấy gì sai quấy cả bởi vì thành công đồng nghĩa với niềm vui. Tuy nhiên sản phẩm nó chính lại là một điều gớm ghiếc.

Về sau này, tôi có dịp đọc một câu rất đáng nhớ của Pushkin trong cuốn *Chuyến Đi Arzrum*. Trên một con đường đất ở Caucasus, ông ta đã gặp một chiếc xe chở xác nhà viết kịch nổi tiếng Griboedov, làm sứ thần Nga ở Teheran và bị giết bởi đám dân Ba Tư cuồng tín. Pushkin đã trầm tư về bản chất của sự thành công: “Sự kính nể của chúng ta đối với danh giá bắt nguồn có lẽ từ tính tự trọng bởi vì trong đó chúng ta có thể tìm thấy dễ dàng nguyện vọng của chính mình”. Câu này được viết ra cách đây 150 năm. Vâng, đúng vậy. Nguyện vọng ấy là của chúng ta và tất cả những trò chơi trẻ con về sự hào nhoáng đều bắt nguồn từ chính bản chất con người. Chúng khác hẳn những tiếng khô khốc phát ra từ con quái vật không mặt mang tên chuyên chế.

* Vassily Aksyonov là một nhà văn Nga lưu vong trên đất Mỹ. Ông là tác giả cuốn tiểu thuyết trào phúng *Vết Phỏng* mới vừa được xuất bản. Bài viết của ông đăng trong tờ New York Times (Book Review) số ra ngày 10 tháng 3 năm 1985.

Về Sáu Bài Thơ Hoa Đào của Nguyễn Trãi



GS Lê Hữu Mục

(tiếp theo và hết)

NHỮNG TỪ CỔ HIẾM HOI

Ngoài một số từ cổ đã được bàn tới ở phần trên, như *hồn, át, dĩ, choạc lối, xá, tây, toan, cập đơm, thừa, hạn*, ta thử đề cập một số từ cổ rất ít người biết, đó là những từ: *kiến, tận, tài qua, mừng, nhẩn, kể, thể*.

- 建 (bài 1, câu 4, chữ 1). Đây là chữ *kiến* hán văn. Đào Duy Anh cho đó là chữ viết lộn nên sửa lại là 建 *kiến* để đọc chung với từ *tiện* ở sau thành *kiện tiện* và chú là: “hai chữ này thường dùng để tỏ ý quý mến phi thường”. Giáo sư Hoà không đồng ý về cách đọc nhưng cũng chỉ viết lại lời chú mà không phê bình. Về cách tự tiện sửa lại văn xưa, đó đã là một khuyết điểm lớn của nhà nghiên cứu, lại sửa một cách lăm lăm thì đó không phải là một khuyết điểm nữa mà là một tội ác. Từ *kiện tiện* là một từ do đầu óc của ông Đào Duy Anh chế ra một cách vô tội vạ, không cần coi độc giả và các bạn đồng nghiệp là ai nữa. Đọc hai chữ trên là *kiến tiện*, không thấy có nghĩa, ông bèn phóng bút chữa ra thành *kiện tiện, kiện* là mạnh mẽ, *tiện* là yêu mến, thêm muốn, ao ước nên ông đã hí hửng chú là hai chữ này thường dùng để tỏ ý quý mến (*tiện*), phi thường (*kiện*); những ai biết một chút chữ Hán đều biết rõ đó là bịa đặt và phương pháp làm việc như vậy là bịp bợm. Cũng vì thế mà giáo sư Hoà đã sửa lưng họ Đào bách cách phẻ bỏ hai chữ Hán gượng ép đó và thay thế bằng hai từ nôm: *kín tiền* mà giáo sư chú thích là: “đưa hương một cách kín đáo”. Ở đây, tôi ghi nhận tinh thần khoa học mà giáo sư muốn biểu lộ để chống lại cách làm việc cầu thả của nhà học giả miền Bắc và tôi xin phép được góp ý kiến với giáo sư về hai chữ này.

Trước hết, chữ *kiến* mà giáo sư đọc là *kín* có lẽ khó chấp nhận. Theo kinh

nghiệm riêng của tôi, ngoài những quy luật chặt chẽ mà chữ nôm được chi phối để sinh sản, chữ nôm còn có một kho từ ngữ cố định mà bất cứ nhà nôm nào, thuộc vào bất cứ thời đại nào cũng chấp nhận, đó là những chữ nôm thông dụng như *ăn nói, đi đứng, ngồi nằm, nhà cửa, cây cối* v.v.. trong đó có chữ *kín* được viết là 謹; chữ *kín* này được viết nhất loạt trong mọi từ điển, trong mọi văn bản nôm, chỉ trừ Phan Huy Ích, khi viết đến chữ này, vì tránh tên cha là *Cẩn* nên đã viết chữ *kín* là 謹 (tức chữ *ngân*, còn viết là 閏). Như vậy chữ *kiến* trong bài thơ không được là *kín*, nó chính là chữ *kiến*, như nói *kiến phần*: *cẩn phần*, để phần cho, dành phần cho; *kiến thịt, kiến xôi*: đem xôi thịt mà cho, cho tỏ điều kính (HTC). Chữ tiếp theo là chữ *tiển*, chữ nôm thường đọc là *tiện* (quay tròn, như nói con *tiện*), *tận* (thấu đến nơi, sát một bên, cùng tốt); chữ này ông Đào Duy Anh thường đọc là *tận*, nhưng từ này là từ địa phương của từ *tận* nên không phổ biến bằng từ chính của nó. Nếu giáo sư đọc là *tiển*, hiểu là *đưa*, thì đó là chữ 饒 *tiển* chứ không phải là chữ *tiển* (hay *tiện*) 羨 nữa. Tôi đồng ý với giáo sư là hai chữ này không phải là chữ Hán như ông Đào Duy Anh đã ngụy tạo mà phải là hai chữ nôm. Tôi đề nghị hai chữ nôm đó là: chữ *kiến* nghĩa là dành cho, để cho; *tận* là cùng tốt, là tất cả. Cả câu đọc là: *kiến tận mùi hương, để động người*; nghĩa là: dành cho tất cả mùa hương, và cái ý đẹp đó của gió đông có tác dụng làm cho lòng người xao xuyến.

- 逌持 (bài 2, câu 4, chữ 12): Đây là hai chữ *bù chỉ*, do từ hán *phù trì* phải viết là *bù chỉ*, hay *phù trì* chứ không thể viết lai căng là *bù trì*. Thông thường, các phụ âm *tr/* Hán chuyển sang tiếng Việt đều mang phụ âm *ch/* như: Trà: chè

Truyện: chuyện
Trì: chì

Vậy, *Bù chì* đã có *khí hồng quân* (x. Taberd, Genibrel, Huỳnh Tịch Cửa).

- 才 (bài 3, câu 1, chữ 6): Chữ *tài* này có thể dùng để thay thế các chữ *tài* đồng âm khác như: 材, 財, 裁, 裁 trong đó chỉ có chữ *tài* 裁 là có thể dùng làm phó từ và nghĩa là *ngay tức khắc* như nói *tài quá*, nghĩa là đến ngay tức thì. *Xá tài qua*: xin bắt buộc phải đến ngay, đến tức tốc, không được chậm trễ. Đào Duy Anh cho chữ *tài* trong *tài qua* không có nghĩa nên đã đoán đó là chữ *tài* 裁, lộn thành và hiểu theo nghĩa là *tài bồi*, chăm bón cho hoa. *Sá tài qua* nghĩa là nên *tài bồi* cho hoa. Ở đây, ta cần để ý đến các âm *tài* và *tại* trong chữ Hán. Chữ Hán có bốn chữ *tài* đã liệt kê ở trên, còn chữ 裁 thì Hán đọc là *tai* (không có dấu huyền), giống như các chữ *tai* khác: 裁, 怠, 怠, 怠, 裁, 災 bởi vậy chữ mà ngày nay ta đọc là *tài bồi, tài hoa* (có dấu huyền) thì lúc đầu đọc là *tai bồi tai hoa* (không có dấu huyền), sau này vì lý do thuận thính âm nên mới đọc là *tài bồi* (có dấu huyền) rồi *tài hoa* nghĩa là *trồng hoa*. Nếu câu thơ chỉ viết là *tài qua* thì không thể hiểu được là *tài bồi cho hoa* mà phải hiểu là *trồng qua*, một đoạn ngữ vô nghĩa vì chưa đủ các yếu tố ngữ pháp. Có lẽ vì thế mà trong bản phiên âm của giáo sư Hoà, “*khí hồng quân hãy sá tài hoa*”, chữ *tài hoa* không phải là lỗi nhà in như tôi đã nhận định mà là một chữ có ý viết như thế chẳng? Nếu hiểu *tài* là *tài bồi*, thì chỉ có cách sửa lại chữ *qua* thành *hoa* như giáo sư Hoà đã làm là đúng nhất. Việc sửa lại chỉ không cần thiết khi ta tìm ra được chân tướng của chữ *tài*.

Tôi đề nghị phiên âm câu thơ này là:

Khí hồng quân hỡi! Xá tài qua.

Không hiểu sao mỗi lần đọc câu thơ này, tôi nghe rõ tiếng kêu thất thanh của

Nguyễn Trãi năm 1429 khi ông vô tình bị liên lụy một cách oan uổng (theo lời ông) vào chuyện riêng của Trần Nguyên Hãn và Phạm văn Xảo nên bị Lê Thái Tổ bắt giam. Câu thơ đến sau thực sự là một lời phân trần và cầu khẩn: "*Chớ phụ xuân này, chớ phụ hoa*".

- 𢆶 (bài 4, câu 2, chữ 1): Chữ Hán là *năng*, chữ nôm đọc là *năng, nằng, nãng, nẳng, nẩng, nựng* (theo Taberd). Trong QATT, có nhiều trường hợp tác giả dùng chữ này đi đôi với một từ có tính hạn chế như *mổ, mới*, tỉ dụ:

Năng mỗ sơn tăng làm bạn ngâm
(QATT, 5)

Năng một ông này đẹp thú này
(OATT, 11)

Đại ý hai chữ *năng* *mở* hay *năng* *một* này cũng có nghĩa như hai chữ *bụi* *một*, tôi tra chữ *duy*, chữ *cận* và nhiều chữ nữa vẫn không ra nghĩa nom, cuối cùng tôi đi kiếm cho được một cuốn Thiều Châu vì tôi biết vị tu hành giỏi chữ Hán này là một người gốc Hải Dương, quê cũ của gia đình Nguyễn Trãi. Tôi tra chữ *cận* 僅 với nghĩa là *chỉ có một*, và tôi thấy Thiều Châu nghĩ thêm ở bên là *nùng*, vậy *nùng* nghĩa là *cận*, là một từ chỉ riêng một cái gì trong số nhiều cái khác (tự chúng đa chi trung, đơn chỉ kỳ nhất chi từ). Tôi trở lại chữ *năng* 能: nếu chữ này đã được đọc là *nặng*, *nằng*, *nung*, *núng*, *nụng*. v.v. thì chắc chắn phải được đọc thêm là *nùng*. Tôi ráp từ *nùng* vào các câu thơ thì các câu thơ sáng rực lên như cho vào máy điện tử vậy. Tôi phát hiện được từ này vào năm 1981 tại Sài Gòn. Đáng lẽ tôi đã công bố nó nhưng tôi nấn ná cho đến nay mới chính thức công bố cùng giới nghiên cứu chữ nom thành tự sư tầm từ cổ của tôi trong đó có từ *nùng*, thường đi với từ *mở* hay *một* để chỉ một ý nghĩa loại trừ nhất định như là: *chỉ có* (x. Văn Tân, từ điển Trung Việt), *tí nữa không* (à peine), *một tí* (un peu) như đã ghi trong *Petit lexique chinois-annamite-francais* của Tây dương. Câu thơ của Nguyễn Trãi có thể được phiên lại là:

Nùng một hoa này nhẵn mọi loài

Những một hoa này có thể hiểu dứt khoát là: chỉ có một chút hoa này, duy chỉ còn một chút hoa này mà thôi, tí nữa thì không còn gì nữa cả. Từ *những* cũng cần được trả về đúng chỗ của nó trong những câu:

Nùng mỗi sơn tăng làm bạn ngâm

Nùng một ông này đẹp thú này.

Đào Duy Anh chưa tìm ra được chữ này nên đọc theo âm và nghĩa Hán là *năng*, cắt nghĩa *năng* là *hay có thể*(7). Giáo sư Hoà tuy không tìm ra được chân tướng của từ nừng nhưng đã nắm bắt được một

phần nào bóng dáng của nó khi giáo sư hiểu câu thơ là: “há có riêng cho hoa này”; chính từ *riêng* cũng có thể dùng đồng nghĩa với từ *chỉ có*, tức là *nùng*.

- 卽 (bài 4, câu 2, chữ 5). Đây là chữ *nhẫn*, nên cũng đọc là *nhẫn* với nghĩa *nôm* là *đến*, ví dụ: từ cổ *nhẫn* kim (từ cổ đến kim, *nhẫn* nay (đến nay) ADR viết *nhẫn* nay là *nhễn* nay với nghĩa là *Usque modo*, *đến nay*. *Nhẫn* còn có một nghĩa khác là *dù, dù rằng, mặc dầu* như trong thơ Lê Thánh Tôn: “Dù *nhẫn* ai ai qua đến đó” (Đề miếu vợ chàng Trương). Đào Duy Anh còn tìm ra được một nghĩa thứ ba là *hơn*. Ông viết “Ở đây *nhẫn* nghĩa là *hơn*, cũng như câu 4 bài 198. Ý câu này là: chỉ hoa đào là *hơn* mọi loài hoa khác vì nó nở vào đầu mùa xuân”. Nếu xét về ngữ nghĩa và văn cảnh thì cách hiểu này đi ngược lại ý nghĩa của câu thơ trên. Câu trên là *Khí dương hoà há có tây ai*, nghĩa là không riêng tây với ai, nói cách khác là chung cho cả mọi loài mọi vật; thì câu sau này cũng phải giữ ý đó, nghĩa là phải nói rằng: vì khí dương hoà là của chung cho tất cả cho nên nó là của hoa đào (nói riêng) và của cả mọi loài (nói chung). Ý riêng và ý chung được nối kết bằng từ *nhẫn*. Vậy *nhẫn* ở đây có nghĩa là *đến* thì đúng với ý nghĩa *hơn*. Vả lại, từ *nhẫn* nghĩa là *hơn* không thấy được nói đến trong một văn bản nào. Nếu chỉ căn cứ trên câu 4, bài 198: *Thu âu là nhẫn một hai phần* (QATT, 198) thì từ *nhẫn* ở đây chỉ có nghĩa là *đến* vì ở câu trên, tác giả đã dùng từ *kể* nghĩa là *đếm* thì động tác diễn ra phải đi từ một con số nào đến một con số nào.

Toan kể từ mùa có nguyệt

Thu âu là nhẵn một hai phần.

Trong câu thơ: *Nùng một hoa này nhẩn*
mọi loài, nhẩn cũng chỉ có nghĩa là *đến*,
cho đến, diễn tả một sự tính toán một điểm
này đến một điểm khác.

- 計 (bài 4, câu 3, chữ 2): Chữ này là chữ Hán *kế* (dấu sắc), nôm đọc là *kế, kể*; Đào Duy Anh đọc là *tính kể*, giáo sư Hoà sửa lại là *tính kể*. Ông Đào đọc là *kể* nhưng không cắt nghĩa *kể* là gì, ý chừng ông cho *kể* nghĩa là mô tả, như nói *kể chuyện*. Trong ADR, ta vừa gặp từ *kể* theo nghĩa ngày nay (narro: kể lại) và một từ *kể* cổ nghĩa là *đếm* (numero), từ *kể chẳng xiết* nghĩa là không thể đếm hết được (innumerabilis); từ này không còn thông dụng nữa nhưng còn được dùng trong kinh sách của Giáo hội Công giáo và trong một vài thành ngữ như *khôn kể, vô kể*.

- 体 (bài 1, câu 2, chữ 5). Chữ này vốn là chữ *bổn* được dùng để viết tắt chữ *thể* 體, nôm đọc là *thể, thễ, thấy, tháy*. Trong QATT, hai từ *ihể* và *thấy* đều được viết là 体, nếu thỉnh thoảng ta có gặp

chữ 見 (thể, kiến) tức là chữ *thấy* thì đó là chữ *thấy* của thời đại Dương Bá Lung, xuất hiện sớm lắm là vào thế kỷ XVIII. Vì quá thận trọng nên nhà sao lục Dương Bá Cung đôi khi cũng bị lầm, nhưng trong trường hợp này, ông đã viết rất đúng là 本 và ta có quyền đọc là *thể trước khi đọc là thấy*; nếu là *thấy xuân cười* thì ai thấy? Nếu đoá đào hoa đó tốt tươi thì tại sao nó lại không cười mà chỉ đứng ngoài để *thấy xuân cười*. Hiểu cách nào chẳng nữa, ta vẫn thấy đoản ngữ *thấy xuân cười* hình như còn thiếu một cái gì, thể ngữ pháp của nó chưa được hoàn toàn ổn định. Ngược lại, đọc đúng *thể* là *thể*, ta hiểu ngay *thể xuân* là *chiều theo ý của mùa xuân*, và từ *thể* trong ý nghĩa này hiện còn được dùng trong những ngữ rất quen thuộc như: *thể lòng, thể ý, thể theo*.v.v. Thì ra đoá hoa đào tốt tươi kia đã chiều ý xuân mà cười! Thế có đẹp không? Có quyến rũ không? Đó mới là hoa đào tiên và mở đầu bài thơ như thể mới thấu triệt kỹ thuật vén mây thấy trăng. Ông Đào Duy Anh thì đọc *thể* là *thấy* và không thắc mắc gì về nội dung câu thơ, chỉ lo chữ *cách* lộn với chữ *tường*, trong khi hai chữ viết khác nhau từng bộ và từng nét. Giáo sư Hoà không đồng ý về sự lộn thành này nhưng cũng không giải thích tại sao, và do đó giáo sư đã dễ dãi chấp nhận đoản ngữ *thấy xuân cười*. Sự chấp nhận cách đọc ấy của giáo sư làm cho tôi giật mình và tôi đã mất công suốt tuần qua để kiểm soát lại cách đọc của tôi, nhưng đến khi phải quyết định thì tôi thấy đọc là *thể xuân cười* vẫn có vẻ dễ hiểu và đúng với bản nôm hơn. Tại sao đoá hoa đào tươi tốt ấy lại phải chiều theo mùa xuân? Mà tại sao lại nói là *cách xuân*? Hiển nhiên là ở đây, qua khung cảnh của bài thơ, ta thấy thấp thoáng bóng dáng của Thôi Hộ mà thời gian chứa đựng trong hai chữ *khử niên* đã làm cho Nguyễn Trãi như nhớ tiếc những ngày xưa, do đó có từ *cách xuân* mà theo ADR là ở giữa hai mùa xuân, mùa xuân này và mùa xuân trước, trong khoảng thời gian ấy, hoa đào vẫn mơn mớn và vẫn cười theo mùa xuân. Khỏi nói rằng đem chữ *tường* mà thay vào chữ *cách* như họ Đào đã làm là đập đổ hoàn toàn cấu trúc thời gian của bài thơ. Giáo sư Hoà đã rất có lý khi phản đối cách đọc lộn thành của họ Đào và chữ *phỏng đoán* mà giáo sư đã dùng để đánh giá cách làm việc của "nhà học giả số một miền Bắc" đã tỏ ra quá nhẹ!

NHỮNG CHỮ NÔM ĐỌC THEO NGŨ
ÂM THỂ KỶ XV

“敏” (bài 1, câu 2, chữ 3-4) Ông Đào và giáo sư Hoà đã đọc là *mơn mơn*, nhưng xem cách viết thì hiển nhiên tác giả muốn nhấn mạnh vào chữ đầu, tức là *mởn* và

việc nhắc lại tạo thành một từ láy âm trọn vẹn: *mởn mởn*. Vậy phải phiên âm là *mởn* chứ không được phiên là *mơn mơn*, cũng như *vặc vặc* không được phiên là *vàng vặc*.v.v. Trong những tác phẩm thế kỷ XV, XVI. Luật thuận thính âm chỉ ứng dụng trong những tác phẩm nôm thế kỷ XVII, một khi thơ Đường đã hết khả năng tập trung, phải nhường bước cho thể thơ song thất lục bát và lục bát.

- 亭 (bài 2, câu 3, chữ 5). Đây là chữ *đình*, nôm đọc là *đình*, *đành*, *đường*, *dành*, *dùng* nhưng không bao giờ đọc là *rình*, *rành*, *rùng*. Phụ âm đầu *r/* thường được tạo nên bằng các chữ Hán có phụ âm *l, tr*. Tôi không muốn đi vào chi tiết sợ làm mất thì giờ độc giả, tôi chỉ muốn nói rằng từ *rình* được các nhà nôm viết nhất trí là 伶 (tức mượn chữ *linh* Hán văn); có tác phẩm viết là 領 (mượn chữ *trinh* Hán văn, cũng nghĩa là *rình*) nhưng trường hợp rất hợp lý này lại ít gặp. Đó là một lý do. Lý do thứ hai là trong câu thơ đã đủ bảy chân ấy (Dĩ sử chim xanh đừng chọac lối), một chữ Hán có phụ âm đầu *đ* muốn đọc nôm với phụ âm đầu *r* bắt buộc phải có thêm một ký hiệu chỉ âm, nếu chỉ là một chữ giả tá thì bắt buộc phải duy trì phụ âm *đ*, không đọc ra *r* được, cũng không đọc ra *đ*; ký hiệu chỉ âm này có thể là một trong các bộ thủ của chữ Hán, có thể là các dấu ㄅ ㄆ ㄇ (cự, ba, xa, tư), có thể chỉ là một dấu lặng mà tôi đề nghị viết là 〃. Khi câu thơ có một trong các dấu chỉ âm *cự, ba, xa, tư* hoặc *dấu lặng* thì câu thơ ấy bao giờ cũng đọc ra văn hiện đại thành sáu chữ, nhưng thực sự là có đủ bảy chữ vì có một trong sáu chữ ấy là song tiết. Ngược lại, nếu đã có đủ bảy chữ rồi thì câu thơ không có dấu chỉ âm *cự, ba, xa, tư* hoặc *dấu lặng* nữa, nhưng lại phải mang những bộ thủ tương ứng nếu âm nôm muốn giữ phụ âm đầu của chữ Hán. Tôi nói như thế có hơi vắn tắt nhưng cũng tạm đủ để giải thích rằng, theo kinh nghiệm đọc QATT của tôi, chữ 停 trong câu thơ nói trên không đọc được là *rình* hay *dình*, *dành*, *dùng*, mà chỉ đọc được là *đình*, *đành*, *đùng* nếu muốn đọc là *rình* hay *dình* thì phải thêm bộ thủ, tỉ dụ 停. Nếu đã không có bộ thủ nào cả thì chỉ có ba âm giữ nguyên phụ âm đầu của chữ Hán. Như vậy, giáo sư Hoà đọc *đừng* ra *rình* là đã quá chú ý đến ngữ nghĩa, không quên kiểm soát lại một vài quy luật sáng chế chữ nôm.

Tôi thử viết lại toàn bộ các bài thơ do tôi phiên âm:

I

Một đóa đào hoa khéo tốt tươi
Cách xuân mơn mơn thể xuân cười
Đông phong ắt có tình hay nữa
Kiến tận mùi hương dễ động người!

II

Động người, hoa khéo hờn tình thần
Ắt bởi vì hoa, ắt bởi xuân
Dĩ sử chim xanh đừng chọac lối
Bù chi đã có khí hồng quân.

III

Khí hồng quân hỡi! Xá tài qua,
Chớ phụ xuân này, chớ phụ hoa
Hoa có ý thì xuân có ý,
Đâu đâu cũng một khí dương hoà.

IV

Khí dương hoà há có tây ai?
Nùng một hoa này nhẩn mọi loài
Toan kể: chĩnh còn ba tháng nữa
Cập xuân, mưa để má đào phai.

V

Má đào phai hết bởi xuân qua
Nếu lại đơm thì lên luống hoa
Yến thừa Đào tri đã có hạn,
Chớ cho Phương Sốc đến lân la.

VI

Phương Sốc lân la đã hờ cơ,
Ba phen trộm được há tình cơ
Có ai ước hỏi tiên Vương Mẫu,
Tin khá tin thì ngờ khá ngờ!

Tôi đếm lại những chỗ phiên âm khác nhau giữa giáo sư Hoà và tôi, tôi sửng sốt khi đi đến con số 22! Có thật vậy không? Trong 24 câu thơ mà phiên âm khác nhau 22 trường hợp thì có nhiều quá không? Ông con trai của tôi thấy tôi bỏ bút xuống liền chạy lại:

- Vợ chồng chị Minh và thằng cu đến chơi đấy bố ạ. Máy ngày nay quốc khánh Canada mà bố cứ ngồi viết chẳng biết trời đất là gì cả. Chúng con định mời bố đi ăn cơm tàu và xem phim chương, bố có đi không?

Cô con gái đầu lòng của tôi tất tả bế con đi vào, chưa thấy người thì đã thấy tiếng:
- Suốt ngày bố chỉ ngồi viết, chẳng biết đến vợ con, dâu rể gì cả. Cả đến thằng cháu ngoại này bố cũng lơ luôn..

Tôi ôm lấy thằng cháu bé bỏng của tôi, mẹ nó thì liếc mắt vào sáu bài thơ hoa đào:
- Cái gì mà *mởn mởn* hả bố, *mơn mơn* mới đúng chứ, sao lại *thể xuân* cười, thấy xuân cười mới rõ nghĩa chứ bố?

Thế là chỉ trong một phút nó làm đổ vỡ hết công trình nghiên cứu lâu năm của tôi. Nó còn dẩu miệng ra nói:

- Giữa thế kỷ 20, ở ngay trên đất Bắc Mỹ này mà bố chỉ viết một thứ văn cổ lỗ sĩ như *hờn tình thần*, *đừng chọac lối*, *có tây ai*, lại còn *nùng một hoa này là cái gì*, *nhẩn mọi loài* là cái gì? Trời ơi, bố viết những gì kỳ cục quá vậy?

Cô con dâu của tôi hiền lành hơn, thấy bố lại tấn công quá mạnh liền can thiệp:

- Thì bố viết cho tương lai văn học mà, có sao đâu?

Cô con tôi đành đá:

- Viết cho thằng cu này ấy à? Còn lâu, khi nó lớn lên thì dù chị có gắng sức mấy nó cũng chỉ biết nói tiếng Việt vậy vậy thôi, nói gì đến đọc sách tiếng Việt, nhất là đọc văn chương cổ.

Rồi nó quay lại tôi:

- Tại sao bố không viết cho chúng con đọc, viết bằng ngôn ngữ thế kỷ 20, dễ đọc, dễ hiểu, tại sao bố cứ cầu kỳ dùng những tiếng mà không một cuốn từ điển nào có, không một ai nói đến nữa? Dù bố có viết về Nguyễn Trãi mà con biết là một tác giả lớn của thế kỷ XV thì bố phải làm sao cho văn thơ của ông có thể đi vào quần chúng, bằng ngôn ngữ của quần chúng chứ?

Tôi nựng nựng đứa cháu ngoại, không trả lời được mẹ nó. Cô Hiền Mai, con út của tôi dằn hoà:

- Thôi không nói chuyện văn chương cổ điển với chữ nôm chữ na gì nữa hết, anh Mạnh xuống sửa soạn xe đi để đưa bố đi chơi, chiều xuống phố tàu ăn cá hấp và gà quay, thế là xong, khỏi bàn luận gì cả.

Đêm hôm ấy đến một giờ sáng bố con tôi mới về đến nhà. Tôi ngồi vào bàn đọc lại những gì tôi đã viết, và mặc dầu bên tai tôi còn văng vẳng những lời phê bình mà tôi cho là hợp lý của con gái tôi, tôi vẫn giữ y nguyên không sửa lại một chữ.

Bây giờ thì đến lượt giáo sư Nguyễn Đình Hoà phát biểu. Nếu trong 22 trường hợp phiên âm khác nhau giữa giáo sư và tôi mà có phân nửa được giáo sư chấp nhận thì tôi cũng mãn nguyện lắm rồi.

CHÚ THÍCH:

1. Từ 1969 đến 1985, có ít nhất 20 tác giả đã lên tiếng phê bình bản phiên âm của Đào Duy Anh. Trong bản in lần hai năm 1976, ông có sửa chữa nhưng lại đi sâu vào nhiều lầm lẫn khác.
2. Nguyễn Trãi toàn tập, in lần thứ hai, Hà nội 1976.
3. Đăng trên báo Văn Nghệ, ngày 17.11.1979
4. Văn nghệ, 1.1980.
5. *Etiam*: cũng, thực như vậy, nhất định là thế.v.v.
6. *Ắt*: thực là, nhất định là (không có gì phải nghi ngờ nữa)
7. *Tự năng* này cũng như từ *sử* ở trên chưa có tính độc lập, chưa có quyền tạo từ.

Quý vị độc giả muốn biết thêm thông báo về các từ cổ trong *Quốc Âm Thi Tập*, *Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập*, *Bạch Vân Quốc Ngữ Thi*, xin đón đọc cuốn *Úc Trai Quốc Âm Thi Tập* do Lê Hữu Mục phiên âm và bình chú. Sách sẽ do giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ xuất bản tại Montreal vào mùa đông 1985. Nội dung của tác phẩm đề cập những vấn đề: Quy luật cấu tạo chữ nôm của Nguyễn Trãi, Ngữ âm học lịch sử tiếng Việt thế kỷ XV, Quái thai thất ngôn xen lục ngôn, Từ vựng từ cổ, Bảng so sánh chữ nôm thế kỷ XV và XIX, Tội ác của Đào Duy Anh khi phiên âm *Quốc Âm Thi Tập*.



Chàng Gàn

Bùi Vĩnh Phúc

Có một anh chàng gàn sống đâu đó ở trên nước Mỹ này.

Rất có thể một ngày nào bạn sẽ gặp chàng ta, và bạn sẽ đồng ý với tôi là chàng ta gàn quá lắm.

Chàng gàn đọc rất nhiều sách, đông tây kim cổ không thiếu một loại nào. Thuở còn cắp sách đến trường năm đệ nhị, đệ nhất, chàng đã có ở nhà cả một thư viện. Bắt đầu từ những năm đại học, chàng sưu tập bằng cách mua lại ở khắp nơi rất nhiều tạp chí. Chẳng hạn *Bách Khoa* của Lê Ngô Châu, Võ Phiến; *Sáng Tạo* của Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sĩ Tế; *Văn* của Nguyễn Đình Vượng, Trần Phong Giao; *Nghệ Thuật* của Mai Thảo, Thanh Nam; *Vấn Đề* của Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo; *Phương Đông* của Hoàng Sỹ Quý; *Đông Phương* của Nhật Tiến, Nguyễn thị Vinh; *Thời Tập* và *Khởi Hành* của Viên Linh; *Tư Tưởng* của Vạn Hạnh; *Văn Học* của Nguyễn Đình Toàn, Dương Kiền; *Tân Văn* của Nguyễn Quốc Trụ, Đặng Tiến, Bửu Ý. Và tất cả những tạp chí này hầu như chàng sưu tập được đầy đủ từ số đầu cho đến khi tờ báo chết hoặc cho đến số cuối cùng trước khi miền Nam lọt vào tay giặc.

Tạp chí đã thế, sách còn nhiều hơn nữa. Chẳng hạn chàng có khoảng bốn phần năm sách của học giả Nguyễn Hiến Lê, từ những quyển chàng phải đọc để "học làm người" theo đúng như chủ trương của nhà xuất bản, cho đến những quyển *Lược Sử*

Triết Học Trung Quốc, *Sử Ký Tư Mã Thiên*, *Chiến Quốc Sách*, *Liệt Tử* và *Dương Tử*...v.v.. Sách dịch ở Việt nam trong giai đoạn cuối thập niên 60 cho đến khi mất nước, chàng có gần hết. Sách Anh, Pháp, đặc biệt loại *livre de poche*, chất một tủ riêng. Còn về các nhà văn Việt nam sau cuộc di cư 1954, chàng đọc hầu như toàn bộ tác phẩm của mỗi người. Bạn muốn biết về khuynh hướng của các nhà văn Việt nam này qua toàn bộ tác phẩm của họ hay qua từng giai đoạn biến chuyển của xã hội, cứ đến hỏi, chàng sẽ phân tích cho nghe rõ ràng. Chàng gàn còn nhìn ra là hoàn cảnh sống và làm việc của mỗi nhà văn trong từng giai đoạn đã phản ánh và đổ xô lên tác phẩm của họ như thế nào nữa. Một điều quái dị là chẳng những chàng thuộc tên nhân vật trong từng quyển sách của mỗi tác giả, chàng còn nhớ cả năm xuất bản của quyển sách, do nhà in nào in và phát hành, ai trình bày bìa...v.v. Chưa hết, chàng gàn còn biết khá rõ những chuyện vặt vãnh về các nhà văn, những chuyện mà chỉ có những người ở "trong làng" mới biết với nhau mà thôi! Cái đầu chàng gàn quả thực là một cái *data base* vĩ đại —nói theo danh từ computer bây giờ— Nó sắp xếp chi li, cẩn thận và làm việc hết sức trơ trọi. Bạn muốn nói chuyện về văn chương lãng nhăng cho vui hoặc muốn có một vài dữ kiện về một giai đoạn văn chương để tham khảo khi viết lách ư? Hãy đến nhà chàng

gàn. Bạn sẽ được mời ra ngồi dưới tàn cây mận nặng trĩu những chùm quả đông đưa. Gió nhẹ buổi chiều lay động làm loang lổ những bóng nắng yếu ớt trên hè... Và khi bạn bấm máy, đứng tần số, chàng gàn sẽ kể cho bạn nghe.

Trong sân chàng gàn, bà mẹ hiền lành chất phác đã trồng rất nhiều loại cây ăn trái. Nào mận, nào na, nào ổi... Những chùm lá xanh non phất phơ đáng nắng những buổi chiều, hay những bóng lá xảm màu vỏ đều cái âm thanh xào xạc thơm mát mùi diệp lục tố của chúng những buổi tối và nhất là, những trái mận ngọt hoặc chua dòn trên đầu lưôi, những quả ổi cắn nghe rau rầu, những quả na mở ra ngọt ngào những mắt nhìn... đã biến cái không gian mướt xanh ấy thành chỗ tụ tập để nói chuyện văn chương của chàng gàn và bạn bè. Câu chuyện cuốn đi theo mùi thơm nhẹ nhàng của hoa cỏ chung quanh.

Thỉnh thoảng, nói xong một câu đặc ý, chàng gàn bẻ một miếng mận xanh, chấm muối ớt; sau đó, hớp một ngụm nước trà tàu thơm ngát và nóng bỏng lưôi, chàng suýt soa:

- Có bạn, có trăng, có văn chương, có mận chấm muối ớt, có nước trà tàu. Chẳng cũng khoái ư?!

... Rồi ngày tháng qua, chàng gàn lên đại học và học xong kỹ sư Điện, ra trường đậu thủ khoa, nhưng vẫn không chen vào lọt trong lòng một chiếc phi cơ chở du học sinh ra nước ngoài nào cả. Chàng muốn có cơ hội học hỏi thêm, nhưng cả một guồng máy hành chánh tri tri và những lạm đã kéo ghì chàng ở lại, không cho chàng cái cơ hội được tiếp tục đi xa. Vậy thì chàng gàn ở lại. Và chàng ta đâm đầu đi dạy học.

Thế rồi ngày đau thương của đất nước đến. Cả một quê hương bị khóa tù. Cả một dân tộc bị đẩy vào vòng lao lý. Những cây mận ở nhà chàng gàn bây giờ vẫn có trái, nhưng chua hơn. Có lẽ vì chúng nó không chăm sóc, tưới bón đầy đủ. Những con chim, chẳng biết vì sao, cũng không còn thường xuyên bay về nhảy nhót lách tách trong các lùm cây. Thỉnh thoảng lắm mới có một hai con chim gầy gò, xơ xác chao về, cất lên những tiếng kêu lạc lõng trong ánh chiều loang đỏ một góc trời.

Chàng gàn bây giờ được nhà nước "quản lý". Số phận chàng cũng giống y hệt số phận của những nhà giáo khác: được Đảng và nhà nước "khoan hồng", chấp nhận cho tiếp tục làm nghề "kỹ sư tâm hồn". Duy có điều những "kỹ sư" này, sau ngày 30 tháng 4, phải dùng vôi hồ của Đảng và nhà nước để... xây dựng một loạt những con người mới xã hội chủ nghĩa. Đảng và nhà nước không cho nguyên liệu nào khác, và đặc biệt cấm chỉ các "kỹ sư"

dùng nguyên liệu do mình chế tạo lấy. Thế nên, vấn đề làm sao để cho những con người mới một trái tim biết yêu công chính, trọng lẽ phải và biết rung động trước khó khăn. Rất nhiều thầy, cô giáo còn lương tâm đã phải khốn đốn trong công việc dạy dỗ của mình. Duy có một điều đẹp đẽ là hầu như tất cả các học sinh không ai chịu chấp nhận để mình bị xây dựng bằng những vôi hồ sắt máu như thế. Họ vẫn muốn giữ lại cho mình một trái tim của con người, biết rung động và thiết tha với đời sống, với quê hương, với những tình tự dân tộc. Bởi thế, các thầy, cô giáo đã không cô đơn trong những nỗ lực gìn giữ *con người* của họ.

Chàng gàn ,sau ngày mất nước, được chuyển về dạy tại một trường kỹ thuật tại Thủ Đức. Chàng được nhà nước quản lý và sử dụng kỹ đến độ bị bắt vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành luôn. Một tuần làm việc với số giờ gần gấp đôi mọi người mà lương thì vẫn vậy. Dù sao, được cái chàng gàn khoái tụi học trò nên chàng cũng không bức mình lắm vì chuyện này. Chỉ có điều vì bản chất nói thẳng và sống thẳng, nên ngay trong ngày đầu tiên chàng ta đã tuyên bố giữa lớp với học trò:

- Thật sự, tôi không có khả năng làm thầy giáo. Bởi vì, *bây giờ*, nhiều khi tôi nhìn mình dạy học mà tôi nhớ đến con vẹt lông đỏ tôi nuôi ngày trước. Con vẹt ấy nó chết rồi! Nếu mà nó sống chắc nó ăn nói hay hơn tôi.

Học trò nghe chàng nói, bầm nhau cười khúc khích. Nhiều đứa húng chí vỗ tay.

Thầy trò thường khi rủ nhau đi đánh chén. Nai đồng quê . Mỡ chàì bọc lá lốt. Chả chia. Rượu mạn. Rượu nếp than... Thơm phức tình sư đệ... Chàng gàn cũng hay đạp xe về những xóm quê thăm nhà học trò. Bố mẹ học trò ra đón với đủ lễ nghĩa làm nhiều lúc chàng cảm động chảy nước mắt. Có lần, một phụ huynh miền quê phát biểu:

- *Cất mạng thì cất mạng* chứ tui tui vẫn trọng và quý mấy thầy lắm. Nhờ mấy thầy mà tui nhỏ nên người!

Chàng gàn nghe vậy mà nao lòng.

Một lần, dạy bài về "Độ bền của vật chất", chàng gàn cao hứng nói:

- Muốn biết độ bền của vật chất, hãy nhìn cái lưng của một con người. Lần thứ nhất khuôn một cây lớn ở trong rừng về, độ bền của cái lưng khác. Lần thứ hai, cái lưng bị kêu đi khuôn nữa, độ bền của nó khác. Khiêng chừng năm lần liên tiếp là cái lưng gãy luôn. Cái ý niệm này các em hãy nhớ lấy!

Chẳng biết tai vách mạch rừng ra sao, chàng gàn được ban Giám hiệu nhà trường mời lên "trao đổi". Phen đó, chàng

ta bị xát "xà phòng" rất kỹ, nhưng vì nhà trường đang cần người dạy và vì chàng dạy rất hay và... có năng suất, nên cuối cùng ban Giám hiệu nhà trường "nhất trí" thông qua là giữ chàng lại. Và tăng lương!

Vậy mà chỉ vài tháng sau, vì không chịu nổi cái không khí ngục tù của nhà trường, chàng gàn làm đơn xin thôi việc để chuyển qua ngành nghề khác... hợp khả năng hơn. Chàng ta còn cẩn thận hứa là dù trong bất cứ ngành nghề nào, chàng cũng sẽ hết lòng phục vụ... đất nước (không phải nhà nước).

Sau đó, chàng gàn lò mò ra Nha Trang, nộp đơn xin vào làm trong Viện Hải học ở đây. Chàng bảo một vài người bạn thân:

- Đây là nơi làm việc và nghiên cứu rất tốt. Nhất là về biển. Các ông cũng biết là tôi mê biển mà!

Nói ba hoa một lúc, chàng gàn đột nhiên kết luận:

- Thăng Papillon nó cũng mê biển như tôi!

Bạn bè nhìn nhau phá ra cười sảng khoái.

Hai tuần trước khi đi nhận việc ở Hải học viện Nha trang, chàng gàn lại rủ bạn đi làm một chầu "mỡ chàì lá lốt". Nhìn vào mắt nhau lúc này, đã thấy có sự chia lìa.

Ăn uống xong xuôi. Đêm hôm đó trời mát, trăng lại rất trong, chàng bảo với bạn muốn đạp xe nhìn quê hương cho kỹ một lần. Thế là hai người bạn đạp xe đi khắp phố Sài gòn. Mất chẳng gàn hoe đỏ. Cuối cùng, hai người bạn đạp xe về công trường Lam Sơn cũ. Chỗ này, dân thành phố thường gọi tắt là công trường "Con Rùa". Con rùa này rất tẻ, không ngậm thanh kiếm báu của Lê Thái Tổ, người anh hùng áo vải Lam Sơn, mà lại đội một bia đá... viện trợ. Xét kỹ thì cũng tội cho thân ruà. Nhưng dân Sài gòn thấy rùa nay chẳng còn dính gì với Lam Sơn cả nên cũng ít người gọi tên là công trường Lam Sơn, mà chỉ gọi tắt là công trường Con Rùa.

Vậy thì khi đạp xe về đến công trường Con Rùa, hai người bạn dựng xe ở lề đường rồi leo lên cái thùng điện cao thế vĩ đại, dựng bên cạnh vòng đai hồ nước, mà ngồi. Đây là thạch bàn của hai vị tiên ông. Râu cằm râu mép tua tủa, nhưng thiếu bộ râu dài bạc trắng như cước để mà vuốt. Hai vị tiên ông "thượng" lên đây mỗi tuần ít nhất một lần để nhìn thế sự. Đêm hôm ấy là một đêm cuối tuần. Trăng tròn và rất sáng. Cây lá mềm dịu ngọt ngào. Người dân thành phố tạm được nhà nước buông thả nên cũng dất díu nhau ra đây khá đông. Những đôi nam nữ ngồi ghé sát đầu nho to nhỏ. Hình ảnh có vẻ thanh bình lắm. Nhưng trong cái cảnh thanh bình giả

ngụy ấy, người ta vẫn có thể nhận ra được sự thảm thương, khốn khổ của những con người. Và cả sự thảm thương, khốn khổ, xơ xác, nghèo đói của cái thành phố mà ngày xưa người ngoại quốc đã yêu mến gọi tên là "Hòn ngọc Viễn đông" này. Trong cái không khí mềm dịu và ngọt ngào kia, nếu chú ý, người ta có thể thấy được những nét đe dọa ngấm ngấm và cảm được cái màn sương mỏng trùm dần lên người họ như một tấm khăn liệm khổng lồ. Người ta không quên là ở chính cái công trường Con Rùa này, chỉ mấy tuần sau khi miền Nam bị cưỡng bức, hàng chục ngàn thanh niên thiếu nữ của các trường học và đại học đã phải tề tựu đông đủ từ khoảng 4 giờ sáng, với đèn lửa chập chùng, để nhìn chiếc liềm của Đảng và nhà nước vung lên. Người ta đã bị đốc thúc suốt đêm trước, từ khắp các trụ sở, các trung tâm, các ngã đường, để kéo về đây.

Tối hôm nay, quê hương có trăng và gió, có những hàng cây lá mềm đưa xao xác, có những con người ngồi mơ ước cảnh thanh bình. Nhưng rồi, có thể chỉ ngày mai hay ngày mốt, nơi quê hương này sẽ lại là chỗ tụ tập để người ta dựa dẫm nhau mà hoan hô, đả đảo. Màu cờ đỏ và màu áo đen sẽ lại che lấp hết những nét xanh mềm của cây lá, và bầu trời xanh lơ trên cao, và những con chim sẽ cánh màu nâu đất, và những ghế đá, và cái quán kem xây thụt vào một góc công trường. Những màu đỏ, màu đen sẫm máu kia sẽ lại che đi những hàng bò bía và những xe đậu đỏ đậu xanh. Và những mái tóc bay. Và bốp nghet đi những tiếng chim lâu lâu hót vắn vơ trong lòng tuổi trẻ. Có thể là ngày mai, có thể là ngày mốt, người ta sẽ lại bôi đỏ quê hương như mỗi ngày họ vẫn bôi đỏ những tâm hồn giấy trắng.

Hai người bạn tối hôm ấy ngồi xếp bằng trên thùng điện cao thế, nhìn xuống cuộc đời. Họ nghe được những tiếng khóc vô thanh của đời sống quanh mình. Và trái tim hai người rũ ra như bún. Người bạn chợt cất tiếng:

- Tôi nghĩ là mình sẽ còn gặp lại nhau sau này. Chỉ cảm hận là đã có quá nhiều người chết đi mà không có cơ hội nhìn lại những người thân yêu. Tôi nghĩ là mình sẽ gặp lại. Và rồi một hôm nào đó, có thể là một hai chục năm nữa, mình sẽ lại ngồi với nhau, ở đây, như thế này... Bao giờ thì ông đi ?

- Nó bảo là ngày... tôi phải trình diện tại chỗ làm. Vậy là còn đúng mười hai ngày nữa. Tôi cũng nghĩ là dân mình sẽ không để tình trạng này kéo dài mãi đâu. Chỉ có điều là hoàn cảnh mỗi người mỗi khác. Mỗi người hiểu khả năng và sự đóng góp của mình.

Chàng gàn nói xong, nhìn thẳng vào mắt người bạn. Chàng bắt gặp nét thông cảm trong tia mắt bạn mình. Đêm chợt như ấm hơn.

Nhưng rồi chàng gàn cũng chẳng được làm ở Hải học viện. Trước hôm chàng trình diện để nhận việc mấy ngày, một người làm việc ở đây trước đó đã, trong một chuyến hải hành nghiên cứu vùng biển, dùng súng uy hiếp hai nhân viên làm việc trên tàu và ép hai người này —theo sự mô tả không có căn cứ của nhà nước— vượt biển theo họ. Ngay sau vài hôm xảy ra biến cố này, chàng gàn nhận được giấy của ban tổ chức Phòng dời ngày nhận việc của chàng vô hạn định. Chẳng biết họ nghĩ sao mà lại có quyết định như vậy.

Chàng gàn bèn xoay sang nghề đi buôn củi, dùng đường xe lửa Nha trang-Sài gòn.

Một năm sau, chàng gàn thấy mình ở Mỹ.

Lưu lạc ở xứ người, những ngày đầu tiên, chàng gàn tốn rất nhiều tiền gọi điện thoại viễn liên cho bạn bè. Chàng cũng sung sướng liên lạc lại được với người bạn thân đã cùng chàng “mỡ chà lá lốt” và ngất ngưỡng trên thùng điện cao thế Con Rùa ngày xưa. Tiền *long distance* cứ thế mà tăng theo một cấp số nhảy vọt cùng với nỗi nhớ nhà. Một điều thăm nảo nữa là sau khi vượt biển sang được đến nước Mỹ, chàng gàn tính lại thì thấy trước hết mình nợ ông chủ tàu mười cây, phải lo đi làm để trả gấp. Tính thêm nữa thì thấy là một ông anh và một thằng em ở nhà đang nguy ngập. Ông anh bị công an Phường đoạ bắt vì một lời phát biểu linh tinh nào đó của ông ấy ngay trong buổi họp toàn phường. Ông em sắp bị bắt đi làm “nghĩa vụ” quân sự. Lòng chàng gàn nóng như lửa đốt.

Sau khi ở Mỹ gần được một tháng, chàng tìm được một nghề mới: “tiện sĩ”. Làm thợ tiện, chàng xin được làm việc tối đa với hy vọng sẽ kiếm được khá tiền để gửi về nhà cho người anh và đứa em lo việc vượt thoát. Ngoài ra, chàng cũng luôn luôn bị món nợ mười cây ám ảnh.

Mỗi ngày, chàng gàn làm việc mười hai tiếng. Từ 5 giờ chiều đến 5 giờ sáng. Có những buổi sáng, sau khi hết giờ làm việc, chàng thu dọn đồ đạc ra về. Ngoài đường, sương mù đổ đầy bao kín lấy thành phố như một tấm chăn bông vĩ đại. Lái xe đâm thẳng vào đám sương mù hun hút, chàng gàn sau này kể lại cái cảm giác ấy cho bạn bè, “Tôi thấy mình như mất lối, mất lối thực sự”. Chàng không hiểu tương lai mình sẽ đi về đâu trong cái đời sống mỗi ngày phủ đầy sương mù này. Mỗi buổi sáng, khi đa số con người vẫn còn được

nằm trong chăn êm nệm ấm, cạnh những người thân yêu, chàng gàn từ xưởng tiện trở về nhà, đắm đầu vào những con đường mù mịt sương bay. Con đường mở ra như một cái hầm trắng toát khí lạnh, và mình thì không có một người thân, người bạn ở bên. Chạy mãi chạy mãi mà không biết về đâu, đi đâu, đến đâu. Có những lần lạc đường vì sương mù xuống quá dày, chàng gàn cố lặn ra khỏi một exit rồi đậu xe ở bên vệ đường, ôm đầu ngồi chờ trời sáng. Nhìn lũ sương mù chập chùng vây bủa ngút mắt, chàng băng khuông nhớ lại những ngọn đồi mù sương thơ mộng ở Đà Lạt, nhớ ngọn tháp màu gạch đỏ của trường Hùng Vương, nhớ những đàn-chim-con-gái riu rít của Yersin hay Bùi thị Xuân những ngày nào... Tim chàng gàn quặn thắt. Tự nhiên, lúc ấy tâm hồn con người ta như những tảng băng đột nhiên vỡ dần, tan dần, nước mắt ở đâu về đây mi. Những con đường kỷ niệm một thuở quê nhà tự nhiên trở về. Vòng vèo ngõ vắng, sân trước vườn sau. Lá xanh riu rít tiếng chim trên những tàn cây ban mai. Nắng vỡ lập lòa. Những tà áo trắng bay mềm như trời vào xuân giăng đầy cánh bướm.

*Bướm trắng bay đầy mùa xuân sang
Hương thơm hương thơm theo nắng
vàng*

*Nụ hoa bưởi ngọt, lòng ta mở
Mùa xuân mùa xuân reo vang vang.*

Khi chàng ra khỏi cơn mộng, nắng đã lên đầy. Những u uất, buồn thảm như sương đêm bốc hơi bay thẳng lên trời. Chàng gàn lấy lại tinh thần, hăng hái lên xe tìm đường trở vào xa lộ.

Có những dịp chàng gàn ghé qua một sân trường đại học. Nhìn các sinh viên Mỹ cũng như ngoại quốc nhộn nhịp đến trường, lòng chàng nhói đau. Nỗi đau của một con hổ nhớ rừng. Đã gần hai năm trôi sang đây, chàng chưa có dịp nào để trở về thăm mình trong không khí học đường. Chàng thêm có lại được một tâm hồ yên tĩnh để học hỏi thêm kiến thức của nhân loại. Chàng gàn vẫn muốn một ngày tìm trở về quê hương để được cùng với những con người khác của dân tộc “đi lại từ đầu”. Dựng xây lại tất cả. Trong nhân bản và yêu thương thật sự. Chàng gàn bỗng như lại thấy trở về tất cả những con đường lá hoa và bùn lầy cũ. Ánh mặt trời chiếu trên một vũng lầy giữa đường. Những con bướm lại bay nhớn nhớn trong những khu xóm lao động nghèo khó có trẻ con cời truồng chạy hét đuổi nhau giữa lộ. Tiếng nước máy chảy khuya. Giọng ca vọng cổ sáu câu của những anh con trai nửa đêm ve gái ngồi gõ nhịp đàn trên những sạp chợ thật mùi. Tiếng cãi nhau ỏm tỏi của những

bach yến

*Tiếng chim buồn năm xưa
Vút ngang trời xứ lạnh
Cõi tình vàng thu mưa
Sông đời chia hai nhánh*

*Chim non là Bạch Yến
Giữa tâm bão mịt mù
Hăm sáu năm khan tiếng
Gọi hoài câu tương phùng
Cha như là mây núi
Lạnh suốt vùng tuổi thơ
Thuyền mẹ neo bến mới
Con một đời bơ vơ.*

*Lớn lên từ sâu đắng
Thường nước mắt thay cơm
Mang tên loài chim trắng
Mang núi đau biển hờn*

*Hăm sáu năm nguyệt tận
Chim một nách ba con
Coi khinh đời lận đận
Vẫn mây núi đầy hờn*

*Ta bỗng thành ông ngoại
Rừng tóc trắng tang quê
Hạt máu đào vương vãi
Theo đường tìm lại về*

*Cha con hai phương đời
Hôm nay chung môi cười
Xin cảm ơn thượng đế
Đã giúp con nên người.*

*Ơi đứa con tội nghiệp
Từng khóc suốt hoa niên
Ta sẽ là suối biếc
Hát ru con muôn phần
Góp trăm giòong lệ tuổi
Thành chuỗi ngọc ta mang
Trọn tháng ngày sau cuối
Cho con dấu muôn màng.*

hà huyền chi

~~~~~

phiên chợ cũ ngoài ngõ. Mùi cá ươn từ ngôi chợ họp lúc ban sáng vẫn còn bay đầy vào phòng học đang lúc đêm khuya. Những mùi vị, màu sắc của từng nỗi nhớ đậm dần. *Nostalgie de la boue*, chàng gàn mỉm cười... Kỷ niệm, có nhiều khi chỉ là những hình ảnh rất xấu xí. Nhưng đối với từng người, có thể chúng lại làm cho họ xót xa hoài hoài nhớ đến.

Chàng gàn quyết định sẽ đi học lại.

Sau đó không lâu, nhờ những món tiền chàng gửi về định kỳ, hai anh em của chàng cũng sang được đến Mỹ. Tiền nợ mười cây trả gần xong, chàng gàn đi học lại. Như con cá được thả trở lại dòng nước cũ, chàng thoả chí vẫy vùng. Chỉ trong một thời gian kỷ lục, chàng gàn lấy lại bằng kỹ



sư và học tiếp chương trình cao học điện. Xong cao học, chàng ghi danh tiếp để đi nốt phần còn lại của chương trình tiến sĩ.

Trong thời gian đi học, chàng gàn cũng có dịp làm việc với chương trình co-op để lấy thêm kinh nghiệm. Qua công việc này, chàng hiểu rõ đời sống và tâm lý người Mỹ hơn. Nói người Mỹ hoàn toàn vật chất thì cũng không đúng, nhưng chàng gàn cảm thấy ít nhất là trên bề mặt hiện tượng, xã hội này thiên trọng vật chất, con người từ đó cũng bị bóp uốn theo. Tâm hồn người Mỹ cũng phức tạp, cũng ... rừng-lá-thấp lăm, âm u chẳng chút lăm. Nhưng đôi khi, trong một vài trường hợp nào đó, y như có một tia nắng tìm được ngõ ngách xuyên thấu qua đám cây rừng chẳng chút, chàng gàn nhìn thấy là những người Mỹ suy nghĩ như trẻ thơ. Còn chàng, như một thân cổ thụ rêu phong mốc thối.

Những người làm việc chung với chàng gàn đã dạy cho chàng nhiều điều. Về cung cách làm việc, lễ lối suy nghĩ. Về thái độ đối với người chung quanh. Về tình nghĩa con người. Tóm lại, về những *hỷ nộ ái ố ai lạc dục* mà một con người nên có, có quyền có, và nhiều lúc cần phải có, để sống yên ổn và *fit* vào xã hội này. Chàng gàn đã học được rất nhiều chuyện.

Trong thời gian đi học, chàng làm T.A. và dạy toán cho một cô Mỹ. Cô học trò Mỹ thông minh nên cũng làm cho chàng hứng chí, dạy dỗ hết sức tận tâm. Một hôm, để tỏ lòng tri ngộ và tri ân, cô học trò Mỹ đưa cho chàng một loạt số dài khoảng trên hai mươi đơn vị, viết trong một tờ giấy.

Chàng gàn ngớ ra, chả hiểu gì. Cô học trò giải thích đại ý đây là số để gọi *long distance* không mất tiền của ông bố. Để cảm ơn việc chàng đã dạy dỗ, sẵn sóc kỹ, cô học trò biết ông thầy này hay nhớ bạn bè, gọi điện thoại viễn liên mỗi tuần, nên bèn "thâm tạ" thầy bằng những con số yêu quý kia. Thế là từ đó, chàng lại hay ghé thăm các quán điện thoại công cộng, trong lúc đêm khuya buồn bã, để gọi đi Alaska cho người này, gọi sang Canada cho người khác... Bạn bè cảm động, thấy có người bạn ở tận một tiểu bang xa xôi trên lục địa nước Mỹ còn nhớ đến mình, dám bỏ tiền gọi *long distance* như thế, nên nhiều người ghen ngạo không nói nên lời. Chàng nhẹ nhàng, từ tốn bảo: "Có vài người bạn mà không nhớ đến nhau thì nhớ đến ai" Sau câu nói ấy, chàng nghe tiếng "điện thoại" run lên ở đầu giây bên kia.

Rồi, sau khi thấy tạm đủ trong việc "đền bù" những ngày phải trả tiền *long distance* đến rỗng túi, chàng gàn chấm dứt đường dây viễn liên và lại cắm cúi vào việc học hành.

Một hôm, một cô bạn vui tính và khá dễ thương mời chàng gàn lại nhà chơi. Trong lúc ngồi chờ cô bạn làm bếp như lời cô hứa là sẽ đãi chàng một chầu bánh xèo, chàng phải tiếp chuyện với bà mẹ của cô bạn. Sau khi nói đủ các chuyện trên trời dưới biển, chuyện nhà quê ở Bắc, chuyện đồng bào trong Nam, chuyện các đền đài lăng tẩm ở Huế, bà mẹ đột nhiên ngừng lại, nhìn thẳng vào mắt chàng gàn, như để thẩm

định nội lực chàng, rồi mới nói, xa vắng:

- Ấy, cái con Ngọc nó hư lắm. Con gái con đưa lớn đầu rồi mà không chịu chuẩn bị gì cả. Có mấy cậu M.D. (em-đi) lại hỏi nó rồi mà nó vẫn chẳng để ý. Con cái nhà đến hư, lớn cả rồi chứ có còn phải nhỏ bé gì!

Chàng gàn cười cười, biết ý bà mẹ nhưng vẫn giả vờ nói:

- Dạ, các cô bây giờ có lẽ cũng muốn có thời giờ để học hành lên. Không như ở bên ta ngày xưa, con gái 16, 17 là các cụ đã bắt thành gia thất.

Bà mẹ thấy câu trả lời của chàng gàn có vẻ đi lạc đề, bèn gọi ý:

- Thế anh bây giờ học hành gì rồi?

- Dạ, cháu cũng mới sang được khoảng hai năm. Còn đang phải đi làm đi học, khổ sở lắm.

Sợ chưa đủ *dose*, chàng gàn bồi thêm:

- Cháu lại chưa biết lái xe nên cứ phải đi xe buýt, sáng sớm tinh mơ đã phải dậy. Ở Mỹ này phiền phức quá bác ạ!

Bà mẹ, hình như thấy mình đã đánh sai mục tiêu, nên hỏi thêm chàng gàn năm ba câu về gia thế rồi cáo vào trong nhà. Hôm ấy, chàng gàn ăn một lúc năm cái bánh xèo lớn rồi mới ra về. Tự nghĩ là mình xứng đáng được ăn những tấm bánh xèo như thế. "Khổ! cụ không nói là bác sĩ mà cụ lại dùng chữ M.D. mới ghê chứ!", chàng gàn hôm sau về kể chuyện cho bạn nghe.

Cô bạn gái, sau đó biết chuyện, có trách nhẹ mẹ. Bà mẹ cười bảo: "Nhưng mà mẹ thấy anh ta ăn một lúc hết năm cái bánh xèo lớn nên chắc anh ta không giận mẹ đâu". Cô bạn gái kể lại chuyện cho chàng gàn nghe, chàng cười, gõ đầu cô bạn và triết lý:

- Bánh xèo là món đặc biệt của dân tộc. Hơn hẳn *pizza* của người Ý và *burrito, taco bell* của người Mỹ. Vả lại, cô làm bánh xèo quá ngon, ăn như vậy còn là ít ấy chứ. Còn bà mẹ nào lại chẳng thương con. Mà có mấy ông M.D. độc thân quen anh cũng thích cô lắm đấy!

Nghe nói, cô bạn chỉ biết cười. Chẳng giận chàng gàn vào đâu được.

Có hôm, chàng gàn rủ bạn đi ăn tiệm Tàu. Cơm Tàu có gà, vịt quay và đủ các thứ sơn hào hải vị. Lại còn có cả tàu vị yếu và nước dấm Tàu rất đặc biệt. Ấy vậy mà chàng gọi cô hầu bàn người Tàu lại lại:

- Này cô, sao ở đây lại không có nước mắm?

- Dạ thưa ông, mấy thứ này ăn chung với nước *sauce* và tàu vị yếu mới hợp. Và tiệm ở đây không có sẵn nước mắm, ông cảm phiền.

- Món gì ăn với nước mắm cũng ngon và hợp hết, cô biết mà. Cô người Việt gốc Hoa phải không?





- Dạ.

- Đó, nhìn người nào tắm nước mắm là tôi biết ngay. Đây là tiệm tàu nhưng tôi là người Việt nam. Vả lại, tiệm này nằm trong khu Việt nam nên phải có nước mắm chớ. Nếu không có sẵn, tôi gửi tiền cô đi mua giúp một chai, rồi để ở tiệm dùng luôn. Ăn mà không có nước mắm thì đâu có mùi vị gì!

- Dạ, ông giữ tiền. Để đó rồi em đi mua nước mắm cho ông.

Sau lần ấy, mỗi lần chàng gàn đến là cô hầu bàn người Việt gốc Hoa lại được báo động; mang nước mắm ra cẩn thận. Chuyện chàng gàn bắt quán ăn Tàu *servir* nước mắm trở thành một đề tài vui vẻ. Thiên hạ làng trên ngõ dưới ai cũng biết.

Chuyện chàng gàn còn rất dài vì còn lắm "điểm tích" chưa được nói tới. Tuy nhiên, có một chuyện chàng gàn đang thiết tha muốn thực hiện, và chàng chỉ mới hé lộ cho vài người bạn rất thân biết mà thôi.

Qua một người bạn đang dạy ở một trường đại học, chàng gàn biết được là có một nhóm chừng năm, sáu ông tiến sĩ người Ba lan, từ mấy năm trước, đã xin được trợ khoản để mở một trường đại học, đặc biệt mang nhãn hiệu Ba lan. Trường đại học này dạy văn chương, văn hóa và lịch sử Ba lan, trong mấy năm đầu, cho sinh viên gốc Ba lan và cho cả sinh viên Mỹ và những sinh viên ngoại quốc khác. Sau đó, trường cũng mở thêm một vài phân khoa khác có tính cách thực tế hơn. Trường đại học Ba lan này có được một thư viện được giới văn hoá Mỹ đánh giá là có thẩm quyền và lưu trữ tài liệu đầy đủ nhất về văn hoá Ba lan. Trường vẫn được tài trợ hàng năm — dĩ nhiên là có sự đóng góp thêm của một số người Ba lan — Ban giảng huấn gồm có các giáo sư Ba lan và Mỹ. Lúc đông nhất được trên 1500 sinh viên. Lúc yếu nhất được trên 200. Trường đại học này có một tập san nghiên cứu riêng, và tập san này được phổ biến đến các đại học khác theo như cung cách phổ biến ấn phẩm bình thường của các đại học ở Mỹ.

Sau khi biết được chuyện này, chàng gàn bây giờ ôm một giấc mộng rất gàn và có vẻ to lớn: rủ bạn bè mở trường đại học. Chàng nhớ lại là trong những ngày còn ở quê nhà, chàng đã nhìn thấy tài liệu, văn hoá, sách vở của miền Nam bị triệt hạ, thiếu hụt ra sao. Những cuộc sục sạo đi tìm và tịch thu sách, những cuộc phân thư biểu diễn làm ngay trên đường phố... chàng gàn cũng xót xa nhớ lại là sau khi chàng đi được khoảng một năm, ông anh chàng viết thư sang kể lại việc các đoàn viên phường khóm đã phong tỏa nhà chàng suốt một ngày trời ra sao. Tất cả sách vở của anh em

chàng đã bị tịch thu và bị chất đầy lên bốn năm chiếc xe ba gác chở đi chở về mấy lượt. Bà chị chàng, là người được chàng tha thiết giao phó cho nhiệm vụ giữ sách, chỉ biết đứng đó mà nước mắt vòng quanh *Ôi, những quyển sách, các em cũng phải chịu những nỗi phong trần như con người!* Chàng gàn nhớ lại những quyển sách yêu quý chàng đã gìn giữ suốt khoảng trên dưới 20 năm, những quyển sách mở ra những chân trời xa lạ đầu tiên mà ngược mắt lên nhìn ngắm, những quyển sách đem đến và để lại trên đầu lưỡi chàng những mùi vị của những cây trái trần gian, những tân toan đau khổ và hạnh phúc ngất ngây. Những quyển sách đã theo chàng lớn lên, mọc cánh bay vào cuộc sống. Những con người từ bao thế kỷ xa vắng, cùng với những trang sách, đã bước ra và đàm đạo thân mật với chàng. Tất cả đã bị bốc gọn và chở đi về đâu, chàng không thể biết. Chàng không có được một lời từ giả hay một ánh nhìn chia tay nào. *Biết bao giờ ta được gặp lại các em, sách ơi!*

Gặp bạn bè, chàng gàn kể lại câu chuyện của người Ba lan, rồi chỉ tay vào từng người một:

- Ông này, ông này, ông này. Mấy ông chỉ có lười. Mấy ông chỉ cần bỏ ra một, hai năm *full time* nữa là học hành xong xuôi. Mấy ông nhớ là những người Ba lan chỉ cần có một nhóm mẫu chừng bốn ông có bằng tiến sĩ. Với tôi, và cả với ông nữa, cái bằng không là cái gì cả. Nhưng tôi nói thật với các ông, nó là một thứ mặt nạ để người Mỹ chịu nói chuyện và, có thể, chịu giúp đỡ mình. Nói "giúp đỡ" thì cũng có thể là chưa chính, vì người Mỹ cũng có lợi trong việc giúp phát triển và nghiên cứu các nền văn học khác biệt trong cái xứ sở đa văn hoá của họ. Có thể nói là nếu mình đủ tiêu chuẩn thì người Mỹ chấp nhận đầu tư. Đây là một thứ "khổ nhục kế", nếu các ông muốn tôi dùng chữ này, nhưng các ông phải học hành đàng hoàng. Người Mỹ chỉ tin ông sau khi ông chấp nhận những tiêu chuẩn của họ. Đeo mặt nạ vào, rồi ông đi nói chuyện với người ta. Tôi tiếc những nỗ lực của nhóm ông T.V. trong việc thành lập Viện Đại học Việt nam ở Pháp, và của ông L.T.Đ trong việc lập viện Văn hoá Việt nam ở Mỹ. Họ có vẻ chưa thành công, có thể vì thời gian chưa tới. Và cũng có thể vì còn nhiều yếu tố khác nữa. Nhưng những cố gắng đó không phải là vô ích. Mình phải cố hoài, đầy hoài thì mới may ra có kết quả. Người Ba lan lúc đầu chỉ có bốn, năm người...

Chàng gàn tiếp tục nói, bảo rằng lập xong một Viện Đại học, bấy giờ vấn đề phổ biến văn hoá và tư tưởng, lập trường

Việt sẽ được dễ dàng hơn. Sách báo của một Viện Đại học in, mang dấu ấn của Đại học đó, sẽ dễ phổ biến đến học giới Mỹ. Văn hoá và vấn đề Việt nam sẽ được người Mỹ nhìn với một góc cạnh đúng đắn hơn qua những bài viết của chúng ta trong tập san được lưu trữ tại những Đại học Mỹ. Vấn đề xin học bổng cho sinh viên Việt nam cũng dễ. Tại sao cứ để tất cả học bổng cho sinh viên Nhật, Tàu hoặc các sinh viên của những sắc dân khác. Có một Viện Đại học, vấn đề xin học bổng cho sinh viên Việt nam sẽ được làm cho dễ dàng hơn nhiều...

Chàng gàn nói là chàng có một người bạn đang dạy toán ở một Đại học Mỹ khá nổi tiếng cũng rất thiết tha trong việc này; một người bạn khác bỏ công việc tại một hãng tư, lương 42.000 đồng một năm, để về dạy tại một Đại học Mỹ ở tiểu bang Texas, lương 28.000 đồng, cũng để mưu định việc này. Chàng gàn nói:

- Chỉ cần vài ba người trong nhóm mình nữa là có thể *ta* làm được chuyện. Những người còn hăng và còn tương đối trẻ như mình không có nhiều. Có nhiều người cũng có thừa khả năng và thiện chí, nhưng ở vào những hoàn cảnh khó khăn hơn mình nên chưa làm việc được. Tôi nghĩ người Ba lan...

Bạn bè thấy chàng gàn quá thiết tha nên cũng hứa là để sắp xếp mọi chuyện, chuyện nhà cửa, chuyện sinh kế, rồi sẽ ngồi tình lại với nhau. Chàng gàn cảm thấy một ngọn lửa lại hực lên trong lòng mình.

Khi chàng gàn ra về, bạn bè ngồi túm lại với nhau mà lo ngại và áy náy cho chàng. Họ nói rằng ở đây mãi rồi người nào cũng có thể bị khủng hoảng, có khi điên, không biết lúc nào. Họ nói rằng, nhiều người Việt nam, qua một cuộc đời, và bị cuộc sống mới dần xóc quá nhiều, nên có những lúc, để giữ thăng bằng lại cho tâm trí, có những người phải ước mơ làm một cái gì đó có vẻ to lớn, đẹp đẽ thì mới sống, hoặc ít ra cảm thấy mình sống, an toàn được. Họ cũng bảo nhiều khi "lực bất tòng tâm", đời sống này không phải là dễ thoát ra, và... đừng làm gì để cho người khác ngộ nhận mình.

Nhưng buổi tối, khi về nhà nằm vắt tay lên trán, những người bạn kia bỗng thấy mình yêu chàng gàn hơn. Yêu thành thật cái mơ ước có vẻ viễn vông và lý tưởng kia, cái ánh lửa rực rỡ cuối trời kia. Mỗi người bạn cũng cẩn thận giữ lại cho mình một chút xấu hổ tối thiểu và cần thiết trước khi đắm mình vào giấc ngủ.

Và họ mong ước cho chàng gàn, một ngày nào đó, thực hiện được những ước mơ.





Hưởng vẫn còn giữ mảnh ván con thuyền vượt biên, coi như lá bùa hộ mạng. Con thuyền lênh đênh hơn ba tuần trên biển, cuối cùng dạt vào Phi luật tân. Tất cả còn sống như một phép lạ, như được tái sinh. Lúc mở mắt ra, thấy nằm co ro trong bệnh viện tỉnh lẻ nghèo nàn, Hưởng mừng chảy nước mắt. Chen lấn với tiếng dân bản xứ trò chuyện cùng nhau, Hưởng nghe có tiếng đồng hương kêu gào, mê sảng. Ánh sáng yếu ớt của một ngày sắp tắt chiếu hắt vào căn phòng rộng, cửa mở tênh hênh, gió ban chiều man mát len vào.

Nằm tĩnh dưỡng hơn hai tuần, Hưởng được đưa trở về trại sống cùng với những dân tị nạn khác. Con thuyền vượt biên vẫn còn đó, được dân địa phương kéo bỏ nằm chờ vơ trên bãi. Những lần ra biển chơi, Hưởng vẫn thường rón rén chui lại vô thuyền, rờ nắn chỗ này, chỗ nọ, nhớ lại đoạn đường hiểm nguy vừa qua. Rồi chàng tần mẩn gỡ một mảnh ván con ở phòng lái mang về nhà. Hưởng chùi rửa cẩn thận, lấy dao gọt bỏ những chỗ mủn, dùng giấy nhám mịn đánh một lần, rồi nhân lúc anh bạn hàng xóm mua véc-ni về sơn bóng tượng Phật gỗ để đưa lên chùa làm lễ, Hưởng xin một chút thoa lên mảnh ván con. Thanh gỗ bây giờ trông khác hẳn, lên nước bóng nhẵn, mịn màng làm sao. Chỉ có điều Hưởng không có tài tạc tượng, đeo gỗ nên hình thù mảnh ván làm sao, chàng để vậy. Mà Hưởng lại thích thế, chàng muốn mọi điều giữ nguyên như đã được tạo dựng, có bàn tay người dính vào,

Làng Văn 36

## Đêm Bão Tới

Ngô Nguyên Dũng

hầu như tất cả đều trở thành rơm rã, phức tạp.

Phúc, anh bạn chia chung nhà, cứ nhìn mũi lại mỗi lần thấy Hưởng mang mảnh ván ra ngắm :

— Tao như mày, tao vút nó từ đời nào rồi. trông thấy mà ghê, con thuyền bao nhiêu người tử nạn mà còn cố mang vào thân, thấy phát ớn !

— Ấy, thuyền tao có mống nào chết đâu. Giữ làm kỷ niệm vượt biên mà.

— Thôi đi cha nội, kỷ niệm với lại "kỷ" nghệ... Cất đâu xa xa chỗ giường tao nằm nghe, không xui lây thì khổ.

Hưởng nhe răng cười hi hi :

— Hên chết được chứ xui gì. Từ lúc tao mang nó kè kè bên người, tao toàn gặp hên không Phúc ời !

— Cái gì hên đâu kể nghe coi !

— Ừ, thì mới sáng này tao được tiền thắng bạn bên Mỹ gửi qua ủng hộ nè, rồi được tin thắng em trai đi lính bên Campuchia trốn sang Thái lan... Toàn chuyện hên không chứ xui xẻo nỗi gì.

Phúc nhìn bạn rồi hứ một tiếng :

— Vậy chứ những người khác không có mảnh ván mà sao họ cũng được tiền thần nhân gửi, vợ con trốn chạy ào ào ra xứ ngoài là nghĩa làm sao ?

Hưởng cãi bướng :

— Thì số họ hên sẵn, còn số tao... con rệp nên phải cần bùa hộ mạng mới khá được...

Phúc thấy cãi không lại, cười hề hề chế diễu. Hưởng tỉnh bơ như không, cất mảnh ván nhỏ vào lại trong túi áo.

Mà thật vậy. Ai bảo chàng mê tín dị đoan chứ Hưởng "cảm thấy" gặp hên đủ thứ từ lúc có lá bùa hộ mạng kè kè bên mình. Như lần làm quen được Dung chẳng hạn...

Dung ở chung với hai cô bạn bên dãy B. Hôm làm đất nhân chiến dịch "mỗi nhà một vườn hoa", tình cờ hai người chạm mặt nhau ở vôi nước công cộng. Thấy Dung ốm yếu, Hưởng mới đề nghị xách dùm nằng thùng nước tưới câu. Người con gái cười mỉm, còn nói thêm :

— Anh tưới cây hộ Dung thì Dung trồng hoa giúp anh vậy !

Thế là nhờ bàn tay khéo léo, tỉ mỉ của Dung mà ở trước nhà mấy tên đàn ông độc thân mọc rậm rì năm khóm vạn thọ, vài gốc mồng gà, còn rau cải để ăn thì ôi thôi, mọc lan tràn phía sau nhà, bên cái mương dẫn nước ra sông lớn.

Phúc nói :

— Lúc nào cũng vậy, có hơi hám đàn bà là khác hẳn ra... tràn trề, đầy nhựa sống.

Hưởng ngăn lại :

— Ê, ề, vừa thôi, lại bắt đầu nhảm nhí rồi !

— Đó là chân lý của cuộc sống mà.

— Đừng có giảng đạo đức nữa chứ bạn. Nghe nhiều rồi, nhức đầu lắm.

Và giọng Phúc chợt thấp xuống :

— Mà mày có thấy là Dung dễ thương không ?

Hưởng bối rối ra mặt, hai bàn tay bắt vào nhau, miệng cười không mấy tự nhiên.

— Chuyện cô ấy dễ thương hay không đâu có ăn nhậu gì tới mày.

— Nhưng có ăn nhậu tới mày, đúng không ?

Thấy bạn đi quá thẳng vào vấn đề, vả lại Phúc là người bạn tốt, không hay sử sự quanh co nên cuối cùng Hưởng đành phải thú nhận.... tội lỗi. Hưởng "mến" Dung, chứ mến có lẽ phải được tỏ thật đậm mới diễn tả được đúng tình cảm chàng. Không dung Hưởng thấy cuộc đời, bối cảnh chung quanh thay đổi hẳn. Những ngày hè oi bức, những tháng mưa dầm dề bỗng êm đềm làm sao. Chàng hay thả bộ tư lự mỗi chiều trên bãi vắng, nhìn hoàng hôn xuống chậm mà nghe lòng lâng lâng. Cảm giác lúc ấy thật khó diễn tả, đậm đà như thơ, menh mang nốt nhạc và lênh láng như vẩn. Con thuyền vượt biên vẫn còn đó. Chứng nhân của một tuổi đời vẫn nằm lơ lửng trên bãi. Nhưng bây giờ Hưởng chợt thấy nó linh động lạ, như khởi điểm bắt đầu một cuộc sống mới. Hay nói đúng hơn, Hưởng như tái sinh sau một lần chết thiếp. Chàng không còn bi quan trước thực tại. Bất kỳ khó khăn nào cũng có cách để giải quyết. Những vấn đề khi trước Hưởng cho rằng không thể gánh vác nổi, giờ trở nên nhỏ nhoi, tầm thường. Lối thoát sau cùng chợt rộng rãi, menh mông như vô tận. Hưởng không mấy tin vào "mãnh lực của ái tình", nghe giống tiểu thuyết tình cảm ba xu, nhưng có nhiều trường hợp người ta phải dùng tới những từ ngữ đó để diễn tả tâm trạng của một người đang yêu mới "tới" được. Hưởng còn bảo Phúc tập chàng thói sáo. Cái điệu bộ Hưởng học đòi làm văn nghệ coi buồn cười, nhưng dễ thương chi lạ. Những tối rảnh rỗi, Hưởng ngồi vắt vẻo trên võng giăng trước cửa,



thổi bài "Dư âm". Tiếng sáo còn non nớt, đứt quãng giữa hai nốt nhạc, nhưng nếu chú ý người nghe cũng đoán được tâm trạng của người thổi bài hát này.

Phúc bàn :

— Mày mền em thì phải tấn công tới tấp đi chứ, gì mà như con gà chết vậy !

Hưởng cười tủm tỉm :

— Từ từ bạn ơi, "anh Hai" này còn run quá !

Phúc hung hăng :

— "Địch" đang yếu thế, mình phải đánh vào. Đánh lớn ắt phải thắng to, không đánh làm sao "địch" biết mình tấn công mà... trả đũa lại.

— Mày có lý lắm, con nhà võ có khác. Nhưng đẹp cái lý của mày qua một bên...

Phúc cướp lời :

— Mày chờ ngày lành tháng tốt chắc ? Lịch Tam Tông Miếu treo trên văn phòng ấy, lên mà coi !

— Đừng có mĩa mai chứ !

Rồi giọng Hưởng thấp xuống :

— Thú thật, tao ngại không biết phải bắt đầu như thế nào, sợ em cho tao đường đột, dân đá cá, lần đưa thì cực lắm.

— Hừ, thì biên cho em một lá thư hay tặng em... một thùng mì gói thì cá cần câu là cái chắc.

Hưởng bật cười lớn :

— Mày phàm phu tục tử quá Phúc ạ ! Phải dùng tới chiêu "mì gói" mới có được tình yêu thì lỗ lã quá.

Thấy đòn "mì gói" của Phúc không khá được, từ dạo ấy Hưởng lơ lửng, ít hỏi bàn ý kiến Phúc. Chẳng tự loay hoay với chính tâm tư mình, không dám thổ lộ mà cũng sợ dân trong trại biết, họ lại bàn ra tán vào, nghe điếc cả tai. So với Phúc, Hưởng kém hơn một bậc về nhiều phương diện. Phúc không những có cái mã tốt, lại còn ăn nói hoạt bát, lúc nào cũng vui tính. Phúc còn biết chơi văn nghệ, thổi sáo hay, đàn ghi-ta chẳng còn kém hơn nữa. Cứ đến ngày giỗ Hùng Vương, Tết ta hay Trung thu là cả trại lại hơn nữa. Cứ đến ngày giỗ tổ Hùng Vương, Tết ta hay Trung thu là cả trại lại có dịp, thưởng thức ban văn nghệ bỏ túi do Phúc chủ xướng. Hưởng tuy vẫn được cảm mến nhờ tính tình bộc trực, đơn giản, nhưng những ai lần đầu gặp Hưởng về Phúc, chắc chắn họ sẽ dành nhiều ưu ái cho Phúc hơn. Những buổi hội họp có mặt Phúc là vui như mở tiệc. Chẳng xuất hiện trước đám đông như một trung điểm, có sức thu hút người chung quanh. Trong khi đó, lúc nào Hưởng cũng lủi thủi, thụ động, cười theo những chuyện khôi hài Phúc kể hay vỗ tay thật hết lòng sau những bài hát Phúc ca. Ai cũng nói, hai người tính tình dị biệt đến như vậy mà ở chung với nhau được kể cũng lạ. Họ còn khá với nhau

rằng, thằng Phúc nó đào hoa lắm; đàn bà, con gái mê nó như điên điên. Không những nó đào hoa mà còn sở Khanh nữa. Chơi cho nhụy rữa, hoa tàn rồi vất xuống cống. Mấy chuyện trai gái lăng nhăng của Phúc đâu có dính dáng gì tới chàng, lo làm gì cho một xác.

Hưởng vẫn gặp Dung thường ngày, trong giờ học sinh ngữ, nơi phân phát phần ăn hay trong những buổi liên hoan, chàng thường tìm cách ngồi gần người con gái. Dù không biết phải nói những gì, nhưng chỉ cần nhìn được dáng dấp Dung cũng đủ cho Hưởng ngủ ngon đêm hôm ấy. Hưởng cần những giấc ngủ ngon, một mạch cho tới sáng, vì từ hồi vượt biên đến giờ, chàng hay mộng mị khác thường. Mặc dù tinh thần không còn bị đè nặng bởi mớ giáo điều, tôn chỉ thô kệch, ngốc nghếch của nhà nước, nhưng những ngày lênh đênh gian khổ trên biển Hưởng làm sao quên được. Chúng như gạch nối giao tiếp giữa hai đời sống, làm điểm khởi hành cho một bắt đầu mới. Chàng hay mơ thấy con thuyền vượt biển nhỏ bé như chiếc xuồng tam bản, trên đó bao nhiêu người chèo chèo chất lên nhau, la hét, kêu gào mỗi khi thấy tàu lớn đi qua. Mặt đại dương những ngày gió lặng phẳng lì. Trời xanh và biển xanh nhạt nhòa vào nhau ở cuối chân trời, nhìn đâu cũng chỉ thấy màu xanh bàng bạc, Hưởng tưởng chừng có thể chết ngạt trong chiếc lồng sơn xanh vĩ đại ấy. Và những bàn tay bạn đồng hành cứ ám ảnh chàng mãi. Gầy guộc đen, khẳng khiu như những nhánh cây không còn nhựa sống. Hai bàn tay rứt rứt, đôi cặp mắt thất thần khi thấy một chấm đen ló dạng nơi chân trời chợt sống động hẳn lên. Tim đập như khuỷa trống, miệng gào thét liên hồi. Họ cởi áo ra móc trên những cây sào phát không biết mệt... Rồi mười ngón tay rũ xuống, bao nhiêu cặp mắt ngơ ngác nhìn nhau. Mãn hạ hạ sau vở kịch bi thương, không một ai vỗ tay tán thưởng.

Như một phép lạ, không có ai trên thuyền bỏ xác ngoài đại dương. Như một ơn phúc, con thuyền Hưởng đi không bị hải tặc viếng thăm. Lên đến bờ, người nào cũng hân hoan kể lại chuyện hi hữu này. Mấy cô gái đi cùng chuyến với Hưởng trở nên "cao giá" hơn những người khác. Họ lại được dịp thêm mắm, thêm muối câu chuyện vượt biên :

— Tôi ấy à, tôi đi chuyến số... đấy đấy (chữ đấy được kéo dài ra, nhào nhẹt, cốt để cho người khác chú ý tới). Chuyến đi xuôi xi, thuyền chạy một mạch từ Rạch Giá tới Phi luật tân. Hải tặc đâu chẳng thấy, chỉ gặp đâu vài ba chiếc tàu chở dầu to bằng thương xá Tam Đa chạy qua, kêu rít cả cổ mà không thấy ma nào ló dạng...

Thiệt là ác ôn hết chỗ nói. Đúng là "ở nhà gặp Việt cộng, đi biển gặp tàu chở dầu..."

Họ ranh mãnh thay hai chữ "hải tặc" bằng ba chữ "tàu chở dầu", khiến người đối diện vừa tức cười, vừa ganh tị thầm trong bụng.

Nhưng đâu phải vì thế mà những cô gái khác bị bỏ rơi, không ai ngó ngàng tới đâu. Chúng có là Dung. Nàng tới đảo trước Hưởng chừng hai ba tháng gì đó. Thuyền nàng nghe nói bị hải tặc xâu xé tới hai lần, chết bỏ xác gần phân nửa, một số vẫn còn nằm trong bệnh viện tỉnh. Hai ba người có lẽ không đủ sức chịu đựng, tuy sống sót nhưng thần trí hôn mê, dật dờ trong cõi mộng. Có người đàn bà, chồng chết mất xác sau cơn bão hoàn hảo, chiều nào cũng lang thang lên đồi cao, ngồi tựa gốc cây nhìn băng khuỷa ra biển.

— Tui chờ chồng tui về, không biết ông đi lạc chuyến thuyền nào mà lâu quá chưa thấy tới !

Hình ảnh người đàn bà thất thế đi lên đồi vắng những chiều hè nhạt nắng cứ trở về trong trí Hưởng. Tâm tư chàng rất dễ bị ngoại cảnh chi phối. Hưởng nói hoai với Phúc :

— Tao thấy tội nghiệp bà Tư đi đời" quá, một thân một mình, không biết tương lai ra sao.

Phúc nhún vai :

— Tội nghiệp thật, nhưng biết giúp cách nào bây giờ ?

Hưởng nhủ thầm trong bụng, ừ há, biết giúp làm sau đây. Thân phận mình cũng nhỏ nhoi, tầm thường như bao nhiêu người khác. Lo cho chính bản thân mình còn chưa xong, chỉ ngồi lo thương hại người biết bao giờ mới khá. Chàng không biết làm gì hơn ngoài chuyện giúp "bà Tư đi đời" đóng lại cái giường ngủ cứ kêu ột ột, khó ngủ quá hay xách nước tưới vườn hộ bà mỗi khi chứng phong thấp lên cơn khiến bà xuôi xi nằm liệt giường mấy bữa.

Nói trắng ra thì tội cho Hưởng, nhưng chàng giúp "bà Tư đi đời" làm những chuyện đó để nhân tiện được gần gũi Dung hơn. Dung là hàng xóm của bà mà. Thật ra, nếu không có Dung thì chàng vẫn giúp như thường, nhưng có bóng dáng con gái lâu lâu chạy ra, chạy vào kề bên khiến Hưởng làm việc hăng say hơn. Chiếc giường đáng lẽ sửa chừng mười lăm phút, nửa tiếng là xong, Hưởng "câu giờ" nắn nót làm hai ngày mới hoàn tất. Sau ngày đầu tiên, chàng nói với bà Tư "đi đời" :

— Chưa xong đâu bác ơi, bác chịu khó ngủ thêm một đêm "ột ột" nữa, mai cháu tới làm cho xong, bắt đầu từ ngày mốt bác sẽ ngủ ngon lành một mạch tới sáng.

Kể từ đầu dân trong trại xù xì bàn tán, cái thằng Hưởng nó... đóng giường cho bà



Từ "đi đời" tới hai ngày lận. Họ đùa chơi cho vui vậy thôi, chứ làm gì có chuyện bày bạ giữa hai người. Nhưng sau khi đóng giường cho bà Tư xong, Dung từ bên nhà lót tốt chạy sang :

— Anh Hưởng ơi, sang coi lại cái giường dùm Dung đi. Nó lỏng đinh, văng ốc thế nào mà mỗi lần Dung cựa mình nó cứ rung rinh, khó chịu quá !

Ồi, số đũa hoa gỗ cửa rồi. Hưởng nghĩ thầm, đổ mắt rón rén nhìn Dung, bàn tay chàng sờ nhẹ vào mảnh ván vượt biên bỏ trong túi, nhủ thầm lời cảm ơn.

Sửa giường cho Dung chàng cần mất ba

## dặm trường xin tỉnh cơn mê



Ta từ lưu lạc xa quê  
Nương thân cỗi tạm mong về cố hương  
Trăm năm mấy kiếp đoạn trường  
Mất quê hương lạc mù sương một đời

Hơn thua như một cuộc chơi  
Bơ vơ ta đứng mềm lòng đắng cay  
Bên lề thời cuộc đổi thay  
Đong đưa ta đếm tháng ngày dần qua

Nửa vòng trái đất quá xa  
Sao ta vẫn tưởng như là kẻ bên  
Ly hương cuộc sống buồn tênh  
Ngày đi hành xác, nửa đêm khóc thầm

Xứ người tay trắng phù vân  
Quê hương từ ngục bao lần nắng mưa  
Động lòng chưa ? Muốn về chưa ?  
Hỡi người mất xứ sớm trưa nghĩ gì ?

Ích gì giọt lệ sầu bi  
Vui gì một kiếp "cu-li" kéo cày  
Sao không góp một bàn tay  
Sao không cùng hẹn mai này về quê  
Dặm trường xin tỉnh cơn mê.

lưu nguyên

Làng Văn 38

ngày. Sau ngày đầu chàng giả bộ nói :

— Cô Dung ngủ thử đêm nay coi nó còn rung rinh không, nếu còn thì mai tôi tới xem lại dùm cho.

Nói lấy lệ, chứ Hưởng thừa biết cái giường còn lỏng lẻo dữ nữa, vì chàng đã cố ý tháo hờ một cây đinh rồi mà. Y như chàng dự tính, hôm sau Dung tìm ngay tới Hưởng sau giờ học sinh ngữ.

— Giường vẫn còn lỏng lẻo anh ạ, nó còn kêu ken két nữa chứ, nghe ề cả răng.

— Ừ, để tôi tới coi lại.

Người con gái ranh mãnh giơ ngón tay lên giả vờ đe dọa :

— Nhớ tới nghe ! Có gì mang phần ăn của anh và anh Phúc sang đây, Dung nấu cơm luôn cho.

Hưởng nghe lòng mình vui như Tết. Giọng nói Dung ngọt ngào như rót mật vào tai. Dung không đẹp lắm so với những hoa khôi ở trong trại, nhưng khoẻ môi, ánh mắt của nàng kết hợp duyên dáng trên một khuôn mặt thon thon, ưa nhìn. Nàng ở chung nhà với hai cô gái khác, giỡn như quý, phá như giặc. Trong, ba người chỉ có Dung tương đối trầm lặng nhất. Nàng nói một lần với Hưởng :

— Dung thật ra nhút nhát và ít nói lắm, nhưng ở chung với hai con ranh kia, Phật chắc cũng phải trút áo cà sa...

Hương tâm sự thêm :

— Hợp chung với anh Phúc ở cùng với tôi có thể trở thành ban tam ca "hai con mèo cái và một con mèo đực".

Dung cười ha ha :

— Dạ, đúng đó, anh Phúc đàn ghi-ta giỏi lại hát hay như Nhật Trường. Hai con ranh nhà Dung có thể so sánh như hai bà Mộc Lan và Kim Tước trong ban Tiếng Tơ Đồng vậy.

— Ừ, "gỗ ghè" đến vậy sao ?

— Anh chưa thấy tụi nó song ca với nhau à ? Rừng rợn đến sờn tóc gáy...

Hưởng bật cười khi nghĩ đến câu nói Phúc vẫn hay dùng "rừng rợn đến nỗi con nít phải tè cả ra quần, đàn bà sinh thiếu tháng"....

Về nhà kể lại cho Phúc nghe, chàng xao tay cười khoái chí :

— Lâu lâu được ăn cơm ngon !

— Có gì đâu mà ngon, thì cũng vẫn mấy con cá, ba bó rau, sáu trái cà xanh lẽ...

— Ừ, nhưng đàn bà nấu ăn phải khác tụi mình chứ. Cái gì có bàn tay con gái dính vào cũng trở nên khác Hưởng ạ.

Hưởng phục lẫn bạn. Cái thằng Phúc nói vậy mà đúng. Có bàn tay nữ nhi lo liệu, mọi chuyện trở nên khác hẳn. Thử so sánh hai căn nhà của mấy gã đàn ông độc thân với ba cô con gái xem sao. Ở trong trại, nhà nào cũng giống nhau, nhưng cách bày biện, trang trí phía bên trong của các cô gái

trông bắt mắt làm sao. Hầu như mỗi ngày, ba cô thay phiên nhau ra rừng hái hoa dại về chưng trong cái ly nhựa, bày trên chiếc bàn con đặt giữa nhà. Trên tường gỗ, ba cái nón lá tự làm cho màn "múa nón" đêm Tết ta vừa qua được treo chênh chếch, trông rất mỹ thuật. Trước giường ngủ, mấy cô tự chấp nối, vá víu từ những mảnh voan thừa sau những lần may quần áo cho mỗi kỳ văn nghệ thành tấm màn chắn, được thả xuống ban ngày, ban đêm vắt lên để hạ màn xuống. Những thứ linh kinh rất đàn bà ấy đồ ai tìm thấy được trong nhà mấy gã thanh niên độc thân. Ồi thôi, nhà nào nhà nấy giống như cái nhà kho. Vỏ chai, túi xách, bị bọc nằm la liệt trên sàn, treo vô trật tự trên tất cả những que cọc được đóng tùm lùm lên vách. Nói chung, mọi chỗ trong nhà được sử dụng tới mức tối đa, không cần ngăn nắp, thứ tự, đúng với chiều bài "chỗ tạm dung chờ ngày định cư vĩnh viễn".

Sau lần sửa giường cho Dung, tình cảm giữa nàng và Hưởng đã thấm thiết nhiều hơn. Hưởng không còn phải thả bộ một mình trên bãi ngấm hoàng hôn, đôi khi còn có Dung theo cùng. Tuy nhiên, Dung không dám sánh đôi thường với Hưởng, vì thấy "chương chương" thế nào. Trên đảo, dân tị nạn đã bắt đầu xăm xỉ với nhau, con nhỏ Dung có chồng học tập cải tạo, bỏ chồng vượt biên một mình, qua đây cặp kè với thằng Hưởng.

Hưởng biết điều đó, nhưng chàng không nỡ nhả tâm hồn thẳng Dung. Chàng sợ phải đối đầu với sự thật. Tình cảm khiến Hưởng càng thêm nhút nhát. Những khi trò chuyện với Dung, chàng ít khi nào đã động đến quá khứ. Cho tới một hôm...

... Vẫn con thuyền vượt biên nằm chờ vờ trên bãi. Hôm nay bão nổi đầu đó, sóng lớn tung hoành ngoài khơi. Trời giăng mây xám, mưa chưa tới nhưng chắc chắn sẽ tới trong đêm nay. Dung và Hưởng chấp tay sau lưng bước chậm trên bãi vắng. Tiếng gió rít trong rừng cây phía bên kia. Tiếng sóng đập mạnh vào vách đá ở cuối bãi như âm thầm đe dọa. Vài cánh hải âu đối mỗi liệng vòng trên không, lao chao bởi gió lớn, lâu lâu kêu lên thẳng thốt vài tiếng lạc lõng.

Dung hôm nay bỗng dung ít nhi nhảnh, yêu đời như mọi khi. Anh mắt nàng trĩu nặng. Tóc dài rối bời, tung bay theo gió. Cuối cùng Hưởng lên tiếng :

— Hình như Dung có chuyện gì mới nói với anh mà còn ngại ?

Dung không dám nhìn thẳng vào mắt Hưởng. Nàng trả lời như phải nặn từng chữ :

— Dung có nhận được tin của Quân,



chồng em...

Dung đứng lại. Gió vẫn kêu gào chung quanh...

— Nghe nói đã được thả... Lúc còn ở trong tù cải tạo, anh ấy bảo em cố tìm cách đi trước, anh ấy sẽ lo liệu sau nếu được trả tự do...

Hưởng vẫn lặng câm. Có cái gì đè nặng ở cổ khiến chàng không thốt ra lời. Đáng lẽ mình phải vui mừng cho Dung khi được tin này chứ. "Đoàn tụ với chồng", nghe cái lương quá! Mà cuộc đời không giống như một vở bi hài kịch sao? Hưởng tự hỏi. Chàng vẫn không muốn nói gì. Nói ra sợ gió cuốn đi mất.

Sau cùng Hưởng chỉ tay về chỗ con thuyền, nói bằng giọng:

— Dung có thấy con thuyền hôm nay trông buồn làm sao không?

Người con gái ngập ngừng:

— Có lẽ tại thời tiết xấu, mây xám, nước xanh đen... Hay tại tâm tư anh có nhiều chuyện bất an?

Hưởng móc trong túi ra mảnh ván lấy từ con thuyền bị nạn mà từ bấy lâu nay chàng vẫn giữ bên mình như lá bùa hộ mạng. Hôm nay, lần đầu tiên chàng cho Dung xem.

— Mảnh gỗ này anh lấy từ con thuyền anh đi bị nạn, với hy vọng mong manh nó sẽ giúp anh thêm can đảm và nghị lực trước đời sống mới...



Dung mở mắt tròn xoe nhìn Hưởng. Nàng như bị thôi miên bởi thanh gỗ nằm bất động trên tay Hưởng. Có tiếng chim kêu thảng thốt trong trời bão nổi.

Hưởng chậm rãi nói tiếp:

— ... Trước đời sống mới với em, có em bên cạnh nơi xứ người. Phúc vẫn cho rằng anh mê tín dị đoan. Có thể Phúc có lý, anh không biết. Nhưng anh muốn trao lại em mảnh ván này, không phải để cho em nhớ hoài về anh, mà để em biết rằng, lúc nào cũng có anh bên cạnh, nghĩ về em như một người thân thiết nhất...

Dung ứa nước mắt nhìn Hưởng. Bầy hải âu đã đi đâu mất, trả lại cơn bão một mình cho hai người. Bất ngờ Hưởng ôm chặt lấy Dung. Người con gái khóc nức lên. Hưởng biết, bão sẽ rút xuống đêm nay.

# Lưu Thơ

## đoản khúc cho thời mới lớn

Cung Đoàn Chuẩn Từ Linh lời nhạc  
Lá thư trao ngào ngạt hương rơi  
Mùa thu quyến rũ anh rồi  
Áo xanh em mặc da trời cũng xanh

Bên bờ hẹn ánh trăng mờ buổi  
Cung đàn yêu đắm đuối dư âm  
Nước xanh ai chết nguyệt cầm  
Trở về thuyền lá đêm rằm bến mơ  
Run hoài cầm dây tơ ta dạo  
Thương xót ai ảo não bên lầu  
Hương xưa vàng bướm bên ao  
Nỗi lòng khe khát gục đầu nhớ trắng  
Tình nghệ sĩ phai tàn cung bậc  
Lên đèn thuyền gọi giấc mơ xưa  
Chiều vàng dịu dặt tiếng tơ  
Hương em còn thoảng tóc thơ giang đầu  
Ngỡ thấy mộng ban đầu em chớm  
Núi càn dẫu tình chớm men say  
Em còn khi ấy thơ ngây  
Tiếng em dội sóng thiên thai vang lòng  
Em liếc mắt anh chừng tìm đứng  
Em mỉm cười anh tưởng cho anh  
Tóc thơm mùi nắng thâu canh  
Gối ôm một gối mình anh thở dài  
Em đâu biết anh bài không thuộc  
Em nào hay đêm suốt phân vân  
Ô hay trời bỗng băng khuâng  
Lòng xanh xao đợi những lần trường tan  
Thương em đứng so hàng khế nép  
Thương cặp ôm tóc kẹp xiêu xiêu  
Trường tan áo trắng hanh chiều  
Em qua để lại quá nhiều nhớ thương  
Thương guốc mộc quai hương gót nhỏ  
Thương mắt nai môi đỏ không son  
Trường tan nón lá nghiêng tròn  
Em qua để lại mỗi mòn riêng ta

Thương tay vén tóc xòa mi cúi  
Thương con đường hai buổi em qua  
Trường tan áo mỏng la đà  
Em qua để lại sầu ta vô cùng  
Thương thương bấy quai nhung viền nón  
Thương bấy thương lưng gợn vai xuôi  
Trường tan trống giục liên hồi  
Em qua để lại mấy hồi tương tư  
Thương e ấp tờ thư để đó  
Thương em rồi biết ngổ cùng ai  
Trường tan bước ngẩn dậm dài  
Em qua để lại gót hài thiên thu

## kiệt tẩn

Việt nam thương khúc)

\* Chữ đứng là tên các bản nhạc

## hè hiu-tân

Hè về trên Hi-u-tân  
nắng hè như đổ lửa  
hắt hiu trên đường nhựa  
một mình với đôi chân.

Hè về trên Hi-u-tân  
gió hè không đủ mát  
xả chi đời lưu lạc  
ta thương ta vô ngần

Hè về trên Hi-u-tân  
trắng hè không đủ sáng  
đêm hè buồn mênh mang  
gọi tên em bao lần

Hè về trên Hi-u-tân  
đêm khuya như sa mạc  
chim bay sao tan tác  
ta gọi thầm Hi-u-tân!

## nguyễn việt an

## chiều trên xứ người

Anh tuần đòi cao nguyên  
Tôi lội rừng bưng biển  
Cả hai là lính chiến  
Chiều nay, trong mắt ưu phiền!

Anh Lewisham lên  
Ghế đá buồn không tên  
Tôi Liverpool xuống  
Bankstown, chiều đổ mộng mênh!

Nắng tàn xuyên cây sao  
Nhớ chiều xưa, năm nào  
Trên đồi, anh biên trấn  
Rừng - tôi dẫn lính qua mau!

Bây giờ, anh ngồi đây  
Bây giờ, tôi nơi này  
Câu chuyện đời không hết  
Khỏi thuốc buồn, vương ngây ngây...

Chiếc ảnh nhỏ, ngày xưa  
Trong phong bì bỏ ngõ  
Vàng son nào, một thuở  
Mất u buồn, ai thoáng đưa?

Tiếng nhạc xa trên lầu:  
"Dòng sông Hát mờ sâu"  
Hồn Mê Linh còn đó  
Quân Nam hề! lạc nơi đâu?

Mỗi đứa một quân trường  
Nhưng cùng chung quê hương  
Ồ, những ngày binh lửa  
Để rồi, nhìn những tang thương!

Bây giờ trời mưa mau  
Đèn đêm đã lên màu  
Thôi anh về dưới nớ  
Mình tôi, đáp vội chuyến tàu...

## nguyễn tư





Mục *Độc-Giả Thắc-Mắc* được mở ra để bạn đọc nêu ra những nghi-vấn về mọi lãnh-vực : văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị v.v... Bút Chì sẽ nhận, và chuyển các câu hỏi đến quý thức-giả hoặc chuyên-giả, và lần-lượt đăng lên báo để mọi người cùng đọc. Câu hỏi nào không thể giải-đáp được, Bút Chì cũng sẽ đăng lên báo để bạn đọc khắp nơi cùng tra-cứu.

Vì khuôn-khố hạn hẹp của một tiểu-mục, xin quý vị vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa 3 câu mà thôi. Đa tạ.

**BÚT CHÌ** phụ-trách

### HÁT SẮC BÙA

Hỏi : — Chúng tôi là một số du-ca viên ở Hoa-kỳ, chuyên nghiên-cứu về dân-ca. Chúng tôi có một thắc-mắc về dân-ca, xin nhờ ông (hoặc các nhạc-sĩ Trần Quang Hải, Phan Ni Tấn hoặc Nguyễn Hữu Nghĩa) sưu-tra và giải-đáp hộ, rất biết ơn. Nguyên chúng tôi có nghe và ký-âm được một điệu hát, gọi là "hát sát bùa" :

*Trên đầu giồng có một cây chuối*

*Dưới đầu giồng có một cội đa*

*Chính giữa làng có ông thợ đươn...*

Tôi gửi kèm đoạn ký-âm, kính nhờ ông giúp cho được thì quý lắm.

Ông Trần Đại-Văn, Florida.

Đáp : — Hát sắc bùa, chứ không phải hát sát bùa, phổ-biến tại vùng Bình-dương, Biên hoà từ thời nhà Nguyễn. Trịnh Hoài Đức trong *Gia-Định Thành Thông-Chí* trong phần nói về Nguyễn-đán trong Nam, ghi rằng, đêm 28 tháng chạp âm-lịch, nân-nhân (tức những người hát sắc bùa—tục-danh là *nậu sắc bùa*) đánh trống, gõ phách, một bọn 15 người đi theo dọc đường, trông thấy nhà hào-phú nào mở cửa ngõ là tiến tới dán lá bùa vào cửa, rồi nổi trống phách lên, hát những lời chúc mừng. Chủ nhà mang chè rượu, cỗ bàn ra thưởng và gói tiền để tạ. Xong nhà này lại qua nhà khác, cho đến chiều trừ-tịch mới thôi. Các tài-chủ và dân-gian tin rằng dán bùa và hát như vậy đuổi được tà-ma khuấy-phá, đồng thời tổng cựu nghinh-tân.

Hiện nay (cho tới 1979, ngày tôi ra đi),

các điệu hát sắc bùa chỉ còn lưu dấu tại vài làng thuộc xã Phú-lễ, Ba-tri, Kiến-hòa. Nhóm hát sắc bùa Phú-lễ chỉ có bốn (đôi khi sáu) người, vừa hát vừa sử trống cơm, sanh cái, sanh tiền và đàn cò, chỉ hoạt-động trong dịp Tết âm-lịch, thỉnh-thoảng mới hát rong tại các xã lân-cận. Sau này, nhà nước Cộng-sản cấm các hình-thức sinh-hoạt bị xếp vào loại mê-tín dị-đoan, nhưng lại nâng-đỡ việc hát sắc bùa, coi đó như "một hình-thức âm-nuộc nằm giữa hai ngọn nguồn truyền-thống dân-gian và truyền-thống chuyên-nghiep."

Hát sắc bùa cũng có những lễ-lối nhất-định, qua nhiều giai-đoạn. Lúc mới tới trước cổng nhà tài-chủ, cả nhóm nổi trống phách, sinh tiền, dạo đàn rồi hát bài *Khai Môn* cho tới khi thuyết-phục được chủ nhà ra mở cổng, mở cửa. Vào được trong nhà rồi mới hát bài *Chúc Xuân*, và *Chúc Đức Ông*. *Đức Bà* làm ăn phát-đạt, hạnh-phúc đề-huê, bách niên giai-lão. Sau đó mới tùy theo nghề-nghiep của tài-chủ mà hát *Chúc Nghề Dệt Vải*, *Chúc Nghề Chăn Tằm*, *Chúc Nghề Làm Ruộng*, *Chúc Nghề Thợ Mộc*, *Chúc Nghề Thợ Hồ*, *Thợ Đương*, *Đánh cá* v.v...

Bài các ông ghi-nhận được là bài *Chúc Nghề Thợ Đương*. Nghề đan thúng, mùng, nia, giỏ, gầu v.v... rất phát-triển tại vùng Phú-lễ, Ba-tri. Cả làng nơi nào cũng rợp bóng tre, trúc, tằm vồng xanh mát. Bài hát nguyên-văn như sau :

*Trên đầu giồng có một cây chuối*

*Cuối đầu giồng có một cây đa*

*Chính giữa làng này có ông thợ đươn*  
*Thợ đươn ! Thợ đươn !*

*Long bối long xen*

*Rổ sảo long mốt*

*Đươn thời cũng tốt*

*Đươn nia đươn cáo*

*Đươn sảo đươn đong*

*Giồng nào cũng có*

*Nan thời một bó*

*Đươn giỏ đươn gầu*

*Đươn lợi làm giàu*

*Người ta năng rước*

*Mặc vô như nước*

*Tiền chất đầy rương*

*Năm mới giàu sang*

*Gia quan tấn lộc*

Từ các điệu hát sắc bùa, sau lại nảy thêm nhiều điệu dân gian, hát để vui chơi như *Lý Thằng Giêng*, *Lý Long Mẫu*, *Lý Lơ Thơ*, *Lý Đầu Cầu*, *Nói Về Con Cá*, *Nói Về Trái Cây*, *Nói Về Các Cây Thuốc*, *Nói Về Các Loại Bánh*, *Kể Chuyện Phạm Công*, *Cúc Hoa* v.v...

Các bài trên dùng thơ lục bát, năm chữ, bốn chữ, nguyên dạng hoặc biến thể, các bài lục bát nằm trong cung *Oán* (Do Mi Fa Sol La), giống như các điệu *Hô Bài Chòi*,

*Xuân Nữ*, nhưng hoàn chỉnh hơn, có giai điệu, nhịp điệu cố định.

Vì người đi sâu vào việc sưu tập dân ca ngày nay rất hiếm, nên một số bản ký âm các điệu hát trên đây, tôi không đăng cả vào bài mà chỉ làm phóng ảnh, gửi tới các bạn du ca làm tài liệu. Quý bạn đọc *Làng Văn*, nếu muốn có, xin viết thư về tòa-soạn. (NHN)

### THỢ GIẤY VÀ CÁI ĐẦU GỐI

HỎI: Tôi đọc một tờ báo bên Mỹ thấy câu "Thợ giấy đừng nói chuyện gì cao hơn cái đầu gối", về chuyện thợ vẽ nói chuyện văn chương và thợ văn nói chuyện mỹ thuật. Nguyên văn như sau: "Hiện tượng treo căng ngồng này, họa sĩ VĐ ca ngợi văn chương, nhà văn NT phê bình mỹ thuật tập thơ CV của VK) đã khiến cho nhiều người rất thắc mắc, chỉ trừ mấy ông thợ đóng giấy lại không thắc mắc gì hết, cho là điều thợ vẽ nói chuyện văn chương và thợ văn nói chuyện mỹ thuật chẳng có gì đáng phải ngạc nhiên vì thời loạn lạc này chuyện giấy cao quá đầu gối đầu có phải là chuyện hiếm hoi".

Thế là thế nào ? Sao tự nhiên lại có chuyện thợ giấy và giấy cao quá đầu gối như vậy ? Tôi chẳng hiểu gì cả, vậy phiền quý báo, nếu có thể thì giải thích cho, bằng không cũng đăng lên mục "Thắc Mắc" để vị nào biết giải thích dùm, tôi thành thật cảm tạ.

(Nguyễn Đình Bá, Arlington, VA)

ĐÁP: Một Sách cũng có hân hạnh được đọc bài báo trên. Vì không thấy trích dẫn xuất xứ nên cũng không rõ câu chuyện giấy cao quá đầu gối ra sao, nhưng đồ chừng (đồ chừng thôi) chuyện đó bắt nguồn từ một điển tích Tây phương. Điển tích ấy như thế này:

Thời cổ Hy Lạp, vào cuối thế kỷ thứ tư, đầu thế kỷ thứ ba trước Thiên Chúa, có một họa sĩ nổi danh tên Apelle rất thận trọng và ưa sự chính xác trong những bức họa của mình. Ông thường đem những bức tranh mới vẽ ra trưng bày ở những nơi đông người qua lại rồi nấp sau bức tranh, nghe lời bình phẩm của họ. Bữa kia, trong khi trưng bày chân dung một kỵ mã, ông thấy có anh thợ giấy đứng xem và chỉ trích chiếc giấy vẽ không đúng. Đem về nhà, coi lại cho là phải, ông bèn sửa lại theo lời anh thợ giấy. Hôm sau, mang ra trưng bày nữa. Anh thợ giấy lại đến, thấy họa sĩ đã sửa lại chiếc giấy theo ý mình, rất lấy làm tự đắc, chỉ trích lung tung, từ cái tay thế này không phải, cái mặt thế kia sai. v.v. ra về hiểu biết lắm. Họa sĩ nhà ta nấp đằng sau tranh, chịu không được, phải

(xem tiếp trang 84)



# Câu Chuyện Khoa-Học Về Cung Trăng

*Hoài Châu*

Từ bao ngàn năm xưa, tổ tiên loài người chúng ta không ngớt mơ tưởng đến cung trăng, còn gọi là cung Quảng Hàn, là Hằng Nga nguyệt điện, vì lẽ cung Quảng vốn được coi là nơi trú ngụ của Hằng Nga, một tiên nữ tuyệt đẹp trong trí tưởng tượng của thi nhân; đến nỗi Tản Đà đã có lần viết thư hỏi Trời xin cưới con trời, để Trời phải trả lời:

*Chức nữ tảo tòng giai tế giá  
Hằng Nga bất nại lão phu miên.*

(Chức nữ đã sớm gả chồng mất  
Hằng Nga thì không chịu cảnh ôm chồng ngủ)

Xong dần dần với kho học tiến bộ, người ta đã sớm biết rằng: Mặt trăng chỉ là một vệ tinh của quả địa cầu, chạy quanh địa cầu trong khi địa cầu lại xoay quanh mặt trời. Quãng cách từ trái đất lên mặt trăng là 293000 dặm (miles) và mặt trăng phải mất hơn 27 ngày mới đi hết một vòng quanh trái đất. Cũng phải mất đúng bằng ấy thời gian để mặt trăng tự quay hết một vòng trên trục của nó. Điều đó có nghĩa là mặt trăng đứng yên trong tương quan đối với sự chuyển động của trái đất, và vì thế mặt trăng luôn luôn chỉ hướng có một phía về trái đất.

## NGUỒN GỐC MẶT TRĂNG

Trước đây người ta cho rằng mặt trăng là một phần của trái đất và khi văng ra khỏi trái đất, mặt trăng đã để lại một hố sâu khổng lồ, đó là biển Thái bình dương. Tới nay thì không còn ai tin vào thuyết đó nữa vì các nhà toán học đã nhờ tính toán mà thấy rằng "cơ" của mặt trăng chẳng có gì phù hợp với dung khối của biển Thái bình dương cả.

Nay thì người ta cho rằng trái đất và mặt trăng đã được khai sinh đồng thời vào khoảng 4700 triệu năm trước đây. Và cả địa cầu cùng nguyệt cầu đều "thoát thai" và "biến hoá" từ cùng một thứ chất liệu là bụi đất và chất hơi đầy rẫy trong những cơn lốc của mặt trời.

## THĂM HIỂM CUNG TRĂNG

Vào tháng 10 năm 1959, phi thuyền

Luna 11 của Nga chạy vòng phía sau mặt trăng và đã chụp ảnh được vũng này để rồi sau đó truyền về trái đất. Những bức ảnh này cho thấy có núi non, có thung lũng và miệng núi lửa trên mặt trăng đúng như người ta đã dự đoán. Và không có dấu hiệu gì là có dấu vết của sự sống trên đó cả. Mặt trăng nay người ta được biết hoàn toàn là một tinh cầu chết và trong suốt lịch sử của nó, tinh cầu này chưa hề bao giờ có mang mầm sống.

Thế rồi sau đó còn có nhiều cuộc thám hiểm khác, nhất là những chuyến bay có các phi hành gia không gian Hoa kỳ Apollo. Cho tới nay, người ta đã có một địa đồ mặt trăng với đầy đủ mọi chi tiết.

Tới tháng 7 năm 1969 thì Lunar Receiving Laboratory ở Houston, Texas, Hoa kỳ đã nhận được trong những thùng kín kín nặng 50 cân Anh một, những đá và cát bụi đem từ mặt trăng về. Những thùng này do phi hành đoàn phi thuyền Apollo gửi về từ biển Sóng Lặng (Sea of Tranquillity) trên mặt trăng.

Trong những thùng đựng những nham thạch chuyển từ cung trăng về, người ta có thấy 46 loại đá tất cả đều được lấy ở lớp mặt trên mặt trăng. Những đá sỏi này nhỏ cỡ bằng hạt đậu cho tới dài khoảng 120 li mét (5 phân anh). Mới trong những đá sỏi này cũng giống như những đá sỏi trên mặt đất, nhưng khi dùng kính hiển vi để quan sát thì người ta thấy hiện ra nhiều điểm dị biệt. Đá trên mặt trăng có trộn đầy một thứ "thủy tinh". Có nhiều mảnh đá phủ đầy "thủy tinh" đến độ làm thành từng miếng, từng lớp màu trắng trên mặt.

Những mảnh đá trên mặt trăng thường có lẫn tới 50o/o chất "thủy-tinh". Phần lớn thứ thủy-tinh đó sắc và có cạnh, không màu-sắc; 10o/o thuộc một loại thủy-tinh khác hình cầu đủ màu-sắc như đỏ, nâu, xanh lá cây, vàng, tím. Thật khác với đất trên địa-cầu vì đất trên địa-cầu rất ít chất thủy-tinh.

## KHÁC VỀ TỈ-LỆ

Tất cả những loại nham-thạch dù ở trên địa-cầu, trên mặt trăng hay ở đâu đi nữa thì tự bản-chất chúng chỉ gồm có những

chất liệu đã có trong không-gian trước khi hệ-thống thái-dương hệ được tạo-dựng. Cho nên, những gì mà nhà khoa-học về nguyệt cầu thấy ở trên đó cũng giống y như ở mọi nơi khác về phương diện chất liệu, có khác là khác về tỷ lệ mà thôi. Chẳng hạn tỷ lệ về chất uranium so với potassium thì người ta thấy là nham thạch trên nguyệt cầu có nhiều gấp bốn lần trong nham thạch trên địa cầu.

Các khoa học gia còn ngạc nhiên hơn nữa khi họ thử tìm hiểu xem hậu quả của bụi (dust) trên cung trăng đối với các vi khuẩn và cây cối trên địa cầu như thế nào? Một số vi khuẩn nào đó được đem đặt với

bốn loại nham thạch đem từ nguyệt cầu về. Người ta thấy trong ba trường hợp không có hậu quả gì. Nói khác, cát bụi trên cung trăng không có ảnh hưởng gì tới một số vi khuẩn trên địa cầu cả. Nhưng khi người ta đem đặt những vi khuẩn ấy xuống dưới mặt những mẫu nham thạch do phi thuyền Apollo 12 mang từ nguyệt cầu về thì những vi khuẩn đó chết. Cho tới nay người ta cũng vẫn không rõ là nguyên nhân gì đã làm chết những vi khuẩn đó.

Trong những thí nghiệm khác, ngô (bắp) được đặt vào môi trường nham thạch nguyệt cầu như là một thứ cây đại diện cho loại đã phát triển một cách khá phức tạp, thì người ta thấy môi trường nguyệt cầu đó không có ảnh hưởng gì tới cây ngô. Nhưng khi đem một loại rong rêu thường để vào nơi có bụi (dust) nguyệt cầu thì loại rong rêu này lại như ưa thích thứ thức ăn được đem từ ngoài không gian về mà trở thành xanh tươi hơn, tuy nhiên lý do vì sao thì chưa ai rõ.

## TRĂNG BAO NHIÊU TUỔI

### TRĂNG GIÀ ?

Những mẫu nham thạch đầu tiên do các phi hành gia không gian mang từ nguyệt cầu về đều đã "sống" lâu tới 3000 triệu năm và như thế vẫn còn là "trẻ" vì ít nhất người ta cũng thấy có một miếng nham thạch ở nguyệt cầu đã "già" tới 4600 triệu năm. Trên địa cầu, chỉ có ở vùng Greenland người ta mới thấy có loại nham thạch già tới 400 triệu năm.

Sau hết tưởng cũng nên thêm là đá sỏi trên nguyệt cầu không phải chịu cảnh soi mòn như những tảng nham thạch trên địa cầu vì gió, nước... Những đá sỏi trên nguyệt cầu được các phi hành gia không gian mang về địa cầu đã nằm lì tại nguyên một vị trí trong suốt quãng thời gian dài là 3/4 nghìn triệu năm mà không hề được di dịch một ly nào cả.

Như vậy tưởng ta có thể có câu thành ngữ sau: Lì như những tảng đá trên cung trăng để tả những ai lì lợm vậy. Thiết tưởng không còn gì gợi hình hơn nữa!

*Làng Văn 63*



# Nước Đục



trường-thiên tiểu-thuyết của  
Nguyễn ngọc Ngạn

## CHƯƠNG BẢY

(tiếp theo)

Ba tháng sau thì chuyện tình của Xuân và Cự không còn trong vòng bí mật được nữa. Người đầu tiên khám phá ra là An Hạ. Nàng hết sức xúc động, cứ lăm lăm mãi một mình:

- Không ngờ chị ấy lại mê con nít!

Câu nói đó cũng chẳng khác gì lời than của ông Thủ cách đây gần hai năm khi biết An Hạ lăm lăm yêu Thiệu:

- Không ngờ con Hạ lại mê một thằng già như thế!

Tuy không hài lòng, nhưng vì thương chị lẻ loi đã lâu, An Hạ không tỏ vẻ phản đối và cũng không nói cho gia đình biết chuyện của hai người.

Kể đến là Mai. Thoạt biết tin Xuân cặp với Cự, nàng đã giẫy nẩy kêu lên:

- Cái gì? Sao lại như thế được! Anh Cự là bạn em, chính em còn chê là con nít, tại sao lại dám leo trèo tới chị Xuân?

Thu, Đông cũng phụ họa theo:

- Chị ấy điên rồi!

Ông bà Thủ thì ngồi ngẩn người, không nuốt nổi chén cơm buổi chiều hôm ấy khi Mai đem bản tin "sét đánh" về kể lại. Ông Thủ hỏi Mai:

- Mà có chắc là chị Xuân mà... đi chơi với thằng Cự không?

Mai gay gắt nhấn mạnh:

- Đi chơi cái gì nữa mà đi chơi! Chính mắt con thấy hai người ôm nhau trong rạp hát, rồi khoác tay nhau đi shopping. Bố thấy không, mấy tháng nay anh Cự đâu có thèm đến dạy con học nữa. Chị Xuân thì vắng nhà hoài.

Ông Thủ hỏi cho có lệ thôi. Những đổi thay ở Xuân từ ba tháng nay, ông đã nhận ra rất sớm. Xuân đột ngột chăm lo nhan sắc, may sắm thêm áo quần, giờ giấc đi về thất thường và tâm hồn chợt buồn chợt vui một cách thái quá,

khiến ông không còn nghi ngờ gì nữa. Ông mừng vì con gái có người yêu mới. Bà Thủ cũng vui vì Xuân đã quên hẳn việc gửi tiền về Việt nam. Nhưng cả hai không ngờ cái đứa chiếm đoạt trái tim con gái mình lại là thằng nhóc tí thường xuyên đến đây mà ông Thủ có lần thoáng nghĩ là nó yêu Mai. Ông lại nhớ đến thầy Huỳnh Liên và buồn cho cái cung tử tức của ông đã đem lại bao nhiêu phiền phức. Ông nhìn khắp lượt năm đứa con gái: Hạ, Thu, Đông, Mai, Lan và hỏi:

- Ý chúng mày thế nào?

An Hạ mở đầu:

- Tội nghiệp chị ấy! Bố đừng nói gì cả, chị ấy lớn rồi, để chị ấy tự quyết định. Bên này tuổi tác không thành vấn đề. Joan Collins, Olivia Newton John, Victoria Principal đều cặp với đàn ông nhỏ tuổi...

Mai cắt ngang:

- Họ là tài tử, nay lấy người này, mai lấy người khác. Minh so với họ thế nào được.

Thu luôn luôn hãnh diện về người yêu của mình nên nhân dịp này không bỏ lỡ cơ hội gợi ý:

- Con thấy Cự nó thông minh lắm, mai sau thế nào chả học hành cao như anh Viễn.

Đông ngờ vực:

- Bồ bịch vậy thôi chứ đã đi đến đâu mà bố lo. Ở bên này từ lúc có người yêu tới lúc cưới nhau là cả một quãng đường xa ngàn dặm. Chị Hạ với anh Thiệu, chị Thu với anh Viễn, chưa chắc gì đã thành vợ chồng, huống hồ là chị Xuân với thằng Cự.

Rồi Đông cười lớn:

- Chết quên! Cứ quen miệng gọi là thằng Cự!

Riêng Mai thì gay gắt phản đối:

- Không thể được! Anh Cự là bạn con, không có quyền cặp với chị Xuân.

Đông nhìn Mai, cười cười:

- Bộ mày cũng mê nó à?

Mai bĩu môi:

- Mê cái buá! Có điều em thấy kỳ quá. Nói thiệt, em hết nể chị Xuân rồi.

Cô út Lan ít chú ý nhất, cô nói một câu trong Thánh kinh:

- "Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp thì loài người không được phân rẽ".

Ông Thủ nhẹ nhàng giảng cho con:

- Đó là khi đã đến nhà thờ có ông cha làm phép cưới kia. Còn mới bồ với nhau thì đâu phải là do Thiên Chúa kết hợp.

An Hạ thấy bố quá ưu tư, nàng nhìn các em, điều một câu:

- Còn ba đứa chúng mày nữa: Đông, Mai, Lan, có kếp chưa thì mang về thú nhận hết đi để bố giải quyết luôn một thể. Làm đám cưới tập thể một lượt sáu cặp cho tiện.

Nhưng ông Thủ không cười, ông xoa đầu Lan:

- Bố thấy con nên đi tu là tốt hơn cả. Tu là cõi phúc tình là gây oan. Bố mẹ bây giờ chỉ trông vào con thôi.

Lập tức các cô còn lại nhao nhao lên:

- Còn tụi con là đồ bỏ hết chắc?

Ông Thủ đứng dậy, lặng lẽ vào phòng. Ông cần vài phút yên tĩnh để suy nghĩ về những điều ông sẽ nói với Xuân đêm nay. Các cô con gái tiếp tục ngồi lại bàn tán. Ngoại trừ Mai luôn luôn ảm ức, bốn cô kia đều coi việc Xuân yêu Cự là một chuyện vui để thay đổi không khí trong gia đình.

Khuya lắm Xuân mới về. Lúc nàng leo lên giường ngủ,



ông bà Thủ kéo sang, bảo An Hạ ra ngoài để nói chuyện riêng với Xuân. Xuân không ngạc nhiên, không hồi hộp vì nàng chờ đợi giây phút này đã lâu. Nàng cũng mong nói một lần cho xong.

Ông bà Thủ ngồi ghé xuống mép giường. Đối với Cu, dù sao ông Thủ cũng không căm thù như Thiệu. Ngược lại, ông rất mến Cu, chỉ tiếc rằng cậu ta nhỏ tuổi quá. Ông ôn tồn nói:

- Bố mẹ từ lâu vẫn mong con có người sánh đôi ở bên này. Vì nhà thì đông, giải quyết được đứa nào hay đứa ấy. Nhưng bố mẹ lấy làm lạ là tại sao con lại chọn thằng Cu. Nó ít tuổi quá, sánh với con thế nào được? Dĩ nhiên bố mẹ không ghét nó. Anh em nhà nó đứa nào cũng hiền lành, lại thông minh. Nhưng bố mẹ ái ngại cho con vì chênh lệch tuổi tác, thiên hạ người ta nói cho.

Bà Thủ thực tế hơn:

- Thiên hạ thì cũng chẳng quan tâm. Tao chỉ nghĩ đến mày thôi. Mày phải nhớ rằng đàn ông người ta trẻ lâu lắm, còn đàn bà con gái thì mau già, nhất là để một hai lứa thì có khi xộm hăn người đi. Mười năm nữa mày gần bốn mươi mà thằng Cu nó chưa đến ba mươi. Trai ba mươi tuổi đang xoan. Chừng đó mày ngồi nhà mà bế con cho nó đi lấy vợ bé! Cứ xem tao với bố mày đây này. Tao thua bố mày năm tuổi, mà có ai bảo là bố mày già hơn tao đâu? Vợ chồng đẹp đôi nhất là vợ thua chồng từ năm đến bảy tuổi, về sau vợ già đi là vừa!

Xuân không nói gì, chỉ cúi đầu, chớp mắt. Nói gì bây giờ. Cha mẹ nàng rất có lý. Nhưng ái tình thì cần gì lý lẽ. Ông Thủ chép miệng:

- Giả như thằng anh nó, thằng Nhân, nó thương mày thì xứng quá! Tao với mẹ mày cứ tiếc mãi!

Xuân cười gượng:

- Chẳng lẽ bây giờ con lại bỏ em để leo lên anh?

- Ấy là nói thế thôi.

Ông đứng dậy và dặn:

- Con suy nghĩ đi. Việc này là việc của con. Bố mẹ chỉ khuyên thôi chứ con phải tự lo thân. Lớn rồi!

Xuân thần nhiên đáp:

- Con nghĩ kỹ rồi. Con sẽ lấy anh ấy, nay mai thôi!

Ông Thủ dừng lại, ngơ ngác:

- Con mới đi chơi với nó có ba tháng nay, đã biết gì về nó mà cưới với xin. Vả lại, nó là con trai mới lớn, tính nết bông bột, phải có thời gian để tìm hiểu nhau đã chứ.

- Tìm hiểu thì chỉ cần ba ngày là đủ, mà tụi con yêu nhau đã ba tháng rồi còn gì.

Bà Thủ rất bén nhạy về tài chánh, cho nên vội than một cách náo nức:

- Nó còn đang đi học, tiền bạc ở đâu mà làm đám cưới!

- Không có tiền làm đám cưới thì chúng con chỉ cần đem nhau ra court house ký hôn thú cũng được.

Ông bà Thủ chán nản bước ra, trở về phòng mình. Bà Thủ nhìn chồng dò hỏi:

- Nếu nó cứ nhất định lấy thằng Cu thì ông tính sao? Có cho nó lấy không?

- Thì cho nó lấy. Bằng lòng hay không bằng lòng, mình cũng phải cho phép nó. Bởi vì cho phép nó tức là một cách để xác định rằng mình còn có quyền cho phép. Bà không cho phép, nó cứ lấy, hoặc tệ hơn nữa là rủ nhau đi ở riêng, bà làm gì được nó? Mỹ chứ đâu phải Việt nam, con gái mới nứt mắt ra, mười ba mười bốn tuổi đã có bồ. Mười bảy, mười tám ngang nhiên dọn ra riêng, nhớn nhác ngay trước mặt cha mẹ mà cha mẹ đành cần rảnh nhìn, không

làm gì được. Bà không thấy con Kiều con bà giáo Thanh, con Xuyên con ông Thiếu tá Học, đứa nào cũng mới mười mấy tuổi, mượn phòng riêng, đem trai về ở chung, mở party suốt đêm, uống rượu, hút xì-ke, nhảy đầm. Làm gì bây giờ? Không lẽ đăng báo từ con? Từ cũng không được, cha mẹ chưa kịp từ con, con đã từ bố mẹ trước! Tội với bà thế này còn là may đấy, nhả sáu đứa, chưa đứa nào hư cả!

Nói xong những lời chua chát, ông Thủ lên giường nằm im. Bà Thủ nằm bên cạnh nghĩ ngợi rất lâu, nhưng bà chỉ nghĩ đến tiền. Bà nhắc lại câu nói cũ:

- Thật là chả ra cái thứ gì cả! Đang đi học, không có đồng bạc dính túi mà đã đòi cưới vợ! Nước này thì đến cho không con gái mình chứ cưới với cheo gì!

Sáng hôm sau, cả nhà chưa ai thức dậy, Xuân đã điện thoại cho Cu, hẹn chàng đến chỗ làm của Xuân vào giờ ăn trưa. Bây giờ đang mùa hè, Cu vừa tốt nghiệp lớp 12 và chuẩn bị vào đại học, chương trình bốn năm. Trong khi chờ đợi, Cu ở nhà chờ phone vì thỉnh thoảng có người gọi chàng đi cắt cỏ, trả tiền mặt.

Buổi trưa hôm ấy hai người gặp nhau ở tiệm fast food gần chỗ Xuân đứng bán hàng. Từ một tháng nay, Xuân đã quen gọi Cu là anh và xưng em một cách rất trơn tru. Nàng cầm bàn tay Cu, tha thiết và trịnh trọng nói:

- Anh! Em xin hỏi một lần nữa. Anh có thực sự yêu em không?

Dù đã hết sức cố gắng, thỉnh thoảng Cu vẫn buột miệng kêu Xuân là chị. Riêng hôm nay, câu hỏi nàng đưa ra có vẻ nghiêm cần quá, Cu phải ngẫm nghĩ vài giây rồi mới gật đầu đáp:

- Cu yêu Xuân lắm.

Xuân thở mạnh và vào đề:

- Chúng mình làm đám cưới nhé? Em muốn về chung sống hẳn với anh, suốt đời ở bên anh.

Cu hơi giật mình, nhưng vội cười:

- Thì hiện tại Cu với Xuân vẫn gần nhau đấy chứ. Chỉ nửa giờ xe đã gặp nhau.

Và chàng trở nên dăm chiêu hơn:

- Làm đám cưới à? Cu cũng muốn thế. Nhưng việc này phải hỏi ý kiến anh Nhân đã.

Xuân nói nhanh như đã chuẩn bị từ lâu:

- Anh sợ không có tiền, phải không? Đừng lo. Không có tiền thì mình làm tiệc đơn giản thôi. Em cũng chẳng thích tổ chức rình rang làm gì. Đám cưới chỉ là một kỷ niệm để đánh dấu một thay đổi trong đời, vấn đề chính là hạnh phúc của chúng ta sau này. Anh đừng ngại em buồn. Tiệc cưới thật linh đình mà về sau vợ chồng không hoà thuận, chung thủy thì cái tiệc linh đình ấy chỉ càng thêm mỉa mai thôi. Em biết anh còn đang đi học, nhẫn cưới nếu anh không mua được thì em mua. Nghe anh? Anh đừng ngại gì cả.

Vừa nói, Xuân vừa nghĩ tới cuốn sổ trương mục chỉ còn trong đó 1650 dollars, đồng thời hình dung ra cái thẻ visa của mình sẽ đầy ngập mức nợ. Cu thì vẫn bản khoăn:

- Thế nào thì cũng phải xin phép anh Nhân đã. Nhà chỉ có hai anh em, từ trước đến nay bất cứ chuyện gì lớn nhỏ, Cu đều bàn với anh Nhân trước. Anh Nhân có đồng ý thì Cu mới làm.

Xuân không hài lòng:

- Mọi việc đều nên bàn, nhưng riêng việc lấy vợ thì chỉ nên thông báo chứ không cần phải bàn bạc gì cả. Cu lấy vợ chứ có phải anh Nhân lấy vợ đâu! Khi Cu đến với em và đòi hôn em lần đầu tiên, Cu có hỏi ý kiến anh Nhân không.



Cư ơi! Lẽ dĩ nhiên là Cư phải nói cho anh Nhân biết, cũng như em sẽ thưa chuyện với bố mẹ em, nhưng nếu chẳng may anh Nhân bảo Cư đừng lấy em thì sao?

Cư thần nhiên đáp:

- Nếu anh Nhân không cho lấy thì Cư không lấy!

Xuân há mồm, trố mắt nhìn Cư. Không ngờ "thằng bé con" này yêu nàng cuồng nhiệt như thế mà bản tính vâng lời của nó vẫn ngự trị lấn át cả sự rung động của trái tim. Hoá ra tình huynh đệ nó coi lớn hơn tình vợ chồng. Xuân ú ớ hỏi lại:

- Anh nói thật hay anh nói đùa đấy?

Mặt Cư nghiêm nghị:

- Cư đâu có biết nói đùa.

Xuân cúi mặt xuống, tay run run nâng ly nước uống cạn. Mặt nàng nóng bừng và đôi mắt chớp mau như sắp khóc. Ba tháng nay, hầu như ngày nào nàng cũng "ân cần trao thân" cho Cư, hoá ra những đòi hỏi của Cư chỉ chứng minh một chân lý mà người ta thường bảo: Ở một người con gái, tình yêu luôn luôn đến trước tình dục. Nói cách khác, tình dục chỉ là một hệ luận tất yếu phục vụ cho tình yêu. Còn ngược lại, ở một thằng đàn ông, gã có thể chỉ cần tình dục mà không hề có tình yêu, hoặc đôi khi yêu xác thịt trước rồi mới yêu đến tâm hồn. Thế hệ thanh niên trẻ tuổi như Cư ở hải ngoại, hấp thụ lối sống Tây phương thì thường có khuynh hướng đồng hoá tình yêu với tình dục, nghĩa là hề yêu thì phải chiếm đoạt. Khi không yêu thì chỉ có nghĩa là không ngủ với người đó nữa.

Xuân chua chát đứng dậy, mặt ướn nhòa. Nàng đeo ví lên vai, dùng chân hất mạnh cái ghế ra phía sau, rồi lúi thủi quay ra cửa. Nàng nghĩ rất nhanh đến cha mẹ và năm cô em để rồi tự trách mình đêm qua đã quá mau miệng tự tin tuyên bố um lên là sắp làm đám cưới với Cư. Nàng lại nghĩ đến Cư và thấy mình đại độ thương con nít mới lớn, yêu thằng nhãi con chưa biết gì, không dám quyết định cả việc hôn nhân của nó. Giả như tối nay hay ngày mai Cư có báo tin cho nàng biết là anh Nhân đã cho phép Cư lấy Xuân, nàng cũng chẳng còn vui như trước nữa, vì đó là thứ hôn nhân "cho phép" chứ không phải do Cư đích thật yêu nàng và muốn chung sống với nàng.

Ra khỏi quán ăn, Xuân dùng điện thoại công cộng báo cho sở biết là nàng nghỉ buổi chiều này. Nàng toan gọi taxi, nhưng lại thấy không muốn về nhà ngay. Nàng mở bóp, lấy kiếng mát ra đeo, che đôi mắt ướn, rồi lang thang dọc bờ đường tới trạm xe buýt. Thấy cái ghế đá trống, Xuân ngồi xuống và lại mở bóp tìm chiếc khăn tay.

Cư đến sau lưng, đặt một bàn tay rất nhẹ lên vai Xuân và ấp úng phân trần:

- Cư không biết cách nói nên chị giận. Xin lỗi. Anh không khéo nói, cho nên em không hiểu anh. Anh xin lỗi em.

Xuân hờn dỗi:

- Từ nay cứ gọi tôi bằng chị cũng được, chả sao. Tôi già rồi. Tôi biết!

Cư khổ sở ngồi xuống bên cạnh. Nhưng vì trạm xe cứ mỗi lúc một đông hơn mà Cư luôn luôn tránh nói tiếng Việt trước mặt người ngoại quốc cho nên Cư lúng túng không biết làm sao. Xuân hiểu ý, đứng dậy thông thả bước đi. Cư lẽo đẽo theo bên cạnh, nài nỉ:

- Xuân ơi! Xuân phải để cho Cư có cơ hội giải thích. Cư qua đây chỉ có hai anh em. Năm năm nay anh Nhân luôn luôn hy sinh cho Cư. Bố mẹ Cư ở Việt nam viết thư qua, lúc nào cũng khuyên Cư phải vâng lời anh Nhân, bất cứ

chuyện gì cũng phải hỏi trước khi làm. Lấy vợ là chuyện quan trọng, dĩ nhiên Cư phải hỏi...

Xuân đã quen với lối nói của Cư, tiếng Việt không trôi chảy bằng tiếng Anh. Nàng ngạc nhiên hôm nay Cư nói được một câu thật dài mà không vấp. Tuy vậy nàng vẫn gắt:

- Nhưng rồi anh ấy không bằng lòng thì sao?

- Chắc thế nào anh ấy cũng bằng lòng.

- Nhưng nếu anh ấy không bằng lòng thì sao? Trả lời dứt khoát đi!

Cư bứt rứt không biết làm thế nào nói cho Xuân hiểu thấu liên hệ giữa chàng và người anh. Hơn lúc nào hết, Cư muốn nói tiếng Anh, dễ dàng diễn đạt tư tưởng cho Xuân hiểu, dù chưa chắc Xuân đã hiểu vì Anh văn của nàng thua Cư xa lắm, nhưng Cư luôn luôn nhớ lời anh Nhân là không bao giờ nói tiếng Anh với người Việt, và không nói tiếng Việt nơi có người ngoại quốc.

Cư đứng lại, giật tay Xuân và cả quyết:

- Bây giờ Xuân theo Cư về nhà Cư, đợi anh Nhân rồi cùng nói.

Xuân vẫn giận:

- Bộ tôi phải tới năn nỉ ông anh của anh để được phép làm vợ anh à? Còn lâu!

Cư đứng yên, nắm chặt hai bàn tay. Chàng giận ứ lên cổ, muốn đâm vào mặt Xuân cho hả giận. Xuân đi mấy bước, không thấy Cư bên cạnh, nàng quay lại, bắt gặp gương mặt tái nhợt của Cư. Nàng thở dài, dịu nóng:

- Thôi Cư về một mình đi. Tối nay Cư nói chuyện với anh Nhân rồi phone cho Xuân.

Cư tươi nét mặt, tiến tới cầm hai bàn tay Xuân:

- Chắc thế nào cũng xong. Chắc mà. Bây giờ Cư đưa Xuân lại chỗ làm.

- Không. Em nghỉ chiều nay. Em nói họ rồi.

Cư reo lên:

- Nếu vậy thì tới nhà Cư. 5 giờ anh Nhân mới về. Xuân đến chơi với Cư, nếu không muốn gặp anh Nhân thì chừng 4 giờ Xuân về.

Xuân gật đầu. Từ ngày biết Cư, chưa bao giờ đến nhà Cư. Hôm nay nàng thấy cũng nên nhân cơ hội Cư mời, ghé qua để xem đời sống hàng ngày của người yêu ra sao. Nghĩ đến đám cưới, bỗng dưng Xuân buột nhói nhớ tới số tiền nàng đã gom góp gửi về Việt nam hai năm qua cho người đàn ông mà lúc này chả còn chút nhớ thương nào xót lại trong lòng. Số tiền ấy tuy chẳng lớn lắm nhưng giá không gửi, bây giờ nàng có thể trao cho Cư để tỏ hết lòng yêu đương của mình.

- Uống quá!

Xuân buột miệng than. Cư quay lại hỏi:

- Cái gì uống? Bỏ bữa cơm trưa à?

Xuân cười gượng:

- Không.

Và nàng nắm tay Cư, lôi lại trạm xe buýt.

Buổi tối hôm đó, trong bữa cơm thường lệ do Cư nấu sẵn chờ Nhân về ăn, Cư đột ngột báo tin sắp lấy vợ. Nhân đang gấp miếng thịt, bỗng khựng lại, trố mắt nhìn em, nhấn mạnh:

- Cái gì? Em sắp lấy vợ à?

Và anh điều cợt:

- Lấy vợ ai?

Cư nghiêm trang đáp:

- Em nói thật mà anh. Em cần hỏi ý kiến anh về việc này. Nhân buông đũa, bưng ly nước uống một hớp lớn cho



trôi hết xúc động bất ngờ, rồi ôn tồn nói:

— Em đang đi học, lại là một học sinh xuất sắc, tại sao không chờ xong đại học, tự dừng lại nảy ra ý định lạ lùng đó là thế nào?

Cư cãi:

- Lấy vợ rồi vẫn có thể học được chứ anh. Ông Hải, vợ ba con năm ngoái cũng xong B.S. Anh Tổng vợ hai con vừa đậu master...

Nhàn cười để câu chuyện bớt trang nghiêm:

- Tiếng sét ái tình chứ gì? Từ từ đã Cư. Tình yêu đột ngột bao giờ cũng rất mãnh liệt, nhưng lại mau tàn. Phải có thời gian thử thách chứ, sao hấp tấp vậy?

Nhàn đứng dậy rót thêm nước vào ly, bưng lại bàn và tha thiết khuyên:

- Cư ạ. Từ lâu anh vẫn nói với em là anh em mình ở Việt nam sinh trưởng trong một gia đình đánh cá. Đánh cá dĩ nhiên không có gì là xấu, nhưng xã hội Việt nam là một xã hội giai cấp, mà một trong những tiêu chuẩn để phân chia giai cấp là bằng cấp, trình độ học vấn. Nhà mình không nghèo, so với rất nhiều người có học sống ở thành thị và chuyên làm việc văn phòng. Nhưng vì nhà mình là dân lao động cho nên xã hội vẫn coi thường. Người ta thường gọi "thằng xích lô", "con mẹ bán cá", mặc dầu thằng xích lô có thể giàu hơn ông chủ sự gấp bội nếu ông chủ sự không tham nhũng. Bố mẹ mình vì mặc cảm ấy, đã ồm ắp giấc mộng là mong sao các con đều học thành tài. Ở Việt nam em còn bé chưa biết gì, còn anh thì vừa xong lớp mười hai thì mất nước. Sang đây năm năm, anh để ý thấy bố mẹ chưa lần nào viết thư nhắc nhở anh em mình gửi tiền về giúp đỡ, mặc dầu lúc này bố mẹ đã không còn được như xưa, vì tàu đánh cá bị tịch thu mất rồi. Thư nào bố mẹ cũng chỉ nhắc chúng mình học tới nơi tới chốn. Anh đã cố gắng hết sức, mặc dầu anh không thông minh bằng em, để có được mảnh bằng hầu xóa đi những mặc cảm thua kém mà bố mẹ cu r mang từ bao nhiêu năm nay. Bây giờ đến lượt em, nếu em không theo nổi y khoa thì ít lắm cũng phải xong B.A., B.S. cho bố mẹ mãn nguyện. Xã hội này ai cũng có cơ hội. Chỉ có hai yếu tố để thành công: một là có tài, hai là chăm chỉ. Em vừa có tài, vừa chăm chỉ, tại sao dừng lại giữa đường?

Cư ngắt ngang:

- Em có ý định bỏ học đâu anh? Em sẽ học. Nhưng hai đứa chúng em yêu nhau và muốn chung sống với nhau. Chung sống một cách chính thức, đăng hoàng, có hôn thú và đám cưới.

Nhàn biết em chơi với nặng với lưới tình rồi, khó mà ngăn cản nổi. Vả lại, anh cũng nghĩ giống như ông Thủ, là nếu cứ cố tình ngăn cản thì chỉ là cách thúc đẩy chúng nó bỏ nhà đi lập tổ ấm mà thôi. Đứng trước những thực tế xã hội dù không thích, Nhàn vẫn quan niệm rằng phải nương theo những thực tế đó, không thể làm khác hơn được. Niềm hy vọng cuối cùng của anh là Cư sẽ dần dần tỉnh ngộ sau vài tháng đầu choáng váng vì tiếng sét bất ngờ, cho nên phương thức hay nhất bây giờ là dùng kế hoãn binh, và rồi lựa lời khuyên em một cách từ tốn để Cư nhạt dần chuyện cưới hỏi và trở về với đời sống một học sinh chăm chỉ. Nhàn nói:

- Cư tính vậy cũng được. Nhưng đám cưới thì cần phải có thì giờ bàn cho kỹ, anh không muốn luộm thuộm quá, người ta cười.

Cư hài lòng, nhìn anh cảm động:

- Em cảm ơn anh... Không biết tốn độ bao nhiêu tiền?

## chiến sĩ ca

Ta kể em chuyện này là chuyện cuối  
Để phần sau cho trận lửa gian nan  
Và đời ta sẽ tan vào chuyện cổ  
Phả khói sương cho cõi mộng trần gian  
Thuở đi học ta đùa bên khung cửa  
Nghe cuộc đời hé mở nỗi hân hoan  
Cùng nắm tay những nàng thơ nhảy múa  
Gót phiêu bồng bay khắp nẻo thời gian  
Rồi nghiêm chỉnh nghiêm đầu nghe giấy mực  
Hồn ngạc kinh thao thức trận khóc cười  
Tìm trang sử có tên là Hạnh Phúc  
Đến bây giờ ngơ ngác tuổi ba mươi  
Và một thuở ta cầm gươm giết giặc  
Đem tuổi xanh ra trấn lửa bên trời  
Hà nội ơi, ta thấy em phơi xác  
Dọc Trường Sơn máu uống đỏ môi cười  
Cờ Tự Do phất bay trên vó ngựa  
Ta dựng cao theo vũng bước trường thành  
Dấu nát thân cùng về ôm núi đá  
Chận muôn trùng trận gió Bắc cầm cầm  
Nhịp ta thở tóc xanh rừng Hy vọng  
Bước ta đi sông núi chuyển bồi hồi  
Đời chiến sĩ nhận gươm từ muôn kiếp  
Chính nghĩa soi cho thép sáng như đời  
Nhưng gót giặc giẫm tan hồn phố thị  
Chở núi rừng tiền sử hát trên vai  
Giặc ngạo nghề nhìn em cười khinh bỉ  
Ao com nào mà hương phấn chưa phai  
Sao đêm nay lại dài hơn đêm trước  
Mà đời ta tủi nhục hơn đời cha  
Em đâu được những gì trong tiếng khóc  
Tiếng hịch vang hay là tiếng đời ta  
Để em về làm giáo viên khoa sử  
Có bao giờ thờ thần giận bút nghiên  
Sao sự thật vẫn gần như hơi thở  
Mà lời xa nghe đến lạ giọng mình  
Em vào lớp ngặng ngừng lời com áo  
Rằng đói nghèo do lũ giặc cha anh  
Tập trẻ thơ mang xiềng trong tim máu  
Tự do nào làm đến bạc đầu xanh  
Em hãy đợi ta loài chim báo bão  
Mang trùng dương về dự hội sóng thần  
"Ta sẽ lấy chí nhân thay cường bạo"  
Lời hịch xưa bay thét buổi ra quân  
Vì tự do và ấm no, chiến sĩ ơi, hãy bút xiềng!  
Vì tự do và ấm no, chiến sĩ ơi, hãy tiến lên!  
Em hãy đợi bên mẹ già tóc trắng  
Quân xung phong mở hướng mặt trời lên.

## phan tấn hải

Nhàn cười:

- Anh đã cưới vợ bao giờ đâu mà biết, em thử tính xem sao.

Lòng Nhàn buồn ghê gớm, nhưng anh cố tỏ ra bình thản, tiếp tục bữa cơm đang dở. Một lúc sau anh sực nhớ





là mình quên hỏi một câu quan trọng:

- Người yêu của em là ai? Sao không đem về đây giới thiệu cho anh biết?

Cư đáp gọn:

- Xuân.

Nhàn kêu lên một cách kinh hãi:

- Xuân nào?

- Xuân chứ Xuân nào? Anh còn hỏi! Chị Xuân con bác Thủ.

Chao ôi! Có thể như thế được sao! Nhàn bùng ly nước,

## vô tri

Con chim khanh khách bay qua  
tiếng kêu buồn thảm như là kêu tang  
mười năm, mới đó... tan hàng  
tan cây cờ chủ, tan đoàn nghĩa binh  
cái bất nghĩa đã viên thành  
thì sông núi có chỗ tình xuôi đi  
mười năm, mới đó... ra gì  
chút đời cũng đã vô tri cùng người!

hoàng xuân sơn

uống một hớp thật lớn, cổ nuốt trôi miếng ăn trong miệng mà anh vừa cảm thấy đắng chát. Anh đứng dậy, vuốt ngực, làm bộ như mình bị nghẹn, chạy nhanh vào phòng tắm. Anh không muốn Cư nhìn thấy khuôn mặt đang tái nhợt của anh vì xúc động. Chẳng phải Nhàn thất vọng vì Xuân hơn Cư đến mười tuổi, hoặc vì Xuân là cô gái không xứng đáng với đứa em yêu quý của Nhàn, mà chỉ vì nàng là người mà Nhàn đã thầm yêu và kiên nhẫn đợi chờ từ hai năm nay. Trong những người đàn ông xuất hiện trước nhất ở nhà ông Thủ từ ngày bà Thủ dẫn bày con sang, Nhàn là khuôn mặt được cảm tình nhất. Ông bà Thủ nể tư cách và học vấn của Nhàn. Các cô gái cũng mến tính hòa nhã và lịch sự ở Nhàn. Nhưng khổ nỗi cả nhà cứ thấy Nhàn lơ lửng, không biết anh nhắm vào ai. Thiệu nhanh tay cướp mất An Hạ, nhưng còn Thu, Đông, sao Nhàn chẳng chịu ngỏ lời. Chẳng ai hiểu rằng ngay từ phút đầu, Nhàn đã để ý đến Xuân, yêu cái kín đáo và mộc mạc ở nàng. Anh xót xa biết tin Xuân có người yêu ở Việt nam, anh thầm lặng tôn trọng sự thủy chung ấy nên nhất định không chịu tỏ cho Xuân biết lòng mình. Anh chỉ hy vọng một ngày nào đó, Xuân dứt liên lạc với người kia, lúc ấy anh sẽ thề thốt tiến vào thay thế.

Nào ngờ hậu sinh khả úy, chính thằng em duy nhất của Nhàn lại trở thành kẻ tình địch lợi hại quá! Hèn gì cách đây ba tuần, anh ghé thăm ông bà Thủ, cả năm cô gái — trừ Xuân — đều xông ra, lăm lét nhìn anh bằng những cặp mắt rất khác lạ, vừa như dò xét, vừa như thương hại.

Nhàn vận nước lạnh cho đầy lavabo, vục hai bàn tay, hắt nước lên mặt rồi nhắm mắt lại, đứng yên lặng mấy phút để mặc niệm trái tim tan vỡ của mình. Anh nín thở, nín xúc động, lau mặt bước ra.

Ở ngoài, Cư vừa hân hoan điện thoại báo tin cho Xuân biết là mọi việc êm xuôi, chỉ còn để chút thì giờ bàn về đám cưới. Cư buông phone thì Nhà ở phòng tắm ra, gương cười:

- Ăn phải miếng ớt, cay quá. Chảy cả nước mắt!

Nhàn ngồi vào bàn ăn. Tự dưng anh thấy tất cả những lời khuyên mà lúc này dự định sẽ nói với Cư, đều không còn cần thiết nữa. Anh có cảm tưởng là cả nhà ông Thủ và cả Cư đều đã biết là anh thầm yêu Xuân, nếu bây giờ ngăn cản thì chứng tỏ anh ghen với đứa em mà thôi.

Cư kéo ghế ngồi đối diện Nhàn và nói:

- Anh lại gặp bác Thủ dùm em nhé.

Nhàn cười:

- Tất nhiên là mình bên này chẳng có ai, thì anh phải đi gặp bác Thủ để thừa chuyện với người ta chứ còn gì nữa?

Và anh nhất quyết khỏi phải nghĩ ngợi gì nữa, Nhàn đứng dậy tiến lại bàn điện thoại, quay số gọi ông bà Thủ:

- Bác ại Dạ, con Nhàn đây bác. Thứ bảy này hai bác có bận gì không ạ. Con mới hai bác lại dùng cơm trưa. Nhân tiện con có câu chuyện cần thưa với hai bác. Vâng, cảm ơn bác. Dạ, 12 giờ ạ. Kính bác!

Đường điện thoại xuống, Nhàn quay lại hỏi Cư:

- Xong rồi. Thứ bảy ông bà ấy sẽ qua.

Nhàn vào phòng ngủ, thay quần áo rồi trở ra, dặn Cư:

- Anh có hẹn với mấy người bạn, chắc khuya mới về. Em cứ ngủ trước đi.

Vừa nói, Nhàn vừa đi tới cửa ra vào. Đã lâu lắm, đêm nay Nhàn mới thấy cần ngủ cho thật say.

(còn tiếp)



Sáng hôm nay, ba chị em tôi thức dậy sớm. Đêm qua, trời xáng xuống một trận mưa lớn. Giông gió thổi ào ào. Sấm nổ liên hồi. Chớp loé từng chớp sáng quắc. Ai cũng sợ có trận bão lớn từ biển thổi về. Ba tôi hôm qua đi qua đảo San Hô dự đám cưới của con một người bạn thân.

Linh Quy chui ra khỏi mùng trước hơn hết. Hắn ta đốt đèn, rửa mặt súc miệng, chải đầu rồi xuống bếp nấu cháo. Bạch Trang vừa lúc hứng sáng đã ra ngồi trước hiên mơ mộng. Tôi hãy còn nằm nường. Váng chủ nhà gà vọc niêu tôm mà! Ba má tôi đi vắng, tôi cần gì phải dậy sớm? Tôi xoay mặt ra bên ngoài cửa sổ. Bên ngoài mưa bay lất phất như bụi cám bay. Hơi nước tỏa mờ mờ trắng đục trên ngọn cây me tây đầu ngõ. Mưa như vậy thì khỏi tưới rau, tưới bông kiểng. Mà thôi, ngồi dậy cho xong. Mùi cháo từ dưới bếp thoảng lên thơm ngát kia kia. Tôi ngồi dậy, xếp mùng mền cho có trật tự rồi ra ngoài hiên hít thở không khí trong lành. Một con gà mẹ đang xoè cánh úm đàn gà con cạnh khóm hoa lài. Bên thềm, khóm dạ lý, bụi lan đề ướt sũng nước mưa.

Tiếng Linh Quy từ trong bếp vọng ra:

- Hai chị xuống đây ăn cháo với cá bống kho tiêu. Em múc ra sẵn rồi đó.

Bạch Trang buồn bã xuống bếp, đáng điệu thần thờ. Tôi cũng theo sau nhưng khi nhìn mâm cháo, tôi lắc đầu:

- Chị không ăn cháo đâu. Em có tiền thì cho chị mượn một xu nhỏ thôi. Chị muốn mua bánh mì để ăn với thịt chà bông hè.

Bạch Trang ngó xéo tôi:

- Hôm nay con nhỏ này sang quá ta. Hôm qua, di dưong Tư trước khi ra đi có cho mỗi đứa một cục bạc. Mấy liệng tiền ở chỗ nào rồi mà hôm nay lại mượn tiền của con Linh Quy?

Tôi cười hề hề:

- Liệng vô hòng chứ liệng ở đâu? Có tiền thì mua quả bánh ăn cho sướng miệng. bo bo giữ tiền như hai đứa bây là kẻ không biết sống. Bây phải biết: tiền như bọt nước, nay ở tay này mai ở tay kia. Ai biết mai sau ra sao mà để dành tiền?

Linh Quy cũng háy tôi:

- Chị này ấu quá mạng mà, xài tiền vung vít còn quần áo thì coi rẻ rúng hơn đồ vàng mạ. Má may sắm cho mỗi đứa quần áo như nhau. Coi áo quần của chị kia kia, áo thì đứt nút, rách miệng túi, lai quần te tua như bị cá rô rĩa. Coi quần áo chị Trang hãy còn mới toanh.

Tôi cãi lại:

- Tụ bầy mặc quần áo kỹ vậy chác mấy sập bán vải ngoài chợ đẹp tiệm luôn. Minh đừng có nghĩ tới mình mà quên người khác. Ủ, tao bẻ bối, ăn mặc bầy hầy như vậy chớ thiệt ra tao đâu có muốn phá của

# Giỡn Bóng Đèn Trăng

Huyền Châu

báo hại cha mẹ phải tốn tiền. Tao cũng không muốn bị má rầy rà mắng nhiếc đâu nà.

Tuần rồi, chị Mỹ Hạnh có đến thăm, thấy tôi ăn mặc cầu thả nên khuyên:

- Lấy cái lược sừng trâu ra đây chị chải đầu cho.

Tôi làm theo lời chị dặn răm rắp. Tóc chải láng được đánh hai cái bím hình con rít rồi thả trước ngực. Tôi trở thành cô xăm lai hần hoi trong cái áo xăm và quần hẹp ống đồng, một thứ lụa trắng điểm hoa vàng. Bạch Trang cầm tấm gương tàu cho tôi soi. Tôi biết mình đã lớn. Bạch Trang kêu tôi là "xiểu chế" (tiểu thơ) làm tôi sung sướng, mũi nở lớn như trái mận. Tôi chỉ mặc quần áo đẹp chừng nửa buổi là thay quần áo vải ú để dễ bề leo cây me keo, leo dừa, phóng qua hàng rào rồi chun vô lùm bụi, đầu tóc dính đầy bông cỏ may, áo rách ở vai, miệng đen thui vì nhai trái trám, trái sim rụng.

Đợi cho Bạch Trang, Linh Quy điếm tâm xong, tôi mua bánh mì đồn xiu mại. Xiu mại ở vùng tôi vì bán rẻ nên phải đồn củ sắn ngọt (người Bắc gọi là củ đậu).

Tôi đề nghị:

- Kỳ lễ Vu Lan sắp tới, trong mấy ngày mười ba, mười bốn và ngày rằm, tại miếu Cô hồn có tổ chức hát bội ba đêm. Chị em mình bày gian hàng bán đồ nhậu, thức ăn. Chắc mình kiếm tiền lời nhiều. Miếu Cô hồn đâu có xa xôi gì với nhà mình.

Bạch Trang hớn hờ:

- Ủ phải đó. Tao có nghe dưong Tư nói năm nay ông Xã trưởng xuất tiền túi tìm gánh đại ban ở tỉnh mình về đây hát bội. Nghe đâu ông đã điều đình với bà bầu Bốn Chuối ở làng Hương Thạnh. Bà có hai gánh cải lương và một gánh hát bội; ba gánh nhập một, ba xôi nhồi một chỗ, trình diễn ba đêm tại miếu Cô hồn.

Thuở đó tôi bắt đầu mê cải lương miền Nam nên không thích cải lương tỉnh nhà. Bà Bốn Chuối gá nghĩa với ông Nghèn, một nhà soạn tuồng kiêm đạo diễn và kiêm kép lão của gánh bà. Anh Ánh là rể của bà, chuyên thủ vai kép chánh, đôi khi giả gái

làm đào thương. Nữ khán giả trẻ tuổi ngồi gần sân khấu cứ kệp tiền và thu tổ tình vào quạt liệng lên sân khấu tặng anh, làm vợ anh là chị Mười thường ghen tương khổ sở. Chị Lệ Nga là con riêng của ông Nghèn

là dâu của bà bầu. Con gái ông lấy con trai của bà là anh Thân. Lệ Nga đẹp sắc sảo, đánh đá, thủ vai lẳng độc. Bên kép còn phải kể thêm anh Dáng, anh Ký, anh Thân. Còn hai chú Tư Éch và Ba Thịnh thủ vai hề, vừa bước ra sân khấu là khán giả đã cười rộ rôi.

Tôi không ưa đào đóng vai nam, kép đóng vai nữ. Có lần tôi được xem Bảy Nhiều đóng vai Tang Đại giả gái thật đẹp, thật điêu luyện. Sau này, tài tử Thanh Sang cũng đóng vai Tang Đại giả gái thật hay, chọc cười khán giả xóm tụ. Giả trai giả gái trên sân khấu để chọc cười thì được chớ giả trai giả gái theo kiểu "lộng giả thành chơn" suốt năm màn hát thì buồn ngủ lắm. Bởi đó khi xem Phùng Há, Bích Thuận, Kim Chung đóng vai Lữ Bố tôi không khoái hơn khi xem Minh Tạo, Minh Tơ, Thành Được đóng vai Lữ Bố. Kép đẹp đóng vai Lữ Bố làm ra màu mè hùng dũng dễ hơn đào. Minh Tơ, Minh Tạo hồi trước làm cho biết bao nhiêu cô mê mẩn rụng rời. Sau này Thành Được trong gánh Sài Gòn I đóng vai Lữ Bố thật sáng sân khấu, có thể vượt Minh Tạo nữa là khác.

Bà Bốn Chuối thường ao ước huấn luyện tôi thành đào gánh của bà. Bà bảo rằng tôi giống đào Tường Vi, gốc người Quảng Ngãi, vào Sài Gòn làm đào nhì của gánh Phụng Hảo. Thuở đó, chị Tường Vi đẹp và sáng sân khấu, vốn người có học, biết soạn tuồng, viết báo, đóng vai gì cũng hay cả. Em trai của chị là Tường Văn sau này đi gánh Đức Huy, cũng làm kép chánh. Gánh bà Bốn Chuối có tranh cảnh mới, xiêm y mũ mào mua tận bên Thượng Hải, chớp lia chớp lĩa dưới ánh đèn sân khấu.

Miếu Cô Hồn ở làng Chánh Thành (Gàng Ráng) không giống như miếu Ông ở xóm Lò Bò. Cách bày trí trong chánh điện thật đơn sơ, chỉ có một bàn cây nhỏ,



trên bàn có một bát nhang và một ngọn đèn dầu chong leo lét, tỏa ánh sáng yếu ớt, ảm đạm. Nơi đó dùng để quàn các linh cữu của những người bị chết trôi, chết vô thừa nhận hoặc bất đắc kỳ tử, linh cữu thường quàn tạm để rồi đem chôn ngay ngày hôm sau. Cũng có người lấy hài cốt thân nhân bỏ trong chiếc quách nhỏ quàn tạm ở đây trước khi dời đi nơi khác.

Xung quanh miếu, cây cối rậm rạp, không khí lạnh lẽo âm u. Sau miếu là những nấm mồ hoang, có nhiều ngôi mồ đã lạn phẳng, sau đám mồ hoang là chùa bà Thế Xương và chùa Minh Tịnh. Ở phía trong là nghĩa địa thành phố rộng lớn. Mè xa nữa là đồn lính Tây. Cách đồn là con lộ đá, kế lộ là bãi biển chạy dài tới chân đèo Vũng Dừa (Tuy Hoà); dưới chân đèo là đường vào Xuân Quang và quẹo trái là vào tới Gành Ráng.

Vào lúc chạng vạng không ai dám đi qua miếu Cô hồn. Ở đó loài chó hoang thường tru lên từng tràng dài. Lũ mèo hoang, chồn đèn, chồn mướp, sục sạo trong đám bụi rậm. Thỉnh thoảng, chim cú từ rừng về, hú lên những tiếng "cú cú" rợn người. Thiên hạn đồn rằng, hằng đêm ở miếu Cô hồn có nhiều người hội họp ăn uống, đốt đèn leo lét cho tới gà gáy canh năm mới tan. Năm nào ông Xã trưởng Tân mà không tổ chức hát hội vào lễ Vu lan là năm đó ở vùng tôi có người bị chết trôi hoặc xảy ra hoả hoạn hay có người bị ma giấu cho ăn bùn, ăn đất sét.

Kỳ Vu lan này, ông Xã trưởng chịu trả tiền cất một cái sân khấu lộ thiên thật rộng lớn gấp ba lần sân khấu lộ thiên năm ngoái. Năm ngoái có gánh nhỏ hát ở đây, tranh cảnh lem luốc, áo mao cũ mèm. Cô đào chánh có bầu mà đóng vai Phần Lê Huê, Lưu Kim Đính coi bộ nặng nề, ột ột lắm. Năm nay, đoàn hát của bà Bốn Chuối tới diễn nên dân vùng tôi và các vùng lân cận như xóm Bàu, làng Cẩm Thượng, Xuân Quang kéo về xem hội thật đông, đem phẩm vật lễ cúng rình rang lắm.

Hàng quán tấp nập. Từ 9 giờ sáng là con buôn đã dọn hàng bày bán rồi. Đủ món ngon, nào là bánh canh cua, cháo lòng, hủ tiếu, chè đậu. Gian hàng của chị em tôi có bán những món đặc biệt như nước giải khát, chuối luộc, khoai luộc do Bạch Trang trông coi, nem nướng cha tôm dòn, thịt bò ướp sả, nghệ tôi hành nướng để cuốn bánh tráng chấm tương do Linh Quy đảm nhiệm. Tôi phụ nướng nem hoặc

chạy bàn khi có ai tới ăn, hoặc đôi lúc tôi đi mời khách. Vì tôi lanh lẹ, miệng lưỡi sắc sảo, ăn nói trơn như mỡ, nên hai đứa nó cắt phần cho tôi lo chạy hiệu.

Trời vừa tối. Chỉ có màn chót là vẫn buổi hát chiều, để nghệ sĩ tạm nghỉ giải lao, trước khi hát xuất tối. Má tôi bảo tôi:

- Con mau vào hậu trường thưa với các anh chị em nghệ sĩ định ăn món gì để má sắp đặt trước.

Đêm nay anh Ánh thủ vai đào trong tuồng "Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu". Anh đóng vai nữ tướng Lưu Kim Đính, nàng Lưu mê tướng đẹp trai Cao Quân Bảo, bỏ cha đành đoạn để tới Thọ Châu tìm người yêu. Nàng lập bát môn trận, đánh phá quân Nam Đường để giải cứu cha chồng là Cao Hoài Đức. Lúc nàng giao tranh với Du Hồng thì chàng trông giống inh ỏi, tiếng quân reo vang. Tôi nhìn anh Ánh đóng vai nữ tướng thật khéo, thật hay. Tôi cao lớn như vậy, tiếng tôi rồn rảng như vậy, tôi cũng có thể đóng vai nữ tướng chứ bộ. Ở trường vào dịp lễ phát phần thưởng, trường có tổ chức hát kịch dã sử, tôi đảm nhiệm các vai Trưng Vương, Triệu Trinh Nương, Bùi thị Xuân toàn vai nữ tướng. Nếu có ai rèn luyện tôi đúng mức, tôi có thể thủ vai đào võ trong ngành cải lương. Tôi sẽ đóng vai Lưu Kim Đính, Phần Lê Huê, Đoàn Hồng Ngọc. Tôi mơ, tôi mộng có ngày bà Bảy Phùng Há, bà Bảy Nam sẽ bắt tay tôi, vỗ vai tôi khen rằng:

- Em có thể nổi nghiệp tụi chị để làm đào võ được rồi đó.

Tôi mơ tôi sẽ đội mào có cắm lông trĩ, mang cờ soái, mặc cẩm bào, thắt ngọc đá. Tôi sẽ cất tiếng rồn rảng hát bài "Kim tiền"

lúc ra trận, sẽ hát "Xang xù liêu" để ve vãn Cao Quân Bảo, Tiết Đình San, Tiết Ung Luông. Tôi mơ tôi mộng tiếp tục mà quên phút mời anh chị em nghệ sĩ. Tôi la ú ớ theo tiếng quân hò reo vang. Bỗng một tiếng trót kèm theo ngọn roi mây quất trên lưng tôi rất bồng. Má tôi hét:

- Nè ó lên quơ quơ, ó lên quơ nè. Còn ó lên ó xuống là chết với tao.

Tôi hoảng hồn, ngậm miệng nhảy phóc băng qua giàn đòn lằm cây kèn trong tay chú Ba Vinh văng ra xa và chú la trời như bồng. Má tôi xách roi rượt tôi. Tôi muốn chạy lẹ nhưng sợ má tôi đuổi theo mệt nên tôi chạy xung quanh gian hàng. Chập sau, má tôi mệt kiệt, bỏ ra về. Linh Quy vừa khóc, vừa lấy muống thao vào vết roi in trên vai trên tay tôi đã muống rướm máu. Linh Quy cắn nhần:

- Chị Hai cứ chọc má giận hoài.

Bạch Trang dịu giọng:

- Sao mầy ham chơi vậy Châu? Dì sai mầy mà mầy đánh lừa đánh đảo đi đâu mất. Ở đây khách tới nườm nượp, không có ai tiếp đãi hết.





Tôi nói dóc:

- Tao đâu có đi đâu. Tao đến mấy anh chị nghệ sĩ quảng cáo nào là nem nướng theo kiểu Sài gòn mỗi một trảng có bánh trảng, cắt một góc tư, nem nướng trên mía, rau sống nước tương đem đến cho khách tự cuốn lấy ăn mới ngon. Nào là chả Bình Định cũng kể như nem nướng gồm có bò lụi nướng, thêm một con tôm kẹp với bánh trảng rồi chiên vàng. Thực khách khi ăn phải trải bánh trảng dềo nhúng nước bày trên trảng rồi sắp nem nướng, bò lụi, chả tôm cuốn thành một cuốn lớn, chấm tương. Tao còn quảng cáo tương minh pha gồm có nước tương nấu nếp với đường cát cho tới nhuyễn như, thêm tỏi ớt, thính, ăn ngọt xớt khác hẳn tương tàu bán ở các tiệm Chệt.

Bạch Trang mĩa mai:

- Quảng cáo hay thiệt. Vậy mà nãy giờ có đào kép nào tới đây đâu.

Tôi tiếp tục đĩa dóc:

- Tao còn quảng cáo nước sâm thang của mình nấu với mía lau, rễ tranh, lá thuốc cứu, tiem bức và pha với đường phèn uống mát phổi, mát gan, ai muốn hát ngọt giọng là uống sâm thang của chị em nhà mình. Ngon lành không Trang ?

Bạch Trang rit lên:

- Dóc tố! Thứ đồ láo thiên láo địa.

Chợt thấy đào kép từ rạp bước ra, tôi ré lên:

- Xin mời, xin mời anh chị em nghệ sĩ. Hát xướng xong hoan hỉ chiêu cổ món nhậu tụi em. Nào chả nào nem ăn kèm bánh trảng. Ăn cho hết món trong quán cũng chẳng ngán, bớ anh chị em.

Các anh chị em nghệ sĩ nghe tôi tía lia liền cười ha hả kéo vào quán thiệt tình. Tôi nói thêm:

- Quán của tụi em là quán nghệ sĩ. Không khí văn nghệ không quán nào sánh kịp.

Tôi ré lên hát bài "J'ai deux amours", ai nấy đều cười phá lên. Bạch Trang lắc đầu cười chum chim. Tôi hỏi:

- Quạt than lên bớ tụi bây. Quạt sao cho mùi chả, mùi nem bay khắp nẻo thì quạt.

Kép Ánh nhìn Bạch Trang:

- Cô em mặc áo túi cụt màu hương có gương mặt dễ thương quá. Chẳng hay có ai mang trầu mang cau tới nhà chưa? Nếu chưa anh xin đề thư nhắn gửi.

Tôi hót:

- Thiếu gì nơi cây mướn mai mới tới nhà ba má tui để xin con nầy về làm dâu nhưng nó có nơi rồi. Mà thôi đi tía, tía có vợ con mà còn liếc, còn dòm cô gái khác làm chi? Bộ không sợ chị Mười thưởng cho ăn roi mây hay sao? Tim con nầy đã có hình bóng một nghệ sĩ cải lương thượng thặng là ông Năm Châu rồi. Nó không thêm

nghệ sĩ địa phương đâu, đừng có lộn xộn à!

Bạch Trang ré lên:

- Cái con Huyền Châu nầy ăn môn ngựa miệng nói bậy. Tui chỉ khen ông Năm Châu đóng tuồng "Túy Hoa Vương Nữ" xuất sắc, vậy mà nó cũng đổ hô tui.. nầy nọ, thiệt là thứ nói ẩu.

Tôi cãi lại:

- Thì mầy thích ông đóng tuồng, rồi mầy yêu ông mấy hồi.

Kép Đáng chỉ Linh Quy:

- Cái cô em có mái tóc xoã ngang vai ngồi cuốn chả bao nhiêu tuổi mà coi dễ thương quá vậy? Cô em đó có ai ghé mắt chưa? Nếu chưa tôi xin nguyện làm bóng tùng quân cho dây cát đẳng nương tựa.

Tôi cười:

- Lại trở giọng tuồng cải lương rồi. Anh đừng có xạo. Em tui mới 15 tuổi. Nó có bồ là anh Hạ con ông chủ hãng xe đồ Đà Lạt-Nha trang, đã giàu mà còn đẹp trai, học giỏi...

Linh Quy mắc cỡ:

- Chị Hai ẩu quá. Anh Hạ với em chỉ là bạn với nhau mà thôi.

Hề Tư Ếch quay qua nói với tôi:

- Em Hai ôi, tên của qua không đẹp, nhưng tim của qua đẹp quá cỡ. Nếu em mở đèn xanh cho qua thì qua làm thân khuyến mã hầu hạ em suốt đời.

Tôi nguyệt:

- Thôi đi tía, tía già xấp xỉ với tía tui, vợ tía ghen nổi tiếng, tía đừng có lộn xộn, hề nời nào úp vung nầy...

Tư Ếch nhăn nhó:

- Em đừng nói vậy. Ái tình không biên giới, không phân biệt tuổi tác, giai cấp. Yêu nhau mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua và dám có chết...

Tôi cười cắt ngang, nhìn qua kép Ánh. Lạ kia, hán ta nháy mắt với tôi. Tôi cũng nháy mắt lại. Tôi quay qua kép Đáng, anh ta nheo mắt nhìn tôi rồi chớp mắt lia lịa. Thừa lúc mọi người ăn uống bận rộn, kép Ánh đến tôi bảo nhỏ:

- Sáng mai, lúc 6 giờ hẹn em tại miếu Cô hồn nghe. Hề sáng là ma cỏ biến mất rồi.

Tôi nói nhỏ:

- Cô hồn các đảng vật đùa nào nói láo.

Kép Đáng giả bộ đi xin nước rửa tay. Tôi múc cho anh ta gáo nước. Anh thấp giọng:

- Qua xin em một ân huệ. Qua muốn gặp em nói chuyện riêng.

Tôi gật đầu:

- Ở miếu Cô hồn 6 giờ sáng mai. Đừng nói với ai hết nghe. Thiên lôi đánh đùa nào theo lẻo.

Thừa lúc châm trà cho khách, tôi rủ vào tai Tư Ếch:

- Sáu giờ sáng mai, hẹn anh ở ngoài miếu Cô hồn.

Tư Ếch thích chí hỏi nhỏ:

- Em không sợ ma hả?

Tôi trề mồm:

- Ma sợ em thì có.

Đêm hôm đó, khi văn hát là đã hai giờ sáng. Trời về khuya. Trăng bắt đầu mờ vì bị mây che. Gió biển thổi về lạnh lạnh. Ánh đèn trong rạp mờ ảo hắt ra. Ai nấy lo dọn dẹp quán chuẩn bị về nhà.

Chúng tôi băng qua bãi tha ma. Tiếng chó sủa từ nghĩa địa Đồ thành vắng lại. Hai kép, một hề tình nguyện đưa ba chị em tôi một đoạn đường. Bạch Trang bung thúng, Linh Quy xách lò than, tôi quảy gánh. Anh Ánh anh Đáng đi bên cạnh Bạch Trang và Linh Quy, Tư Ếch đi sau lưng tôi, xách cái đèn dầu. Bỗng có tiếng chó tru, tiếp theo có tiếng người từ nghĩa địa vọng lại.

- Nem chả còn hay hết vậy? Đem lại đây chúng tôi mua.

Chúng tôi vẫn im lặng. Tiếp theo đó có tiếng kêu ú ớ như tiếng người ngong. Bạch Trang và Linh Quy sợ điếng. Anh Ánh trấn tĩnh tụi tôi:

- Đừng trả lời gì cả nghe chưa? Nếu mình trả lời, tụi nó hớp hồn mình. Có tụi tôi đây, các cô chớ sợ.

Tiếp theo nữa là tiếng thứ ba, cũng phát xuất từ bên nghĩa địa. Tôi đặt gánh xuống, xách cây đòn gánh nhắm cửa nghĩa địa xăm xăm bước tới. Mọi người đều cản ngăn tôi. Tôi mặc kệ, cứ rảo bước. Tư Ếch xách đèn xung phong theo tôi. Tư Ếch đã lùn, lại đi hai hàng như con ếch. Tôi bỏ anh một khoảng xa. Chợt thấy phía trước có một đồng lù lù to gấp hai con trâu. Tư Ếch kêu lên: "Ái hậu ơi, trước mặt có một đồng gì lù lù đó. Chắc là ma độn chớ gì. Thôi già biệt ái hậu cho trẫm rút lui có trật tự". Tôi cũng không buồn trả lời, cứ đi thẳng đến đồng đen, bên tai tôi có tiếng cười ồn ào. Thì ra đây là chiếc xe hơi. Tôi có linh tính là anh Xuân anh Hạ muốn phá chị em tôi. Mấy hôm nay họ không được gặp chị em tôi vì chúng tôi mắc lo bán buôn và tiếp đãi anh em nghệ sĩ. Chắc Xuân, Hạ phật lòng khi chúng tôi được các kép hát đưa về nhà. Từ lâu hai anh em con ông chủ xe đồ đã phải lòng chị em tôi. Xuân cứ gạ gẫm tôi luôn, còn Hạ thì đeo theo Linh Quy.





Tôi bước tới xe thì chẳng thấy ai hết. phần trời tối vì trăng bị mây che. Tôi thấy lò mớ có người núp sau thùng xe. tôi nổi sùng, phang mạnh một đòn gánh, không biết trúng vào đâu, miệng thì chót chét:

- Nhất chị em tui hả? Đồ mắc dịch gì đâu á!

Tôi bỏ đi lẹ một nước. Sau lưng tôi tiếng cười rộ cất lên. Sáng hôm sau, tôi không đến chỗ hẹn với hai kếp một hề. Việc tôi chơi trác họ, hẹn với họ rồi cho họ leo cây thoa mỡ bò tuy hơi ác nhưng cũng là dịp may cho người khác.

Anh Đàng và Tư Ếch y hẹn tới miếu, gặp chị Hiền, cô hàng chè đậu ngồi bên miếu, mặt mày ngơ ngẩn. Họ lay chị dậy, hộ tống chị quảy gánh về nhà. Tới nhà chưa kịp nói gì với ai, chị ngã lăn ra bất tỉnh. Cả nhà tưởng chị trúng gió nên kẻ thoa dầu, người cạo gió cho chị. Quần áo chị đầy bụi bám. Nồi chè chỉ còn chút ít, nước cốt chè đen như bùn, thoảng mùi tanh như mùi nhớt cá. Túi tiền của chị toàn là giấy bạc vàng mã. Sẵn có ông chú ở đồng quên lên thăm, ông lấy lá thuốc cứu già nhỏ hoà với rượu rồi phun khắp người chị. Đoạn ông lấy ngũ vị hương bỏ vào lò cho khói thơm bay lên, tiếp đó ông lấy roi dầu tằm quất xung quanh chị.

Hồi lâu chị Hiền tỉnh lại, nét mặt chị hãy còn ngơ ngẩn. Phải đợi thêm một lúc lâu nữa, chị mới hoàn hồn.

Đêm qua, hai mẹ con chị Hiền cũng sửa soạn đến rạp bán hàng. Bà mẹ quảy gánh cháo lòng đi trước. Bà bán hết vào khoảng nửa đêm mà vẫn chưa thấy chị Hiền quảy gánh chè đậu ra. Bán xong, bà về nhà và cùng mọi người đốt đuốc suốt đêm đi kiếm chị.

Số là chị Hiền từ nhà ở sau lưng chùa bà Thế Xương gánh chè đến rạp hát, vừa băng qua đám mã cô hồn thì chị gặp một đám đông người đủ mặt già trẻ, đàn ông, đàn bà, kể cả con nít. Họ ăn mặc quần áo đủ màu. Họ xúm lại kêu chị bán chè xôi cho họ và xĩa tiền ra trả đàng hoàng. Mặt nào mặt nấy hoan hỉ. Họ cho chị biết rằng mỗi năm phải đợi mùa Vu lan đến, họ mới được ăn chơi trong một tháng, rồi họ đưa chị về nhà, hẹn năm sau sẽ gặp lại.

Dù bị tôi cho leo cây, nhưng anh Ấnh, anh Đàng, chú Tư Ếch được ba má chị Hiền tiếp đãi nồng hậu, có đặt tiệc rượu tạ ơn.

Tối hôm sau, cả ba không đến gian hàng của chị em tôi nữa. Họ giận tôi chơi trác mà không đến? Hay là họ ăn nhậu no say ở nhà chị Hiền rồi? Tôi cứ tự hỏi luôn và kết luận là họ không đến vì cả hai lý do.

Nhưng không lo, Xuân và Hạ kéo bè bạn tới quán chị em tôi ăn nhậu thoải thuê. Họ nhắc lại chuyện nhất ma đêm trước để cùng chị em tôi cười nghiêng ngả. ○

## huyền thoại cùng nguyễn trung

Làm sao tôi có màu vàng

làm sao tôi có màu xu

tôi có lá sen khô tôi có tình yêu

làm sao tôi không nói

mở cửa trên vườn hoa ngày hè

con rắn lằn phơi mình dưới nắng

tôi sẽ đi và đi không bao giờ trở lại

làm sao tôi không tin

làm sao tôi không nhớ

người em với tóc mây ngang

đã khoác lên mình nhung hồng phấn

và đã sang sông để làm sao tôi thương

trên tay tôi cụm hoa vương

hai bàn tay hành khất để ánh sáng toả dịu

trên muôn ngàn bộ mặt và

làm sao tôi có màu tím

tôi có màu hoa gạo

tôi có hương hoa bưởi

Để quanh tôi dịu dàng điệu nhạc

nói yêu em nhưng con tim buồn bã

hái cho nhau cành hoa đã tàn hương

như chân anh vẫn rộn trên đường đời

mà ai đã vội quét rồi bụi trắng

để hồn tôi như trang giấy mới

lời không đủ rõ sợi giây tơ

khi mặt người với nét vẽ thô sơ

không che nổi vết thương lòng lạnh lẽo

để mãi trong tôi bức tranh kỳ diệu

em ngồi đây hay đến tự trung nguyên

tiếng suối chảy trên

muôn giải hương duyên

rửa tâm hồn lấm bụi của trần gian

để hôm nao uống rượu suốt đêm dài

vì ngày mai khi sớm sương xuống lạnh

chiếc bóng anh khuất nẻo trăng sao vắng

và riêng tôi còn lại với mình tôi

tiếc không theo người về chốn xa xôi

gánh trên vai một thiên đường thần thoại

để nơi đây kỷ niệm bạc thời gian

nắng đổi màu và ngày tháng phôi pha

cúi mặt xuống chìm vào trong im lặng.

Nhưng làm sao tôi vẫn có

sức sống gấp trăm lần

những hình ảnh màu hồng

màu nâu và hy vọng

hai bàn chân thiên lý

và trái tim thần kỳ

tôi sẽ biết cùng anh

đi trên con đường đất đỏ

trên những đường cong

ngã đường ngắn ngủi của một kiếp người

tiếng cười non trẻ như buổi lên năm

đường đôi Hà nội một ngày đã sang đông

nghe gió thì thầm

và lá bàng rơi trên mảnh tường rêu vớ

Anh hãy vẽ cho tôi những vòm trời

dưới mực kính đối hình và

phân ly ánh sáng

những sự việc đã qua hay

ngày mai có nắng

khi hôm về phòng bốn bức tường vắng

mơ tới người yêu mà lòng như muốn xé

và tôi sẽ nhớ tất cả những người tôi quên

một cặp má tàn hương

một đường lưng quá tội

cuộc đời có chăng lưới con tin

người trai có kéo áo che mưa

để gặp định mệnh ở đàng kia dãy phố

cho tôi những khoảng rừng chưa đến

những đô thành mà tôi đã biết

ngõ Duy Tân nhìn cây cỏ thay màu

đường Quạt Khởi rồi có một buổi nào

trong quán cà phê lẽ hè chúng ta sẽ đợi

đợi đêm xuống và sẽ đợi trăng lên

cho tôi tất cả những nỗi tang thương

những vết thương không bao giờ

có thể lành

một mối tình đã chết

một cuộc tình ngát vị chua cay

và tôi chỉ là một chiếc thuyền lạc hướng

một chiều đứng gió ở đường vòng

nhật đới

anh hãy vẽ cho tôi bức chân dung

người họa sĩ thần tài

sống sao đây trong cái

bình thường nhỏ bé

xã hội khát khe và lòng người hạn định

đời trần tục không nhìn xa hơn tầm mắt

hãy cho tôi người đàn bà

có ngấn bấy từng

trong ánh sáng lung linh hai

bàn tay nhiệm màu

như cầu khẩn van xin

như đại lượng từ bi

một hoài bão một tình thương

không bờ bến

Để dù trong thời gian có bóng tịch mịch

trong không gian có hàng cây màu xám

tôi sẽ nghe thấy một câu thơ chưa viết

một điệu nhạc mong manh

và làm sao tôi có màu sắc tôi có

tấm vải trắng thô

để cùng anh tôi có thể vẽ

cái đẹp thần diệu mà anh mang nặng

cái thiên đàng bí ẩn của tiềm thức

để trên thế giới này không còn gì nữa

đã hé mở và thoảng hiện

một chân trời thanh khiết sau cùng của

đời mình

ngô văn tao



(tiếp theo)

## CHƯƠNG MUÔI

Lại một tối thứ bảy.

Sau khi trò chuyện chề chán với má con thím sáu Nếp Than, Diễm Lăng trở về buồng dành cho mình cùng Phương Tần và Lệ Phi. Chỉ có Mỹ Cần ngủ chung một buồng với má. Căn buồng này thật rộng. Phương Tần và Diễm Lăng ngủ trên divan chân quỳ lớn, còn Lệ Phi ngủ trên chiếc giường sắt đóng theo kiểu giường nhà thương, có trải nệm drap tươm tất. Nhưng bây giờ mới đầu canh một, Mỹ Cần còn ở đây chơi với ba cô chị mình. Tại bàn tròn dành cho ba chị em học bài hoặc thêu may, Cảnh đang kèm dạy toán cho Phương Tần. Chàng chăm chú duyệt qua những con số mà Phương Tần viết chỉ chít trên giấy. Hồi lâu, chàng buông bút, ngáp dài:

- Rầu cô Hai nhà này quá, giải toán đồ bằng phương trình hai ẩn số thì đúng nhưng khi giải phương trình lại sai. Cái khó làm được mà lại dễ hỏng cái dễ. Đi sông đi biển không chết đuối mà lại chết đuối ở vũng trâu.

Lệ Phi bảo:

- Vậy là khá rồi.

Cảnh mỉm cười, lắc đầu:

- Khi thì có khá. Nhưng hôm nay, cô Hai nhà này có vẻ lo ra đó.

Phương Tần xác nhận:

- Đúng vậy. Em nghĩ tới bức thư của ba. Kỳ bãi trường này, tụi em được đi thăm ba. Em tự hỏi em sẽ mua gì tặng ba đây.

Lệ Phi cười, bảo Cảnh:

- Ba em, hồi em lên năm lên sáu, bắt em ăn mặc như con trai, cứ gọi em là cậu ấm, cậu quý tử luôn. Em thêm để tóc dài cài lược đồi mồi, thêm mặc áo lụa in hoa, thêm đeo hoa tai nên cứ khóc luôn. Sau đó, ba bị ông nội rầy một trận nên ba mới cho em cải trang lại.

Cảnh ngắm khung ảnh của ba treo trên vách:

- Anh còn nhớ hồi đó chú Ba cưng Phi nhất.

- Thì ba em cưng em qua hình ảnh cậu quý tử mà ba thường ao ước.

Phương Tần mắng:

- Đồ quý gì đâu! Cứ xét nét, lọc lừa không nhằm chỗ thì khó mà vui sống.

Diễm Lăng cười, quay qua Mỹ Cần. Mỹ Cần phang mạnh:

- Chị Phi thông minh không đúng chỗ.

Lệ Phi đập cây thước xuống bàn, la:

- Mỹ Cần!

Diễm Lăng cười, kèm đôi lúm đồng tiền thật sâu:

- Tội nghiệp chị Phi chưa! Đã có một bà chị hét ra lửa lại thêm con em khạc ra khói.

Lệ Phi nhìn Diễm Lăng:

- Lăng cũng thừa biết, chị có số không hợp số chị em. Nhà, chị bị chị Tần và cái con chẳng lửa Mỹ Cần khủng bố luôn.

Cảnh nhắc lại chuyện xưa:

- Hồi đó, chú Ba cưng anh lắm, cứ kêu anh là...

Chàng đỏ mặt ngáp ngừng. Mỹ Cần nói huých toét ngay, sắc mặt tỉnh bơ:

- Em nghe má nói hồi xưa ba em kêu anh Cảnh là "thằng rể đông sàng". Chuyện giần dị như vậy mà anh cứ ấp úng, ngáp ngừng hoài.

Phương Tần mắt sáng ướn, hét:

- Mỹ Cần!

# Phấn Bướm



Hồ Trường An

Lệ Phi cười khanh khách:

- Ai mà bịt được miệng con này, chắc phải là bậc tài thánh.

Diễm Lăng bảo:

- Hề con trai giống ba em là đẹp trai ngay.

Lệ Phi tán thành:

- Đúng vậy đó. Nhưng con Cần giống ba nên nó có tướng đàn ông. Cũng một khuôn mặt thôi, nhưng lọt về tay đàn ông thì đẹp đẽ, hiên ngang, còn lọt về tay đàn bà lại trở nên thô kệch.

Lệ Phi đẩy Mỹ Cần trước tấm gương hình bầu dục:

- Mày cứ soi gương mà coi có giống ba không nào?

Mỹ Cần chậm rãi quan sát bóng mình trong gương. Không, nàng chỉ có cái trán đàn ông mà thôi, môi nàng đầy đặn và thắm đỏ làm nổi bật hai hàm răng đều và nhỏ. Mát nàng hơi dữ, nhưng sáng ngời, được viền hai rèm mi thật rậm, đen láy. Mỹ Cần thần nhiên:

- Đúng vậy em giống ba. Em rất tự hào vì ba rộng rãi, tốt bụng, em mong được có được những đức tính đó. Nhưng nói có trời làm chứng, chưa bao giờ em nghĩ rằng mình xấu xí.

Cảnh vỗ tay hoan hô. Lệ Phi cũng cười xòa theo mọi



người rồi kéo Mỹ Cần sát lại gần mình. Mỹ Cần thần nhiên tựa đầu vào ngực chị, nhưng lại nói:

- Chị Phỉ có cái trò kỳ lạ. Chị ta ưa tát người ta rồi vuốt ve mơn trớn.

Lệ Phỉ bảo:

- Đó là chị đùa thôi. Giờ đây, chúng mình nên bàn về vụ mua quà biếu ba chứ, phải không chị Tần? Phải không Lăng?

Diễm Lăng

- Lâu lắm, chị Phỉ mới có ý kiến hay.

Phương Tần nhìn Cảnh rồi nhìn ba cô em, bần thần nghĩ ngợi. Cảnh nhà nàng dù có xảy ra tai biến, nhưng giờ đây ông nội, bà nội, má và bốn chị em nàng xa tầm ác hiểm của chiến tranh. Ba nàng còn kẹt trong vùng Việt minh chiếm đóng, tức là vùng bùng biển, chiến khu của họ. Ra khỏi thành phố chừng năm thước là lọt vào vùng kiểm soát của họ. Đồn bót lính Tây thì leo heo... Trong xóm này, có vài ba người đàn bà đi buôn theo kiểu thương hồ. Họ chở thuốc bắc bào chế sẵn như các loại cao, đơn, hoàn, tán theo dòng Long Hồ để vào Ngã Tư, Ngã Tư Nhà Đài, Phước Hậu, Lộc Hoà hay đến vùng Cầu Vỹ, Mai Phốp rồi vào tận chợ Tam Bình để bán. Nhưng kỳ thật họ mua loại thuốc tây nhất là thuốc chích bỏ vào trong các hũ mắm ruốc, mắm sặc, để qua mắt bọn lính Tây ở đồn bót rồi đem bán với giá cắt cổ ở vùng bùng biển. Dưới đáy lườn ghe, họ xếp đủ loại vải vào cái bọng vuông vức rồi trét chai kín mít để khỏi đóng thuế cho phe kháng Pháp. Đó là "nhảy dù", tiếng lóng chỉ nghề buôn lậu.

Ít lâu sau, trong chiến khu tung ra bạc "cụ Hồ", loại bạc giấy ấn loát bằng thủ kỹ thuật thô sơ để cho kẻ gian làm bạc giả. Các vụ buôn bạc "cụ Hồ" giả nổi lên rầm rộ, có nhiều kẻ bị phát giác và bị bọn Việt Minh xử tử. Ông Sáu, em ruột của ông nội, quê ở Trà Bang là tay địa chủ có ruộng đất cò bay thẳng cánh, đã từng giúp đỡ phe Việt Minh. Vậy mà ruộng đất của ông cũng bị sung công, ông bị vu cáo là buôn bạc cụ Hồ giả. Nhờ có hai người con theo Việt Minh nên ông chỉ bị quản thúc. Sẵn mang bệnh gan và đau bao tử, lại thiếu thuốc men nên ông qua đời sau ngày bị quản thúc hai năm. Người con lớn được lệnh chuyển từ khu 9 về khu 8, hoạt động ở các vùng cù lao trên sông Cổ Chiên, nhất là cù lao An Thành. Ít lâu, anh ta bị ám sát. Bọn Việt Minh đổ thừa thủ phạm là giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương, tiền thân của giáo phái Hoà Hảo. Vợ anh ta bằng hai đứa con trai song sinh côi cút lúc đó đã năm tuổi về thành, tìm đến ông bà nội, khóc:

- Con theo đạo Hoà Hảo, có "lộng phái" do Đức Thầy ban cho thì có lẽ nào nhà con bị Bửu Sơn Kỳ Hương giết? Nhà con đi kháng chiến để chống Tây và phản đối việc nhập đảng Cộng sản nên bị bọn Cộng sản trà trộn trong hàng ngũ chống Tây giết đó.

Bọn Việt Minh Cộng sản bắt đầu tuyên truyền dối láo là giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương và Hoà Hảo giết người như ngoé, còn mổ bụng người lấy mật bán cho các tiệm thuốc bắc. Trên sông Cổ Chiên thỉnh thoảng có xác người trôi sông, sóng đánh tấp vào bãi hằm, để làm mồi cho lũ tôm, lũ cá chột lẫn bầy diều quạ. Ai cũng tưởng đó là nạn nhân của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương. Phương Tần có qua bên nhà Xập Di, đã từng tiếp xúc rất nhiều người theo Bửu Sơn Kỳ Hương. Thật trái với tin đồn dối, họ vẫn là kẻ chơn chất, hiếu khách, mộ đạo, ưa bàn lẽ tội phước và nhất là không có cái lưới điều xắc Phương Tần từ khi tiếp xúc với vợ người chú họ, mang máng biết trong hàng ngũ

chống Pháp đã có bọn quỷ trà trộn để gieo thảm họa. Nàng chỉ biết vái van cho ba thoát khỏi lưới bẫy của họ càng sớm càng tốt. Mai mốt đây, trong chuyến đi thăm ba, thiết thực nhất là nên đem cho ba những loại thuốc tây trị sốt rét, trị kiết lỵ và thuốc ngừa bệnh thời khí. Nàng sẽ bỏ loại thuốc viên vào lọ đây nút thật kỹ, trét chai kín mít rồi dìm vào hũ mắm sặc để vượt qua lưới kiểm soát của các đồn bót tây.

Từ hai năm nay, bột mì khan hiếm. Ai muốn mua bánh mì ở lò phải có "bông" giấy. Mỗi sáng, Phương Tần mua được hai ổ bánh mì rồi bán lại kiếm lời bỏ vào con heo đất —phúc bồn tử. Cái "bông" đó là nhờ ông nội vốn là công chức cao cấp (chức tri phủ) thời chính phủ bảo hộ "lang sa" mới có. Mỗi tháng, Phương Tần còn cái "bông" mua bơ, mua sữa, mua phở-mát, đường cát, cà-phê, ca-caô, đồ hộp nhập cảng để bán lại kiếm lời. Đập cái phúc bồn tử ra, nàng đủ sức mua cho ba nhiều món ngon vật lạ lẫn thuốc men. Song nàng vẫn muốn các em nàng phải đóng góp với nàng.

Cảnh nói:

- Chú Ba hiện đang còn trong vòng lao lý. Nếu có tặng quà thì nên tặng thức ăn, thuốc hút.

Phương Tần tán thành:

- Phải đó, ba em ưa hút thuốc Méliá xanh, ưa ăn trái vải đóng hộp và sô-cô-la.

Cảnh đề nghị:

- Mấy thứ đó hơi tốn kém, nhưng nếu chúng mình đóng góp thì cũng có thể mua được.

Lệ Phỉ hăng hái:

- Con heo bỏ ống của em đầy nhóc rồi, đập nó ra thì phải biết...

Diễm Lăng cười:

- Chưa chi mà véo von dữ quá. Phải đợi đập ống mới biết chị có bao nhiêu tiền chớ. Theo em biết, trong con heo đất đó toàn là xu và hào thôi, chẳng có tờ giấy bạc một đồng nào hết. Riêng em, em còn giữ số tiền thưởng trong cuộc thi nấu cơm vào kỳ lễ Hai Bà Trưng năm ngoái.

Trong cuộc thi nấu cơm đó, Diễm Lăng chiếm hạng nhì. Bắt đầu từ lúc nhúm lửa cho tới lúc cơm chín, nàng chỉ tốn có hai mươi phút, hột cơm thật dẻo, chín vừa vặn, lớp cháy ở đáy nồi rất mỏng, vàng đều và thơm ngào ngạt.

Phương Tần còn có số tiền để dành riêng do nàng thuê áo cho các cô gái hàng xóm hoặc các cô ở vùng lân cận. Áo vải phin, áo lụa mỏng thuê hoa lấm tấm vẫn là thời trang thịnh hành vào thời buổi đó.

Diễm Lăng tính nhẩm trong miệng:

- Chắc khỏi cần tiền của anh Cảnh và tiền của con Cần. Tiền của hai chị Tần, Phỉ và của em cũng đủ mua quà cho ba rồi.

Cảnh nói

- Cứ để anh đóng góp. Anh có thể mua cho chú Ba khăn mặt, kem đánh răng, thiết tuồng cũng không đến nỗi vô ích.

Khi Cảnh rút lui về buồng riêng, Phương Tần mở cửa sổ nhìn bóng trắng treo trên nóc lùm lúa, bảo em:

- Đã hơi khuya mà Xập Di còn thức, còn cặm cụi khâu vá, thuê may gì đó.

Diễm Lăng bảo:

- Em mến chị ấy lắm. Ông nội bảo chị ấy tuy xuất thân ở chỗ gia đình bần hàn mà vẫn có tướng sang quý.

Mỹ Cần lạnh lùng:

- Chị ấy mít ướt quá, tình cảm quá. Em không hợp với mẫu người như vậy.



Phương Tần ve vuốt Mỹ Cầm:

- Còn em lạnh lùng quá, khô khan quá. Chị tự hỏi tại sao em lại thích văn chương?

Lệ Phỉ bảo:

- Con Cầm mà lạnh lùng à? Tại chị chưa chứng kiến được sự nhạy cảm của nó. Nó có thể khóc ngon ngọt khi đọc Đông Chu Liệt Quốc, đoạn Cô Tô đài bị quân Việt tấn công, Tây Thi mất tích....

Phương Tần cười hiền hậu:

- Bởi thế ông nội mới cưng nó. Ông nội bảo nó bằng bốn chén trai đó.

Mỹ Cầm trở về buồng má. Lệ Phỉ thay bộ áo lụa mát, bộ áo cũ của cô Út Hoa dặt ra và nàng đã sửa lại cho vừa kích thước với vóc mình. Diễm Lăng chui vào mừng trước Phương Tần, mừng tượng lại nét mặt của ba nhưng không sao nhớ nổi. Ba bị bắt lúc nàng còn nhỏ quá. Nàng chỉ nhớ ba khỏe mạnh, có thể vừa bế Mỹ Cầm vừa cồng nàng đi dạo xóm. Nàng cũng nhớ hình như ba hiền lắm, không bao giờ đánh mắng con gái.

Riêng Phương Tần, trong giờ phút này nàng cũng đang nghĩ về ba. Ba hiền hậu nhưng nào kém về hiền ngang. Bác Hai Khương cũng hiền hậu như ba nhưng lúc nào cũng có vẻ trầm ngâm, buồn rầu bên cạnh nét lạc quan rạng rỡ của ba. Nếu bác Hai Khương còn sống, nếu ba không bị Việt Minh quân thúc thì đại gia đình của nàng sẽ vui vẻ biết bao. Hai anh em của ba chẳng những cưng chiều chị em nàng mà còn chiều chuộng cô Út Hoa rất mực nên cô tha hồ nhõng nhẽo.

Mỗi năm bốn lần, bác Hai Thao gái nếu không tháp tùng theo bà Tám thì cũng theo ngoại qua chơi Vĩnh Long. Ngoại đi thăm con gái và cháu không quên mang theo chuối khô, mận, bánh trắng, bánh phồng, mắm tép chua, cá bống dừa kho. Còn bác Hai Thao gái nếu không mang mẻ cá rô kho thì cũng có cặp vịt cà cuống, kèm với thúng khoai, thúng đậu. Cô Út Hoa lấy chồng luống tuổi nhưng giàu sụ ở Trà Vinh, mỗi lần về thăm nhà không quên mang theo cua biển cả bao cà ròn, cá nục kho tương, cá thu kho rim. Ai cũng xót thương các cô gái mất năm nay có cha mà cũng như mồ côi cha...

Lệ Phỉ che miệng ngáp, nói với chị:

- Đêm nay, con này không buồn ngủ. Hay là để em dợt cho chị hát vài bài, hát cho đúng.

Phương Tần xua tay lia lịa:

- Ông bà nội rầy đa.

Lệ Phỉ vớ lấy cây tây ban cầm, dạo đàn nhưng không hát. Đã hơn canh hai rồi. Bên lẩm lú, con các kè trước khi kêu "các kè" ực ra vài tiếng đầu cộc cộc. Hương nguyệt quý đã thơm hồi đầu đêm, bây giờ hương hoa lải, hương dạ lý bắt đầu tỏa rộng.

Diễm Lăng nghĩ đến cù lao An Thành, nếp nhà mới của chú Sáu Nếp Than. Cù lao nằm trên sông Cổ Chiên rộng gồm hai làng, toàn là vườn tược. Thím Sáu sửa lại mẫu vườn đầy cỏ cú, có đuôi chồn, dứa gai cùng lũ cây dại để trồng bắp, mía, chuối, mận; nhất là trồng ổi xá lị trái nào trái nấy lớn cỡ bụm tay. Chú Sáu thì làm ruộng. Bốn mẫu ruộng của ông nội ở vùng Cái Sơn Lớn, từ An Thành có thể dùng xuống ba lá đến đó. Mận, ổi thì chưa có trái nhưng khoai bắp thì có thể thu hoạch năm nay. Nàng đã qua chơi bên thím Sáu một lần, lúc Xập Di chưa đau ốm. Xập Di cũng cao lớn như Phương Tần, mặt trái xoan, da tái, môi thâm, thân hình mảnh khảnh, nếu đứng gần Phương Tần thì không khác nào một cái lọ thủy tinh sắp



## hoá mộng lênh đênh

từ quên nhau hai đứa mình là mộng  
buổi tôi về ôm kín chuyện xa xưa  
trăng đầy dựa vườn em xanh mắt biếc  
lời im hơi còn lại mấy cho vừa

hồn phong kín có chi là ước hẹn  
em có hay xin nhớ chỉ một lần  
đêm nao gió thoảng về bên ấy  
nhớ thương đầy gởi mộng lá xanh cây

khuya run rẩy trắng hồn nhau uá héo  
con sông này những mộng ước ba sinh  
lời bữa nọ bây giờ xin lỗi hẹn  
chuyện xa xăm xin gởi lại riêng mình

rằng ngẫm nhĩ chúng mình không duyên nợ  
nên suốt đời vẫn hóa mộng lênh đênh.

huỳnh liễu ngân

bên cạnh một cái bình pha lê. Trong tâm hồn Diễm Lăng bỗng nảy ra sự xót thương trước hoàn cảnh một cô gái tế nhị, hiếu học, ăn uống kham khổ, tối tối đi gánh nước mướn cho mấy nhà ở dãy phố cuối chợ, trong người mang vài thứ bệnh, trong máu đầy vi trùng sốt rét.

Phương Tần giục hai em:

- Ngủ nghe, hai cô? Phải tiết kiệm dầu đèn chớ.

Lệ Phỉ treo đèn lên vách:

- Thì ngủ. Nhưng có điều chị sợ chói mắt khó ngủ nên ra cái điều tiết kiệm dầu đèn.

Diễm Lăng biện hộ cho Phương Tần:

- Chị Hai tiết kiệm cái nhỏ để xài cái lớn.

Lệ Phỉ tuy không nói gì nhưng công nhận Diễm Lăng nói đúng. Má và chị nàng khéo ăn, khéo nhịn, khéo gói ghém. Nhà cửa trong ngoài đều sạch bóng. Cả hai không hề vương vãi một hột tiêu, hột muối, một muỗng dầu muỗng mỡ. Khi nấu ăn xong, nếu trên bếp còn thay cháy đỏ, má và Phương Tần cũng gấp than bỏ vào chĩnh sành, đập nắp lại cho than tắt để dùng sắc thuốc, chưng mắm, kho cá bằng tộ. Ông bà nội có cái thú săn sóc vườn cây và mảnh vườn bông kiểng chung quanh nhà. Hễ gặp cảnh cây khô là chặt làm củi cho hai mẹ con chụm lửa.

Vậy mà lối xóm cùng bà con họ hàng đều trọng vọng má và Phương Tần ở cách xử thế rộng rãi và thông cảm. Má ưa đọc các sách nói về cách dùng thuốc tây để chữa các



bệnh thông thường nên trong xóm có ai đau ốm, má cho họ thuốc trị cảm cúm, kiết lỵ, ói mửa, sốt rét, ghẻ ngứa hoặc thuốc băng bó thương tích. Má tặng quà đám cưới, tiền cúng ma chay rộng rãi. Có kẻ chết không ai lo việc tổng táng, chính má xuất tiền rồi đi quyền tiền trong xóm để lo ma chay cho ấm cúng. Còn Phương Tần không thích ăn quà vặt, tiền quà dành dụm được để thỉnh thoảng mua thức ăn ngon, đãi cả nhà. Diễm Lăng thì không giỏi tính toán như chị, có xu nào là xài hết xu nấy. Bù lại, Diễm Lăng thích giúp đỡ chòm xóm. Ai có trúng gió, cảm lạnh, nàng đánh gió, nấu cháo, sắc thuốc cho họ. Đám giỗ, đám ma hàng xóm đều có mặt nàng. Nàng xách nước, nấu bếp giúp họ, mặt mày lem luốc, mồ hôi tuôn nhễ nhại.

Ông nội thường phân nân:

- Cái con Lăng chuyện nhà thì nhác, chuyện kẻ khác thì siêng.

Bà nội nguýt chồng, bình vực cháu:

- Nó giống di Tám, em tui đó. Giúp người khác là ăn ở có đức. Hễ có đức không sức mà ăn. Ông không thấy sao? Hễ lối xóm có món gì ngon đều các ca các cùm cho nó. Hễ

nó ốm đau là thiên hạ tới thăm nườm nượp. Kẻ thì nấu cháo cá, kẻ thì cho lá xông, kẻ cho cam quýt...

Mỹ Cần nhìn nhận:

- Chị Tần và chị Lăng đúng là hai nàng tiên.

Lệ Phỉ vốn lười biếng nên hơi ích kỷ. Nàng cảm thấy thi giờ chuốt ngót ăn diện hoặc tập dượt hát xướng cho mình chưa đủ, có lý đâu lo cho kẻ khác. Biết cả nhà đều yêu quý Cảnh, nàng cũng cố chiều chuộng chàng. Vả lại nàng cũng yêu mến chàng nên lâu lâu nàng quét dọn dùm căn buồng cho chàng. Quét dọn xong là Lệ Phỉ kêu chàng kể ơn, quên rằng mỗi khi rảnh là Cảnh móc bùn trong mương bồi lên liếp chuối, chiều nào Cảnh cũng xách nước bừa củi, tưới kiếng phụ với ông nội, hoặc làm cỏ, săn sóc cây trái ở ngoài vườn. Má bảo năm tới là năm chuẩn bị thi cử, má sẽ mượn người làm vườn và chính Diễm Lăng và Mỹ Cần phải lo việc gánh nước.

Cảnh về phòng riêng. Đó là căn buồng trên gác, có cửa sổ quay qua bến nước. Căn gác này có lát ván, có cầu thang. Má dành cho Cảnh trọn căn gác. Chàng chia ra hai gian, một gian dành làm chỗ học, có thể để các cô gái và bạn tới chơi ngồi uống trà huế, chuyện vãn. Còn một gian nhỏ hơn dùng làm buồng ngủ, có kệ sách chắn ngang và ở lối vào buồng có tấm màn vải nâu buông xuống.

Nhưng Cảnh không ngủ vội. Chàng cắt hình các tài tử Âu Mỹ để dán vào một tập, những ảnh tài tử Âu Mỹ đăng trên các tạp chí Ciné Miroir, Mon Ciné, Ciné Revue... Số là, một ông công chức làm việc ở toà Bố chết đi, cô con gái ở dưới quê lên lo việc tổng táng cùng chở bàn ghế đồ đạc về. Cô chỉ mang theo sách vở của cha, còn các tạp chí chất nhóc nhách ở các ngăn kệ đều đem bán kí lô cho Chệt Hính. Tình cờ Cảnh biết được vì con của Chệt Hính là bạn trong ê kíp đá banh của chàng. Chàng bỏ năm đồng bạc để mua hết báo chí điện ảnh, cắt cắt ảnh dán vào tập để làm quà cho Phương Tần trong dịp cuối hè, trước khi chàng sửa soạn về quê. Quà dành cho Lệ Phỉ là một tập chép nhạc sạch sẽ và công phu, tựa kẻ bằng chữ đẹp. Cảnh chép nhạc thật xinh, nhưng chàng phải nhờ thằng bạn trong lớp giỏi môn thủ công và hội hoạ kẻ chữ các tựa bài dùm. Thằng bạn còn vẽ thêm đoá hoa, con bướm lượn, con én bay, con thiên nga trên mặt nước, con thuyền trên sóng vào những chỗ trống. Cảnh cũng mượn thằng bạn một tập sưu tầm thơ tiền chiến, chép ra một tập dày 300 trang, dành cho Mỹ Cần. Chàng chỉ nhờ thằng bạn trang trí ở trang đề chữ "Thơ Tiền Chiến" và những trang kẻ bút hiệu của tác giả. Còn về phần Diễm Lăng thích gia chánh nên Cảnh mượn tập chép cách nấu ăn hoặc các tạp chí phụ nữ có mục gia chánh, cũng chép vào tập giấy 300 trang, cũng tô điểm cái tựa... Bốn cuốn tập khác nhau mà Cảnh âm thầm thực hiện khoảng hai năm nay để kỷ hè này làm quà cho các "cô em" chàng.

Ở đây, chàng được mọi người chiều chuộng. Ông nội nghiêm nghị ít nói như vậy, thỉnh thoảng kêu chàng hầu trà, hỏi han về việc sanh sống của ba má chàng, về sự học của chàng, cho chàng tiền ăn quà và khi chàng rút lui, không quên căn dặn:

- Cháu ráng học, để khỏi phụ lòng ba má cháu và gia đình này.

Ở đây, Cảnh đã tìm được không khí gia đình thứ hai. Chàng kính yêu ông bà nội và má, chàng yêu thương bốn cô gái như em ruột. Chàng để mặc họ chiều chuộng và đáp lại, Cảnh làm vài việc có tánh cách xốc vác khi rảnh rang.

## thơ từ cõi không

Bài thơ viết vội cho người

Nghe bầy sáo lạ bên đồi lũng xưa

mộng người thoáng nắng vèo mưa

Nhìn nhau chợt quạnh âm thừa buốt tan

Tay băng khuâng mấy sợi đàn

Xõa buông vóc nhỏ âm vang mấy bề

Vài khuôn hình quần trong mê

Đang lòng trái cảm môi se vết cười

Máu tràn vết chém còn tươi

Tưởng bình minh hiện nửa vời trăng khuya

Hồn chao nghiêng điệu võng đưa

Đêm băng khuâng lụn giữa trưa xứ người

Thấy muôn năm miệng khóc cười

Hư vô khói trả nửa vời sóng xô

Thấy xương liền thịt đầy mỡ

Thấy nanh quỷ ám dằng co mắt xiềng

Thấy ta gổ ử oan khiên

Tay co gổ quắp nỗi niềm hổ người

Cho nhau vắn điệu nửa vời

Từng giòng máu rỉ một trời tạm dung

Mắt trơ da héo lạ lũng

Vòng vòng nhện quấn muôn trùng nỗi mong

Nhìn em hóa thạch đứng trông

Cánh chim sẽ lượn cuối vòng tử sinh

Thấy nhau nương nấu giả hình

Dao đâm mũi gãy thoảng bình yên tan

Ngủi trông muốn sợi mưa ngàn

Tâm tư dài nỗi muộn màng lửa gai

Lượn theo sợi tóc còn bay

Đọa đầy cõi tận hình hài còn trơ

Thấy kinh vô tự ơ hồ

Tìm quanh kiếm mãi nàng thơ, bụi mờ

Thấy còn bia mộ đứng trơ

Rêu phai nổi nhớ lũng lơ tuổi tên

nguyễn mạnh trinh



Quần áo, mừng mền của chàng đều do các cô giặt ủi, căn gác được các cô quét tước lau chùi. Lọt vào một gia đình không có cháu nội trai, Cảnh như chuột sa chĩnh gạo. Lại nữa, chàng đúng đắn, tế nhị, ba má chàng thường giúp đỡ gia đình này nên chàng được mọi người trong nhà yêu quý rất mực.

Bỗng dưng tim Cảnh đập mạnh. Chàng sực nhớ buổi chiều đi hái ổi với Phương Tần, buổi trưa ngủ bên bờ ao thả ấu với Phương Tần và Lệ Phỉ. Ủ, có thể là chàng yêu cả hai, khác hẳn tình anh em. Nhưng nếu khi xa nhà này, dù để lập gia đình riêng với Phương Tần, chàng sẽ nhớ nhung chẳng những Lệ Phỉ mà còn cả Diễm Lăng và Mỹ Cần... Ngày đó không xa, chỉ chừng hai năm nữa thôi.

Trong một thoáng, Cảnh nhớ lại thời kỳ chàng cùng người thím và bốn cô em họ về đây chung sống, trải qua những ngày thiếu thốn, ăn những bữa cơm quá đạm bạc. Canh rau nấu suông chỉ nêm bằng mắm ruốc, ớt bột. Cá lụn vụn kho bằng nước muối và sả ớt. Ở đồn bót Tây có những cái ăng bằng sành đựng đầy thức ăn thừa trong ngày. Má có quen với vợ người đầu bếp, xin thức ăn thừa về nuôi heo. Nhưng ai cấm thím Sáu Nếp Than, lúc đó chưa có trại lá chằm, thường cứ mỗi buổi chiều bơi xuống chở rau qua nhà, ngủ đờ để sáng sớm bán ở chợ Cầu Lầu. Thím đã thò tay vào ăng đồ thừa bắt gắp những cục thịt bò, những cục thịt heo, liền rửa sạch rồi mượn chiếc lập là chiên lại bằng dầu phộng phi hành tỏi, thơm phức. Tự đó, bà nội nhất định kiểm thịt trong đồ ăn thừa kia. Mỗi lần như thế, bà nội và má phải giấu kín lối xóm để giữ phẩm giá gia đình. Mâm cơm nhờ đó mà có thịt. Tới một hôm, cũng trong thùng đồ ăn cận thừa đó, mát vớt được những cục gì chẳng phải thịt mà cũng chẳng phải cá, nhưng cũng cứ đem rửa sạch rồi chiên lại với mỡ phi hành. Cả nhà ăn vào thấy lờ lợ. Hai hôm sau, vợ người đầu bếp trong lúc sang nói chuyện khào với má, cho biết:

- Tụi lính Maroc ưa ăn ốc ma. Tụi nó kiểm ốc ma về ngâm với nước vôi cho sạch nhớt rồi nấu với xu hào, đậu ve.

Cả nhà nhìn nhau, mỉm cười đỏ mặt. Nhưng chuyện đó chưa phải là động cơ thúc đẩy bà nội và má bán tư trang để vựa than, củi, gạo, nước mắm, dầu lửa, trứng vịt và lập trại lá chằm. Số là khi nhà có đám giỗ, mỡ dùng để chiên chả giò còn dư không được đổ đi, cứ dự trữ để chiên cá, xào đậu. Mỡ thừa để lâu sinh độc. Khi má đem mỡ ấy chiên cá khô, Cảnh ăn cá khô nhiều nên bị tiêu chảy mà thuốc viên như Ganidan không chữa nổi. Đến khi chàng uống Stovarsol thì bệnh tiêu chảy chuyển qua kiết lỵ. Hai tuần lễ kéo dài, chàng đi tiêu ra máu, máu từng sợi đỏ tươi trộn vào chất đàm trong vát rút cạn sinh lực dồi dào của chàng. May mà lúc đó bà Tám từ Ngã Ba Trung Lương qua thăm. Bà mua hai trái dừa xiêm tươi rồi vào vườn hái rau má già nhỏ trộn vào nước dừa cho Cảnh uống. Bệnh kiết thuyên giảm nhanh chóng.

Sau cơn bệnh của Cảnh, má hối hận lắm, tự nghĩ dù gì thì dù cả nhà cũng phải ăn ở cho hợp vệ sinh, má phải tìm cách buôn bán. Má bán hai chiếc vòng vàng, còn bà nội bán chiếc nhẫn kim cương, vừa nhu yếu phẩm và trại lá mới thành hình. Mâm cơm nhờ đó được tinh khiết hơn. Nước mắm đồng được thay thế bằng nước mắm nhất để kho cá trong khi nước mắm nhĩ dùng làm nước chằm. Thỉnh thoảng cả nhà được ăn thịt, tôm he, tôm trứng. Bà nội còn làm kẹo dừa, kẹo chuối để bốn chị em và Cảnh bán trong lớp. Bởi đó, vào chiều thứ bảy mấy anh em có thể đi

xem ciné scolaire. Năm ngoái, Mỹ Cần mua được chiếc đàn mandoline và chiếc tây ban cầm. Tuổi hoa niên của năm anh em nhờ vậy mà bớt nhợt nhẽ, đen tối.

Từ khi má có đồng vào, đồng ra; từ khi bác Hai Khương gái chèn nhét giúp đỡ thêm thì số tiền hưu trí của ông nội dành để mua trà, rượu, sách báo, tranh ảnh, đĩa hát máy. Gạo mắm đã có vợ chồng bác Hai Thao lo... Sự ăn tiêu tuy đỡ thất ngật nhưng chưa đủ để Cảnh và bốn cô gái xài phí xa hoa. Vả lại cả năm anh em còn trẻ, mặt mày sáng sủa, chẳng cần quần áo bảnh bao. Ngoài giờ học, Cảnh vui thú trồng cây, trồng hoa và cây cảnh theo ông nội. Phương Tần và Diễm Lăng trau giồi việc bếp núc, thêu thùa. Mỹ Cần ngoài công việc nữ công phụ xảo, còn ưa đọc sách, làm thơ, trau giồi chữ Hán... Lệ Phỉ thì lo luyện giọng ca hát.

Bao giờ Cảnh cũng yêu khung cảnh ở mái hiên phía đông và chung quanh chiếc bàn tròn, bốn cô gái xinh đẹp cầm cúi trên khung thêu, miệng véo von kể chuyện này, chuyện nọ. Ngoài hiên là những chậu mai tứ quý, cánh vàng, đài hoa đỏ thắm; những chậu mai chiếu thủy nhánh lá sần sùi, hoa li ti trắng nõn thơm ngan ngát.

Nghĩ tới lúc phải rời mái nhà này, không còn được ngắm cảnh "đồng sương tập diễm" đó, Cảnh thấy lòng mình se lại, như cây quạt đang mở rộng phải xếp lại một cách tức tưởi.

Chỉ còn mười trang giấy tập phải dán ảnh, nhưng chàng hết còn hứng thú gì nữa. Đồng sương tập diễm — các cô gái đẹp xúm xít ngồi dưới mái che sương phía đông này, không phải là thứ khuê môn bất xuất đâu. Các cô dù đoan trang, nhưng khi họp lại là ríu rít như chim sẻ, chim sáo sậu, ca hát véo von như chim họa mi, sơn ca. Các cô ưa giao tế, tiếp xúc với lối xóm, bạn bè; thích cảnh phóng khoáng của đồng nội, sự luyện tập thể dục. Các cô vẫn thích câu cá, hái rau dại, trồng hoa, chơi đánh cầu, đi bộ, chèo thuyền qua cồn An Thành, lựa bãi vắng để mò ốc hến rồi tắm mát. Lúc nào cũng có Cảnh kề cận các cô, chiều chuộng các cô để được các cô săn sóc lại.

Cảnh cởi bộ pyjama vào giường rồi buông mùng. Chiếc giang thuyền tuần tiễu của Tây lướt qua, ánh đèn pha lọt qua khe cửa lá sách. Tiếng sóng do tàu rẽ nước vỗ lan tanh vào chân sàn nước. Về phía cầu sắt, từ Mang Cá bắc qua châu thành tỉnh Vĩnh Long, có tiếng quân xa chạy rầm rầm trên ván lót cầu. Giờ này có lẽ bóng trăng cận rằm méo mó và trong vát đã lên khỏi cây mít tổ nữ, rọi sáng khu vườn trồng ổi xá lị, quít Hương Cần, cam hồng mật, mận hồng đào, chuối già hương. Cảnh nằm ịm nghe tiếng động bên ngoài. Giờ này cả nhà đã ngủ hết. Ở trung đường, ông nội ngâm bài "Xuân giang hoa nguyệt dạ" rồi lấy sáo thổi bài "Lạc âm thiều" và các bài bản thịnh hành trong giới cải lương như "Giang tô", "Bắc Man Tấn công", "Văn thiên tướng", "Nam xuân", "Phụng hoàng". Tiếng sáo mông, nhưng thật véo von dễ ru ngủ những kẻ không có tâm sự nhưng cũng dễ làm thao thức những ai đang sống với kỷ niệm như chàng. Cảnh khép mắt, nhưng sau rèm mi, chàng thấy hình ảnh Phương Tần và Lệ Phỉ hiện lên, một đảng thì thùy mi, tươi cười; một đảng lắng lơ sầu muộn làm trái tim chàng đập mạnh.

(còn tiếp)

Đọc và Cổ-Động LÂNG VĂN



Chiếc xe buýt từ từ dừng lại tại một khu chung cư. Bên ngoài, trời giông gió dữ dội. Sương bước xuống xe, một cơn gió thốc tới làm nàng muốn ngã quỵ. Suốt chuyến xe Sương phải đứng. Chiếc xe lại ngập ngừng nhích từng khoảng nhỏ khiến nàng chóng mặt và mấy lần muốn nôn. Một nỗi lo sợ dâng cao, Sương thoáng nhớ mình không có cảm giác này từ khi sinh bé Thu. Đã hơn tuần nay Sương chờ đợi sự bình thường của người đàn bà nhưng ngày lại ngày, nỗi tuyệt vọng như ngập cả người nàng. "Có lẽ mình có thai thật rồi!" Sương nghĩ thầm.

Trở về căn phòng quen thuộc, Sương cảm thấy dễ chịu đôi chút. Nàng nằm dài trên chiếc sofa, lắng nghe nỗi lo lắng, hối hận, chán chường gặm nhấm, và hơn bao giờ hết, Sương thấy nhớ thương chồng con vô hạn.

Sương lấy chồng năm 18 tuổi. Nàng không yêu Đông nhưng chấp nhận lấy chàng vì muốn thoát ly gia đình, một gia đình mà nàng chưa bao giờ có một ngày hạnh phúc bên người mẹ ghê đành đá và người cha vô tình. Tuổi thơ của Sương ảm đạm, buồn tẻ mà nàng luôn ghê sợ mỗi khi nhớ đến. Ngày Đông đến cầu hôn Sương, bà mẹ ghê sung sướng ra mặt. Bà đồng ý gả nàng cho Đông, bất cần ý kiến của chồng và Sương. Đối với Đông, nàng chỉ có tình láng giềng nhưng Đông lại yêu nàng tha thiết. Thôi thì mười hai bến nước, trong nhờ đục chịu. Và lại Đông không đến nổi tệ. Nếu có thằng đấm thuê chém mướn nào muốn lấy nàng, chắc bà mẹ ghê cũng không chối từ. "Đời mình cũng còn chút may mắn", Sương thường tự an ủi. Nàng an phận sống bên Đông, cố gắng quên đi những mơ mộng thầm kín, những chuyện tình lãng mạn mà nàng thèm dặt từ thuở dậy thì.

Năm 1979, vợ chồng Sương vượt biên. Nhưng định mệnh quá khắt khe với nàng, Đông bị kẹt lại. Những ngày lênh đênh trên biển như dài vô tận. Bé Thu — đứa con duy nhất của nàng và Đông — lúc đó năm tuổi, đang lên cơn sốt kịch liệt. Trên chuyến tàu không còn tình người, Sương không xin được một viên thuốc cho con. Giữa lúc cô đơn và tuyệt vọng thì Khang đến. Chàng như một cứu tinh đã cứu bé Thu thoát khỏi lưỡi hái tử thần. Từ đó, một bước ngoặt lớn đã xảy đến trong cuộc đời bình dị của Sương.

Tháng ngày ở trại tị nạn thật vất vả nhưng Sương thấy có một luồng sinh khí mới rạo rực trong lòng. Hình ảnh Khang đã đi vào tim nàng thật nhẹ nhàng, êm ái. Nỗi nhớ thương chồng vơi dần bởi những

chăm sóc ân cần của Khang. Nhiều lần Sương cố nhớ lại những ngày êm đềm bên Đông để tự kiểm chế lòng mình nhưng nàng đã thất bại. Khang đúng là mẫu người nàng hằng ao ước thuở mới biết mộng mơ. Và Sương đã buông xuôi cho giòng định mệnh trái ngang đưa đẩy.

Từ ngày định cư tại Toronto, Sương thật sự chung sống với Khang. Nàng thấy cuộc đời có những điều thật tuyệt vời mà chưa bao giờ nàng nghĩ tới. Sương tha thiết sống cuộc đời của chính mình. Mỗi ngày qua là mỗi ngày nàng sống trọn vẹn. Trong nỗi hạnh phúc ngút ngàn, Sương khám phá những tháng năm sống bên Đông thật vô vị, tẻ nhạt. Đông yêu Sương chân thật, nhưng nàng chỉ thương Đông vì cái nghĩa Đông đối với nàng. Sống với Đông, Sương chỉ biết bốn phận, cái bốn phận giết dần mòn cuộc đời nàng mà nàng không hề hay biết.

Cuộc đời Sương lại thêm một lần nữa bị đẩy động khi Đông vượt biển thành công. Ngày được tin chồng đến đảo bình an, Sương bàng hoàng như tỉnh giấc chiêm bao. Nàng hụt hẫng với những ý nghĩ rối bời. Rồi Sương tự trấn an: Con đường nàng đang đi đã quá rõ ràng. Sương sẽ không bao giờ trở lại với Đông vì nàng biết tính Đông rất khắt khe, nhất định Đông không tha thứ cho nàng. Và như thế Sương sẽ sống bình thản bên Khang nếu Đông quyết liệt từ bỏ nàng.

Nhưng Sương đã lầm. Sự rộng lượng của Đông khiến nàng bối rối. Sương bị dẫn dắt bởi hai lối đi mà nàng không ngờ tới. Ở lại với Khang hay trở về với Đông? Trong tâm tư, cái nghĩa vợ chồng luôn luôn thôi thúc Sương trở về nhưng cái mặn nồng của Khang lại giữ chân nàng. Sau những đêm dài trằn trọc, suy đi tính lại, Sương cảm thấy không thể tiếp nối cuộc sống với Đông. Nàng đã thay đổi quá nhiều. Chấn chấn Sương sẽ khó hoà hợp với Đông như xưa. Nàng quyết định ở lại với Khang dù Đông vẫn yêu nàng, vẫn nhất định đợi Sương trở về.

Sau khi định cư ở Vancouver, Đông viện đủ lý do để bắt bé Thu với hy vọng Sương sẽ vì con mà hồi tâm. Ngày đưa Đông và Thu ra phi trường, Sương khóc không còn nước mắt. Bé Thu là một phần hạnh phúc của đời Sương. Sương không muốn con ra đi nhưng nhìn về tiểu tụy của Đông, nàng lại không nỡ. Sương biết trong những ngày tù đầy ở trại cải tạo, Đông đã dặt nhiều mơ ước cho ngày đoàn tụ. Chính những mơ ước đó đã giúp Đông có thêm nghị lực vượt qua mọi gian khó. Hôm nay tất cả đều đổ vỡ. Đông thờ thẩn như người trong mộng. Sương cảm thấy nàng có trách nhiệm với sự mất thăng bằng của Đông. Nàng không thể giữ bé Thu để Đông mất luôn niềm an ủi duy nhất còn lại. Sự đau khổ của Đông đã đến chỗ tột cùng mà Sương cần chia sẻ. Nhưng khi



Nguyễn Việt

Trở Về



thu đi rồi, Sương lại thấy trống vắng lạ kỳ. Nhiều đêm, trong những lúc nhớ thương con, Sương muốn trở về với Đông. Nàng nhớ lại chuỗi ngày thơ ấu với nỗi buồn mất mẹ. Khi xưa nhìn đám trẻ con hàng xóm được mẹ nuông chiều, Sương đau đớn vô cùng. Giờ đây, Sương còn sống, sao nàng đành nhẫn tâm xa con, để con khóc âm thầm như ngày xưa nàng đã khóc. Sương quyết định trở về. Nàng sẽ hy sinh tất cả vì con. Nàng sẽ chôn kín những ngày êm đẹp bên Khang để sống đời người mẹ với tình yêu biển cả. Nhưng có một điều Sương chưa dứt khoát. Đó là ngày về. Nàng cứ lần lữa mãi... mãi cho đến hôm nay.

Và hôm nay, cái mầm sống trong bụng Sương không cho phép nàng trở về. Nàng sẽ chính thức sống cuộc đời chồng vợ với Khang. Rồi đây, Đông sẽ lấy vợ khác. Con nàng sẽ sống cảnh mẹ ghê con chồng mà nàng từng ghê sợ. Sương ân hận đã để tình cảm bột phát dễ dàng trong những ngày ở đảo với Khang. Bốn năm chung sống với Đông và ba năm ngược xuôi nuôi chồng cái tạo, nàng vẫn chung thủy, sẵn sàng chấp nhận mọi đắng cay, khổ cực. Hôm nay, ngồi kiểm lại phần đời vừa qua, Sương cũng không ngờ mình có thể quên Đông dễ dàng sau khi vượt thoát. Phải chăng con người tự dễ dãi với chính mình sau một biến cố nguy hiểm nào đó? Cũng có thể cảnh ăn không ngồi rồi ở trại tị nạn đã khiến nàng tìm về những gì thời con gái nàng chưa hưởng trọn vẹn.

"Ôi, tự mày tất cả Sương ạ. Tại mày lãng mạn, ích kỷ, vô trách nhiệm để bây giờ ân hận suốt đời." Sương tự trách. Bỗng dưng nàng thấy cuộc đời thật nhạt nhẽo, nàng muốn tan biến đi để không phải lo âu điều gì. Sương chợt rùng mình. Chết ư? Không! Sương sợ cái chết tủi nhục, trốn tránh. Hủy đứa con đang thành hình trong bụng nàng ư? Không! Sương không thể làm việc vô nhân đạo ấy được. Đứa con nàng đang cưu mang không tội tình gì cả. Chính nàng mới là kẻ gây ra tình trạng hôm nay. Nàng phải sống, chấp nhận hiện tại để gánh chịu những dày vò như một sự trừng phạt xứng đáng.

Sương thở dài, nàng đặt tay lên trán và ao ước phải chi mình đừng có thai. Ờ nhỉ, nếu Sương không có thai, nàng sẽ lập tức trở về. Nàng sẽ từ bỏ tất cả, không tha thiết thứ gì của thành phố này. Nàng sẽ thẳng thắn nói với Khang những dẫn vật nàng chịu đựng lâu nay từ khi xa con. Khang sẽ thông cảm. Có thể chàng đau khổ không ít nhưng dần dà sẽ nguôi ngoai. Về phần Sương, nàng sẽ ép mình sống bên Đông, rồi nàng sẽ có thêm con. Cuộc sống bận rộn của người mẹ sẽ giúp nàng quên đi

cuộc tình lãng mạn ngày nào. Hàng trăm cái "sẽ" hiện ra trong trí Sương. Nàng như có sẵn một chương trình trở về với Đông, một kỷ luật tự kiểm chế... nếu nàng không có thai. Lạy trời!!

Sương với tay nhìn đồng hồ. Hơn mười giờ đêm. Có lẽ Khang sắp về. Cả tuần nay, ngày nào chàng cũng làm thêm giờ. Nghĩ tới Khang, nàng cảm thấy nhẹ nhàng phần nào. Khang bao giờ cũng mặn nồng tình tứ. Tình tình Khang lại dễ dàng không câu nệ như Đông. Có lẽ đây cũng là một điểm khiến nàng yêu Khang hơn.

Có tiếng mở cửa. Khang bước vào, người ướt đầm nước mưa. Chàng ngạc nhiên:

- Ủa Sương, sao giờ này còn thức? Em bị bệnh hả?

Sương quay đi, cổ đau giồng nước mắt đang lăn dài trên má:

- Em hơi nhức đầu. Không sao đâu. Để em hâm nóng lại thức ăn.

Nàng dợm bước đi nhưng Khang đã kéo nàng vào lòng:

- Có chuyện gì vậy? Đừng giấu anh.

Sương không dấu được nữa. Nàng òa khóc, kể lại nỗi lo sợ ấp ủ hơn tuần nay. Không quay lên nhưng Sương đoán Khang đang tràn ngập niềm vui:

- Thật không? Thật không?

Khang lập lại, giọng xúc động. Từ ngày bé Thu về với cha, đôi lúc Khang thấy Sương ngồi thẫn thờ trong đêm vắng. Khang biết Sương đang nhớ con và muốn trở về hàn gắn với Đông. Chàng đâm ra lo lắng một ngày nào đó Sương có thể ra đi. Lòng mẹ bao la sẽ giúp nàng nghị lực hy sinh tất cả. Khang quá yêu Sương, chàng muốn xây dựng một mái gia đình thật sự với Sương để giữ chân nàng. Đã nhiều lần chàng nghĩ muốn có con với Sương nhưng nàng cứ khất mãi. Hôm nay, ước mơ của Khang thành sự thật và Sương mất lối về, nàng sẽ mãi mãi của riêng Khang. Khang sung sướng vòng tay ông lấy Sương hôn nồng nàn. Sương ngưng tránh né. Trong Sương lúc này chỉ có nỗi ân hận đang dày vò. Khang đoán được ý nghĩ của nàng. Chàng pha trò, cố tình làm Sương vui:

- Như vậy em không tắm biển Ha waii được rồi. Hay em muốn đi Âu châu? Mùa hè Âu châu đẹp tuyệt vời.

Dịp nghỉ hè sắp đến, Khang và Sương định du lịch Hawaii. Hai người sắp sẵn chương trình cả năm nay. Sương nôn nóng chờ ngày lên đường như cô gái đang yêu chờ ngày trăng mật. Nàng mua sắm đủ thứ, chuẩn bị thật chu đáo cho chuyến du lịch đầu tiên của đời nàng. Và bây giờ... Sương đưa tay sờ bụng, nàng chán nản lắc đầu:

## hạ đẹp

*Uốn eo mình lá nằng cánh vàng  
Nằm người ông ánh buổi hè sang  
Eo thon trúc mướt đông đưa mãi  
Lấp lánh chim rừng nắng quá giang*

*Hoa súng cười tươi điểm nước hồ  
Mặt gương mây bóng thả lời thơ  
Bướm nhìn hoa trẻ xun xoe đậu,  
Áo gió buồm xinh khéo lững-lờ*

*Mặt nước phơi mình sóng nước êm  
Lộng ngàn sao bạc áo sông đêm  
Uớp trời hương hạ hoa đồi thở  
Hai mái đầu trắng giải bậc thêm.*

## lê ngọc hồ

- Vui về gì nữa mà đi. Mai anh điện thoại trả lại vé máy bay đi.

- Nhưng chắc gì em đã có bầu đâu?  
- Chiều mai anh về sớm, đưa em đi bác sĩ.

Một thoáng yên lặng. Khang diu Sương ngồi xuống. Chàng chợt lo sợ Sương không có thai thật và lần này chàng sẽ mất Sương vĩnh viễn. Khang đưa tay hất mái tóc còn đầm nước:

- Thôi em đi ngủ đi, đừng nghĩ ngợi gì cho phí sức. Chuyện gì tới rồi sẽ tới.

Từ khi đưa Sương đi bác sĩ, Khang lúc nào cũng lo lắng bồn chồn. Chàng nôn nóng chờ đợi kết quả thử nghiệm như ngày xưa chờ đợi kết quả thi tú tài. Chiều nay đi làm về, Sương sẽ ghé phòng mạch bác sĩ. Cái kết quả chiều nay sẽ quyết định hạnh phúc đời chàng: Mất Sương, hay được nàng mãi mãi. Khang đứng lên, rít một hơi thuốc dài. Chàng muốn làm một cái gì để giết thì giờ. Khang mở nhạc. Căn phòng tràn ngập khói thuốc và giọng ca nức nở khóc than một cuộc tình dang dở. Khang bực bội:

- Nhạc nhieć gì mà chỉ rên với rĩ, than với thở. Chán bỏ xừ!

Khang tắt máy, loay hoay tìm một cuốn băng ngoại quốc. Giữa lúc ấy, Sương đẩy cửa bước vào, nét mặt hân hoan:

- Anh ơi, em mới ghé phòng mạch bác sĩ —Nàng ngừng lại, mỉm cười nhìn Khang— Em không có thai.

Không đợi Khang phản ứng, nàng nói tiếp, giọng vui mừng:

- Anh đi tắm đi. Em nấu lẹ miếng cơm, mình ăn rồi đi shopping. Eaton's mới hạ giá quần áo tắm. Em muốn mua vài bộ bikini để tắm biển Hawaii...

Và nàng cởi vội chiếc áo khoác, hối hả vô bếp, ồn ào lấy soong, mở tủ lạnh... như mọi ngày vẫn làm.



# Gởi Người Ở Lại

Đông Vi

Nếu Hàn Mặc Tử còn sống, tôi không hiểu nhà thơ có còn tiếp tục yêu trăng nữa không? Vì các phi hành gia không gian đã khám phá ra mặt chị hằng lỗi lổm, lỗ chỗ như tổ ong! Trăng đã xuất hiện quá nhiều, đầy đầy trong thi ca của Hàn Mặc Tử nhưng tôi vẫn yêu nhất hai câu:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chở trăng về kịp tối nay*

Thi sĩ mong trăng quá đi thôi. Bây giờ hân trăng vẫn còn là nguồn rung cảm của tao nhân mặc khách. Riêng tôi thì không dám nhìn trăng đã lên, nhất là những đêm trăng sáng. Với tôi, trăng biểu hiệu cho tình bạn, thế nên từ khi xa nhau tôi không còn muốn nhìn trăng nữa; dù trăng tròn hay khuyết. *H là trăng của tâm hồn tôi, và tôi cũng là trăng của tâm hồn H.* Hai nửa vầng trăng hợp lại là lúc mình gần nhau, trăng khuyết là lúc mình xa nhau. Nhìn trăng để nhớ nhau vừa thơ mộng vừa có ý nghĩa vì trên đời này có mấy ai hữu tâm chịu khó lưu ý đến trăng! Nhất là những khi trăng khuyết... *kho trời chung mà vô tận của mình riêng?* Cái tình bạn thân trầm và bền bỉ đó tôi vẫn còn ghi nhớ mãi nơi xa xôi này, dù trăng bây giờ, ở đây đã xa lạ, lạnh lùng...

Ở bên kia bờ ngăn cách H có còn lặng lẽ ngắm trăng suông? Trăng quê hương bao giờ cũng đẹp, cũng dịu dàng và thanh tĩnh. Tôi thích ngắm trăng xuyên qua kẽ lá, trăng thấp thoáng qua những tàu dừa rung rinh trong gió nhẹ, gọi trong tôi biết bao cảm nghĩ êm đềm. Tôi nhớ những đêm trăng trong khu vườn quê ngoại, ngồi dưới gốc cây bông sứ già cổ thơm ngát hương hoa mà tưởng tượng đến những chuyện thời thơ ấu. H thì thích ngắm trăng non, trăng tròn năm, vành trăng cong như một lưỡi liềm. Ngày xưa tôi vô tình không hỏi H tại sao lại thích nhìn trăng khuyết. Bây giờ xa nhau rồi, mỗi đứa một phương, tôi cũng chẳng dám khơi lại để trách H, dù là một lời rất nhẹ. Tôi muốn H thích trăng đầy để hai đứa được mãi mãi gần nhau.

H còn nhớ đêm trăng ở Bãi Dâu Vung

Tàu không? Minh cùng ngắm trăng bên hiên nhà bác Diệp ở lưng chừng ngọn núi Tao Phùng. Đêm ấy trăng đẹp quá, trăng sáng vằng vặc như ai bày yến tiệc trên trời. *Đêm nay rằm yến tiệc sáng trên trời\**. H đem đàn ra dạo dưới ánh trăng khúc Phụng Hoàng mà cả hai đều cùng thích. Bây giờ tiếng đàn thanh thoát trong đêm trường tịch mịch đó như vẫn còn vang vọng mãi trong hồn tôi những phút giây hoài niệm. Đàn, trăng như có một sự hoà hợp tuyệt vời giữa thiên nhiên và lòng người. Đêm nay tôi muốn nghe lại tiếng đàn tranh réo rắt, ngắm lại vầng trăng xưa nay chỉ còn là một khúc phim êm đềm, còn lưu hoài trong tâm trí!

Ở đây đối với tôi bốn mùa không trăng, trời đất thường lạnh lẽo. Mùa đông dài như đời người, tôi có cảm tưởng như vậy. Muốn ra ngoài đường phải "trang bị" đầy đủ quần áo giầy nón, vài thứ linh kinh khác, nặng cũng gần cả chục ký lô! H ớn chưa? Tôi gầy như... "mùa thu lá bay" mà phải mang mặc gần ấy nên đi đứng cũng vất vả lắm. Cho nên mùa đông nào tôi cũng nhớ nhung, tương tư thời tiết hiền hoà ở quê mình và thêm một chút nắng vàng hoe cũng như thêm ngửi lại mùi hương quen thuộc của cỏ lá, của đất ẩm sau một cơn mưa nhẹ. Miền Nam mưa nắng hai mùa, đơn giản mộc mạc như con người ở miền đất đó. Mưa nên thơ, nhất là trong những khu rừng hay miền đồi núi. Tôi bỗng muốn lên non cao để nghe lại tiếng gió núi, mưa ngàn... Còn nắng là nắng tháng chạp, những tháng gần Tết, cộng thêm một chút gió dễ thương như con gái xuân thì! Tôi thích ngồi bên bờ sông buổi sáng nắng vừa lên, ngắm nước sông đầy, lục bình trôi từng đám, ghe thuyền buôn bán tấp nập... Thời tiết quê mình đáng yêu quá, cái gì cũng hay hay nhẹ nhẹ. Ở đó mình có thể mặc loại vải, lụa nhẹ, đi đứng khoan thai, yếu điệu làm duyên! Còn bên này mùa đông chỉ có nước chạy đua dưới tuyết, lạnh quạng thì bị... chụp ếch (!) vì đường đóng băng trơn lúi!

Đời sống ở đây nhiều tiếng động quá làm tôi mệt cả người. Tôi chỉ được yên tĩnh vào những đêm khuya khi đường phố

đã vắng tiếng xe cộ qua lại. Tôi nghĩ về H trong khoảng thời gian riêng biệt cô lẽ này, và lắng nghe tâm tư mình thì thầm như từ một cõi mơ xa nào đó. Đời sống không còn trăng sao, hoa cỏ, không còn những phút nên thơ dịu dàng. Người ta "đuối nhau" ngoài đường phố, cảnh chen chúc tấp nập giờ đi làm hay tan sở. Lên xe thì kẻ đan móc, người đọc báo hay ghi chép vội vàng điều gì đó vào một cuốn sổ tay. Vài người khác thì ngả đầu vào thành xe có vẻ mệt mỏi hay "nhắm mắt để đó". Không có giờ trống, không còn thời gian. Cả những lúc lên thang cuốn, người ta cũng "nhảy" hấp tấp lên những bậc thang cho nhanh thay vì đứng yên một chỗ. Tất cả đều có vẻ máy móc và dòng người phải quay cuồng theo nó. Việt nam mình cái gì cũng từ từ thông thả, có vẻ nhàn du ở bất cứ nơi chốn nào. Vì thế khi mới bước chân qua đây, tôi cứ bị hụt hẫng hoài trong đám đông. Tôi xa lạ, lạc lõng, chậm rãi không giống ai hết! Bây giờ thì tôi cũng chẳng đi nhanh hơn được chút nào ngoại trừ mùa đông bắt buộc phải chạy, phải vội vàng vì không sao "thưởng thức" nổi cái lạnh kinh người! Tôi chỉ thích có mỗi một điều là được giẫm chân lên lớp tuyết mới rơi trắng phau, mịn màng, êm êm vì sau đó giầy mình được tuyết chùi sạch bóng.

H muốn tôi kể chuyện đời sống thì là thế đó, còn nhiều nữa mà tôi không thể viết hết một lần. Đời sống vội vã mệt mỏi và vô số tiếng động, tôi không thích chút nào. Đó là lý do tại sao tôi không hay kể chuyện như H đã từng phiền trách. Tôi chỉ muốn nói về trăng sao, hoa cỏ, nắng gió ở quê hương mình. Những thứ tôi không còn được nhìn ngắm, thưởng lãm và do đó, tôi muốn nói, muốn kể kể, mong có được cái cảm giác sống lại quãng đời cũ đã xa tít mịt mù...

Trăng nơi đây lạnh lẽo và vô tình lắm. Mảnh trăng đầu tiên tôi thấy nơi xứ người màu vàng úa, buồn bã. Trăng không còn vẻ nên thơ đài các đáng yêu như những mùa trăng ở quê cũ xa xôi. Có lẽ vì nơi tôi ở là phố thị, có nhiều khu kỹ nghệ với tiếng máy ì ầm, những cao ốc khô khan chọc trời nên đã ngăn cách mối giao cảm giữa người và trăng. Không còn ai rỗi rảnh để chờ trăng lên hay buồn thơ thẩn những đêm trăng khuyết!

... *Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm ngùi trăng*, đó là tất cả những điều tôi muốn nói với H. Đêm nay tôi chợt nhớ, chợt buồn, nhìn trăng viễn xứ để mơ về những mùa trăng cũ quê hương, bên kia bờ xa tấp. Trong cảm nghĩ của tôi, trăng chỉ còn là trăng của tâm hồn...





# Thạch Kiếm

tự tình  
phóng-tác

CHƯƠNG HAI:  
THỦY

(tiếp theo)

## GẶP GỠ TRÊN SƠN ĐẠO

Con đường đá dốc gồ ghề dẫn lên chùa Phổ Quang ngồng ngoèo tựa rần lượn. Hai bên đường lát đá vài căn nhà xiêu vẹo, vách ván nhô ra thụt vào như hàm răng khểnh. Trước thềm, cỏ dại mọc đầy, rêu phong loang lổ cả trên mái. Dưới ánh nắng gay gắt ban trưa, mùi cá phơi bốc lên nồng nặc.

Từ trong một căn nhà ven phố, tiếng la hét tục tằn vang lên, tiếp theo là bát đĩa ném ra cửa rơi vỡ loảng xoảng. Một gã đàn ông trạc trung niên từ trong nhà vùng chạy ra, mặt nhăn nhó, đuổi theo sau là mụ vợ tay cầm chổi, tóc chưa kịp búi, áo xốc xếch đôi vú mướp lộ ra thốn thẹn như vú bò.

- Mày chạy đâu, thằng già khốn nạn kia? Đi rước chè bỏ vợ con đói khát giờ còn vác mặt về hả... hả?

Trong nhà có tiếng trẻ con khóc. Vài người hàng xóm thò mặt ra cửa nhìn nhau bàn tán chỉ trỏ.

Thạch Điền Đạt Lang mỉm cười. Hắn đã quen với cảnh đó từ khi đến tạm trú ở vùng này chừng hơn một tháng. Đứng trước một cửa hàng xập xệ bán đồ gốm, hắn tò mò nhìn hai người thợ đang chăm chú làm việc cạnh chiếc bàn xoay, mặt ngầy ra, say mê như đứa trẻ. Những người thợ không để ý gì đến hắn, vẫn mãi miết chân đạp tay nặn, cả người như hoà đồng với khối đất sét đặt trên bàn.

Thạch Đạt Lang thích làm đồ gốm lắm. Ngay từ khi còn nhỏ, hắn đã say mê mọi thứ công việc bằng tay chân, nhất là những việc cần đến sự khéo léo và mỹ thuật. Hắn mong ước làm được một chén trà bằng đất nung, và bây giờ, đúng lúc này, hắn thấy người thợ già đang chăm chú làm một chiếc chén như thế. Nhìn người thợ gọn gàng phối hợp những động tác, chân đạp bàn xoay, tay giữ chén đưa đẩy cho thành hình, hắn ngạc nhiên không ngờ muốn làm một đồ vật giản dị như thế mà cũng cần đến một kỹ thuật tinh vi nhường ấy!

Tự nhiên hắn thấy tôn trọng những con người nghèo khó trước mặt đã đem hết khả năng, nghệ thuật và cả tấm lòng vào những việc làm tầm thường hàng ngày. Thạch Đạt Lang kính cẩn đứng nhìn. Trên chiếc kệ ghép bằng gỗ xấu treo ở góc phòng, chén, bát, ấm trà mới nung xếp

thành hàng; dưới đất ngổn ngang đất sét, thùng nước và những vật dụng linh tinh khác.

Cửa hàng tồi tàn, hai người thợ quần áo nhem nhếch nhưng làm việc với vẻ mặt đầy vui thích. Những ấm chén họ làm ra bán chẳng được bao nhiêu, nhiều lắm một vài đồng, cho khách thập phương qua lại lên chùa lễ Phật. Thạch Đạt Lang không biết với số tiền khiêm nhường thu được họ có đủ ăn không; đời sống càng ngày càng đắt đỏ, không dễ dàng như trước. Trước nỗi cực nhọc và lòng kiên nhẫn của hai người thợ, Thạch Đạt Lang cảm thấy con đường hắn đi còn dài và gian khổ; sự cần cù của họ là tấm gương để hắn noi theo, cho hắn sức mạnh để không nhụt chí.

Suy nghĩ miên man, hắn nhớ đến những ngày ở thạch thất, vụ thách đấu với Hoa Sơn, rồi mới đây những lần đến thăm viếng các môn phái tại Kyoto, đâu đâu hắn cũng toàn thắng, không một trường phái nào dạy cho hắn được một bài học đáng nhớ. Thạch Đạt Lang băn khoăn không biết vì sở học của mình cao hay vì kiếm pháp của những người kia còn thấp kém không đáng tay đối thủ. Hay hắn quá khắt khe với mình? Có lẽ nào! Kyoto là nơi tập trung nhiều danh gia, sao lại tồi tệ đến thế? Thạch Đạt Lang thất vọng. Nếu tất cả chỉ tầm thường như vậy thì nền võ nghệ xứ này chẳng hóa ra đáng buồn lắm sao? Thạch Đạt Lang hít mạnh một hơi, khoan khoái và kiêu hãnh. Nhưng đột nhiên hắn nghĩ đến lời nói của người xưa trong sách hắn đã đọc và rùng mình kinh hãi: "Không gì giết chết tài năng nhanh chóng bằng lòng kiêu ngạo!" Hắn quay nhìn lần chót người thợ già đang chăm chú vào công việc, tay chân nhem nhuốc những bùn đất, trong thâm tâm thầm ngưỡng phục, rồi lặng lẽ bước đi theo con đường đá lên chùa.

Được một quãng, bỗng có tiếng gọi từ dưới chân núi:

- Này ông! Ông mang kiếm!

Thạch Đạt Lang quay lại:

- Người gọi ta hả?

Nhìn người gọi mình tay cầm cây đòn dài, mặc áo chèn đệm bông ở hai vai, chân trần đi dép cỏ đã vệt góc, Thạch Đạt Lang đoán chừng anh ta là một xa phu hoặc phu khiêng cang. Anh ta đáp bằng một giọng lễ phép ít thấy ở giới thấp kém như vậy trong xã hội:

- Vâng. Ông có phải là Thạch Điền Đạt Lang xã Miyamoto không?

- Phải.

- Cảm ơn ông.

Nói xong bước thẳng về phía cuối phố. Thạch Đạt Lang nhìn theo thấy người phu cang đi vào một tiệm trà. Sực nhớ sáng nay khi qua phố, hắn có thấy một đám xa phu ăn mặc như vậy đứng ngồi lơ nhố trong tiệm. Không hiểu chuyện gì nhưng thấy người gọi, hắn cũng đứng đợi; chừng tàn nén hương, không ai chạy ra hắn mới bỏ đi, thông thả leo lên núi.

Dọc đường, Thạch Đạt Lang dừng lại nhiều lần trước những ngôi đền nhỏ rải rác, mỗi lần đứng lại hắn lại khấu đầu làm lễ cầu xin thần Phật phù hộ cho chị hắn. Có nơi hắn còn xin thần linh giúp cho đủ nghị lực và khôn ngoan để trở nên một kiếm sĩ xứng đáng như lòng hắn mong ước. "Nếu chẳng được như nguyện, xin đừng để tiểu nhân hưởng lộc trời", hắn lầm rầm khấn khứa, lòng thành rung động cả tâm can.

Đến gần đỉnh núi, Thạch Đạt Lang tìm một phiến đá nhẵn nhụi ngồi nghỉ, chiếc nón lá để bên. Nhìn giải thung



lững chạy dài dưới chân, phong cảnh đẹp tuyệt vời như trong tranh vẽ, hần cảm thấy hân diện vô cùng vì còn được sống và thưởng ngoạn. Niềm biết ơn dâng lên dào dạt trong lòng, ơn Trời Phật, ơn các đấng sinh thành, ơn Đại Quán thiên sư đã chỉ cho hần con đường mà ngày nay hần đang theo đuổi.

Thạch Đạt Lang nghĩ đến một truyện cổ tích về thế kỷ thứ mười, có hai anh chàng tên Mã Tử Kiên và Sùng Mạch, cả hai đều tham vọng ngút trời, cùng nhau hợp tác, hẹn nhau nếu bá chủ được võ lâm sẽ chia sơn hà làm hai hùng cứ mỗi người một phương. Chuyện thật khó khăn như trong huyền thoại, nhưng xét cho cùng giấc mơ của hai người ấy so với ước vọng của hần bây giờ không khác nhau là mấy. Lại như tướng Y Đằng và Hoà Giả Nghị với những trận chiến ghê hồn trong thập niên vừa qua cùng với mưu đồ thống nhất nước Nhật của họ chẳng phải là những toan tính, mưu lược và kiên trì đáng cho hần phải ngưỡng phục sao?

“Ta sinh chẳng gặp thời. Bây giờ không phải lúc dùng đao kiếm để mưu cầu sự nghiệp, nhưng chẳng hề gì, ước vọng của ta khác”. Hần tự nhủ thầm và đưa tay vuốt ve thanh kiếm đeo bên sườn. Trong giây phút, trực giác hần loé lên như một tia sáng giữa đêm sâu giúp hần nhận chân được đâu là tinh hoa của kiếm đạo và càng làm hần vững ý chí.

Mãi suy nghĩ, Thạch Đạt Lang không để ý đến tên phu cáng lại đã xuất hiện trên sườn núi, miệng kêu tay chỉ:

- Kia kia, Thạch Điền Đạt Lang kia kia!

Theo sau là một toán xa phu vừa vạch lau vừa trèo lên phía hần. Thạch Đạt Lang đứng dậy định tránh mặt, đến gần tấm bảng gỗ vờ đọc những lời cáo yết trên đó, nhưng vẫn ngăm ngăm đưa mắt quan sát. Hần thấy lại có một toán xa phu nữa cầm gậy gộc xuất hiện chặn lối đi và tìm cách bao vây hần vào giữa. Thạch Đạt Lang định hét một tiếng xung trận thật lớn để làm cho đám xa phu sợ mà bỏ chạy, nhưng nghĩ kỹ, hần thấy không cần. Hần chưa hiểu ắt giáp ra sao và cũng tò mò muốn biết bọn họ vì lý do gì lại tìm cách gây hấn với hần.

Hần không muốn sát hại đám người nghèo khổ ấy. Chắc có sự hiểu lầm, nếu mọi chuyện được sáng tỏ, họ sẽ bỏ đi; hần nghĩ thế nên yên tâm đứng đợi.

Thấy ồn ào ở cổng ngoài, một số tăng ni chạy ra sân chùa thập thò sau hàng rào gỗ. Khách vãng lai hiếu kỳ cũng dừng lại mỗi lúc một đông, lẫn lộn trong đám xa phu, hoặc đứng ngồi rải rác chờ động tĩnh.

Từ xa xa, tiếng chân người đã thấy rậm rịch bước tới, dường như mang một vật gì nặng, dường ý ạch lên núi. Đến gần, té ra là bốn xa phu khiêng chiếc cáng nghèo nàn, kiểu hai người ngồi, đã cũ, sơn bên ngoài loang lổ nhiều chỗ. Họ đặt cáng xuống một khoảng đất trống cạnh chùa. Một bà lão mặc áo chần nâu đã bạc màu vì sương nắng cùng với một ông già trang phục theo lối kiếm sĩ thôn quê vén rèm bước ra. Cả hai trạc độ sáu mươi, sáu lăm, tuy đã trọng tuổi nhưng còn quắc thước mặc dầu có vẻ mỗi một. Bà lão nheo mắt, lấy tay che cho khỏi chói quay nhìn về phía Thạch Đạt Lang rồi nói với ông già:

- Lần này thì đừng để nó thoát, nghe không cậu Ngô!

Thì ra đây là hai chị em Hồ Điếu. Cậu Ngô gật đầu:

- Chị đừng lo, để mặc tôi:

Rồi quay sang hỏi người phu cáng kế bên:

- Đâu? Nó đâu?

Họ chỉ Thạch Đạt Lang đứng trước tấm bảng gỗ ở đằng

xa đương mãi mê đọc cáo thị như không để ý gì đến mọi việc xung quanh. Cậu Ngô nhổ nước bọt vào tay, nắm đốc kiếm hùng dũng rẽ đám đông đi thẳng đến phía Thạch Đạt Lang đứng. Theo sau, bà Hồ Điếu khấp khểnh bước, chân hầy còn tê dại vì ngồi quá lâu trong cáng. Có tiếng ai gọi với:

- Cẩn thận đấy, lão trượng! Nó khoẻ lắm đó!

Vài người khác hòa theo dặn dò:

- Bà cứ thông thả. Chuẩn bị kỹ là hơn, đừng vội!

Mọi người giương mắt nhìn, theo dõi cuộc tranh hùng sắp tới mà họ cho là sẽ hào hứng lắm. Họ cười nói ồn ào như sắp được xem một màn kịch ít khi xảy ra tại một nơi hẻo lánh như vậy.

- Bà già liều quá! Tuổi bà đáng lẽ phải ở nhà vui với con cháu mới phải!

- Ờ ờ... Nhưng cũng đáng phục lắm chứ! Danh dự gia đình là trọng...

- Nghe đâu con dâu bà bỏ đi theo thằng đó đấy!

Một người cầm gáo nước chạy theo:

- Lão trượng! Lão trượng! Uống chút nước đã!

Bà già dừng lại cầm gáo nước uống một hơi, lấy tay chùi mép rồi đưa cho em:

- Này cậu, giải khát đi. Hình như nó có học võ chút đỉnh nhưng theo ta, nó vẫn chỉ là thằng con nít, không bằng cậu đâu!

Qua cổng chùa, bà Hồ Điếu nhìn vào. Thói quen kính ngưỡng Thần Phật làm bà khựng lại rồi không biết nghĩ sao, bà quì xuống ngay trên bậc đá trước cổng, mở bọc lấy tràng hạt ra nhắm mắt lâm râm khấn khứa. Cậu Ngô cũng dừng lại phía sau chấp tay yên lặng.

Sự việc xảy ra vừa bất ngờ vừa mang vẻ khôi hài làm mọi người bối ngỡ. Có người che miệng khúc khích, nhưng cũng có người tán thưởng:

- Phải lắm. Có gì mà đáng cười! Trước khi đối đầu với một tên hung dữ như thế, xin thần Phật phù hộ cho là phải chứ! Lão bà đi khắp nơi không gặp kẻ thù, nay thấy nó ở đây, tất do cơ duyên hần hữu, cảm ơn Trời Phật là đúng lắm!

Tiếng khen chê nổi lên, mỗi người một phách, nhưng tựu trung ai cũng cho bà già can đảm.





- Nếu bà không bắt được nó giải về làng, ta phải giúp! Một người nói.

- Ơ! Không có lý gì mà những trai tráng như chúng mình lại không can thiệp!

Khách bàng quan khi biết rõ lý do gì đã khiến hai chị em bà Hồ Diệu phải ra tay như thế đều tỏ lòng kính phục. Họ còn khuyến khích đám xa phu tiếp sức nữa.

Thạch Đạt Lang vẫn lặng yên, bất động. Hắn đứng dựa lưng vào một tảng đá lớn suy nghĩ nhưng vẫn chưa tìm ra được cách phản ứng thế nào cho phải.

Đại Quán đã một lần cảnh cáo hắn trên đường hành hiệp thế nào cũng có lúc gặp hai chị em Hồ Diệu, nhưng không ngờ câu chuyện lại xoay ra thế này. Chưa bao giờ hắn có ý tưởng là hắn đã làm tan nát gia đình nhà họ Hồ. Hắn luôn luôn coi Oa Tử là vị hôn thê của bạn, có thân chẳng cũng chỉ như người em gái nhỏ đã một lần cứu hắn, hắn biết ơn, thế thôi! Bây giờ chẳng biết làm sao, dù phải tự vệ, hắn cũng không thể nào rút gươm chống lại hai người già kia, nhất là là thân mẫu của bạn và hắn biết chắc võ công không thể nào là đối thủ của hắn được.

Thạch Đạt Lang đứng nhìn đám đông bao vây trước mặt, bối rối không tìm ra cách giải quyết thỏa đáng. Mọi người đều về phe Hồ Diệu, coi hắn như một tên sát nhân đáng ghê sợ và xấu xa, hắn không có cách gì biện minh được. Phải chi Mãn Hà Chí có mặt ở đây, phải rồi, chỉ có nó may ra mới hy vọng giải tỏa được sự hiểu lầm này!

Lão bà Hồ Diệu lần xong chuỗi hạt, đã đứng dậy, giọng run run nhưng đáng điệu quyết liệt, nói với đám xa phu:

- Ta vừa khấn Trời Phật phù hộ cho ta và cậu Ngô bất tên nghịch tử này. Giờ ta cảm ơn tất cả anh em. Ta không cần ai giúp mà anh em cũng đừng nhiều lời. Nếu chẳng may ta và cậu Ngô có mệnh hệ nào, xin anh em cứ đưa thi thể chúng ta về Miyamoto, sẽ có người trọng thưởng.

Dứt lời, bà rút thanh đoản kiếm gia bảo do tổ phụ để lại mà bà đã cẩn thận giắt theo trước khi lên đường, hướng về phía Thạch Đạt Lang nói lớn:

- Thạch Kinh Tử! Mày là Thạch Kinh Tử ở Miyamoto phải không? Nghe nói mày mới đổi tên gì hay lắm, nhưng ta không cần biết. Đối với ta, mày vẫn là thằng Thạch Kinh Tử dẫn con ta đi mất tích và còn dụ dỗ dâm ta nữa! Bốn năm nay, giờ mới gặp! Ta với mày một còn một mất. Hãy rút kiếm ra, thằng kia! Ta đợi!

Cơn giận làm mặt bà đỏ gay, tiếng nói lạc đi, giọng cao the thé như xoáy vào tai, những nếp nhăn dưới cằm rung động, cổ bà bạnh ra tựa cổ rắn. Hiển nhiên bà muốn trút hết niềm căm phẫn dồn nén từ lâu lên đầu địch thủ trước khi giết hắn để trả hận.

Thạch Đạt Lang không nói gì. Hắn chẳng muốn phân trần, chỉ đứng yên như tượng nhìn hai người. Cậu Ngô điềm tĩnh hơn. Tay cầm kiếm, cậu nói với bà chị:

- Để tôi...

- Không được! Giọng bà Hồ Diệu dứt khoát. Thần Phật đã phù hộ ta, tiền nhân đã ứng vào lưới gươm này, ta phải đích thân lấy đầu thằng nghịch tử. Mày không rút kiếm ta cũng không cần, trông đây!

Bà vừa nói vừa giờ đoản kiếm chạy đến trước mặt Thạch Đạt Lang. Nhưng rồi thay vì quá vội, bà vấp ngã - sóng xoài chỉ trước mặt hắn có vài bước, thanh kiếm văng sang bên cạnh. Mọi người kinh hãi, kêu lên một tiếng:

- Chết rồi! Nó giết bà lão mất!

Cậu Ngô sợ quá, đứng lặng như trời trồng. Một số xa phu vừa định ủa tới thì may sao bà lão đã lồm cồm bò dậy,

## em bé quàng khăn đỏ

từ bên này đại-dương  
vào mùa trăng thu đó  
tôi viết bài ca buồn  
gửi bầy em bé nhỏ  
chốn quê nhà hiu-quạnh  
em bé quàng khăn đỏ  
đi vào rừng năm xưa  
ngày ngày nhá bo-bo  
"đêm mơ thấy bác Hồ"  
bác ôm em, hôn-hít  
và cho em ăn no...

từ bên này đại-dương  
tôi hát bài ca buồn  
gửi bầy em bé nhỏ  
em bé quàng khăn đỏ  
khăn máu quây quanh  
cổ cò  
trong hàm răng lang sói  
tập dượt-tổ cha anh  
nuôi cãm-thù Mỹ Ngụy  
dù Mỹ đã rút xa  
Ngụy chôn thây từng bầy  
trên cánh đồng Tây-bá

cứ thế em tôi lớn  
cứ thế em tôi lớn  
trong nanh-vuốt tanh-hôi  
em bé quàng khăn đỏ  
khăn máu quây quanh những  
cổ cò

nhớ xưa em còn bé  
sữa mẹ ngọt lòng nôi  
tình cha nuôi em lớn  
Đảng xoa đầu mang đi  
trông khăn quàng vào cổ  
thành cháu ngoan bác Hồ  
mầm non của chế-độ  
giờ đây em tôi lớn  
chắc tay búa tay liềm  
súng đạn khoác đầy vai  
còn sợ gì khói lửa  
còn e gì máu tuôn  
nước mắt làng thôn nhỏ  
khó thấm ướt tim khô  
trước mặt em là Bác  
sau lưng em là Đảng  
em bé quàng khăn đỏ  
cháu ngoan của sói Hồ!

cung vũ

nhật thanh kiếm chạy vội về phía em. Bà hơi ngượng, nhưng lấy giọng giận dữ khoả lấp:

- Cậu chẳng được cái tích sự gì! Rút gươm ra cầm chơi đấy à, sao không chạy lại đâm cho nó một nhát?

Thạch Đạt Lang bên ngoài mặt lạnh như tiền, nhưng trong lòng không khỏi xúc động. Hắn thương bà lão và ông già, nạn nhân của bao nhiêu ràng buộc, của những quan niệm hẹp hòi và lễ nghi phiền phức. Hắn tiếc chẳng đủ thì giờ cùng uy tín đánh tan những ngộ nhận giữa hắn và gia đình Hồ Diệu. Một ngày kia, biết đâu một ngày kia, cơ may nào đó cho hắn được dịp biện bạch; thù hận sẽ qua đi, chỉ còn lại tình người nồng ấm như thuở nào lúc còn thơ ấu, hắn vẫn sang chơi nhà Mãn Hà Chí, ăn cơm và làm giúp mẹ bạn những công việc lật vật trong nhà.

Thạch Đạt Lang lắc đầu tự nhủ:

- Không được! Ta không thể làm thế được!

Hắn hét lên một tiếng to như sấm động, mọi người giật mình, vòng vây vô tình dãn ra đôi chút. Hắn đi thẳng tới trước. Bà Hồ Diệu lắp bắp:

- Thạch Kinh Tử! Mày đi đâu vậy?

- Nó trốn đấy! Nó trốn đấy!

Bà Hồ Diệu hoảng hốt:

- Rút kiếm ra, Thạch Kinh Tử! Ta đợi đã bốn năm...

Nhưng Thạch Đạt Lang lắc đầu. Trong dáng đi và trên vẻ mặt hắn có một cái gì kiêu hùng làm mọi người phải kính nể, e dè không dám ngăn cản. Đến gần nơi ghềnh đá dốc, cổ cao ngấp đầu người, bỗng nhiên hắn nhảy xuống nhanh như tên bắn, một loáng đã mất dạng trong những lùm cây, không còn dấu tích gì nữa.

(còn tiếp)



# Dưới Ống Kính Làng Văn

**TRỌNG KIM**  
tuyển chọn và giới-thiệu

Ảnh kỳ này :

*Cát Hạ Tuyết Đông*

của Trần Thế Lũy, Toronto

Mỗi mùa mang một sắc thái riêng. Mùa xuân có hoa nở, có mầm non trên cây cỏ. Mùa hạ có nắng ấm, có cát vàng bên những làn nước xanh mát, mới mọc. Mùa thu với lá vàng, xào xạc gió thu. Mùa đông với tuyết trắng lạnh. Mùa hạ và mùa đông cách nhau xa lắm. Cỏ cây sống mạnh nhất ở mùa hạ với tàn lá xanh thẫm, quả hoa nặng trĩu, để rồi vào đông những nhánh cây trơ trụi ấy lại là biểu tượng cho một cái

gi đã chết. Có bao giờ bạn vào công viên vào một ngày đông giá, tìm dưới những tấm thảm tuyết vô tình kia những vết tích còn sót lại của một mùa hè đã qua. Một nhúm cỏ xanh, một lon bia, vài quả táo rụng và những chiếc ghế đá quanh quẽ gợi lại sức nóng của một mùa hè náo nhiệt.

Tấm ảnh này ghi nhận sự gặp gỡ của hai mùa tương phản ấy. Chụp bên bờ hồ Ontario vào một buổi sáng mùa đông, trời hiu hiu lạnh khoảng mười độ dưới số không. Gió hồ thổi tới những làn cát vàng của mùa hạ quện lẫn với tuyết trắng của mùa đông tạo thành những vân thể như trên một phiến đá cẩm thạch.



Chụp bằng phim đen trắng Kodak Panatomic x 72 ASA.

## ĐỘC-GIẢ THẮC-MẮC

(tiếp theo trang 62)

chạy ra bảo: "Này anh thợ giày, đừng cao quá chiếc giày!" (Sutor, ne supra crepidam! — Cordonnier, pas plus haut que la chaussure!)

Đấy, câu chuyện nó như thế. Và câu nói của nhà hoạ sĩ này đã đi vào ngôn ngữ tây phương, có ý muốn nhắc khéo người ta đừng nên nói những gì quá tầm hiểu biết của mình. Đại khái cũng như người Việt mình nói: "Không biết thì dựa cột mà nghe" ấy mà! Tuy nhiên cũng xin ghi thêm

là chưa chắc tác giả bài báo viết theo ý và điển tích ấy. Muốn rõ hơn, xin viết thư hỏi thẳng ông ấy thì hơn. (*Một Sách*)

## Gôm

Mặc dù đã hết sức cẩn-thận, *Làng Văn* vẫn không tránh khỏi những sơ-sót về sắp chữ, ấn-loát và các lỗi khác. Theo yêu-cầu của ban biên-tập và tòa-soạn, Bút Chì sẽ đảm-đương thêm một mục mới, đi kèm với *Độc-Giả Thắc-Mắc*, là mục "*Gôm*".

Quý độc-giả khi đọc báo, nhận thấy có lỗi nào trầm-trọng, nhất-định phải "gôm" đi, viết lại, xin vui lòng gửi thư cho Bút Chì. Bạn nào hăng-hái "gôm" nhiều nhất và đúng nhất trong năm, sẽ được tặng một món quà văn-nghệ vào dịp cuối năm. Mời quý bạn xắn áo, ra tay cho !

## RUỘT ĐẤT

*Làng Văn* số 12, trang 40, có một lỗi-lầm nghiêm-trọng. Tựa bài thơ *Ruột Đất* của Nguyễn Đức Bạt Ngàn, đã bị xếp sai thành *Ruộng Đất*. Vậy xin *gôm* gấp, sửa lại, và tạ lỗi cùng tác-giả và bạn đọc.



## Xóm Măng



# Sự Tích Tết Trung-Thu

Cung Vũ & Vi-Vi

TRUYỆN CỔ VIỆT-LAI

1.—Hàng năm, tới ngày rằm tháng tám âm-lịch, trẻ con khắp nước Việt được người lớn cho rước đèn, ăn bánh Trung-thu và múa lân vui thật là vui.

2.—Ngày lễ ấy gọi là Tết Trung-thu—hay Tết Nhi-đồng. Các em có biết do đâu mà có ngày Tết đặc-biệt ấy không? Thực ra, tục vui Tết Trung-thu đã có từ thời Đường Minh Hoàng bên Trung-hoa, vào đầu thế kỷ thứ tám (713-755).

3.—Sách xưa chép rằng, nhân một đêm rằm tháng tám, khi cùng các quan thượng trướng, vua Đường ao-uớc được lên thăm cung trăng một lần cho biết. Pháp-sư Diệu Pháp Thiên (có sách chép là Lã Công Viên) tâu xin làm phép đưa vua lên trăng.

4.—Lên tới cung trăng, Minh Hoàng được chúa tiên tiếp-rước, bày tiệc đãi-đàng, lại cho hàng trăm tiên-nữ xinh-tươi mặc áo lụa mỏng nhiều màu sắc-sỡ, tay cầm tấm lụa trắng tung múa trên sân, vừa múa vừa hát, gọi là khúc Nghê Thường Vũ Y.



trích CHUYỆN CỔ VIỆT-LAI của Cung Vũ và Vi-Vi, Viet Publication (đang in)

5.—Vua Đường thích quá, nhờ có khiếu thính nhạc, nên vừa trầm-trồ khen ngợi, vừa lẩm-nhẩm học thuộc lòng điệu hát, mong đem về trần bày lại cho cung-nữ.

6.—Cuối năm đó, quan Tiết-độ-sứ cai-trị xứ Tây-lương mang về triều tiến dâng một đoàn vũ-nữ với điệu Bà-la-môn khúc. Vua thấy điệu múa có nhiều điểm giống Nghê Thường Vũ Y, liền chỉnh đốn hai khúc hát làm một, gọi là Nghê Thường Vũ Y Khúc.

7.—Về sau các quan cũng bắt chước vua, mang điệu múa hát về các phiên trấn xa xôi nơi cai trị, dần dần phổ biến khắp dân gian. Tục thưởng trăng, xem ca múa sau biến thành thú vui chơi đêm rằm Trung thu.



8.—Tết Trung thu lan rộng sang các nước láng giềng và thuộc quốc của Trung hoa. Sách sử Việt không nói rõ người mình bắt đầu chơi Tết Trung thu từ bao giờ, chỉ biết hàng mấy trăm năm trước, ông bà ta đã theo tục này.

9.—Ngay từ đầu tháng tám âm lịch, chợ búa bắt đầu có màu sắc Trung thu. Lồng đèn, bánh nướng, bánh dẻo đã được bày bán la liệt trong các cửa hiệu rực rỡ ánh đèn, người mua lẫn người đi xem đông chen như hội.

10.—Ngoài các loại đèn giấy, bánh kẹo, còn có các con giống, ông tiến sĩ giấy, đầu sư tử (đầu lân), mặt ông địa bày đầy các chợ. Nhà giàu có còn bày cỗ Trung thu để khoe tài nấu nướng của các cô con gái tới tuổi lấy chồng.



11.—Đúng vào ngày rằm, các thành phố lớn như Hà nội, Huế, Sài gòn đều có múa sư tử, múa rồng (trong Nam gọi là múa lân) rất náo nhiệt.

12.—Thời đó nước ta còn thuộc Pháp, chính quyền bảo hộ không muốn dân chúng tụ tập đông đảo, e sinh biến loạn, về sau ra lệnh cấm người lớn tổ chức rước rồng, múa lân trong dịp Tết Trung thu, chỉ cho phép trẻ em vui chơi.

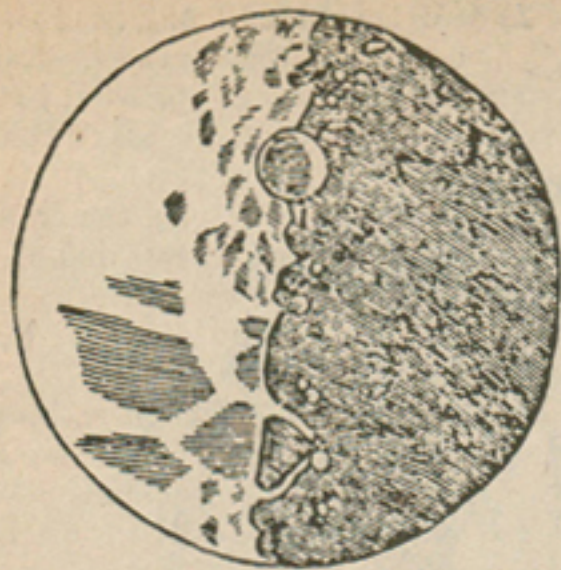
13.—Từ đó, ngày Trung thu tại Việt nam biến thành ngày Tết nhi đồng. Tuy nhiên, người lớn vẫn có thể họp bạn, ca ngâm với nhau.

14.—Ở nhiều nước Tây-phương nơi các em bị-nạn ngày nay, cũng có ngày vui riêng cho trẻ nhỏ, gọi là ngày Hallowe'en. Ngày ấy trẻ nhỏ hóa-trang thành phù-thủy, quái nhân, quái vật, kéo nhau thành từng đoàn đi nhát dọa mọi người để xin kẹo, cũng vui lắm.

15.—Tuy-nhiên ngày Hallowe'en lại có vẻ giống như ngày Vu-lan ở nước ta. Vào ngày Vu-lan, theo quan-niệm xưa, âm-hồn được thả về dương giới vui chơi, nên nhà nào cũng bày cỗ, cúng xong không ăn mà phân-phát hết cho trẻ con và người nghèo.

16.—Sống cuộc đời xa nước xa quê, các em có bao giờ mong được một ngày nào đó, nước nhà thanh-bình, tự-do, chúng ta mang đèn hoa, quà bánh về vui Tết Trung-thu với các bạn trẻ trong nước không? Ngày ấy mong sẽ không còn xa lắm.





# Kể Chuyện “Ông Giăng Ông Giăng”

*Xuân Huy*

Hình bên : bản đồ mặt trăng do Galileo vẽ năm 1609

nguồn gốc mặt trăng:

- Giả thuyết thứ nhất cho rằng trái đất và mặt trăng đều từ một khối tinh vân vĩ đại vỡ ra hàng tỉ năm trước rồi nguội dần cho tới ngày nay.

- Giả thuyết thứ hai cho rằng trái đất và mặt trăng đều từ một đám mây vũ trụ gồm các vẩn thạch và khí xoáy với nhau tạo thành.

- Giả thuyết thứ ba cho rằng mặt trăng là một ngôi sao nhỏ bay trong vũ trụ và khi gần đến trái đất thì bị hấp lực của trái đất hút vào và bay chung quanh trở thành vệ tinh của trái đất.

Tuy vậy cho đến nay chỉ có giả thuyết thứ nhất là đáng tin được về phương diện khoa học.

Còn cái gì đã làm cho mặt trăng bay hoài trên bầu trời ? Đó là hấp lực của trái đất được cân bằng với lực hướng tâm của chính mặt trăng. Vì mặt trăng nhỏ hơn trái đất nên theo định luật của Isaacs Newton, hấp lực trên mặt trăng chỉ bằng 1/6 trên trái đất. Hãy thí dụ một người nặng 150 pounds thì chỉ còn cân nặng 25 pounds trên mặt trăng. Nói đúng hơn, sức nặng

chính xác của một vật biến đổi theo khoảng cách từ bề mặt đến tâm trái đất hay mặt trăng. Do đó khi ta đi bom vô bánh xe, nếu máy bom chỉ 30 pounds chẳng hạn mà muốn cho chính xác có những loại đồng hồ đo ghi là kí lô Pascal tức là:

(pounds x 0.454 x 9.81) N = Pascals  
trong đó 9.81 là hấp lực trung bình trên trái đất.

## QUY ĐẠO CỦA ÔNG GIĂNG

Mặt trăng bay chung quanh trái đất cứ 27.32166 ngày một lần và chúng ta luôn chỉ nhìn thấy vĩnh viễn một bên mặt mà thôi. Nói rõ ra là chúng ta có thể nhìn thấy 59o/o diện tích mặt trăng vì mặt trăng luôn nằm nghiêng ở một góc 6°41'.

Còn khoảng cách đúng nhất giữa hai ngày trăng tròn là 29 ngày, 12 giờ, 44 phút, 2.8 giây. Chu kỳ này gọi là tháng.

Trên mặt trăng, thời tiết rất là khắc nghiệt: ở phía tối, nhiệt độ xuống tới -240° F còn bên sáng lên tới +212° F, do đó các phi hành gia đều phải mặc một bộ quần áo đặc biệt để bảo vệ.

Khoa học thường hay bới lông tìm vết những gì mà thi nhân mơ mộng để hy vọng biến những rung động của con người thành hiện thực, nhưng đồng thời cũng làm tan vỡ những giấc mộng đẹp nhất của tôn giáo cũng như thi ca. Thế kỷ hiện nay khoa học đã mang hai điều đau buồn nhất cho thi ca và cuộc đời khi chiếc nguyệt xa Eagale đáp xuống mặt trăng năm 1969, mang về một ít đá giải đáp cho tham vọng gần hai ngàn năm của nhân loại.

Dù sao, mặt trăng cũng lưu lại trong tuổi nhỏ của mỗi chúng ta những rung động êm đềm. Giờ đây, chúng ta thử tìm lại ông giăng với những gì cho đến nay khoa học đã biết.

Nói trắng ra, mặt trăng chỉ là một hòn đá khổng lồ quay chung quanh trái đất và cách xa chúng ta độ chừng 240 ngàn dặm. Trên đó không có không khí, nước hay đời sống của bất cứ một sinh vật nào dù chỉ là đơn bào nhỏ bé nhất.

Ngày xưa người ta tin rằng mặt trăng như một cây đèn tự nó phát ra ánh sáng. Cho đến khi người Hy Lạp cổ tìm ra rằng ánh sáng của mặt trăng chỉ là do phản chiếu từ mặt trời.

Hình ảnh đầu tiên mà loài người biết được về mặt trăng là do nhà Thiên văn học Galileo với chiếc viễn vọng kính đầu tiên năm 1609, nhìn thấy và vẽ lại như một bờ biển với những khoảng loang mà chúng ta tưởng tượng ra là cây đa và chú cuội.

Cho tới trước ngày Neil Armstrong bước xuống mặt trăng với những vùng đậm (biển) và nhạt khác nhau. Nơi đầu tiên con người bước xuống là vùng biển Yên tĩnh (Mare Tranquillitatis). Cho đến nay có hai lý thuyết về những vùng này: Thứ nhất cho rằng ngày xưa có những vật thể lạ trong không gian rơi xuống mặt trăng và tạo nên những hố như vậy; Giả thuyết thứ hai là do núi lửa phun ra mà tạo thành.

## ÔNG GIĂNG TỪ Đâu MÀ CÓ ?

Cho tới nay có ba lý thuyết để trả lời cho

## ĐÊM TRUNG-THU

nhạc và lời : *Lương Phương*

1- Trăng sáng ngời em hát mừng em múa theo lời ca  
2- Lá lá lá kia bánh quà ta xấp ra đây sẵn  
3- Tung các tung tung các tung nhịp trống vang trời thu

Nhìn trăng sáng đối thông treo ánh mây trời la đà  
Cùng vui ăn mới lừng xướng mỗi năm chung một lần  
Kia ta đối đến hoa tiễn nó bay lên vũ vũ

Tay xách đèn là em vui hát mừng nó múa đối  
Vui hát mình là chung vui kết tình nhĩ đồng chúng  
Bay tới trời là bay lên đến nhà chị Hằng chúng

trăng Chị Hằng Nga ơi hỡi nàng tiên  
ta Đèn thu sáng quá chị Hằng vui  
ta Trời xanh bao la ắp tình ngời

mở vui hiệp cùng thế nhân la lá  
ca trăng đẹp vồn ánh hoa Tung các  
ca nhân loại là tiễn xa. (kết)



# Nguyễn Ngọc Trọng, Lời Tình-Tự Cõi Ngoài

Cung Vũ



Bốn năm trước, 1981, lần đầu-tiên tiếng hát, tiếng đàn Nguyễn Ngọc Trọng đã dậy vang những âm-thanh xao-xuyến, thấm vào lòng người thương-ngoạn nhạc Việt trong cộng-đồng tị-nạn miền viễn tây Gia-nã-đại. Suốt hai dải đất xanh tươi, tuyết

trắng hai bên rặng Rocky Mountains, từ Lethbridge, Calgary, Edmonton, Vancouver, Victoria, Prince Rupert—qua cuốn băng *Ru Em Đời Mất Xứ* làm chung với Trần Chí Phúc—tiếng hát của Trọng đã ngân vang trong từng mái ấm gia-đình Việt tha-hương, làm rung những trái tim thao-thức một nỗi chung xa quê, nhớ ước, rẽ bạn, lia đàn.

Tuy chưa phải là giọng nam dẫn đầu trong làng tân-nhạc Việt-nam, nhưng với âm-sắc trời cho, nhờ kỹ-thuật điều-luyện và tâm-hồn hòa điệu với từng nốt nhạc, lời ca, tiếng hát Nguyễn Ngọc Trọng đã đáng được xếp vào hạng A một cách công-bằng, xứng-đáng.

Ai yêu lối ngân giọng và phát-âm rất “nhạc trẻ” của Elvis Phương, Việt Dzũng, sẽ tìm thấy sự thân-mật, gần-gũi qua tiếng hát Nguyễn Ngọc Trọng. Ai đã thất từng nhịp đập của trái tim đa-cảm với làn hơi thăm-thăm u sầu của Anh Ngọc, Sĩ Phú, hay ngọt-ngào tình-tự của Duy Quang,

Anh Khoa cũng sẽ băng-khuảng, xao-động với làn hơi của Trọng, tiếng hát của Chính-Trị Kinh-Doanh, của môn-đệ linh-mục Tiến Dũng, của một Sài-gòn kỷ-niệm, của quê-hương khuất nẻo, của tuyết trắng quê người.

Ở Nguyễn Ngọc Trọng, còn có tiếng xào-xạc mưa đông, gió mát trưa hè, reo vui nắng sớm và tịch-mịch chiều thu. Nó là lời tình-tự của một dân-tộc còn lưu-lạc cõi ngoài.

Trọng không những chỉ hát, mà còn đàn và soạn nhạc. Không những một loại đàn, mà nhiều loại đàn, từ quý-phái dương-cầm, mộc-mạc thanh-khiết Tây-ban cầm, dung-dị hồn-nhiên khẩu-cầm cho tới những loại keyboard điện-tử ma-quái, phóng-túng của thời-đại. Không những chỉ soạn ca-khúc, Trọng còn viết hòa-âm cho các giọng hát và ban nhạc.

Người thanh-niên tài-hoa ấy đã chăm-chỉ làm việc phục-vụ nghệ-thuật và cộng-đồng, như một con tằm dệt kén nhả tơ, trả nợ gươm đàn xã-hội. Mùa hè 1985, anh rời miền Tây, cùng gia-đình di về thành-phố Toronto bên cạnh ngũ hồ.

Ở đây, Trọng cũng sẽ được chào-đón nồng-nàn như những người con cưng của nghệ-thuật, của một du-sĩ với đàn trên vai, rượu lưng bầu, nhiệt huyết sục-sôi trên con đường nghệ-thuật thênh-thang, lòng hướng về đất mẹ và tinh-thần phục-vụ cộng-đồng cao ngất. Xin chào đón Trọng, tiếng ca của lời tình-tự cõi ngoài... ●

## Biệt-Khúc

nhạc và lời  
Nguyễn  
Ngọc  
Trọng

Nguyễn Vũ

Bebop Am Dm G F

Buồn đến bao giờ nhạc sầu hơn ý thơ Tìm ai trong nước nhớ Nhớ ai giờ

E7 Am Am Dm G

nhớ, đôi đầu lòng thắm thơ Đứng trái tim tôi Cuộc đời bao nỗi trôi Hết rồi tan, thế

F E7 Am Dm G7

Hồi nhớ ai ăn đắng Cớ nhớ ai duyên kiếp đời Biết em còn nhớ tình yêu tôi không Biết em còn nhớ tình yêu ngày

C F E7 Am

ngát Bông này hương phúc phồn hoa xa bay Đôi đầu hương tóc ai buồn hơn ai Biệt khúc cho

Am Dm G F E7 Am

ngôi Niềm không tàn phai ngoài. Tình yêu tôi viết cao nhớ ai, tình yêu nhớ ai, duyên kiếp qua



# Xóm NGOÀI

Hồi này ở Hiu-tân ta, đi ăn... phở ở chỗ nào cũng chỉ nghe thấy tin "sốt dẻo" của cái chính phủ lì. Mỗi ngày một tin, hệ như vụ ra-đi-ô Ca-ti-na ở nhà thuở nào..

Mà đến lạ, dù biết là tin vịt luộc, bà con vẫn có vẻ khoái nghe để xem hôm nay... "đứa nào có tên trong chính phủ". Những anh này, dù bất tài vô tướng, nhiều khi cũng lại ba hoa hoặc cải chánh lấy lệ và cứ làm như mình là bộ trưởng, quốc vụ khanh thật mới là chuyện... điều.

Và, đó cũng là cái tức mình của lão Ân Có. Chẳng là gần đây, hần rất chịu khó lẳng xăng đi theo mấy ông "chánh chỉ" đang tốn công, tốn sức để đi rao bán món hàng liên minh, đoàn kết với các vị lãnh tụ ta có quá khứ li lợm, tham nhũng, bẽ phái bỏ chạy, "đào ngũ trước địch quân".v.v..

Ấy thế mà, trong các chánh phủ lưu vong, lão chính khách Ân Có chưa hề... được chân bộ trưởng nào, trách chi hần ta chẳng bắt măn. Do đó, hần đi đến đâu cũng khai tùm lum chuyện bên trong của quân ta. Nhiều cái, "diều" không nín... được.

Nhà chánh khách Ân Có ực nổi ly bia băm ba, liếm mép xong, phân bì:

- Ông thấy thế có tức không chưa chứ. Ừ, thì thà cho tên ông giáo hờ hay ông nghị sớ vào làm thủ tướng, bộ trưởng ngoại giao rồi nay nâng lên thêm một bậc để ông giáo thần của chùa, không... ăn nó cũng uống. Khanh kiêm bộ trưởng kinh tế, rồi ông bán làm phó tổng thống, ông nghị làm thủ tướng chánh phủ cũng còn được đi vì quý vị ấy từng có chức phận xưa nay. Chứ nay tụi hần lại đưa cả "sêu men" bán xé hộp làm quốc vụ khanh kiêm bộ trưởng kinh tế, rồi ông bán "u-tòm-tem" lên nắm phó thủ tướng.... Còn tôi đây, làm cách mạng (!) mấy chục năm rồi mà tụi nó gạt mình ra ngoài. Ông bảo làm sao chẳng tức cho được.

## Chuyện Diều

Đã Cầu



Đấu Làng  
Cuối Xóm

Làng Văn 88

"đao-tao" ăn nhậu. Rượu vào lời ra, một tên tán thối rằng cứ đà này, chẳng mấy chốc hết chức tước để ban phát cho đàn em gia nhập chính phủ. Có lẽ mấy vị thầy dùi phải thành lập...chánh phủ mở rộng gồm nhiều ghế mới như bộ "in-su-rân", bộ "iu-dờ-ca", bộ "mê-đi-keo"... và dĩ nhiên có cả bộ nhảy đầm nữa.

Điều thật !

Anh chánh trị gia Ân Có đang định đứng lên từ biệt để làm một vòng "đao tao", xem có thêm tin tức mới nào về thành phần chính phủ lưu vong mới hay không, thì lão thầy bói Mù khua gậy, phom phom bước vào.

Lão Mù ngồi xuống, rít xong một hơi thuốc lảo, hăm một lát rồi "phun" khói ra mù mịt như phi thuyền con thoi sắp rời dàn phóng. Lão Ân Có, qua kinh nghiệm biết ngay lão Mù sắp có chuyện gì quan trọng muốn nói, bèn bắt mạch:

- Để đoán quan bác có chuyện cơ mật...

- Thế các ông đã biết thành phần mới nhất, còn trong vòng "bem" của Tổng Li chưa ?

Tưởng chuyện gì, hoá ra lại cái chuyện diều đó nữa. Đã Cầu cười khà khà, còn tên chánh khách Ân Có thì mắt sáng lên, tựa mèo thấy mỡ, như chủ báo thấy... quảng cáo.

- Đây ông nhà quê, không phải là chuyện giỡn đâu nhè. Lần này ông Tổng thống thành lập một chánh phủ đoàn kết quốc gia đủ thành phần các giới và quan trọng nhất gồm toàn các nhân vật đối lập sáng choang.

- Nhờ nhà ông một tí nhá. Ông ăn nói như vậy là ông chẳng hiểu mẹ gì về cái nhà ông Tổng Li cả. Nếu hần ta biết chơi cái trò đoàn kết này thì nước đâu có mất, nhà đâu có tan...

Thấy kẻ nhà quê này phát ngôn nặng nề quá, sợ lão Mù hết hứng tiết lộ chuyện chính phủ lưu vong, anh chánh khách Ân Có bèn cúp ngang:

- Thì ông cứ từ từ, để ông thầy bói Mù nói hết đầu đuôi đã nào...

- Ông làm như tôi không biết tính đồ kỵ của nhà ông Li. Nhưng hần ta rất "ma lanh" và giỏi chụp thời cơ. Chẳng vậy từ anh đại tá kéo quân về góp mặt mà chỉ sau có mấy năm đã loại được tất cả quý ông tướng già, tướng trẻ để lên nắm đầu cả nước, cả quân đội thì ông thấy hần đâu phải đứa ngu. Nay, ở thế chẳng đứng đưng, hần ta phải "đi" với đối lập đấy thôi...

- Tôi lại phải xin lỗi ông Mù. Ông nói như đâm vào tai người ta ý. Ông làm như mấy ông đối lập là bố nuôi hay sao mà lão Li lại phải sợ vậy ?

— Ông đúng là lão nhà quê. Không biết thì ngồi yên để người ta phân tách cho mà

nghe. Chẳng là hôm rồi, nghe phong phanh cụ Gân đã bật đèn xanh, đèn đỏ gì đó ở tận bên trời Đông Nam Á lặn nên quân ta mon men cử người đi tiếp xúc với quý ông Ê Dăn (ASEAN) vì quý vị này hẳn tin sẽ yểm trợ một chánh phủ lưu vong của quân di tản để chống lại bạo quyền rằng đen. Chẳng biết cơ chuyện ra làm sao mà tại thủ đô gần nước hải tặc, khi nghe thấy tên chính phủ lưu vong do Tổng Li cùng bè lũ tham nhũng cũ, đại diện cấp cao của quý bạn Ê-Dăn cho bề buổi hội luôn, không thêm họp chi nữa. Thành ra, nhà ông Li định chơi trò chánh phủ đại đoàn kết, sạch sẽ hầu đi lại bước khác, để chào hàng với quốc tế hơn, dĩ nhiên trong đó có cả... xì thẩu họ Đặng.

Thấy lão Mù nói cứ như ma xó, Đã Cầu bèn thử lão:

- Ông bảo chánh phủ mới nhất của nhà ông Li có cả các ông đối lập, vậy ông cho tôi biết danh sách gồm những ai ?

- Theo chỗ tôi biết thì có nhiều lắm, nhưng vài người chánh như ông tướng Râu kềm sẽ lại làm phó, phía nhà binh thì có các ông tướng Ngô Quang Trưởng, Nguyễn Chánh Thi, Vĩnh Lộc... bên dân sự tôi thấy cả các ông Nguyễn Ngọc Linh, cựu nghị Nguyễn văn Chúc, Phạm Nam Sách, bác sĩ Trần Ngọc Ninh...v.v

- Thế ai làm thủ tướng cái chánh phủ liên hiệp với đối lập này hả ông ?

- Hình như một ông cựu nghị sĩ, còn ông Linh làm bộ trưởng thông tin kiêm phát ngôn viên, ông tướng Trưởng làm tổng chỉ huy các lực lượng kháng chiến, ông tướng Thi hay ông tướng Lộc nắm bộ quốc phòng, bác sĩ Ninh lo y tế.v.v. Riêng cái bộ chiêu hồi, các cố vấn của Tổng Li đề nghị cậu hồi chánh giả Đoàn văn Toại để làm hải lòng Đặng xì thẩu.

- Thế bao giờ chính phủ ta ra mắt ?

Lão thầy bói Mù chặc lưỡi:

- Theo chỗ ông cựu cố vấn Ngờ cho tôi hay thì còn một cái trục trặc nhỏ mà lại là lớn. Chẳng là các ông đối lập đòi Tổng Li và ông đại tướng phải khai rõ số tiền bạc tham nhũng và buôn lậu trước đây, nhất là sau vụ lá thư ngỏ của ông tướng Thi phan phui mọi chuyện bề bối trước đây của ông đại tướng lẫn của ông Li. Các ông ấy lại còn đòi những số tiền này, có thể lên tới nhiều trăm triệu đồn, phải đem ra nộp vào một quỹ đặc biệt. Một phần để cứu trợ đồng bào trong các trại tị nạn còn phần lớn để dùng vào việc kháng chiến phục quốc hầu khỏi phải đi xin xỏ ai... Thành ra câu chuyện vẫn chưa đi tới đâu cả.

Nói mãi, chắc đã hết ngựa miệng. Lão Mù vớ lấy cái diều rít thêm một châu thuốc lảo nữa. Đã Cầu nghĩ thầm, chẳng biết hôm nay có sao gì chiều mạng mà toàn phải nghe những... chuyện diều!



# Nguồn-Gốc Dân-Tộc và Văn-Hóa Việt-Nam

GS Cao Thế Dung

(tiếp theo và hết)

Cùng sống với 50 dân tộc khác nhau, Việt nam không một lần xảy ra chiến tranh chủng tộc và kỳ thị chủng tộc cho nên có thể nói Việt nam cũng là địa bàn kết hợp son sắt giữa các thành phần chủng tộc tuy khác tiếng nói và văn hoá nhưng cho đến nay lại là một đại cộng đồng các dân tộc có chung một tiếng nói là ngôn ngữ Việt nam, có chung một nền văn hoá mang đặc chất tổng thể Việt nam.

Với đặc tính độc đáo của văn hoá Việt và của các dân tộc anh em, Việt nam đã tạo được một sức mạnh phi thường, *sức mạnh Việt nam* có nghĩa như sắt thép nhưng vô cùng trong sáng, dung hợp và hoà đồng. Chính nhờ thế mà dân tộc Việt đã chiến thắng được mọi kẻ thù và chống lại Tàu trên mười thế kỷ đô hộ gần như liên tục. Sự ca ngợi dân tộc Việt nam của học giả Pháp Aourousseau chỉ là nói lên một sự thực ngàn đời (19).

Như trên đã trình bày, từ thời cổ đại, Hán tộc ở lưu vực Hoàng hà còn Việt tộc ở lưu vực sông Dương Tử. Hán tộc chỉ là một tộc lớn trong một cương vực không lớn hơn cương vực của Việt tộc vốn là giòng giống đã sinh ra những tư tưởng gia lũng danh mà nay Trung hoa tự nhận thuộc về Hán. Ngay Nho giáo cũng không hẳn là công trình của Hán tộc cho nên khi nói có một nền Việt nho cũng chỉ là nói lên một sự thực về một nền học thuật tư tưởng đã phát sinh ngay trong cương vực của Việt tộc. Sách *Bách Việt Tiên Hiền Chí* trong bộ *Lĩnh Nam Dị Thư* với 102 nhà đại nho lừng danh như Phạm Lãi, Vương Sung, Chu Mãi Thần, Tạ Di Ngô.v.v... đều thuộc Việt tộc. Trong số bốn người đẹp Trung Hoa gọi là *Tứ Đại Mỹ Nhân* như Tây Thi, Chiêu Thuyền, Dương Quý Phi, Hằng Nga đều là gái nước Việt, chỉ có một Chiêu Thuyền thuộc Hán tộc. Đệ nhất danh y thời Chiến quốc là Biển Thước, thời Tam quốc là Hoa Đà và thời An Dương Vương là Thôi Vỹ đều thuộc Việt tộc. Danh y Thôi Vỹ của Việt tộc đã phát minh ra khoa cứu trị. Ông xuất thân từ trường châm trị, dùng ngải cứu để điều chỉnh huyết điểm, trị bệnh toàn khoa bằng nghề cứu (20).

Ngày nay, các nhà khảo cổ đã chứng tỏ qua các di tích cho chúng ta thấy, đất nước Việt nam đã là nơi cư ngụ của loài người cách đây cả vạn năm từ thời Tiền sử và đồ đá sơ khai. Dựa vào các sọ người đã đào

được ở Hoa Nam từ thời tiền sử, các sọ này thuộc giống Indonesians, Melanesians, Malayo-Polynesians và Negritos là những sắc dân từ các hải đảo phía nam đi lên, họ chính là những người đã sống trên giải đất Việt nam nhiều ngàn năm trước Tây lịch. Vậy nói biên cương của giống Việt, của nước Văn Lang rộng đến Động Đình Hồ cũng không hoàn toàn vô lý nếu chúng ta hiểu rằng vùng rộng lớn đó là nơi sinh sống của các sắc dân về mình (Văn Lang nghĩa đen là về mình), nếu không đồng chủng thì cũng đồng văn hoá với chúng ta (21).

Theo thuyết Aourousseau, nước Việt bị Sở diệt, dân Việt chạy về hướng nam, định cư ở miền Bắc Việt khoảng năm 333 giữa hai đời vua nhà Chu là Hiến Vương (368 trước tây lịch) và Thân Định Vương (320-314 trước tây lịch). Thuyết ấy không thể đứng vững vì theo truyền thuyết, đời Hùng Vương thứ VI, giặc Ân tràn qua xâm lược Văn Lang, đã bị Phù Đổng Thiên Vương đánh tan. Tính theo niên đại thì nhà Thương đời đô qua đất Ân, đổi tên nước là Ân vào năm 1388 trước tây lịch (đời Bàn Canh), tương đương với niên kỷ Hồng Bàng 1492. Như vậy không thể có việc năm 333 nước Việt bị diệt mới di cư về phương nam. Tuy nhiên, ta có thể giả thiết là khi nước Việt bị Sở diệt, dân Việt chạy xuống phương Nam nơi dòng Lạc Việt đã sinh sống lâu đời, giống Việt dòng Câu Tiễn sống nương tựa với giống Lạc Việt anh em cũng tựa như năm 1954, gần một triệu dân Việt miền Bắc chạy họa Cộng sản vào Nam định cư là nơi đồng bào đã hoàn tất cuộc mở nước đến tận Hà Tiên từ năm 1758. Và cũng như nước Âu Lạc thời Thục An Dương Vương chỉ là sự kết hợp của hai giòng Âu Việt và Lạc Việt, nhưng Lạc Việt vẫn là chủ lực. Dù có pha trộn chút ít giòng máu từ các dân hải đảo như Indonesians-Polynesians hay Malaysians hoặc Mông Cổ (Mongalo) nhưng các giòng máu này đều bị Việt hoá hoàn toàn.

## VIỆT NAM: CHIẾC NÔI VĂN HOÁ CỔ CỦA LOÀI NGƯỜI

Có thể nói mà không sợ ngoa ngôn: Việt nam là cái nôi văn hoá cổ của loài người và từ thời tiền sử đã có loài người sinh sống trên đất nước Việt nam hiện nay. Chiếc *đàn đá Việt nam* là một di tích thuộc quá trình cổ đại. Ngày 31.12.1979, bộ đàn

đá được gọi là *đàn đá Bình Đa* được giới thiệu tại Biên Hoà. Bốn mươi năm trước, một bộ đàn đá khác đã được tìm thấy ở vùng cư trú của sắc Thượng Mơ-Nông, đặt tên là bộ đàn đá Nút-Liêng-Crắc (Đắc-lắc) hiện để tại bảo tàng viện Ba lê. Bộ đàn đá thứ hai do một người Pháp tìm được ở làng Bù Đơ (Lâm Đồng), sắc dân Mạ dùng đàn đá trong các buổi liên hoan, cưới xin. Bộ thứ ba hiện đang trong tay một tư nhân Mỹ ở Los Angeles. Người này mua lại của một viên đại úy Mỹ (21). Bộ thứ tư là đàn đá Khánh Sơn tìm được ở một địa điểm thuộc Dốc Gạo (Phú Khánh). Đàn đá Khánh Sơn và Bình Đa là di tích từ thời tiền sử.

Di tích ở núi Đọ (Thanh Hoá) với những công cụ đá đồ thuộc sơ kỳ thời đại đá cũ đã cho thấy bóng dáng cuộc sống của con người trước đây 40-50 vạn năm. Hậu thời kỳ đồ đá cũ được kết thúc qua nền *văn hoá Hoà Bình*, các dụng cụ bằng đá vào thời kỳ này đã khá trau chuốt nên còn gọi là *thời kỳ đá trau*. Ở hang Kỳ (Thái Nguyên), các nhà khảo cổ đã tìm thấy mảnh đá cuội có khắc những hình vuông và hình thang trông tựa như một mái nhà với những thửa vườn. Đây là thời kỳ con người đã biết trồng trọt.

Văn hoá Hoà Bình hay nói một cách khác, văn hoá thời trung thạch cách nay cả trên một vạn năm. Di tích đồ đá của thời kỳ này đã được tìm thấy ở Sơn Vi (Phú Thọ), nơi phát tích của Tổ Hùng. Văn hoá Hoà Bình mở màn cho văn hoá Bắc Sơn hay văn hoá trung thạch tức *thời đại đá mới*, cũng là thời đại của nông nghiệp sơ khai, con người vào thời kỳ này đã bước qua một bước ngoặt vĩ đại, không còn tính bằng triệu năm mà tính bằng ngàn năm. Di tích của thời đại này được tìm thấy ở Đa Bút (Thanh Hoá), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi). Hàng ngàn đồ gốm đủ loại tìm thấy ở Quảng Ngãi, mỗi thứ có một công dụng như nồi, chậu, vại, chum, bát, liễn... Trên đồ gốm Sa Huỳnh có một lớp men bóng màu đỏ, chứng tỏ con người đã đạt tới một kỹ thuật nung với nhiệt độ cao. Di tích đồ gốm tìm được ở Phú Lộc và Hoa Lộc còn tỏ những hình trang trí kỳ hà rất đẹp như hình quả trám, hình răng cưa, hình ô kê chéo... Dụng cụ đồ đá tìm được ở Bầu Trơ và Đa Phúc được mài nhẵn và sắc như chiếc rìu đá đã có thêm tay cầm. Rìu mài lưỡi nhọn tìm được ở hang Con Moong, rừng Cúc Phương chứng tỏ con người đã tiến bộ, biết trồng trọt và nuôi thú vật. Các hình thức tổ chức xã hội cũng bắt đầu thành hình mở màn cho cuộc sống văn minh và sản xuất. Nông nghiệp bắt đầu phát triển. Luá đã được trồng ở cuối thời đại tân thạch. Con người bước qua một kỷ nguyên mới, chấm dứt thời đại



sản bản hái lượm để bước qua thời trồng trọt và chăn nuôi. Văn hoá Phùng Nguyên Đông Sơn xuất hiện, con người nhanh chóng chuyển qua kỷ nguyên của kim khí đồng thau. Nước Văn Lang ra đời vào thời đại này, tượng trưng cho thời đại cực

thịnh của kỹ thuật và mỹ thuật kim khí của người Lạc Việt. Tổ tiên ta đã tìm ra quặng đồng sắt, đã biết cách luyện kim khí lại còn biết pha chế để tạo ra các hợp kim có đủ tính cần dùng cho mỗi thứ dụng cụ. Thời kỳ Đông Sơn Phùng Nguyên vào khoảng

trên 4000 năm trước đây là đỉnh cao tuyệt mỹ, tiến xa hơn cả thời kỳ đồng thau của phương Bắc mà mãi đến cuối đời nhà Ân mới đạt được trình độ khá tinh xảo nhưng lại thiếu mỹ thuật, chưa đạt tới trình độ văn minh cao như Lạc Việt. Hàng ngàn di

## thơ Luân Hoán bước chân ngũ ngôn



### bài gửi hội an

Cho Thái Tú Hạp

Đền hoang dơi cư ngụ  
tượng ngồi mạng nhện giăng  
hồn xưa còn chút nắng  
ngói vỡ rọi bắn khoắn

Chuông chùa ngân khe khẽ  
gọi ai ai không về  
sư ngồi viết lý lịch  
không ngủ mà như mê

Đầu cầu hai khỉ ngó  
người đi qua vô tình  
vai sấu nướng ván mục  
cuộc đời dài điều linh

Ai ghé thăm Khổng miếu  
cùng người yêu sáng nay  
mắt xanh xin đừng ướt  
nền hương đừng run tay

Ai thăm chùa Phúc Kiến  
cùng mẹ già chiều nay  
mắt sầu xin nhìn rõ  
có gì trong khói bay

Ai đi qua chùa Cầu  
quen chân đừng bước lại  
rải giùm hạt tình tôi  
xanh cùng cây cỏ đại

Ai ghé thăm Hội An  
mùa này trời chắc nắng  
nắng đỏ đỏ không gian  
đỏ đời người cay đắng

Hội An ơi Hội An  
càng già càng lắm than  
sông Thu tràn lệ tủi  
của Đại nhớ mang mang

Ừ thôi ta lẩn thân  
thèm một bát câu lầu  
nhớ ly cà phê Đạo  
lang thang tìm nơi đâu

Làng Vãn 90

Đền hoang dơi cư ngụ  
chùa nát bát hương tàn  
Hội An ơi vĩnh biệt  
hồn ta choàng áo tang

### bài gửi tiên phước - quảng nam

Đôi ba cành củi mục  
bây giờ rụng nơi đâu  
đường trưa đời núi cũ  
còn ai ngồi trông trời

Ngõ chiều ai còn đợi  
dù chẳng ai hẹn hò  
mắt xa chân trời gọi  
quanh quẩn buồn băng quơ

Cọc găm vang sườn núi  
củ rúc mỗi đêm dài  
nửa khuya ai chợt thức  
sương lạnh mềm đôi vai

Hỡi ai đang lặn lội  
đời xanh quế xanh chè  
hút dùm hương đủ để  
uống dùm ngậm nước khe

Hỡi ai lên Tiên lân  
chân vướng hồn thác oan  
nhóm dùm tàn lửa nhỏ  
ấm chút đời sĩ quan

Hỡi ai đang vỡ đất  
mồ hôi giọt bên đường  
trồng giúp ta hạt lệ  
nở hoài bông nhớ thương

Chiều nay ta uống rượu  
không say mà dật dờ  
cách xa nửa trái đất  
tưởng gần như cõi thơ

### bài gửi liêm-lạc, hòa-đa

Đàn chào mào vẫn hót  
trên hàng tre sáng nay ?  
con gà xưa vẫn gáy  
gọi em dậy đi cây ?

Ruộng sâu còn thiếu nước ?  
cán cuốc mòn đôi tay  
mười lăm năm bới tóc  
đời con gái mấy ngày ?

Em yêu từng bông lúa  
góp nhặt bằng đắng cay  
mộng đời nào dám nghĩ  
khỏi rơm đùn như mây

Nhớ xưa ta trốn học  
lẩn quẩn từng bụi cây  
bắt tắc kè rần mối  
nhất em, cười thơ ngây

Chiều nào mưa giông tới  
nước ngập bong bóng đầy  
cởi truồng ta chạy tầm  
mắc cỡ gì, ô hay!

Ngày vui như chớp mắt  
lang thang mòn gót giày  
nửa đời già lặn độn  
nợ nào mà trả vay

Nhà ta giờ đã mất  
mộ cha bằng nắm tay  
chủ trương cùng chính sách  
đời còn bao đổi thay!

Ta chừ xa tổ quốc  
đâu dám nhìn mây bay  
?m còn không nước mắt  
khóc dùm ta chiều nay

### bài gửi đà nẵng

Nhà có cây hoa vàng  
trên con đường Hùng Vương  
em một lần ghé đó  
sao đời đời nhớ thương

Người luôn luôn mỉm cười  
nhưng cả đời không vui  
em một lần gặp gỡ  
sao nhớ hoài không nguôi

Thơ mấy bài vu vơ  
có bóng em bao giờ  
sao ai vừa đập phá  
trong lòng ta xác xơ

Kỷ niệm còn bao nhiêu  
Mỹ Khê buồn thiu thiu  
cổ viện Chăm trầm mặc  
giòng sông Hàn hiu hiu

Ồi yêu yêu về đâu  
ôi nhớ nhớ về đâu  
Ngũ Hành Sơn tắt nắng  
nao nao buồn cúi đầu

Nhà có cây hoa vàng  
có người vừa lang thang  
bên chân trời Bắc Mỹ  
bước hững hờ hoang mang...

### bài gửi sài gòn

cho Hoàng Trọng Bản

Ta đi mặt trời mọc  
nắng trải vàng mặt đường  
hàng cây xanh gió thổi  
ươn ướt hơi mù sương

Vẫy tay chào rạp Rex  
tạm biệt chợ Bến Thành  
chào nhà thờ Đức Mẹ  
chào bến Hàng Xanh

Ta qua đường Nguyễn Huệ  
ta lại Hai Bà Trưng  
giữa bùng binh Lê Lợi  
ta tìm ta vô cùng

Phải chăng ta vừa lạc  
theo chân em đến trường  
học hoài điều Đảng dạy  
sao chưa vững lập trường

Phải chăng ta vừa lạc  
theo chân em xếp hàng  
mua vài gói rau muống  
môi cười dạ hoang mang

Phải chăng ta vừa lạc  
giữa xí nghiệp công trường  
vinh quang đời lao động  
sao da buồn bực xương!

Ta tìm ta bằng hữu  
ta tìm ta đồng bào  
hỡi Sài gòn thương mến  
hồn ngọc mà xanh xao

Ta xin chào tất cả  
hỡi biệt thự building  
hỡi găm cầu ống cống  
hỡi nhện nhục, hy sinh

Ta đi mặt trời mọc  
xe chở người đưa người  
có sao đôi tiếng khóc  
nắc trong lời ngậm ngùi...



tích đã đào được nhưng bốn thứ được coi là mỹ thuật nhất là rìu đồng có chạm hình kỷ hà tuyệt hảo, rìu Đồng Sơn lại chạm hình người đang nhảy múa, có chiếc rìu chạm một đôi hươu và các thú vật khác, có chiếc rìu lớn chạm hình bơi thuyền. Các vũ nữ nhảy múa, nai hươu, chó và bơi thuyền là đề tài chính chạm trổ trên rìu và thạp đồng. Thạp là một dụng cụ để đựng các thực phẩm và đồ uống. Thạp Đào Thịnh (Yên Bái), Việt Khê (Kiến An) chạm trổ rất mỹ thuật. Quanh thạp Đào Thịnh chạm một đoàn thuyền với những chiến sĩ đang chuẩn bị giao tranh và một đàn chim bay. Nắp thạp trang trí bằng những vòng đồng tâm có hình kỷ hà, vành nắp khác những con chim mỏ dài đang cất cánh bay cùng những con chim đang đậu. Về điều khác, trình độ đã đạt được rất cao như tượng người công tìm thấy ở Đông Sơn, người thổi khèn ở Việt Khê, tượng gà trống, báo, nai, vịt, chó...v.v. Chủ đề chính là cảnh sinh hoạt của người Lạc Việt như đoàn vũ nữ nhảy múa, tượng người ngồi canh phòng, chiến thuyền, các chiến sĩ ở thế nghênh chiến. Nghệ thuật đã đạt đến điểm tinh vi như những chiếc muôi đồng tìm được ở Việt Khê (Hải Phòng) và làng Vạc. Đặc biệt các đề tài chạm khắc đều có những nét sắc, mạnh nhưng thanh thoát như bộ khoá thất lưng trang trí bốn cặp rùa tìm thấy ở làng Cái, Việt Trì.

Văn hoá đồng thau Đông Sơn đã ảnh hưởng đến khắp miền Đông Nam Á và Hoa Nam. Đây cũng là giai đoạn văn hoá Lạc Việt tiếp thu những tinh hoa của loài người đến từ bên ngoài. Nổi bật nhất và độc đáo hơn cả là *trống đồng* (trống đồng Đông Sơn, Hoàng Hạ và Ngọc Lũ). Ta cũng có thể gọi đây là *thời đại văn minh trống đồng*, nước Văn Lang đã lừng lững xuất hiện. Đây cũng là thời đại văn minh nông nghiệp cấy lúa khi mà dân Hoa nam chưa biết đến lúa. Văn minh nông nghiệp trồng lúa đi liền với văn minh đồng thau, cùng lúc với kỹ thuật dẫn thủy nhập điền, tưới nước và tiêu nước. Đồng lúc với dân số tăng nhanh, diện tích khai thác mở rộng, sông Hồng, sông Mã, sông Cả trở thành đối tượng phải khắc phục. Dân Lạc Việt bước qua một tiến trình đấu tranh tập thể với lũ lụt, hạn hán, bão tố. Trị thủy là một kỹ thuật vượt mức của nền văn minh Văn Lang, đòi hỏi những đức tính hợp đoàn, nhất trí và sáng tạo.

Từ thời kỳ dùng vỏ cây làm áo và khố che thân, con người bước qua thời kỳ biết trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải. Trên búa rìu và thạp chạm khắc hình những con chó theo người đi săn hươu, bắn chim; chứng tỏ con người đã thuần thục được thú vật như chó, trâu bò, lợn dùng làm gia

súc. Khai quật các cổ mộ, người ta tìm được cả hàm lợn chôn theo. Thuở ấy, con người đã tin theo thần linh. Con trâu gắn liền với đời sống văn minh nông nghiệp. Người Lạc Việt đã chế tạo được cày và cuốc, thay đổi nếp sống của thời tân thạch, bước qua một giai đoạn cực thịnh. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy một bộ lạc mang tên bộ lạc Trâu ở đồng bằng Văn Giang (Hải Dương). Xương trâu cổ tìm thấy ở Bình Ca (Tuyên Quang), tượng trâu bò tìm thấy ở Đồng Đậu (Vĩnh Phú), Tiên Hội, Đình Tràng (Đông Anh). Ngành thủ công của người Lạc Việt đã tiến khá cao, chế tạo đủ các nông cụ và đồ gia dụng cùng chế tạo được các vũ khí như rìu chiến, dao găm, giáo mác, áo giáp đồng... Theo các hình chạm khắc trên trống đồng, thạp và rìu thì người Lạc Việt đã có y phục khá mỹ thuật. Đàn ông có khăn khố, đàn bà mặc váy thêu.

Di tích tìm được ở bên bờ sông Mã với những ngôi nhà sàn mái cong như hình thuyền đuôi én, hình nhà sàn kiểu này cũng được trạm khắc trên trống đồng. Căn cứ theo các hình khắc trên khạp và trống đồng, người Lạc Việt đã biết đóng thuyền chuyên chở hàng hoá và thuyền chiến. Có những thuyền lớn có cả vọng lâu ở đằng tay lái. Với sự xuất hiện của thuyền, nền kinh tế trao đổi bắt đầu phát triển.

So sánh niên đại của những di tích văn hoá Đông Sơn Phùng Nguyên, ta có thể kết luận văn minh Lạc Việt là một trong những nền văn minh phát triển sớm nhất và cao nhất của loài người trong vòng thiên kỷ. Văn minh Lạc Việt tiến xa hơn, cao hơn so với văn minh vào thời Nghiêu Đế Thuấn (khoảng 2357-2255 trước tây lịch). Nếu căn cứ theo các di tích của thời kỳ tân thạch với những đồ gốm và đồ đá đều tìm thấy ở Sa Huỳnh, Sơn Vi, văn minh Lạc Việt nếu không tiến trước người Hán, người Thương ở bắc phương thì cũng phát triển cùng với thời Hoàng Đế của Trung Hoa (khoảng năm 2697-2597 trước tây lịch). Đây là những khám phá hết sức quan trọng minh chứng rằng, Lạc Việt đã có một nền văn hoá và văn minh cao rất độc đáo trước khi tiếp thu, chịu ảnh hưởng văn hoá Trung hoa. Về mọi phương diện, kinh tế nông nghiệp, kỹ thuật luyện kim, công nghiệp, mỹ thuật và nếp sống dân Lạc Việt là một cương vực biệt lập hẳn với cương vực văn hoá và văn minh Hán trước cả ngàn năm tính từ khi Tần Thủy Hoàng đem đại binh chinh phục các xứ Bách Việt ở phương Nam. Tóm lại, vào thời kỳ trên, 50 vạn dân Hán do Tần Thủy Hoàng dồn xuống phương Nam đã chiếm đất và âm mưu Hán hóa thì Lạc Việt đã là một quốc gia văn minh, đã

có văn hoá cao và định chế chính trị riêng biệt. Đây là vương quốc của các vua Hùng. Năm Tân Mão (1109 trước tây lịch) đời vua Thành Vương nhà Chu có nước Việt Thường —theo chữ của sử Tàu— ở phía nam xứ Giao Chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống, nhà Chu phải tìm người làm thông ngôn mới hiểu ra tiếng. Ông Chu Công Đán chế ra xe chỉ nam để đưa sứ Việt Thường về nước (23). Chim trĩ là loài chim quý, nếu chim lạc (hay chim hồng) là vật tổ thiêng liêng của Lạc Việt thì chim trĩ (faisan argus) là giống linh diệu. Giống chim này cũng là vật tổ của một bộ lạc xưa tên là M'ling, người Xá ở Bắc Việt gọi là chim Thrăng. Bộ lạc M'ling chính là Mê Linh, quê của Hai Bà Trưng, cháu ngoại vua Hùng. Chim trĩ sinh sản ở vùng Ba Tri, Đà giang, Lô giang và thuộc miền trước kia là huyện Chu Diên, nơi Thi Sách làm Lạc tướng. Trên mặt trống đồng được khắc một đôi chim trĩ trống và mái.

Sử cũng ghi việc sứ giả tặng rùa, trên mu rùa có chạm thứ chữ đầu tự. Chữ ấy chính là chữ đầu tiên của dân Lạc Việt. Chữ Hán phát minh từ đời nhà Thương vẫn còn thô sơ, đơn lược. Vậy vào đời Thành Vương nhà Chu, dân Việt Thường (tức Lạc Việt) đã có văn tự chứng tỏ trình độ văn minh Lạc Việt đã ngang với nhà Chu nếu không muốn nói là hơn vì nhà Chu còn phải học theo kỹ thuật, phương thuật và văn tự của nhà Thương là thời đại cùng với niên kỷ Hùng Vương của ta (1783-1154 trước Tây lịch).

Học giả Olov Janse, hội viên danh dự trường Viễn Đông Bác Cổ, giáo sư học viện Louvre, Ba lê trong một công trình nghiên cứu nhan đề "Việt nam, con đường giao lưu của các dân tộc và các nền văn minh" (24), cho rằng: Việt nam đã có riêng một nền văn minh của chính dân tộc Việt nam. Thật là một sự sai lầm nếu ngộ nhận văn minh Việt nam chỉ là một phần của nền văn minh Trung hoa. Qua những di tích mà các nhà khảo cổ đã khám phá từ đầu thế kỷ 20, nhất là trống đồng Đông Sơn cùng các cổ vật tìm thấy ở Đông Sơn, đã không xuất hiện ở Trung hoa, trái lại những di tích và cổ vật tương tự lại xuất hiện ở Cận Đông và Trung Âu. Văn hoá Đông Sơn bao trùm cả miền Đông Nam Á. Đặc biệt giai đoạn hai của văn minh Âu Lạc kéo dài từ thế kỷ thứ ba trước tây lịch lại ảnh hưởng sâu xa về vật chất lẫn tinh thần của văn hoá Cận Đông và Đông La Hy. Nói một cách khác, văn minh và văn hoá Việt nam có những nét đặc thù và độc đáo riêng, tiếp thu và ảnh hưởng của nhiều nền văn minh khác nhau để hình thành một nền văn hoá và văn minh hoàn toàn Việt nam từ yếu tính đến bản chất. ●



# Tử-Vi của Bạn

GS Thiên Phúc giải-đoán



Canh Tý (1960) Nam: Có khó khăn phải cố gắng mới vượt qua được. Đề phòng hao tài. Nữ: có may mắn về mặt tình cảm và gặp được đối tượng tốt; hoặc gia đình yên vui, thân tâm thanh nhàn. Mậu Tý (1948) Nam: vẫn còn khó khăn chưa hết. Đi xa không có lợi. Tài lộc có khá hơn nhưng sức khoẻ kém. Nữ: Trở ngại nhưng vượt qua được. Cũng có thể gặp được người mình mong đợi để tính chuyện tương lai. Gặp quý nhân giúp đỡ thiêng liêng phù trợ thành công. Bính Tý (1936) Nam: Trung bình. Nhờ có quý nhân giúp sức và thiêng liêng che chở mà qua khỏi những phiền toái bất ngờ. Nữ: Có may mắn bất ngờ nếu biết chớp cơ hội sẽ thành công đặc ý. Giáp Tý (1924) Nam: Một nhọc chịu đựng. Phải thận trọng, đề dặt trong công ăn việc làm để tránh những hao tán bất ngờ. Nữ: Một nhọc tương đối. Đề phòng giấy tờ trực trặc gì đó. Có tin vui trong gia đạo thân quyến.



Tân Sửu (1961) Nam: Suy bại khó khăn. Hãy thận trọng trong mọi công việc làm ăn và đề phòng kẻ tiểu nhân ganh ghét. Nữ: Suy bại tương đối. Mọi mưu tính đều khó thành công vì có tiểu nhân thọc gậy bánh xe hại ngầm. Kỷ Sửu (1949) Nam: Một nhọc chịu đựng. Sức khoẻ kém hoặc gặp phiền toái rủi ro. Nên tri mệnh là hơn. Nữ: Một nhọc tương đối. Mọi việc dù có cố gắng cũng không miễn nguy. Nên thận trọng đề dặt là hơn. Đinh Sửu (1937) Nam: Trung bình. Có quý nhân giúp đỡ nhưng nên đề dặt vì ảnh hưởng của hung tinh. Nữ: Trung bình. Được người chung quanh quý mến và giúp đỡ may có thể thành công. Đề phòng, tránh liên quan đến pháp luật. Ất Sửu (1925) Nam: Phấn đấu thắng thế. Đây là một cơ hội tốt giúp cho thành công. Nữ: thắng thế tương đối. Việc làm ăn gặp nhiều may mắn, thành quả tốt đẹp. Cũng nên đề phòng tiểu nhân phá ngầm.



Nhâm Dần (1962) Nam: Một nhọc tương đối. Mọi việc phải cố gắng mới đem lại kết quả tốt đẹp. Không nên tin bạn bè mà gặp phiền toái. Nữ: Một nhọc chịu đựng. Công việc làm ăn có may, có rủi. Phòng rủi ro, hoặc đau bệnh bất ngờ. Canh Dần (1950) Nam: Thắng thế tương đối. Đề phòng tiểu nhân ganh ghét, chặn bước tiến của mình. Nữ: Phấn đấu thắng thế nhưng nên thận trọng trong mọi sự việc là hơn. Đề phòng hao tán hoặc mất của. Mậu Dần (1938) Nam: Suy bại khó khăn. Có may mắn đến bất ngờ thì sau đó phải đề phòng thất bại. Nữ: Suy bại tương đối. Đề phòng rủi ro bất ngờ và tránh đi đường sông biển. Bính Dần (1926) Nam: Một nhọc tương đối. Có cố gắng sẽ đem lại một vài kết quả đặc ý. Nữ: Một nhọc chịu đựng. Mưu sự khó thành công vì kiếp sát ngọ tuần.



Quý Mão (1963) Nam: Thắng thế tương đối. Đề phòng hao tán hoặc mất mát phiền toái gì đó. Nữ: phấn đấu thắng thế. Đề phòng rủi ro bất ngờ, nếu hao tán thì thôi. Tân Mão (1951) Nam: Hưng vượng tương đối. Gia đạo an vui. Nữ: Hưng vượng. Tiền bạc dễ chịu hơn và gia đạo hạnh phúc. Kỷ Mão (1939) Nam: Suy bại khó khăn. Đề phòng bất trắc, rủi ro về xe cộ đi lại. Không nên đi xa là hơn. Nữ: Suy bại tương đối. Đề phòng hao tán hoặc mất của bất ngờ. Đinh Mão (1927) Nam: Một nhọc chịu đựng. Đề phòng rủi ro phiền toái về xe cộ hoặc hao tài. Nữ: Một nhọc tương đối. Có sự buồn lo làm xuống tinh thần. Hao tài hoặc mất của.



Giáp Thìn (1964) Nam: Một nhọc chịu đựng. Dù gặp khó khăn nhưng có quý nhân giúp đỡ và thiêng liêng phù trợ cũng yên tâm. Nữ: Một nhọc tương đối. Một vài sự việc nhờ may mắn thành công. Nhâm Thìn (1952) Nam: Trung bình. Nhờ phúc đức mà tránh được tiểu nhân hại ngầm. Nữ: Trung bình. Nhưng có mưu sự việc gì lớn thì phải cố gắng mới mong thành công. Canh Thìn (1940) Nam: Phấn đấu thắng thế. Dù gặp nghịch cảnh mà cố gắng sẽ thắng lợi. Thắng thế tương đối. Nhờ sự giúp đỡ của quý nhân mà nên chuyện. gặp nghịch cảnh mà cố gắng sẽ thắng lợi. Nữ: Thắng thế tương đối. Nhờ sự giúp đỡ của quý nhân mà nên chuyện. Mậu Thìn (1928) Nam: Hưng vượng tương đối. Dù gặp trở ngại khó khăn cũng vượt qua được. Nữ: Hưng vượng. Công chuyện làm ăn, sinh hoạt tiến triển đều đặn. Đề phòng kẻ xấu gạ gẫm. Bính Thìn (1916) Nam: Một nhọc chịu đựng. Một tháng khó khăn nên an phận là hơn. Nữ: Một nhọc tương đối. Đề phòng tiểu nhân ganh ghét hại ngầm. Tránh đi sông nước bất lợi.



Ất Tị (1965) Nam: Một nhọc tương đối. Sức khoẻ kém, cần tầm bổ lấy lại sức. Nữ: Một nhọc chịu đựng. Không nên tranh cãi gây phiền toái, bực mình. Quý Tị (1953) Nam: Trung bình. Đề phòng tiểu nhân ganh ghét hãm hại hoặc có sự hao tán nhưng được giải cứu kịp thời. Nữ: Trung bình. Tránh cãi vã mới giữ được hạnh phúc gia đình. Tân Tị (1941) Nam: Một nhọc tương đối. Dù có chút tài lộc nhưng sau đó gặp việc phải tiêu ra ngay. Nữ: Một nhọc chịu đựng. Sức khoẻ kém. Không nên mưu sự việc lớn mà dễ thất bại. Thủ phận là hơn. Kỷ Tị (1929) Nam: Phấn đấu thắng thế. Cần hành động với sự khôn ngoan và nhờ quý nhân giúp sức mới thành công. Đề phòng sổ sách, giấy tờ nhầm lẫn, hoặc có việc đến pháp luật. Đinh Tị (1917) Nam: Suy bại khó khăn. Đề phòng có việc liên quan đến pháp luật nên thận trọng là hơn. Nữ: Suy bại tương đối. Đề phòng trở ngại, khó khăn trong công việc, mưu sự khó thành công.





Bính Ngọ (1966) Nam: Trung bình. Có chút tài lộc nhỏ nhưng lại có công việc phải tiêu ra ngay. Nữ: Trung bình. Tinh thần thoải mái và gặp được đối tượng ý hợp tâm đầu. Giáp Ngọ (1954) Nam: Một nhọc tương đối. Đề phòng tiểu nhân ganh ghét hại ngầm hoặc hao tán mất của. Nữ: Một nhọc chịu đựng. Dù có gặp trở ngại khó khăn cũng đừng bi quan vì được thiên liêng phù trợ tai qua, nạn khỏi thì rất yên tâm. Nhâm Ngọ (1942) Nam: Hưng vượng tương đối. Nhờ tài trí mà thành công đặc ý nên uy tín lại lên cao. Tài lộc khá. Nữ: Hưng vượng. Thắng lợi về mặt tình cảm nhưng gặp trở ngại trong công việc thì gắng vượt qua. Canh Ngọ (1930) Nam: Suy bại khó khăn. Đề phòng hao tán hoặc mất của. Cũng có thể phải đi đâu xa tháng này. Nữ: Suy bại tương đối. Gia đạo an vui, thân tâm thanh nhàn, hoặc có sự hội ngộ thoải mái về tinh thần.



Đinh Mùi (1967) Nam: Trung bình. Đề phòng hao tán hoặc có nhiều chuyện phiền toái bức mình. Nên bình tĩnh, tri mệnh là hơn. Nữ: Trung bình. Đề phòng tiểu nhân ganh ghét, hại ngầm. Có tin vui từ xa đến. Ất Mùi (1955) Nam: Phấn đấu thắng thế. Đề phòng kẻ xấu ganh ghét. Có việc mưu sự nhờ may mắn thành công. Nữ: Thắng thế tương đối. Không nên tranh biện và gây gổ với ai mà mang họa. Quý Mùi (1943) Nam: Hưng vượng tương đối. Tuy vẫn còn khó khăn nhưng do may mắn giúp cho thành công. Nữ: Hưng vượng. Dù vẫn còn khó khăn nhưng nhờ may mắn giải cứu hữu hiệu. Tân Mùi (1931) Nam: Một nhọc chịu đựng. Có khó khăn gặp phải trong công việc nhưng được quý nhân phù trợ mà hy vọng thành công. Nữ: Một nhọc tương đối. Cần đến sự giúp đỡ của quý nhân mới hy vọng thành đạt. Kỷ Mùi (1919) Suy bại khó khăn. Đề phòng tiểu nhân ganh ghét mưu hại. Nữ: Suy bại tương đối. Có nhiều chuyện khó khăn gắng bình tĩnh vượt qua một tháng xấu.



Mậu Thân (1968) Nam: Một nhọc tương đối. Có chuyện buồn, chuyện vui lẫn lộn. Có thể đi đâu xa nhà. Nữ: Một nhọc chịu đựng. Mưu sự khó thành công. Không nên đi đường sông biển. Bính Thân (1956) Nam: Suy bại khó khăn. Thành tựu đó rồi thất bại sau đó. Thủ phạm là khôn ngoan. Nữ: Suy bại tương đối. Gắng phấn đấu sẽ có người giúp sức hy vọng thành công tốt đẹp. Có việc đi xa nhà. Giáp Thân (1944) Nam: Trung bình. Không nên mạo hiểm phiêu lưu về tình cảm mà gặp chuyện phiền toái. Nữ: Trung bình. Đề phòng hao tán hoặc mất của. Nhâm Thân (1933) Nam: Một nhọc tương đối. Có tin vui đem đến bất ngờ. Có thể đi xa nhà. Nữ: Một nhọc chịu đựng. Có chút tài lộc thì sau đó lại có việc phải tiêu ra. Canh Thân (1920) Nam: Phấn đấu thắng thế. Đức năng thắng số giúp thành công bất ngờ. Nữ: Thắng thế tương đối. Mọi sự việc ở mức trung bình là thành công rồi.



Kỷ Dậu (1969) Nam: Suy bại tương đối. Không nên tranh cãi với ai mà có thể mang họa. Thân tâm bất ổn. Nữ: Suy bại khó khăn. Buồn vui lẫn lộn. Sức khỏe kém. Đề phòng rủi ro bất ngờ. Đinh Dậu (1957) Nam: Một nhọc chịu đựng. Đề phòng hao tán hoặc mất của. Nữ: Một nhọc tương đối. Cần bảo vệ sức khỏe. Ất Dậu (1945) Nam: Trung bình. Mọi việc mưu cầu có triển vọng thành công đặc ý. Đề phòng tiểu nhân ganh ghét phá ngầm. Nữ: Trung bình. Có thành công bất ngờ do may mắn đem lại. Quý Dậu (1933) Nam: Phấn đấu thắng thế. Mưu sự thành công là nhờ quý nhân giúp đỡ nữa. Nữ: Thắng thế tương đối. Đề phòng hao tán hoặc mất của. Có tin vui từ xa đến. Tân Dậu (1921) Nam: Hưng vượng tương đối. Nhờ mưu trí mà thành công trong nghị lực vậy. Nữ: Hưng vượng. Mọi việc ở mức trung bình là thắng lợi rồi vậy.



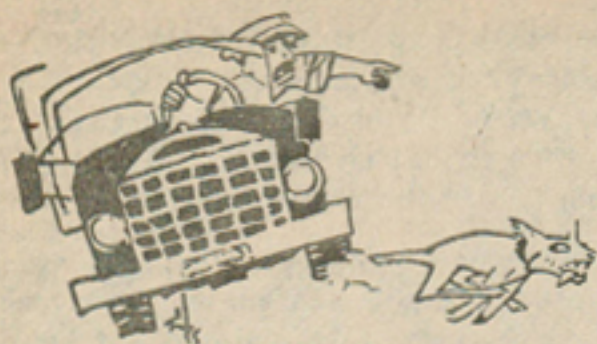
Canh Tuất (1970) Nam: Một nhọc tương đối. Đề phòng rắc rối về giấy tờ tùy thân. Có tin vui mừng. Nữ: Một nhọc chịu đựng. Buồn vui lẫn lộn làm xuống tinh thần. Mậu Tuất (1958) Nam: Thắng thế tương đối. Giăng giữ gìn bảo vệ sức khỏe để tăng nghị lực phấn đấu. Nữ: Phấn đấu thắng thế. Dù có bị kẻ tiểu nhân ám hại nhưng được thiên liêng che chở thì yên tâm. Bính Tuất (1946) Nam: Một nhọc tương đối. Tránh cãi vã tranh luận mà có thể gây phiền toái không ít. Có thể nhận được giấy tờ mong đợi chẳng. Nữ: Một nhọc chịu đựng. Đề phòng kẻ tiểu nhân ganh ghét hại mình. Không nên đi xa mà gặp phiền toái, bất trắc. Giáp Tuất (1934) Nam: Suy bại khó khăn. Đề phòng xe cộ khi có việc đi đâu xa nhà. Nữ: Suy bại tương đối. Có chuyện lo buồn nhưng rồi qua mau. Có tin vui. Nhâm Tuất (1922) Nam: Trung bình. Cần bảo vệ giữ gìn sức khỏe. Nữ: Trung bình. Xa nhà gặp chuyện vui mừng.



Kỷ Hợi (1959) Nam: Phấn đấu thắng thế. Nên cẩn thận trong mọi công việc mới thành công đặc ý. Nữ: thắng thế tương đối. Không nên đi xa mà gặp chuyện phiền toái. Đinh Hợi (1947) Nam: Một nhọc tương đối. Đề phòng hao tán hoặc mất của. Nữ: Một nhọc chịu đựng. Không nên đi xa mà gặp phiền toái. Ất Hợi (1935) Nam: Suy bại tương đối. Đề phòng có sự khó khăn phiền toái về giấy tờ. Nữ: Suy bại khó khăn. Có dịp đi xa nhà thuận lợi. Quý Hợi (1923) Nam: Trung bình. Đề phòng hao tán hoặc mất của. Ở có đức mặc sức mà ăn. Nữ: Trung bình. Không nên đi xa mà gặp phiền toái, bất lợi. Hao tán mà khó thành công khi mưu cầu một sự việc quá sức mình.



## TỪ THÀNH ĐẾN TỈNH



### "RAM-BÔ", NGƯỜI HÙNG BẠC TRIỆU

Làng điện-ảnh Cờ Hoa đang la chí chóc về chuyện cuốn phim Rambo đang tiếp-tức phá hàng loạt kỷ-lục, chính nhà sản-xuất Angard cũng không tưởng-tượng nổi. Số khán-giả bất-chấp mưa gió, nắng nôi, xếp hàng dài thậm-thuột hàng cây-số, chờ đợi cả hai tiếng đồng-hồ để đợi vào xem. Dĩ-nhiên là tiền vô như nước.

Phim kể chuyện một người hùng Mỹ đơn thương độc mã mò sang Việt-nam, xông vào tận hang ổ Việt-Cộng, tả xông hữu đột, đánh cho một mẻ kinh-hồn như Triệu Tử Long phò ấu chúa trong chuyện Tam-quốc bên Tàu. Phim làm khán-giả Mỹ khoái tử, có cảm-tưởng như được anh Rambo "rửa mặt" cho họ về vụ thảm-bại nhục-nhã tại Việt-nam trong quá-khứ.

Nhiều trụ-sương đến hết vang cả rạp, hết phim chạy tủa ra đường, chộp lấy vài anh da vàng, nựng nhẹ mấy đường "giao-hũ". Cho đến nay, tiền vé vào cửa đã thu hơn

100 triệu mỹ-kim. Gần một triệu bích-chương Rambo đã bán sạch (chỉ cần bán 50 ngàn đã gỡ vốn), vượt số bán bích-chương của cô ca-sĩ cỡi trường Madonna gần gấp ba. Ngoài ra, huy-hiệu, nút áo, nhãn dán xe in ảnh Rambo bán ngang ngửa với các sản-phẩm in ảnh anh ca-sĩ điện giật Mái-cò Giấc-sân.

Nhà sản-xuất cười toe, tuyên-bố : "Chúng tôi đào trúng mỏ vàng rồi !" Quả vậy, ông này nói đúng, nhưng quên nói thêm rằng ông đã "xuất-hành" đúng ngày, nghĩa là đã tung ra cuốn phim đúng vào dịp 30 tháng tư, mười năm sau khi những Rambo bằng xương bằng thịt cuối cùng cuốn gói leo lên trực-thăng dzọt ra để thất hạm đội về nước.

### NGÃ TỪ LẦU 9 XUỐNG LỀ ĐƯỜNG

Bé gái Carmela, 3 tuổi, ở thành Naples, Ý-đại-lợi vừa được trang trong các báo thế-giới đăng ảnh và tường-thuật về vụ em thoát chết trong vụ ngã từ lầu 9 xuống lề đường, xong lồm cồm bò dậy đi đứng như thường.

Lúc đó dưới phố có đám rước tôn-vinh Đức Mẹ, bố em chạy xuống đường xem. Em ở lầu 9, cũng chui qua màn cửa sổ, đánh đu ngóng xuống đường xem, và trật tay rơi xuống, đúng lúc hàng xóm và bố em nhìn lên và trông thấy em trong tình-trạng hiểm nghèo. Em rơi từ cửa sổ xuống đất, hai tay giang rộng như một con búp bê. Bố em chỉ kịp hét lên : "Lạy Mẹ Đồng Trinh, xin cứu nó !" và tưởng chừng như sắp hăm nghiền hai mắt lại để khỏi chứng-kiến cái chết thê-thảm của con mình. Cô bé Carmela rơi đúng vào dây phơi quần áo ở lầu ba, bỗng xuống một tấm tôn nhựa ở lầu hai trước khi rơi tiếp xuống lề đường xi-măng. Bố em và mọi người chạy tới, quì xuống cạnh em, thấy đôi mắt em mở to khiếp-đảm, kêu lên "Mama, Papa !" rồi đứng dậy một mình, bước đi tỉnh bơ, không hề khóc lấy một tiếng trong khi bố em nước mắt ràn-rụa.

Cả nhà đưa em ngay vào nhà thương khám tổng-quát. Bệnh-viện Santobono ở Naples cho biết phải mổ để thay tạng của em bị dập nát, và nói thêm, trường-hợp sống-sót của em bé Carmela thật vô tiền khoáng hậu.

Các ông các bà Mít ở trên lầu cao, nhớ coi lại mảnh mảnh lưới ở cửa sổ, và trông chừng con em cẩn-thận nhé.

## 20 LÃNH TỰ BỊ GHÉT NHẤT TRÊN THẾ GIỚI

20 lãnh-tự bị ghét nhất trên thế-giới, dựa trên các tiêu-chuẩn độc-tài, vô trách-nhiệm, bất tài, vô tư-cách và bất bình-thường: Giải "quán quân" thuộc về ông đạo khủng Khomeiny, kẻ là đại-tá điên Khaddafy :

- 1.—Ayatollah Khomeiny, cố-vấn quốc-gia Hồi-giáo Ba-tư.
- 2.—Moammar al-Khaddafy, tổng-thống muôn năm Libya.
- 3.—Moobutu Sese Seko, tổng-thống muôn năm Zaire (Congo cũ).
- 4.—Jean-Claude Duvalier, tổng-thống muôn năm Haiti.
- 5.—Menahem Begin, cựu Thủ tướng Do Thái.
- 7.—Alfredo Stroessner, tổng-thống Chí-lợi.
- 8.—Ferdinand Marcos, tổng-thống muôn năm Phi-luật-tân.
- 9.—Leonid Ilitch Brejnev, chủ-tịch Sô-viét (chết năm 1982).

Điểm đáng chú-ý, là tổng-gân của xứ Cờ Hoa được xếp hạng 12, trên cả Polpot (hạng 13), Kim Nhật Thành (Bắc Hàn), Fidel Castro (hạng 16) !

Dù sao bản danh-sách này chỉ có giá-trị tương-đối. Tờ báo này còn sót một tên lãnh tự khát máu nhất thế giới đang ngự tại Bắc-bộ phủ. (Nguyễn Lê)

### LÔ ĐỘC-ĐẮC TO NHẤT BẮC MỸ

Lô độc-đắc lớn nhất Hoa-kỳ và Gia-nã-đại từ trước tới nay đã được xổ ngày 21.8, "jackpot" lên tới hơn 41 triệu mỹ-kim. Tên giải là New York Loto, xổ tại thành-phố Nữu-ước, Hoa-kỳ, với hơn 20 triệu vé đã được hàng trăm ngàn người thay-phiên nhau xếp hàng chờ mua.

### TORONTO : NGƯỜI GỐC HOA GIA-TĂNG DÂN-SỐ

Theo tin từ *Globe and Mail*, Gia-nã-đại, dân-số các cộng-đồng người da trắng gốc Anglo chẳng những không tăng trong vòng 10 năm qua mà còn giảm-sút. Cộng-đồng người Ý đông nhất, không tăng không giảm, chiếm 80/o tổng-số dân. Người Trung-hoa tăng 70,70/o, chiếm 2,830/o. Người Ấn-Hồi tăng 72,10/o, chiếm 1,240/o dân-số thành-phố. Người Pháp chiếm 1,50/o.

Toronto hiện được xem là thành-phố rộng và đông dân nhất Gia-nã-đại, là thủ-phủ của tỉnh Ontario, nơi có 85 sắc dân thiểu-số, chiếm tới phân nửa tổng-số di-dân toàn-quốc, và phân-nửa của số này đều sống tại Toronto.





# Cười Chê Bỏ



## TIẾNG MẸ ĐỀ

— Tại sao gọi là tiếng mẹ đẻ ?  
— Vì chỉ nghe thấy mẹ nói, bố ít khi có dịp dùng.

## ĐI BẰNG GÌ ?

— Cưng ơi, làm sao em có thể bỏ anh mà đi cho được !  
Chàng lơ-đăng :  
— À, thì taxi, xe buýt, subway gì đó...

## SÂU XA

Trong thư-viện, một cô e-dè hỏi người

quản-thủ :

— Ông có thể giới-thiệu cho tôi một cuốn sách nào có nội-dung sâu xa một tí được không ?

— Dạ vâng. Cuốn *Hai Ngàn dặm Dưới Đáy Biển* nhé.

## LƯỚI

Người chủ trại trở cho khách xem một chú gà rất tốt mã, bảo :

— Còn chú kia lưới lắm cơ. Mỗi sáng nó đọi mấy anh khác gáy rồi nằm trong ổ gật đầu.

chuyển : Mai Liên, số 008

009.—**THIẾU-PHỤ MỚI NGOÀI 30**, không con, trẻ đẹp, đã làm-lỡ một lần và sắp-sửa lỡ-lầm lần nữa. Tìm bạn trai từ 32 đến 38, thông-minh, có kiến-thức, nghề-nghiệp vững-chắc đủ lo cho gia-đình, phải là người biết chiều-chuộng, nâng-niêu vợ, sẵn-sàng hy-sinh tất cả mọi thứ cho vợ, và yêu vợ tuyệt-đối, phải là người đàn ông hào-hoa, bao-dung, rộng-lượng. Ai hợp, xin viết thư cho cô Khanh, nhờ tòa-soạn chuyển, kèm ảnh sẽ tặng lại.

## Nhắn Tin Tị-Nạn

**LÊ VĂN TÂM** (con đại-tá Lê Văn Thiện, Tây-ninh), nay ở đâu, xin tin gấp cho bác Lê Văn Chân, P.O. Box 2351 Station C, Downsview, Ont. Canada M3N 2V8.

Tìm cô **PHẠM NGỌC HẠ**, vượt biên năm 1983, trước dạy trường Trần Bội Cơ. Xin cô thư về : **LÝ HOA ANH**, 58 Mill St., Georgetown, Ont., Canada L7G 3H6.

Tìm anh, **VÕ THÀNH, VÕ THÀNH LỢI**, xưa ở ấp Long-yên, xã Long-thành Nam, huyện Hòa-thành, Tây-ninh, tái định-cư tại vùng Alberta, sau chuyển về Ontario, nay ở đâu, xin thư về **NGÔ QUỐC CUÔNG** (tiệm thuốc Bắc Long-yên), 58 Mill St., Georgetown, Ont., L7G 3H6, điện-thoại (416) 877-3251.

Tìm bạn **LÊ HỮU MẠNH**, nếu còn sống thư về bạn mầy là **BÙI VĂN HIẾU** (trước

ở 38 Hai bà Trưng, Sài-gòn), 12234 Fairbury, Houston, Texas 77089, U.S.A.

Cháu **HUỲNH THỊ PHƯƠNG-NGA** trước ở Trần Quang Khải, tìm chú **PHẠM KHẮC CHUNG**, số tàu PB 944, tới Mã-lai tháng 6/83, rời trại tháng 12/83, đi Úc-châu, học Kiến-trúc. Được tin này xin liên-lạc Bá Dũng, c/o Chiến Hữu, hay Cognin Les Gorges 38470, Vinay, France.

Em **VANG BẢ NGHIÊM**, tìm anh **VUI TRUNG PHÚC** (Thai Nùng) trước ở Lào-kay, nay ở Pháp, nếu được tin này xin thư về V.B.N., Box 2645, Kinderley, Sask., SOL 1S0, Canada.

Em tên **NGUYỄN THỊ THANH-HƯƠNG** sinh ở lam-sơn, Vũng-tàu, đi ngày 9.5.1985, được tàu Charcot vớt ngày 12.5.1985, nay định-cư ở Pháp, tìm chị **NGUYỄN THỊ THANH HIỀN**, chồng **NGUYỄN TUẤN CƯỜNG** qua Pháp năm 1982. Ai biết tin anh Cường, chị Hiền xin liên-lạc Bá Dũng, tòa-soạn Chiến Hữu nhờ chuyển.

Anh **TRẦN MINH THẢO**, tìm em **TRẦN MINH NGHĨA** trước ở đảo Bidong, đi năm 83 theo hồ-sơ con nuôi. Gia-đình Trần Văn Nghiêm, mẹ Phạm Thị Huệ nay ở đâu, ai biết tin xin nhắn dùm. Anh mới được tàu Charcot vớt, vừa sang tới Pháp. Thư về bá Dũng, báo Chiến Hữu nhờ chuyển (vì anh chưa có địa-chỉ chắc-chắn, còn đổi qua nhiều trại tạm-trú).

Tìm bạn **NGUYỄN QUANG HÒA** tự **HÒA NẤU**, trước năm 1975 nguyên luật-sư tập-sự, chuyên-viên pháp-chế Bộ Canh-nông, Phó Tham-vụ Ngân-hàng Phát-triển Nông-nghiệp, Qui-nhơn. Liên-lạc : **PHẠM KHẮC LONG**, 109 Doane St., #58, Ottawa, Ont. Canada K1N 6E8.

Tìm người quen cũ, tên **NGUYỄN THUẬN CHỈ**, năm 1973 ngụ ở đường Lee Highway, Washington DC, Hoa-kỳ (không rõ số nhà). Xin liên-lạc với **TRẦN ĐÌNH THUY**, 10 Teesdale, #1705, Scarborough, Ont. Canada M1L 1K9, điện-thoại (416) 691-5360

Tìm chị là **PHẠM THỊ MỘNG-THUY**, đi ngày 19.2.81 cùng với con trai là Ngô Đình Thụy Vũ, trước ở 12 Elm Grove, Apt. 310, Toronto, nay ở đâu, gia-đình rất mong tin. Liên-lạc : Lê Anh Dũng, 1535 Heatherington, Apt. 158, Ottawa, Ont. K1V 8Z5, điện-thoại : (613) 526-2522, hoặc Nguyễn Bích Phương, 6/30 Phan Xích Long, Phường 3, Quận Phú-nhuận, Sài-gòn. Ai biết chị Thúy ở đâu, xin mách dùm, xin đa-tạ.

## Tìm bạn Sâm Sư

0005.—**THANH-NIÊN NGOÀI BA MUOI**, chưa từng lập gia-đình, nghề-nghiệp vững-chắc, bắt đầu chán cảnh sống độc-thân, muốn tìm một mái ấm gia-đình. Tìm bạn gái từ 20 tới 30, đứng-đắn, thành-thật. Thư cho M., thư đầu nhờ nhà báo chuyển.

0006.—**THANH-NIÊN HỌC-THỨC**, ham thích hoạt-động xã-hội, văn-nghệ, ngâm thơ, ca hát, viết văn, làm báo, sinh-hoạt cộng-đồng. Muốn tìm bạn gái ngoan, hiền, tuổi từ 20 tới 35. Thư về Văn, 1346A Bloor St. West, Toronto, Ont. Canada M6H 1P2 (nhờ chuyển).

0007.—**THANH-NIÊN 40**, hào-hoa, lịch-thiệp, hòa-nhã, yêu văn-nghệ, đàn hay, hát giỏi, viết văn, tìm bạn gái từ 16 đến 20. Thư đầu nhờ tòa-soạn chuyển cho Tam Anh. Không thành thật xin miễn, kèm ảnh sẽ tặng lại, hứa hồi-âm dù thư đến muộn.

0008.—**MUOI MÙA XUÂN XA XỨ ĐÃ** về với tâm-trạng trống vắng cô-đơn, Mai Liên muốn tìm một người anh trai đứng-đắn, hòa-nhã, lịch-thiệp, trình-độ đại-học tại Canada hoặc Hoa-kỳ, chưa từng lập gia-đình và tuổi không quá 30. Ai đủ tiêu-chuẩn xin viết thư về tòa soạn, nhờ



# Thư Đi Tin Lại

Nguyễn Hương phụ-trách



**Ông VƯƠNG ĐỨC LƯU, Maine, HK.**— Ông “máng vón” rằng “đã gửi cho Làng Văn chi-phiếu mua báo hôm 22.7, mà mãi tới nay—mồng 3 tháng 8—vẫn chưa nhận được báo... Ông ơi ! Từ 22.7 tới 3.8 có 12 ngày tròn. “Thư đi” mất 7 ngày, “tin lại” cũng 7 ngày nữa. Ông mua báo gửi bằng đường bộ, phải mất thêm 7 ngày đường nữa, vị chỉ là 14 ngày, như vậy sớm nhất cũng phải 12.8 ông mới nhận được số báo đầu-tiên gửi tới. Dài-dòng như vậy để báo ông biết là chi-phiếu không hề bị thất-lạc. Chi-phiếu thứ hai của ông, N.H. cũng nhận được, và tự-động gia-hạn thêm một năm báo nữa cho ông. Như vậy tới số 35 ông mới hết hạn. Kính.

**Anh BÙI VĨNH PHÚC, Cali.**—Lần này N.H. “lời” anh lên đây chỉ cốt để “khoe” với bạn đọc và bằng hữu bốn phương về những lời ưu ái của anh đối với *Làng Văn*. Anh viết : “Mỗi lần viết thư về, không khen *Làng Văn* thì không chịu được. *Làng Văn* chở được nhiều bài và trình-bày quá đẹp. Những bức tranh của cụ Tân làm tôi nhớ lại những tờ báo cũ ngày xưa, thời 1959, 1960... Sau này, không còn có ai có những nét vẽ dân-tộc mà sắc nét và sống-động như vậy.

Mở tờ *Làng Văn* ra, chưa cần đọc bài, nhìn cách trình-bày và các tranh vẽ thôi là đã thấy thú rồi...”

Anh Phúc ơi ! Nhận được một lời thương-yêu chí tình như vậy mà không khoe thì không chịu được, vậy cứ khoe đại rồi xin phép anh sau nhé. Quí mến.

**Ông TÔ KHÁNH ĐÔNG, Hoa-kỳ.**—Đã gửi bù số báo bị lạc. Mã-số của ông là 1356-18-BR. Khi liên-lạc với tòa-soạn về gửi báo, xin ông ghi lại mã-số này, hoặc bóc nhãn địa-chỉ gửi kèm theo thư để dễ lục hồ-sơ. Đa tạ.

**Em NGUYỄN LƯU XUÂN SƯƠNG, Toronto.**—“Dung-nhan” của chị chẳng có gì đáng “chiêm-ngưỡng”, duy chỉ có “giọng oanh vàng” mỗi khi “thỏ-thẻ” thì anh chủ bếp làng ta cứ tả oán là “rợn da gà” ! Bài thơ được lắm, đang tìm cách sắp-xếp. Xin tiếp-tục gửi.

**Anh LMC, Windsor.**—Rất lấy làm áy-náy biết tin anh ngộ-nạn xe cộ. Đã nhận được chi-phiếu thay-thế, lần này chắc nó không “tưng” lên nữa. Sẽ gửi báo về địa-chỉ mới theo yêu-cầu. Thân.

*Làng Văn* 96

**Ông LÊ NGUYỄN HẠO, Montreal.**— Nguyễn Hương ít khi cầm bút, viết được bài nào, chỉ dám đăng trên “báo nhà”. Bài ký tên N.H. trên *VNTP*, hay các báo Âu-châu, không phải là N.H. của *Làng Văn*.

**Em NGUYỄN THẠCH ĐÀN, Texas.**— Chuyện càng ngày càng khá ra, cổ nữa lên. Đang đọc *Gửi Các Em Nhỏ, Bảy Ngày*. Đã gửi cuốn *Dáng Xưa*, mong em sớm nhận được. Thân mến.

**TRẦN TÂY NGUYỄN, Fall Church.**— Không biết Tây-Nguyên là “cô” hay “anh”, và có phải là đồng-hương của du-sĩ Phan Ni Tấn không, có điều thư của Tây Nguyên ướp loại nước hoa gì hấp-dẫn đến độ mấy ông biên-tập viên cứ giằng lấy mà... ngửi, rồi tranh nhau mang về cất riêng. Thư viết được lắm. Cứ lối đó, viết tùy-bút thì thành-công to. Nếu chưa viết, thử xem. Trông đọc tác-phẩm của Tây Nguyên. Thư sẽ chuyển cho Như Không.

## ĐỘC-GIẢ TÁI HẠN

Nguyễn Tân, Montreal—Điền Hưng, Saskatoon—Lê Tiến Đạt, Cali—BS Đỗ Thúc Diêu, Ohio—BS Nguyễn Đức Trường, Kingston—Phạm Hiệp, Edm.—Thư-viện British, Anh-quốc—ÔB Nguyễn Hữu Chung, Montreal—Cô Đỗ Thị Dư, Scarborough—BS Lương Thị Diệp, Montreal—ÔB Vũ Dư, Toronto—Ông Phạm Khắc Long, Ottawa—Ông Nguyễn Duy Long—Ô. Huỳnh Quang Tuyền, Toronto—Cô Nguyễn Nga, Ottawa—Bà Nguyễn Thị Lý, Cali—ÔB Cung Cảnh Phúc, Toronto—Ô. Lâm Công Quân, Outremont—BS Bùi K.L., Rimouski—BS Lê Hoàng Đạt, Texas—ÔB Nguyễn Ngọc Khiêm, Paris—Lê Hằng, Úc

## DỤNG LÀNG

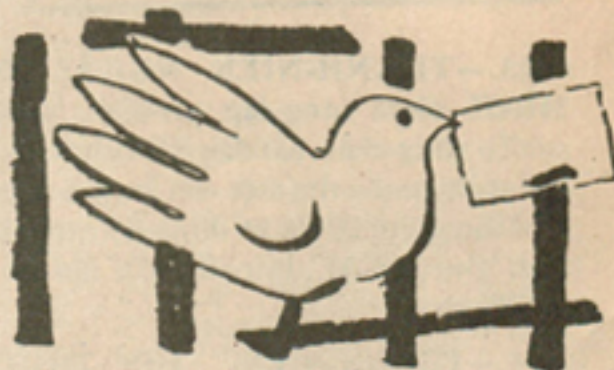
GS Cao Thế Dung, VA—Long Quân, Úc-châu—Ô. Ngô Ngọc Mỹ, Toronto—Ông Nguyễn Trọng Phu, Toronto.

## ĐỘC-GIẢ MỚI

Lê Thân Hoàng Khanh, Úc—Thái K.M., Saskatoon—Ô. Nguyễn Hữu Dziel, Montreal—Hoàng thị Hằng Phương, Hamilton—Nguyễn thị Cẩm-Tú, Úc—ÔB Huỳnh Ngọc Chiêu, VA—Dương Đoan, Thụy-sĩ—Đỗ Hữu Lễ, Winnipeg—Bà Ngọc Kim Marie Therese, Marseille—C.D

Úc-châu—Hồ C.L., Úc—Trương Công Đán, Pháp—Võ Bạch Tuyết, Ottawa mua một năm và tặng Võ Bạch Mai, Montreal một năm báo—Phan Văn Chương tặng Vương Tấn Khanh, WI—Friendwood Glass & Mirror, TX—Nguyễn K. Thắng, Calgary—Phạm thị Ngọc Thúy, Montreal—Nguyễn Hùng Tráng, Vancouver—ÔB Nguyễn Ngọc Bích, VA—Phạm Thị Thu, Pháp—Dương thị Kim Tâm, Pháp—Đặng thị Hiền, Pháp—Lê Minh, London—Dương Quang Minh, Toronto—Trần nam Hưng, Montreal—Vương Đức Lưu, Maine—Bùi Hoàng Anh, Paris—Huỳnh Châu, Montreal tặng Nguyễn Đắc Phong, Pháp—Hứa Đại Nhân, Winnipeg—Trần Huy Văn, New Orleans—Nguyễn thị Được, Montreal—Phạm Bích Thúy, Minnesota—Võ Minh Điền, Anjou—Nguyễn thị Thoa, Ca—Nguyễn thị Tươi, Vancouver—P. Trinh, Don Mills—Tô Khánh Đông, TX—Nguyễn Kim Ngọc, Paris—Lý Tâm, Hoa-kỳ mua tặng Phạm Ngọc Quế, Tây Đức—Lê Đại Trọng, Toronto—Hoàng Văn Cư, Ca—Nguyễn Minh mua tặng Lê Như Hoa, Paris—Phạm Trần Tuyết Diễm, TX—Đoàn Chiêu, Conn.—

## NHẬN ĐƯỢC, GIỚI-THIỆU



### ĐỜI TÙNG MẠNH

Tức *Cõi Mộng Du*, tập 2, truyện dài của Phạm Quốc Bảo, sách dày 200 trang, Người Việt xuất-bản, Cali, 1985, giá 8 mỹ-kim.

Phạm Quốc Bảo bắt đầu có tác phẩm xuất-bản từ 1966. *Đời Tùng Mạnh* là tác-phẩm xuất-bản thứ ba của ông tại hải-ngoại.

Liên-lạc : Người Việt, 14841 Moran St., Westminster, CA 92683, U.S.A.

### BẢO NÓI

Tức *Mùa Biển Động*, tập 2. Tác-giả : Nguyễn Mộng Giác. Tác-phẩm ghi lại cuộc đời thăng-trầm của một thế-hệ thanh-niên từ 1963 tới cuối thập-niên 70.

sách dày 200 trang in đẹp, giá 8 mỹ-kim. Liên-lạc địa-chỉ trên.